

**NHỮNG BÍ ẨN
CỦA CUỘC ĐỜI
TIỀN KIẾP
HẬU KIẾP
NHÂN QUẢ**

Tác giả: Dale Carnegie

Dịch giả: Nguyễn Hữu Kiệt

Chương 1: Một Triển Vọng Đáng Mừng

Một nhà Hiền Triết đã tóm tắt tất cả lịch sử của nhân loại với những lời này: "Con người sinh ra, chịu đau khổ và chết."

Nói về sự đau khổ của thế gian, người ta đã từng nghe nói về một chuyện cổ xưa và đầy ý nghĩa. Đó là truyện tích thái tử Sĩ Đạt Ta, mà về sau người ta được biết dưới danh hiệu đức Phật, tức là bậc Toàn Giác. Phụ Vương của Sĩ Đạt Ta là một vị vua rất giàu sang và có thế lực lớn ở miền Bắc Ấn Độ. Người quyết định truyền ngôi cho Thái Tử, và muốn giữ Thái Tử ở trong cung, không muốn cho Thái Tử nhìn thấy cảnh làm than, đau khổ của người đời. Thái Tử sống từ nhỏ trong cung cấm, và đến lúc trưởng thành, vua cha mới cưới cho Thái Tử một vị Công Chúa nhan sắc đẹp tuyệt trần. Từ nhỏ đến lớn, Thái Tử không hề bước chân ra khỏi bốn vách thành bao bọc chung quanh Hoàng cung một lần nào. Đến lúc Thái Tử sinh hạ được một hoàng nam, người mới thấy nhàm chán cảnh cung điện và tọc mạch muốn biết có những gì ở cõi thế gian bên ngoài. Người mới tìm cách đánh lừa những tên lính gác cửa thành, và lần đầu tiên người mới nhìn thấy cảnh thành phố tấp nập, dân cư đông đảo và cảnh đời thực tế bên ngoài.

Trong chuyến ngao du đó, người nhìn thấy ba cảnh tượng làm cho người chú ý: đó là cảnh tượng một người già, một người bệnh và một xác chết. Thái tử vô cùng xúc động, bèn hỏi tên đánh xe đi theo Ngài, tại sao lại có những cảnh đau khổ như thế? Khi được biết rằng đó là những điều thường vẫn xảy ra hằng ngày và đó là cái số phận chung cho cả mọi người, không ai tránh khỏi, Thái Tử lấy làm buồn bực vô cùng đến nỗi Ngài không còn muốn sống cuộc đời sung sướng xa hoa như trước nữa. Ngài trở về cung, bèn từ giã tất cả mọi gia tài sản nghiệp, gia đình vợ con, và quyết định xuất gai tầm Đạo để cứu vớt nhân loại và chúng sinh khỏi sự lầm than đau khổ. Sau nhiều năm khổ công tu luyện và tham thiền quán tưởng, Ngài bèn thoát nhiên đại ngộ, trở nên một bậc Toàn Thông, đặc Vô thượng Đạo, chánh đẳng chánh giác, tức là đặc Đạo thành Phật vậy. Khi đó Ngài mới đem truyền dạy Đạo màu thoát khổ cho thế gian.

Chúng ta là những người trần gian phàm tục, không mấy ai có thể làm giống như Phật Thích Ca, nhất thời dứt bỏ tất cả giàu sang, quyền thế, danh vọng, tình yêu và hạnh phúc gia đình để theo đuổi một mục đích mơ màng viễn vông như là việc đi tìm Chân Lý, và tìm hiểu bí quyết của cuộc Đời! Tuy nhiên, mỗi người trong

chúng ta đều có kinh nghiệm về sự đau khổ ít nhất một vài lần trong đời mình và đã có lúc phải tự hỏi: Tại sao con người bị đau khổ? Và họ có thể làm gì để thoát khổ?

Những nhà văn có óc không tưởng đã phác họa một thời kỳ trong tương lai mà trong bốn điều khổ của đức Phật nêu ra, thì hai điều sẽ không còn nữa, đó là: Bệnh và lão. Nhưng mặc dầu khoa học hiện đại đã có bao nhiêu những phát minh mới mẻ tân kỳ, người ta vẫn chưa có triển vọng tìm ra phương pháp giải quyết vấn đề mà con người vẫn coi như là một kẻ thù lớn nhất, đó là Sự Chết! Trong khi chờ đợi, và trong khi mà một sự cải tạo thế giới trên một bình diện hợp lý hơn vẫn chưa đem đến cho nhân loại sức khỏe, an ninh, và hạnh phúc, thì chúng ta còn phải đương đầu với muôn ngàn sự bấp bênh, nguy cơ và đau khổ nó hăm dọa nền hạnh phúc và sự bằng an trong tâm hồn chúng ta!

Những tai họa thiên nhiên như hỏa hoạn, ngập lụt, bệnh tật truyền nhiễm, động đất, chiến tranh, đó chỉ là mới kể một vài sự hăm dọa từ bên ngoài. Còn nói về đời sống bên trong, tức là về phần nội tâm thì con người có bao nhiêu những sự yếu đuối, bất toàn, như sự ích kỷ, ganh ghét, tham lam, thù hận, si mê ... Nó là bao nhiêu những nguồn gốc sinh ra sự đau khổ cho

mọi người và cho những kẻ đồng loại ở chung quanh.

Trong những giờ tươi sáng, khi chúng ta cảm thấy trong lòng vui vẻ hân hoan vì tiếng nhạc réo rất dịu dàng, hay khi nhìn thấy cảnh tượng tung bừng rực rỡ của lúc bình minh, chúng ta cảm thấy rằng trong vũ trụ hẳn có sự hòa vui và có ẩn dấu một ý nghĩa sâu xa thâm trầm. Tuy nhiên, khi chúng ta quay trở về cõi đời thực tế với những sự va chạm phũ phàng, những thất vọng não nề cay đắng, chúng ta không khỏi nêu ra những câu hỏi tối hậu: Ý nghĩa và mục đích của cuộc đời là gì? Tôi là ai? Tại sao tôi lại sinh ra ở đây? Tôi sẽ đi về đâu? Tại sao tôi phải chịu đau khổ? Có những mối liên quan gì giữa tôi với người khác ở chung quanh? Và giữa con người với cái sức mạnh vô hình huyền bí trong cõi thiên nhiên nó bao phủ cuộc đời chúng ta, có một mối liên hệ như thế nào?

Những câu hỏi căn bản đó, nhân loại đã từng nêu ra từ thuở bao giờ trong những thời đại quá khứ xa xăm. Ngày nào người ta vẫn chưa tìm ra được câu giải đáp thì tất cả những giải pháp tạm thời để làm dịu bớt sự đau khổ, dầu là những phương tiện vật chất hay tinh thần, cũng đều là vô nghĩa và không có ích lợi

gì. Ngày nào mà vấn đề đau khổ của nhân loại vẫn chưa được giải quyết, thì người ta vẫn chưa giải quyết được gì cả. Ngày nào mà trên thế giới còn có một sinh vật nhỏ mọn tầm thường nhất đang quần quai trong đau khổ mà người ta chưa giải thích nổi lý do, thì người ta cũng vẫn chưa giải thích được điều gì cả, và quan niệm triết lý của chúng ta về cuộc đời vẫn hãy còn là thiếu sót và bất toàn.

Từ những thời đại cổ xưa nhất, loài người đã từng nêu ra những câu hỏi đó. Càng ngẫm nghĩ, họ càng cảm thấy rằng những sự tranh đấu vất vả đau khổ của con người không phải là vô ích và vô nghĩa lý như người ta tưởng, mà nó có một ý nghĩa nhờ bởi một sự liên quan lớn lao nối liền con người và vũ trụ. Hoặc họ đã cảm thấy có sự hiện diện vô hình của những đấng Thần Minh trong khu rừng vắng hoặc trên đồi cao và biết rằng mỗi sinh vật, từ con người đến loài cầm thú, đều có một linh hồn: Rằng linh hồn đó chỉ là tạm thời sống và chịu đau khổ một lúc ở cõi hạ giới, và sau khi chết sẽ tìm thấy một đời sống an nhàn và hạnh phúc hơn. Hoặc họ nghĩ rằng ngoài ra cõi trần gian đau khổ này, mà loài người sống trong sự hỗn tạp pha lẫn cả điều lành và điều dữ, điều thiện và điều ác, còn có một cõi giới xa xăm nào đó, là nơi thưởng phạt

những hành động của họ ở thế gian. Những điều tin tưởng và giải thích như trên đã từng được nêu ra kể đến hàng nghìn, có những điều hãy còn giản dị thô sơ, có những điều tế nhị hơn, cũng có những điều hợp lý. Và vì bởi một vài điều giải thích đó có vẻ hợp lý mà trên thế gian con người vẫn tiếp tục sống và đương đầu với những nỗi khó khăn của họ một cách can đảm.

Có người tin tưởng ở đức Mahomet, có người tin tưởng ở đức Phật, hoặc Chúa Jesus, hay đức Krishna. Có hàng muôn người tin rằng đời người có thể giải thích bằng một lý do duy nhất, đó là sự sống còn. Những người khác không cần tìm biết lý do gì cả, mà chỉ tận hưởng sự vui sướng khoái lạc trong hiện tại.

Đối với những người sinh trưởng trong nền giáo dục và tín ngưỡng đạo Gia Tô, thì sự giải thích về đời người và những sự đau khổ của cuộc đời là như thế này: Con người có một linh hồn và linh hồn vốn bất diệt; sự đau khổ là một thử thách đưa đến cho chúng ta, Thiên Đàng hay Địa Ngục là những điều thưởng phạt tùy theo cách hành động và cư xử của chúng ta trên thế gian. Những người đã từng chấp nhận sự giải thích đó không hề tự hào rằng họ có đủ bằng chứng; đó là sự giải thích mà họ được hấp

thụ của cha mẹ và của giáo sĩ, chính những vị này cũng đã hấp thụ của những bậc phụ huynh và các giáo sĩ của họ, và cứ như thế đi ngược thời gian cho đến khi người ta tìm thấy uy quyền của một quyển sách gọi là bộ Thánh Kinh (Bible), và của một người tên Jesus. Hầu hết mọi người đều đồng ý: Bộ sách này thật là hay tuyệt diệu, và đức Jesus, dầu rằng là một người hay là Con của Chúa Trời, vốn là một nhân vật phi thường. Tuy nhiên, kể từ thời Phục Hưng (Renaissance) cho đến nay, người Tây phương càng ngày càng trở nên hoài nghi đối với những tín điều căn cứ trên uy quyền của một người: Bất cứ tín điều nào mà không thể chứng minh được qua cái lò thí nghiệm khoa học đều phải gặp một sự hoài nghi mỗi lúc càng tăng thêm. Nhà thiên văn học Ptolémée nói rằng mặt Trời xoay chung quanh Trái Đất; và đó là điều mà Hội Thánh Gia Tô đã chấp nhận và truyền dạy. Tuy nhiên, nhà Thiên văn Copernic đã phát minh ra những khí cụ thiên văn học để chứng minh rằng trái lại, chính Trái Đất xoay chung quanh mặt Trời. Triết gia Aristote nói rằng nếu người ta làm rơi cùng một lượt hai vật có trọng lượng khác nhau từ chỗ cao, vật nặng hơn sẽ rơi xuống đất trước tiên, và Hội Thánh đã hoàn toàn chấp nhận nền triết học cùng sự phát minh

khoa học của Aristote. Tuy thế, với một cuộc thí nghiệm giản dị từ trên đài nghiêng ở thành phố Pise, Galilée đã chứng minh rằng hai vật cùng đồng một dung tích như nhau, nhưng trọng lượng khác nhau, lại rơi xuống đất cùng một lúc.

Trong bộ Thánh Kinh có nhiều đoạn cho rằng Trái Đất vốn bằng phẳng; tuy nhiên Christophe Colomb và Magellan cùng những nhà thám hiểm khác nữa của thế kỷ mười lăm đã làm đảo lộn giả thuyết trên đây bằng những chuyến du hành trên mặt biển, khởi hành từ phương Tây để đi về phương Đông. Những sự chứng minh trên đây cùng với việc chứng minh khác nữa đã lần lần chỉ cho người thời xưa không phải là hoàn toàn đúng. Do đó nảy sinh ra quan niệm khoa học và óc hoài nghi của người thời nay.

Trong sự tranh đấu để sống còn, con người không thể tránh khỏi sự đau khổ. Sự đau khổ này, dường như người ta không tìm ra lý do nào khác hơn là nó không có mục đích gì cả. Sự chết chỉ là một sự tan rã của những phân tử hóa học vật chất, ngoài ra không còn gì nữa.

Như vậy, người ta đã thay thế uy quyền của bộ Thánh Kinh hay của đức Giáo Chủ bằng uy quyền của năm giác quan! Với những ống kính hiển vi, viễn vọng kính, quang tuyến X, máy

radar và những phát minh tối tân khác, khoa học đã nói rộng tầm hoạt động của ngũ quan chúng ta. Sự nhận xét bằng ngũ quan, tức thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác, xúc giác, là nền tảng của mọi lý luận khoa học. Tuy nhiên, trải qua vài chục năm nay, người ta đã trở nên phức tạp hơn và hoài nghi hơn đối với những điều họ hiểu biết hoặc tưởng rằng mình đã hiểu biết. Những khí cụ khoa học mà người ta đã phát minh ra, đã chỉ cho họ thấy một cách mỉa mai rằng những giác quan của con người thật là thiếu sót, bất toàn là dường nào và không thể giúp chúng ta hiểu biết vũ trụ một cách thật sự. Những luồng sóng Hertziennes, chất phóng quang, nguyên tử lực, đó là chỉ mới kể có một vài hiện tượng khoa học của thời buổi hiện đại, đã chứng minh một cách rõ ràng rằng chung quanh chúng ta có những luồng âm ba rung động và những mảnh lực vô hình; và những vi tử nhỏ bé nhất của cõi vật chất đều là những kho chứa đựng tinh lực, hàm xúc tiềm tàng một sức mạnh kinh khủng mà con người không thể tưởng tượng. Chúng ta biết rằng những giác quan như tai, mắt ... Mà chúng ta dùng để tiếp xúc với ngoại giới, cũng ví như những cửa sổ nhỏ hẹp của cái tòa nhà bé nhỏ là xác thân của chúng ta. Sự nhạy cảm của con mắt chúng ta

đối với ánh sáng giúp chúng ta tiếp nhận chỉ có một phần nhỏ những luồng âm ba rung động của ánh sáng. Sự thụ cảm của lỗ tai ta đối với âm thanh chỉ giúp cho chúng ta tiếp nhận có một bát độ nhỏ hẹp trong cái biển âm thanh rộng lớn của vũ trụ. Nhiều loại thú cầm, chim muông, côn trùng, sâu bọ có những thị giác, thính giác và khứu giác khác hẳn của loài người; bởi đó vũ trụ của chúng nó bao hàm chứa đựng nhiều sự vật mà chúng ta không nhận thấy và không thể nhận xét thấy rõ.

Người biết suy nghĩ không khởi lấy làm ngạc nhiên về hiện tượng này là con người vốn thường vẫn tự hào về trí óc thông minh của mình, lại thua kém loài cầm thú, chim muông và sâu bọ về tầm hoạt động của giác quan để nhận xét vũ trụ bên ngoài, và về điểm này họ cũng thua kém cả những đồ dụng cụ khoa học mà trí óc siêu việt thông minh của họ đã phát minh. Họ bắt đầu tự hỏi rằng làm sao họ có thể tự mình nhìn thấy và quan sát những sự vật trong cõi vô hình mênh mông rộng lớn. Thí dụ, chúng ta hãy tưởng tượng rằng chúng ta có thể rời rộng tầm hoạt động và nhận xét của giác quan đến mức làm cho chúng ta trở nên nhạy cảm hơn đối với ánh sáng và âm thanh, dẫu rằng chỉ hơn mức thường độ một ít mà thôi. Phải chăng chúng ta

sẽ nhận xét được nhiều sự vật mà trước kia chúng ta không hề nghe, thấy? Hoặc thí dụ như một vài người trong chúng ta bẩm sinh ra đã có những giác quan phi thường, với một tầm thu nhận rộng lớn hơn: Phải chăng là một điều tự nhiên nếu những người này có thể nghe và thấy những sự vật mà chúng ta không thấy và không nghe? Và phải chăng họ có thể nghe xa chẳng khác nào như một cái máy thu thanh, và thấy xa dường như một cái máy vô tuyến truyền hình?

Đứng trước cái thế giới vô hình huyền bí, vô tận bao la mà những khí cụ khoa học tối tân của thế kỷ 20 đã tiết lộ cho chúng ta biết, thì người ta phải nhìn nhận sự thật của những điều kể trên. Và nếu chúng ta nhìn lui về lịch sử loài người, thì chúng ta thấy có nhiều trường hợp đặc biệt được ghi chép về những khả năng nhận xét phi thường của một số người.

Một trong những người đó là ông Swedenborg, nhà bác học và toán học trứ danh của thế kỷ 18, đã có một năng khiếu thần thông phi thường. Người ta được biết rõ một chuyện về năng khiếu thần thông của ông, chuyện này đã được nhiều nhà tai mắt chứng kiến trong số đó có nhà triết học Emmanuel Kant.

Một buổi chiều vào khoảng 6 giờ, ông Swedenborg đang ngồi dùng cơm với vài người

bạn ở thành phố Gothenburg, bỗng nhiên ông giật mình và nói rằng một cơn hỏa hoạn lớn đang xảy ra ở Stockholm là chỗ ông ở, cách đó độ 500 cây số. Sau đó một lát, ông tuyên bố rằng ngọn lửa đã thiêu hủy ngôi nhà của một người láng giềng và hăm dọa cháy lan đến ngôi nhà của ông. Đến 8 giờ, cũng chiều hôm đó, ông cho biết, với một giọng nói đã trấn tĩnh, rằng ngọn lửa đã được dập tắt ở khoảng cách nhà ông độ vài ba gian nhà khác. Hai ngày sau, những lời của ông Swedenborg đã được xác nhận bằng những lời tường thuật về cuộc hỏa hoạn, mà sự bộc phát nhằm đúng ngay vào lúc ông Swedenborg giật mình và có cảm giác đầu tiên về cơn tai biến này. Đây không phải là trường hợp duy nhất: Tiểu sử của nhiều nhân vật tên tuổi cũng đã ghi chép hàng trăm trường hợp tương tự, trong số đó có vài người như Mark Twain, Abraham Lincoln, St. Saens, ... Trong vài trường hợp, chính những người bà con thân quyến của họ đã có lúc nhìn thấy thành linh những hình ảnh lạ lùng về những sự việc xảy ra ở cách rất xa, hoặc sẽ xảy ra trong nhiều tháng hay nhiều năm về sau, với đầy đủ từng chi tiết.

Nói về trường hợp ông Swedenborg thì năng khiếu thần nhãn của ông từ đó trở nên một

thứ giác quan mạnh mẽ phi thường và liên tục. Trong phần nhiều những trường hợp khác, năng khiếu đó hình như chỉ biểu lộ trong một lúc nhất định khi đương sự tạm thời rơi vào một trạng thái xuất thần. Người Tây phương thường có khuynh hướng đón nhận những sự việc kể trên với một thái độ hoài nghi và thậm chí với ít nhiều cử chỉ khinh thường. Tuy nhiên, nay đã đến lúc mà người ta không thể nhìn xem những hiện tượng đó một cách khinh rẻ như thế được nữa. Đối với những người có một tinh thần cởi mở, saün sàng tìm hiểu những hiện tượng lạ lùng, đối với những người thông hiểu các trào lưu khoa học và sự nhu cầu của thế hệ thì bất cứ sự việc gì có liên hệ đến những khả năng lạ lùng huyền bí của con người đều có tánh cách lý thú và có một tầm quan trọng vào bậc nhất. Trong số những nhà thông thái có tầm kiến thức rộng rãi, cho rằng những hiện tượng thần bí, siêu nhiên, đáng được nghiên cứu bằng phương pháp khoa học, và đã ra công sưu tầm về những hiện tượng đó, có bác sĩ J. B. Rhine, giáo sư trường Đại Học Duke. Từ năm 1930, bác sĩ Rhine và những người cộng sự với ông đã nghiên cứu ráo riết về những hiện tượng thần giao cách cảm và năng khiếu Thần Nhãn trong con người.

Do những cuộc thí nghiệm được kiểm soát chặt chẽ và một phương pháp đặc biệt, bác sĩ Rhine đã khám phá được một điều là trong phòng thí nghiệm, có nhiều người đã biểu lộ những khả năng cảm xúc bằng giác quan siêu đẳng, nói tóm tắt là biểu lộ những năng khiếu thần thông. Người ta có thể nhìn thấy những chi tiết về phương pháp thí nghiệm và những kết quả sưu tầm của bác sĩ Rhine trong quyển sách nhan đề "Tầm Hoạt Động Của Trí Não" do chính ông xuất bản năm 1947. Những nhà sưu tầm khác như Warcollier ở Pháp, Kotik ở Nga và Tichner ở Đức, với những phương pháp thí nghiệm tương tự, cũng đã đi đến những kết luận giống như của bác sĩ J. B. Rhine. Những bằng chứng khoa học hiển nhiên đã giải tán mọi điều nghi ngờ về sự thật của những hiện tượng thần giao cách cảm và năng khiếu Thần Nhãn trên địa hạt tâm linh con người. Tuy thế, cho đến nay khoa học chỉ mới chứng minh rằng hiện tượng Thần Nhãn là một điều có thật. Người ta vẫn chưa tìm cách áp dụng năng khiếu đó trên địa hạt thực tế. Nếu con người có được cái năng khiếu thần thông đó, nó giúp cho y nhìn thấy được những gì xảy ra trong không gian mà không cần sử dụng đến cặp mắt phàm, chẳng khác nào y như là một cái máy vô tuyến thu ảnh

(Television) thì chừng đó y đã có được một khí cụ mới và quan trọng để thu hoạch những điều hiểu biết về con người và về vũ trụ. Trải qua nhiều thế kỷ, con người đã làm được nhiều công trình lớn lao. Sự khôn ngoan khéo léo của y đã giúp y chinh phục không gian và làm chủ được cõi giới vật chất. Nhưng mặc dầu y đã có được sự khôn ngoan khéo léo đó, y vẫn là một vật yếu đuối và bất toàn. Mặc dầu những sự chinh phục trên địa hạt vật chất, y vẫn còn bất lực và bở ngỡ, lạc loài. Mặc dầu y đã thu hoạch được những kết quả thành tựu mỹ mãn trên các lĩnh vực nghệ thuật, văn hóa và khoa học, y vẫn chưa tìm ra ý nghĩa và mục đích của sự đau khổ mà con người phải chịu từ khi sinh ra cho đến khi y từ giã cõi đời. Trong thời gian qua, con người đã tìm ra những bí mật của hạt nguyên tử. Có lẽ nhờ những sự khám phá gần đây về những khả năng cảm xúc bằng giác quan siêu đẳng của con người và những mối liên quan lạ kỳ giữa ý thức và tiềm thức, y sẽ có thể tiến sâu vào lĩnh vực tâm linh huyền bí của chính mình. Sau nhiều thế kỷ dọ dẫm tìm tòi, có lẽ sau cùng người ta sẽ tìm ra những câu giải đáp thỏa đáng cho những điều bí hiểm quan trọng của đời người, những lý do vì sao y sinh ra ở cõi thế gian và mục đích cùng ý nghĩa của sự đau khổ.

Chương 2: Ông Edgar Cayce Dùng Thần Nhãn Để Khám Bệnh

Thật là một điều lý thú mà biết rằng năng khiếu Thần Nhãn có thể giúp cho ta làm được những điều phi thường. Nhưng càng lý thú hơn nữa khi ta được biết rằng trong thời đại này có một người đã dùng năng khiếu Thần Nhãn một cách hữu ích trên địa hạt sưu tầm cũng như trên phương diện thực tế. Người ấy là ông Edgar Cayce. Người ta gọi ông Cayce trong những năm cuối cùng của đời ông, là "Con người phi thường ở Virginia Beach". Đó là một danh hiệu phỉnh lừa, vì tùy rằng có hàng trăm người đã được ông chữa khỏi bệnh trong những điều kiện thật là lạ lùng, nhưng ông không phải là một người làm "Phép lạ" hiểu theo ý nghĩa thông thường của chữ này. Không hề có chuyện đặt bàn tay truyền điện, hay làm cho bệnh nhân quăng nạng gỗ sau khi đã sờ nhẹ vào manh áo của y. Những sự "Nhiệm màu" của ông Cayce chỉ là sự khám đúng căn bệnh, mà thường là trong khi bệnh nhân ở cách xa ông đến hàng ngàn cây số! Ngoài ra, năng khiếu Thần Nhãn của ông chỉ hoàn toàn khai mở trong giấc ngủ thôi miên, đó là một điều đáng được sự chú ý của những nhà chữa bệnh theo khoa Tâm lý,

thường dùng giấc ngủ thôi miên để chữa bệnh hoặc làm phương tiện sưu tầm về cõi tiềm thức của con người.

Một trong những ví dụ đáng kể nhất về cách xử dụng Thần Nhãn của ông Cayce là trong trường hợp sau đây: Một người con gái ở Selma, thuộc tiểu bang Alabama Hoa Kỳ, thỉnh linh bị mất trí và được đem vào một nhà thương điên. Người anh cô ta kinh hoàng, bèn nhờ cậy ông Cayce giúp đỡ. Ông Cayce bèn nằm trên giường, thở vài hơi dài và sâu, đoạn ông ngủ thiếp đi. Kế đó, ông chịu sự dẫn dụ thôi miên của một người bảo ông nhìn vào thể xác của người thiếu nữ và khám bệnh cho cô ấy. Sau một lúc im lặng, ông Cayce bắt đầu nói, cũng như bất cứ mọi người nằm trong giấc thôi miên khi họ được lệnh truyền của người dẫn dụ. Tuy nhiên, có điều khác hơn những người thường, là ông Cayce bắt đầu diễn tả tình trạng thể chất của người bệnh, dường như cặp mắt ông có quang xuyên X. Ông cho biết rằng người con gái ấy có một cái răng cắm mọc ngược và cắn lên một đường gân thông lên bộ óc. Ông bảo phải nhổ cái răng ấy để cho đường gân kia được giải tỏa, khởi động lên tới óc, và đem bệnh nhân trở lại trạng thái bình thường. Theo sự chỉ dẫn của ông Cayce, người ta mới xem trong miệng

người con gái thì thấy có một cái răng cắm mọc ngược. Sau khi được đem đến cho một vị nha sĩ nhổ răng thì người con gái liền hết bệnh điên.

Một thí dụ khác rất lạ lùng, là một người thiếu phụ ở tỉnh Kentucky bên Hoa Kỳ sinh ra một đứa con thiếu tháng. Đứa trẻ ấy ốm đau èo uột luôn. Khi được bốn tháng, nó bị chứng kinh phong giựt rất nặng đến nỗi ba bác sĩ săn sóc cho nó (trong đó có người cha của đứa trẻ) đều lo ngại rằng nó sẽ không qua khỏi ngày hôm ấy. Người mẹ đứa trẻ đã tuyệt vọng, bèn nhờ ông Cayce khám bệnh cho nó. Trong giấc thôi miên, ông Cayce bảo đem cho nó uống một liều thuốc belladone và kèm theo sau đó, cho uống một liều thuốc trừ độc. Những vị bác sĩ khác đều phản đối cách chữa bệnh này, vì belladone là một thứ thuốc độc, nhưng bà mẹ đứa trẻ không nghe và nhất định tự mình đưa thuốc ấy cho con mình uống. Ngay tức khắc, chứng kinh phong dứt hẳn. Sau khi cho đứa trẻ uống thêm một liều thuốc trừ độc, đứa trẻ duỗi thẳng tay chân và ngủ một giấc ngon lành. Nó đã được cứu sống và đã khỏi bệnh.

Những thí dụ trên đây, cùng với hàng trăm thí dụ khác, không phải là những trường hợp chữa khỏi bệnh bằng "đức tin". Những trường hợp mà người bệnh được chữa khỏi cấp thời

như những trường hợp kể trên chỉ là một số ít. Trong tất cả những trường hợp khác thì người bệnh được điều trị một cách cụ thể, có khi lâu dài, và cách điều trị gồm có: Thuốc men, giải phẫu, kiêng cử món ăn, dùng sinh tố, chữa bằng điện, thoa bóp hay tự kỷ ám thị ...

Những trường hợp chữa bệnh bằng Thần Nhãn của ông Cayce đều được ghi chép trong những hồ sơ và được giữ gìn cẩn thận. Tất cả có đến ba chục ngàn hồ sơ được cất giữ ở Virginia Beach, và saün sàng được dùng làm tài liệu cho những ai muốn khảo cứu sưu tầm. Những hồ sơ đó gồm có những tờ biên bản các cuộc khám bệnh bằng Thần Nhãn, có kê khai ngày tháng rõ ràng; những thơ thỉnh cầu của bệnh nhân ở xa hoặc của thân quyến người bệnh; những bức thơ bày tỏ sự biết ơn của những bệnh nhân được chữa khỏi ở khắp nơi trên thế giới; những giấy chứng minh của các bác sĩ; và những bản tốc ký chép lại những lời của ông Cayce thốt ra trong giấc ngủ thôi miên. Những tập hồ sơ này gồm thành một kho văn kiện và tài liệu vĩ đại để chứng minh sự thật về hiện tượng Thần Nhãn (Clairvoyance).

Ông Cayce sinh năm 1877 tại Hopkinsville, tiểu bang Kentucky, Hoa Kỳ. Ông sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo và thất học.

Ông theo học trường làng đến bậc tiểu học, và mặc dầu trong thuở thiếu thời, ông đã tỏ ý muốn trở nên một giáo sĩ, nhưng hoàn cảnh không cho phép ông tiếp tục theo đuổi việc học vấn. Đời sống ở nông trại không thích hợp với ông; ông bèn ra ở tỉnh thành, trước hết ông làm nhân viên phụ trách cửa hàng bán sách, sau đó ông làm nhân viên một hãng bảo hiểm. Năm ông 21 tuổi, một việc xảy ra bất ngờ làm thay đổi trọn cuộc đời ông: Ông bị tắt tiếng nói vì một chứng bệnh yết hầu. Mọi sự chạy chữa đều vô hiệu quả, và không một vị bác sĩ nào có thể chữa cho ông khỏi bệnh. Không thể tiếp tục hành nghề nhân viên bảo hiểm, ông bèn trở về nhà cha mẹ ông. Ông ở đó gần một năm, không hoạt động gì cả và chứng bệnh của ông dường như không thể chạy chữa. Sau cùng, ông quyết định theo học nghề chụp ảnh, vì nghề này không bắt buộc phải dùng đến giọng nói. Trong khi ông đang tập sự nghề chụp ảnh, một nhà thôi miên đạo diễn tên là Hart, đi ngang qua Hopskinville và biểu diễn tài nghệ tại nhà hí viện thành phố. Nhà thôi miên Hart khi nghe nói ông Cayce bị chứng bệnh tắt tiếng, mới đề nghị chữa bệnh cho ông bằng khoa thôi miên. Ông Cayce liền vui vẻ nhận lời. Trong giấc thôi miên, ông Cayce tuân theo mệnh lệnh của ông Hart và nói chuyện

như thường, nhưng trái lại, khi ông thức tỉnh thì ông lại bị tắt tiếng như trước. Trong những giấc thôi miên kể đó, nhà thôi miên bèn dẫn dụ cho ông nghe rằng: Sau khi thức tỉnh, ông sẽ có thể nói chuyện được như bình thường. Phương pháp này gọi là "Àùm thị thôi miên, " tuy rằng rất hiệu nghiệm và đã từng giúp đỡ được nhiều người thắng được một vài thói quen như tậ hút thuốc quá độ chẳng hạn, lại không có kết quả đối với chứng bệnh của ông Cayce.

Ông Hart, vì phải di chuyển qua tỉnh khác theo chương trình đã sắp đặt, không thể tiếp tục những cuộc thí nghiệm của ông nữa, nhưng có một người tên là Layne ở cùng một địa phương, đã theo dõi cuộc chữa bệnh cho ông Cayce một cách thích thú. Ông Layne mới đề nghị với ông Cayce để cho ông ta thử điều trị cuồng hợng của ông. Ông Cayce vì muốn được khỏi bệnh bằng bất cứ phương pháp điều trị nào, liền chấp nhận.

Ông Layne mới nảy ra một sáng kiến mới, là dẫn dụ cho ông Cayce trong giấc thôi miên, hãy tự diễn tả căn bệnh của mình. Thát lạ thay, ông Cayce tuân theo lời dẫn dụ đó và làm đúng y theo lời. Bằng một giọng nói bình thường, trong khi ông chịu sự dẫn dụ thôi miên của ông Layne, ông Cayce mới bắt đầu diễn tả trạng thái của

những sợi dây thanh âm (cordes vocales) trong cuống họng ông. Ông nói: "A! Chúng ta có thể nhìn thấy cái thể xác này! Vào lúc bình thường, nó không thể nói được vì những thớ thịt phần dưới cuống họng bị liệt bại hết một phần, so một sự căng thẳng thần kinh gây nên. Chúng bệnh này nguyên nhân là do một trạng thái tâm lý gây ra và ảnh hưởng đến phần thể chất. Muốn chữa hết bệnh, phải dùng các dẫn dụ để làm vận chuyển sự lưu thông máu huyết ở bộ phận bị đau, trong khi người bệnh còn nằm trong trạng thái vô ý thức của giấc thôi miên." Ông Layne liền dẫn dụ cho ông Cayce nghe rằng sự lưu thông máu huyết của ông sẽ tăng gia một cách dồi dào ở chỗ cuống họng bị đau và bệnh trạng của ông sẽ thuyên giảm. Lần lần, phần trên của bộ ngực và cuống họng của ông Cayce thay đổi màu sắc, và chuyển từ hồng nhạt sang màu đỏ thắm. Sau đó 20 phút, vẫn trong giấc ngủ thôi miên, ông Cayce bèn ho lên mấy tiếng để lấy giọng và nói: "Tốt lắm, căn bệnh đã dứt. Ông hãy dẫn dụ rằng sự lưu thông máu huyết sẽ trở lại bình thường và thể xác này hãy thức tỉnh." Ông Layne liền làm y theo lời. Ông Cayce bèn thức tỉnh và nói chuyện như thường lần đầu tiên từ trên một năm nay. Trong những tháng sau đó, thỉnh thoảng căn bệnh ông tái phát trở lại một đôi

lần. Mỗi lần như thế, ông Layne lại dẫn dụ bằng thôi miên cho máu huyết lưu thông nơi cuống họng, và chứng bệnh lại dứt.

Câu chuyện của ông Cayce có lẽ đã chấm dứt với bấy nhiêu đó, nếu ông Layne không nhìn thấy những triển vọng sâu xa của trường hợp đặc biệt này, và tìm cách khai thác trên địa hạt thực tế. Lịch sử của khoa thôi miên là điều quen thuộc đối với ông và ông đã từng biết những trường hợp tương tự đặt dưới sự điều trị của ông De Puysegur ở Pháp, ông này là vị kế nghiệp cho bác sĩ Mesmer, người đã khám phá ra khoa nhân điện học. Ông Layne nghĩ rằng nếu ông Cayce có thể nhìn thấy thể xác của những người khác và khám bệnh cho họ. Ông Layne bèn thí nghiệm điều này với chính mình ông, vì trong thời gian gần đây ông bị chứng đau bao tử. Cuộc thí nghiệm đã thành công mỹ mãn. Trong giấc thôi miên, ông Cayce diễn tả trạng thái bên trong xác thể của ông Layne và đề nghị một vài phép điều trị. Ông Layne lấy làm vui mừng vô hạn: Sự khám nghiệm của ông Cayce hoàn toàn đúng theo những triệu chứng mà chính ông đã nhận thấy và cũng đúng theo sự khám nghiệm của nhiều vị bác sĩ khác.

Hơn nữa, cách điều trị của ông Cayce đưa ra gồm có một phép ăn uống hạn chế, kiêng cử,

những thuốc men và những phép tập thể dục chưa từng đem áp dụng cho trường hợp của ông từ trước. Ông Layne bèn áp dụng theo cách điều trị ấy và trong vòng ba tuần, ông nhận thấy rằng bệnh trạng của ông đã thuyên giảm rất nhiều. Những sự kiện trên đây là cho ông Cayce lưỡng lự phân vân không ít. Nhưng ông Layne lấy làm vô cùng hứng khởi và quyết định thử xem phép điều trị này có thể chữa khỏi bệnh cho những người khác hay không?

Hồi mới lên mười tuổi, ông Cayce bắt đầu đọc bộ Thánh Kinh (Bible), và đọc đi đọc lại hàng năm từ đầu đến cuối bộ sách ấy. Ông có ý nghĩ muốn trở nên một nhà chữa bệnh để cứu giúp các bệnh nhân đau khổ, cũng như các vị môn đồ đáng Christ hồi xưa. Về sau, ông có tham vọng trở nên một nhà truyền giáo như đã nói ở trên, nhưng hoàn cảnh của ông không cho phép. Và đến bây giờ thành linh ông nhận thấy cơ hội làm thầy chữa bệnh cho thiên hạ tự nhiên xuất hiện đến với ông. Nhưng ông còn băn khoăn lo ngại không dám nắm lấy cơ hội ấy, vì ông sợ rằng nếu trong giấc ngủ thôi miên, ông lỡ nói một điều gì có hại và nguy hiểm cho tánh mạng kẻ khác, thì sao? Nhưng ông Layne liền bảo đảm rằng ông đừng sợ gì cả; chính ông Layne đã có hiểu biết khá nhiều về Y học để có

thể ngăn chặn lại những phép điều trị nào xét ra có hại cho bệnh nhân. Ông Cayce liền thăm dò lại bộ Thánh Kinh để tìm lấy một đường lối hành động. Sau cùng, ông bằng lòng giúp đỡ cho những người bệnh nào muốn điều trị theo phương pháp của ông, nhưng ông nói trước một cách dứt khoát rằng đó chỉ là những cuộc thí nghiệm, và ông không đòi hỏi tiền thù lao chi cả.

Kế đó, ông Layne mới bắt đầu chép bằng tốc ký những lời mà ông Cayce thốt ra trong giấc ngủ thôi miên và gọi đó là biên bản, hay phúc trình những cuộc "Khán Bệnh Bằng Thần Nhãn." Điều lạ lùng nhất trong những cuộc khán bệnh của ông Cayce, ngoài những giờ hành nghề nhiếp ảnh, ông đã dùng những danh từ đúng đắn về khoa Sinh Lý Học và Cơ Thể Học, mặc dầu trong lúc thức tỉnh, ông không hề biết một điều gì về ngành Y học và không hề đọc các sách về Y khoa. Điều càng lạ lùng hơn nữa đối với ông Cayce, là những bệnh nhân do ông điều trị đều được thuyên giảm rất nhiều. Trường hợp của ông Layne không đủ làm cho ông chịu thuyết phục vì ông cho rằng có lẽ sự tưởng tượng đã làm cho ông Layne tưởng rằng mình khỏi bệnh. Về phần ông Cayce, việc ông đã thu hồi lại được giọng nói không thể cho là sự tưởng tượng, nhưng đó có thể chỉ là một sự

ngẫu nhiên tình cờ. Những sự nghi ngờ nó vẫn luôn ám ảnh ông trong những năm đầu khi ông mới bắt tay vào việc khám bệnh bằng Thần Nhãn, đã lần lần giải tán trước sự kiện hiển nhiên là những bệnh nhân do ông điều trị đều được khỏi bệnh, thậm chí đến cả những trường hợp được coi như là nan y và hết phương chạy chữa. Lần lần, quyền năng phi thường của ông Cayce đã được đồn đãi khắp mọi nơi. Một ngày kia, ông được tin điện thoại của ông cựu Thanh tra Giáo dục thành phố Hopskinville mời ông đến chữa cho cô con gái của ông mới lên năm tuổi, và đau ốm đã ba năm nay. Em ấy bị chứng cảm cúm vào năm hai tuổi và từ khi đó đến nay, em bị mất trí khôn. Những vị bác sĩ chuyên môn mà cha mẹ em đã mời đến khám bệnh cho em đều thúc thủ vô sách, không làm sao cứu em khỏi bệnh. Gần đây, em lại bị chứng phong giựt càng ngày càng dữ dội thêm, và một vị bác sĩ chuyên môn đã tuyên bố rằng đó là một chứng bệnh thuộc về óc, không thể chữa nổi. Cha mẹ em đã tuyệt vọng, và đem em trở về nhà để chờ ngày em trút linh hồn. Khi đó, một người bạn mới nói chuyện về cha mẹ em về ông Cayce và quyền năng nhiệm màu của ông. Khi ông Cayce nghe nói về trường hợp của cô gái nhỏ này, ông bằng lòng di chuyển đến nơi

để khám bệnh cho em ấy. Vì tình hình tài chính của ông không được dồi dào lắm, nên ông phải nhận tiền lộ phí của gia đình bệnh nhân cung cấp: đó là lần đầu tiên mà ông nhận một món tiền về công việc chữa bệnh của ông để giúp đỡ kẻ khác. Ông bèn lên đường, tuy rằng với một sự băn khoăn khó nghĩ trong lòng.

Khi cô gái nhỏ được đem đến trước mặt ông, ông càng cảm thấy một cách thấm thía sự mĩa mai của vai trò của ông: Vì ông, con của một gia đình nông dân tầm thường và không biết một chữ về y học, lại tự hào có thể chạy chữa cho một đứa trẻ mà những nhà chuyên môn giỏi nhất trong xứ về ngành Y khoa đã phải chịu bó tay không chữa nổi! Ông cảm thấy hơi run rẩy khi ông nằm trên chiếc sofa trong phòng khách nhà ông Thanh tra, và ngủ mê thiếp đi. Tuy nhiên, trong giấc ngủ thôi miên, ông không còn băn khoăn nghi ngại về ông nữa. Ông Layne có mặt ở một bên để dẫn dụ cho ông, và chép bằng tốc ký những lời ông Cayce thốt ra như thường lệ.

Với một sự bình tĩnh và tự tin mà ông vẫn thường biểu lộ trong những cuộc khàn bệnh trước đây, ông Cayce mới bắt đầu diễn tả bệnh trạng của đứa trẻ. Ông cho biết rằng trước khi bị cảm cúm, em bé ấy đã bị té ngã từ trong xe

văng xuống đất, và vi trùng bệnh cúm đã đột nhập vào chỗ thương tích do tai nạn gây ra; rằng điều này gây nên chứng phong giựt. Ông cho biết thêm rằng một sự điều trị thích nghi bằng phép nắn xương sẽ có thể làm giảm bớt áp lực và giúp cho em nhỏ được bình phục trở lại như thường.

Bà mẹ em bé xác nhận việc em bị ngã xe, nhưng vì không thấy có thương tích, nên bà không hề nghĩ rằng việc ngã xe lại có ảnh hưởng đến bệnh trạng của em bây giờ. Ông Layne bèn áp dụng cách điều trị cho em theo lời dặn của ông Cayce và trong vòng ba tuần, em nhỏ đã hết chứng phong giựt. Tình trạng trí khôn của em đã khá nhiều: Em nói được tên của con búp bê, món đồ chơi thích nhất của em mà em vẫn chơi trước khi bị bệnh; sau đó em gọi tên của cha mẹ em và cha mẹ em lần đầu tiên từ nhiều năm nay. Sau ba tháng, hai ông bà chủ nhà tuyên bố rằng cô con gái nhỏ của ông bà đã hoàn toàn bình phục và đang cố gắng vớt vát lại thời gian đã mất trong những năm đen tối vừa qua.

Những sự việc xảy ra như trường hợp này đã đem đến cho ông Cayce một đức tin rằng ông không làm mà đem sử dụng khả năng lạ lùng của ông để giúp đỡ thế gian. Tiếng tăm của ông

càng ngày càng đồn xa. Báo giới đã khám phá ra chỗ ông ở và đã phỏng vấn ông. Kể từ khi đó, hằng ngày ông đều nhận được những cú điện thoại và những bức điện tín của những bệnh nhân tuyệt vọng yêu cầu ông chữa bệnh cho họ. Chính nhờ đó mà ông nhận thấy rằng ông có thể khám bệnh xuyên qua không gian, trong khi ông ở cách xa bệnh nhân đến hằng mấy trăm dặm đường, miễn là trong giấc thôi miên, người ta nói cho ông biết tên tuổi và địa chỉ rõ ràng của bệnh nhân.

Ông Cayce thường bắt đầu các cuộc khám nghiệm bệnh nhân ở xa bằng vài lời bình phẩm về thời tiết và hoàn cảnh địa phương chỗ bệnh nhân ở, với một giọng nói thì thầm đại khái như:

"Ở đây, sáng nay gió thổi mạnh quá!"

"Đây là Winthertur ở Thụy Sĩ. À! Những bộ áo pyjama này đẹp quá!"

"Ừ! Bà mẹ đang cầu nguyện ở phòng bên!"

...

Những sự tả cảnh đó về sau được xác nhận là đúng, lại càng giúp một bằng chứng xác thực về năng khiếu Thần Nhãn của ôn Cayce. Dầu rằng bệnh nhân ở cách xa, hay ở gần một bên ông trong một gian phòng, thì ông cũng dùng một phương pháp giống nhau không có gì thay đổi. Ông chỉ cần cởi giày, lên nằm trên divan

hay trên giường một cách hoàn toàn thoải mái và nghỉ ngơi. Ông nhận thấy rằng ông cần phải nằm day đầu về hướng bắc và quay về hướng nam. Ngoài ra một chỗ nằm và một cái gối để gối đầu, ông không cần dùng một món gì khác.

Những cuộc khán nghiệm có thể diễn ra ban ngày cũng như ban đêm, và bóng tối hay sáng đều không có ảnh hưởng gì khác nhau. Vài phút sau khi nằm yên chỗ, ông liền ngủ thiếp đi. Khi đó, ông Layne, hay là vợ ông Cayce, hay bất cứ một người nào khác mà ông tin cậy và giao phó trách nhiệm này, mới đưa ra cho ông những lời dẫn dụ thích nghi. Câu dẫn dụ thông thường là: "Bây giờ, ông sẽ thấy trước mặt ông (tên họ người bệnh), ở tại (địa chỉ: Tên đường thành phố, xứ) Ông sẽ khán nghiệm thân thể người ấy một cách chăm chú và cẩn thận, và ông sẽ nói cho biết bệnh trạng cùng nguyên nhân của chứng bệnh là như thế nào. Ông cũng sẽ nói cách điều trị ra sao để chữa bệnh cho cái thể xác người ấy được thuyên giảm. Và ông sẽ đáp lại những câu hỏi của tôi đưa ra." Vài phút sau, ông Cayce bắt đầu nói, và ông Layne hoặc cô thư ký Gladys Davis chép bằng tốc ký những lời nói của ông Cayce. Sau đó, bản chép tốc ký được đem đánh máy lại rõ ràng. Trong phần nhiều trường hợp, một bản sao

được đưa cho người bệnh hoặc thân nhân của y, hoặc người đỡ đầu hay vị bác sĩ của đương sự, còn một bản sao bằng giấy màu vàng thì được giữ trong hồ sơ của bệnh nhân.

Lời đồn đãi truyền khẩu và những bài tường thuật trên mặt báo chí về năng khiếu Thần Nhãn của ông Cayce không bao lâu đã hấp dẫn sự chú ý của những tay con buôn có óc trục lợi. Một nhà buôn lớn về ngành bông vải đề nghị trả cho ông Cayce mỗi ngày một trăm dollars liên tiếp trong hai tuần để nhờ ông "Xem" giùm giá thị trường bông vải hằng ngày. Mặc dầu lúc ấy ông đang cần dùng tiền, nhưng ông bèn từ chối. Có những người khác muốn nhờ ông chỉ giùm những chỗ chôn giấu kho tàng, hoặc chỉ con ngựa nào về nhứt để đánh trúng giải cá ngựa trong trường đua. Có nhiều lần, ông Cayce đã chịu nghe theo lời thiên hạ thỉnh cầu và làm thử những chuyện kể trên để rút kinh nghiệm và cũng để xem kết quả ra sao. Nhiều lần ông đã thành công và nói đúng kết quả của những cuộc cá ngựa; nhưng nhiều lần ông cũng đã nói sai! Và những lần như thế, sau khi thức tỉnh ông cảm thấy mệt mỏi, bức dọc và bất mãn về mình! Có một lần, người ta thuyết phục ông hãy thử thời vận và dùng Thần Nhãn để khám phá các mỏ dầu hỏa ở tiểu ban Texas, nhưng ông

không thu được kết quả gì đáng kể và đã hoàn toàn thất bại!

Sau cùng ông nhận thấy rằng ông chỉ có thể sử dụng năng khiếu thần thông của mình một cách hữu hiệu và chắc chắn vào mục đích chữa bệnh cho nhân loại, và chỉ vì mục đích duy nhất đó mà thôi, chứ không bao giờ nên dùng Thần Nhãn để giúp cho ai, hay cho chính mình trong việc kiếm tiền và sinh lợi! Chỉ đến những sự quảng cáo ồ ạt để cầu danh, ông đều dừng không quan tâm đến. Năm 1922, ông Giám Đốc tờ báo Denver Post nghe nói đến ông Cayce và mời ông đến Denver. Sau khi dự kiến một buổi khám bệnh có kết quả hiển nhiên, ông ta liền đề nghị với ông Cayce một việc sau đây: Ông ta sẽ trả cho ông Cayce mỗi ngày một ngàn dollars, và tự đảm nhiệm lấy công việc tổ chức những cuộc trình diễn lưu động trong xứ, nếu ông Cayce bằng lòng đổi tên họ và khoác lấy một cái tên Ấn Độ, ăn mặc và bịt khăn theo lối Đông Phương, và khán bệnh bằng giấc thôi miên sau một tấm màn che khuất để tránh những cặp mắt tò mò. Nhưng ông Cayce quyết liệt từ chối. Ông David Kahn, Giám Đốc công ty Vô Tuyến Truyền Hình ở Brunswick, và là bạn cũ của ông Cayce, trong những cuộc nói chuyện riêng tư, đã quảng cáo

về việc làm của ông Cayce trong các giới bạn bè và các giới kinh doanh thương mại; nhưng khi ông đề nghị mở một chương trình quảng cáo đại quy mô về công việc của ông Cayce trên đài vô tuyến truyền hình, thì ông Cayce liền từ chối một cách quyết liệt, ai làm bất cứ một sự quảng cáo nào về sự khán bệnh hay về những cuộc diễn thuyết công cộng của ông.

Trong các cuộc đàm thoại với những người không được biết ông nhiều, ông không bao giờ nói về năng khiếu đặc biệt của mình, nếu người ta không hỏi ông về vấn đề đó. Có nhiều người ở cùng một tỉnh nhưng không hề biết gì về ông, ngoài ra việc ông làm nghề nhiếp ảnh. Ông sống với một niềm tin tưởng chắc chắn rằng ông chỉ là một khí cụ để giúp đỡ và đem lại sức khỏe cho những kẻ ốm đau khổ sở, và ông không bao giờ nên làm cho thiên hạ chú ý đến mình.

Trong những năm đầu, ông Cayce vẫn tiếp tục hành nghề nhiếp ảnh, và luôn luôn từ chối không nhận tiền thù lao về những cuộc khám bệnh của ông. Về sau, khi số người bệnh đến nhờ ông chạy chữa càng ngày càng đông làm cho ông không thể nào tiếp tục hành nghề nhiếp ảnh được nữa, ông mới có lý do nhận tiền thù lao vì ông còn phải đùm bọc và nuôi dưỡng gia đình. Tuy thế, đối với những người nghèo không

đủ sức trả tiền, ông vẫn khám bệnh giùm không lấy tiền. Không bao giờ ông Cayce đòi hỏi hoặc bắt buộc bệnh nhân phải trả tiền thù lao.

Những bản sao các thư từ của ông hiện còn được cất giữ trong các tập hồ sơ ở Virginia Beach, nơi ông đến trú ngụ từ năm 1927, là những bằng chứng hùng biện cho lòng hy sinh, vô kỷ của ông. Mặc dầu trong những bức văn thư ấy có rất nhiều sự thiếu sót về văn phạm, cách chấm câu và cách hành văn, nhưng nó biểu lộ một cách sâu xa lòng mong muốn giúp đỡ và làm giảm bớt những nỗi đau khổ của nhân loại. Trong những năm đầu tiên đó, ông Cayce luôn luôn bị dày vò bởi sự hoài nghi. Có đôi khi, trong những cuộc khán bệnh, ông Cayce vẫn lặng thinh không nói gì trong giấc ngủ thôi miên. Có lẽ trong những lúc đó, năng khiếu Thần Nhãn của ông bị ảnh hưởng bởi tình trạng sức khỏe hoặc trạng thái bất an của tâm hồn. Mặc dầu lúc thường, ông là một người dịu dàng và hiền lành, nhưng ông có những lúc nóng giận thình lình; và ông thường có sự lo âu về tiền bạc.

Một tâm trạng như thế lẽ tất nhiên làm tê liệt mất năng khiếu của ông. Trong những trường hợp khán bệnh mà không có kết quả, người ta phải đình lại một lúc khác để đợi cho tình trạng

sức khỏe và tâm lý của ông được phục hồi trở lại, khi đó cuộc khán bệnh sẽ đem lại kết quả mong muốn.

Nhưng ông Cayce cũng bị xúc động một cách sâu xa nếu có bệnh nhân nào tỏ vẻ bất mãn vì cuộc khán bệnh không nói đúng theo bệnh trạng của họ, hoặc sự điều trị không có kết quả như mong muốn. Trong những trường hợp đó, ông Cayce xin lỗi một cách khiêm tốn trong những bức thư dài, và giải thích rằng ông không hề tự hào là Thần Y có thể chữa khỏi bá bệnh; rằng có một phần chi tiết mà ông không được biết rõ, điều này làm cho những cuộc khán bệnh của ông trở nên kém hiệu lực và bất toàn; và đôi khi ông không nhìn thấy rõ ràng mọi sự, cũng như một cái máy thu thanh vô tuyến, nghe khi mờ khi tỏ, chứ không phải lúc nào cũng chạy một cách đều đặn, hoàn toàn. Và trong thư, ông kết luận: "Mục đích duy nhất của chúng tôi là giúp đỡ ông." Và ông gửi kèm theo trong thư một ngân phiếu hoàn nguyên số tiền mà ông đã nhận được lại cho vị thân chủ.

Thỉnh thoảng, sau nhiều tháng, chính những người thân chủ đó trở lại cho ông hay rằng một cuộc khán bệnh riêng về sau đã xác nhận những gì ông đã nói từ lúc đầu, mà họ đã nghi ngờ là không đúng như bệnh trạng của họ. Cũng có đôi

khi ông Cayce nhận thấy rằng những bệnh nhân đã than phiền về sự chữa bệnh không lành, đã tỏ ra cầu thả không chịu áp dụng đúng theo cách điều trị của ông đưa ra, chẳng hạn như họ quên ăn uống kiên cố, hoặc không chịu uống thuốc, hoặc xao lãng về phần kỷ luật tinh thần mà ông đã buộc họ phải noi theo. Dầu sao ông cũng biết rằng những cuộc khán bệnh của ông không phải là bá phát bá trúng. Nhưng với thời gian qua, những cuộc khán bệnh của ông càng ngày càng trở nên rõ ràng và đúng đắn hơn trước, vì kinh nghiệm đã giúp cho ông biết cách sử dụng năng khiếu của ông một cách hữu hiệu hơn. Những sự thất bại hoặc sai biệt xảy ra một đôi khi, đã được bù đắp bởi những sự chữa lành bệnh một cách màu nhiệm.

Một vị linh mục Thiên Chúa giáo người Gia Nã Đại đã được chữa khỏi bệnh động kinh; một người trò trường tỉnh ở Dayton (Ohio) đã được chữa khỏi bệnh đau khớp xương; ở New York, một viên nha y đã được chữa khỏi trong hai tuần chứng bệnh nhức đầu kinh niên đã nhiều năm; một thiếu niên ở Philadenlphia mắc chứng bệnh đau mắt có cườm, là một chứng bệnh được coi như là nan y, đã được bình phục khi một vị bác sĩ chữa cho y theo lời chỉ thị của ông Cayce.

Chính những trường hợp chữa khỏi bệnh kể trên đã xảy ra rất nhiều lần, làm cho ông Cayce bình nhật vốn là một người khiêm tốn, do dự, và cẩn thận rất mực, phải tin tưởng nơi cái năng khiếu của ông, mặc dầu thỉnh thoảng vẫn có những sự khó khăn và một vài sự sai biệt nhỏ nhặt không đáng kể; và ông có thể tin rằng đó là một cái thiên tư đặc biệt của trời phú cho.

Năm 1942, do các báo chí đua nhau nói về thân thế và sự nghiệp của ông Cayce, tên tuổi của ông đã vang dội khắp nơi ở Hoa Kỳ. Kết quả là hàng triệu thư từ của người trong xứ ở khắp bốn phương đều được gửi đến nhờ ông chữa bệnh, trong số đó có nhiều trường hợp rất đau thương và vô cùng khẩn cấp. Ông Cayce không bao giờ từ chối việc chạy chữa cho một bệnh nhân nào và không bao giờ ruồng bỏ một ai, đành phải định ngày khám bệnh cho từng người, và có người ông phải hẹn trước đến mười tám tháng mới đến phiên khám bệnh cho y.

Thay vì chỉ khám bệnh hai hay ba lần trong mỗi ngày, có khi ông đã khám bệnh đến tám lần, sớm mai bốn lần và bốn lần vào buổi chiều. Làm việc trong giấc ngủ, có vẻ dường như là một công việc thoải mái dễ dàng, nhưng sự thật, ông Cayce đã phung phí rất nhiều sinh lực và sự căng thẳng gây nên bởi sự làm việc quá sức đó

đã ảnh hưởng đến sức khỏe của ông; ông từ trần vào ngày ba tháng giêng năm 1945, hưởng thọ 67 tuổi.

Cuộc đời của ông Edgar Cayce đã chấm dứt, nhưng tiếng tăm của ông không bao giờ mất. Nếu một người trở nên bất tử và lưu danh thiên cổ do những công trình phụng sự nhân loại thì người ta có thể nói rằng ông Cayce đã trở nên bất tử với thời gian vậy.

Chương 3: Giải Đáp Cho Những Vấn Đề Bí Hiểm Của Đời Người

Trong khoảng hai mươi năm làm việc chữa bệnh để cứu độ thế gian, ông Cayce đã cứu chữa cho hàng mấy muôn nghìn bệnh nhân, và điều này càng xác nhận sự thật về năng khiếu Thần Nhãn của ông. Với năng khiếu thần thông này, ông Cayce nhìn thấu suốt tận trong ngũ tạng lục phủ của người bệnh, và những bộ phận ẩn giấu trong cơ thể con người, mà trong trường hợp thông thường người ta không nhìn thấy được. Trong nhiều năm sau, người ta mới bắt đầu nghĩ rằng nếu Thần Nhãn có thể soi thấu vào cơ thể con người, thì chắc nó cũng có thể chuyển hướng ra bên ngoài vũ trụ càn khôn để nhìn thấy những mối liên quan giữa con người

và vũ trụ, và tìm sự giải đáp cho những vấn đề bí hiểm của đời người. Việc đó đã xảy ra trong trường hợp sau đây:

Ông Arthur Lammers, chủ nhân một nhà in lớn ở Dayton, tiểu bang Ohio, có nghe một người cộng sự với ông nói chuyện về ông Cayce. Ông lấy làm thích thú và tò mò đến nỗi ông bèn lên đường đi đến tận nơi để quan sát công việc của ông Cayce ở Selma, tiểu bang Alabama, là nơi ông Cayce đang trú ngụ. Sau khi đã quan sát những cuộc khán bệnh của ông Cayce trong nhiều ngày liên tiếp, ông Lammers mới nhìn nhận sự thật về năng khiếu Thần Nhãn của ông này. Ông Lammers là một người thông minh và có kiến thức rộng. Ông bèn nghĩ rằng nếu một người có nhãn quang nhìn thấy những sự vật ẩn dấu đối với cặp mắt phàm, thì người ấy chắc có thể làm sáng tỏ những vấn đề rộng lớn hơn về vũ trụ và nhân sinh, chứ không phải chỉ nhìn thấy có sự hoạt động của lá gan hay bộ máy tiêu hóa của người bệnh mà thôi đâu. Thí dụ như: Trong tất cả mọi ngành triết học và tôn giáo, thì ngành nào gần nhất với Chân Lý? Mục đích của đời người là gì? Thuyết cho rằng linh hồn con người vốn bất diệt có đúng hay không? Nếu là đúng, sau khi chết, con người sẽ đi về đâu? Thần Nhãn của ông Cayce có thể

đem đến sự giải đáp cho những vấn đề ấy chẳng?

Ông Cayce không hề biết một chút gì về những vấn đề ấy. Những vấn đề trừu tượng về linh hồn và mục đích của cuộc đời,... Không hề thoáng qua trong ý của ông. Ông chỉ chấp nhận một cách âm thầm những giáo lý mà người ra giảng cho ông ở Nhà Thờ; mọi sự thảo luận hoặc so sánh những giáo lý đó với triết học, khoa học và các tôn giáo khác đều là hoàn toàn xa lạ đối với ông.

Sở dĩ ông đã chịu sự dẫn dụ trong những giấc ngủ thôi miên là vì do lòng mong muốn giúp đỡ những kẻ bệnh tật đau khổ. Ông Lammers là người đầu tiên đã nghĩ đến việc dùng Thần Nhãn vào những mục đích khác hơn là chữa bệnh cho nhân loại, và điều này càng làm tăng gia lòng hứng khởi của ông Cayce. Trong những giấc thôi miên, ngoại trừ một vài trường hợp ngoại lệ rất hiếm, ông đã luôn luôn trả lời và giải đáp đúng những câu hỏi nêu ra. Vậy thì không có lý do gì mà ông không thể giải đáp luôn cả những câu hỏi của ông Lammers về các vấn đề vũ trụ nhân sinh khác hơn là vấn đề chữa bệnh.

Ông Lammers vì bận công việc kinh doanh không thể kéo dài thời gian ở Selma, nên ông yêu cầu ông Cayce hãy về ở tại nhà ông ở

Dayton trong vài tuần. Ông Cayce bằng lòng với ý nghĩ rằng có lẽ đấng Thiên Liêng muốn kêu gọi ông vào những công việc phụng sự khác nữa. Gần đây ông Lammers có chú ý đến khoa Chiêm Tinh. Ông nghĩ rằng nếu khoa Chiêm Tinh đúng với Chân lý, thì đó có thể là một ngành khoa học nối liền con người và vũ trụ mà chúng ta có thể hiểu được rõ ràng. Ông bèn có ý định bắt đầu thí nghiệm Thần Nhãn của ông Cayce về khoa này.

Một ngày nọ vào tháng 10, năm 1923, khi ông Cayce nằm trong giấc ngủ thôi miên trong một gian phòng khách sạn Phillips ở Dayton, thì người ta dẫn dụ cho ông hãy lấy một lá số Chiêm Tinh cho ông Lammers. Tuân theo như thường lệ những lời dẫn dụ mà ông nhận được, ông Cayce bèn đưa ra những chi tiết về lá số của ông Lammers bằng một vài câu vắn tắt. Và sau cùng, cũng một lối hành văn ngắn ngủi, vắn tắt như thế ông nói một câu lạ lùng: "Thuở xưa y là một tu sĩ." Câu nói tuy vắn tắt, nhưng đối với ông Lammers là người đã từng đọc nhiều và đã từng quen thuộc với những lý thuyết quan trọng về nhân sinh và định mệnh con người, câu nói ấy làm cho ông giật mình chẳng khác nào như bị điện giật!

Phải chăng câu ấy có nghĩa là Thần Nhãn của ông Cayce đã xác nhận như một sự thật hiển nhiên cái giả thuyết cổ xưa về vấn đề Luân Hồi?

Thay vì làm thỏa mãn sự tò mò của ông Lammers, cuộc khán nghiệm đó lại càng làm cho ông tọc mạch muốn biết thêm. Khi ông Cayce thức tỉnh, ông thấy ông Lammers đang bàn luận sôi nổi với cô nữ bí thư Linden Shroyer về những lời nói của ông vừa rồi. Ông Lammers tuyên bố rằng nếu người ta có thể chứng minh thuyết Luân Hồi là có thật, thì điều đó sẽ làm đảo lộn và thay đổi tất cả những quan niệm đã có từ trước về triết học, tôn giáo, và tâm lý học! Nếu ông Cayce cứ tiếp tục thí nghiệm của ông sẽ có thể tiết lộ cho ta thấy rõ ràng luật Luân Hồi hành động bằng cách nào. Thí dụ như những mối liên hệ giữa Luân Hồi và khoa Chiêm Tinh là như thế nào? Hai điều trên đây sẽ giải thích bằng cách nào về linh hồn, về định mệnh, và về đời sống con người?

Ông Lammers bèn khẩn khoản yêu cầu ông Cayce lấy làm lương lự phân vân, nhưng ông vẫn nhận lời tiếp tục những cuộc khán nghiệm. Những câu hỏi của ông Lammers đưa ra đã được giải đáp một cách đùng đắn và với đầy đủ chi tiết về những tiền kiếp của ông, cùng những

vấn đề bí hiểm của đời người mà ông bắt đầu khảo cứu tìm tòi. Theo những cuộc khán nghiệm đó, khoa Chiêm Tinh có chứa đựng một phần nào sự thật. Thái Dương Hệ đưa đến cho linh hồn đang tiến hóa một cơ hội học hỏi kinh nghiệm trong một chu kỳ nhất định. Con người thấu thập kinh nghiệm ở cõi trần và trên những cõi vô hình khác, mà thuở xưa người ta gọi bằng tên các cầu hành tinh làm trung tâm điểm cho những cõi ấy. Tuy nhiên, khoa Chiêm Tinh mà người ta được biết và thực hành trong thời buổi hiện tại, chỉ là gần đúng với sự thật mà thôi, chứ không phải là hoàn toàn đúng, bởi vì có nhiều yếu tố ẩn tàng mà người đời chưa khám phá ra được một cách đầy đủ trọn vẹn.

Những điều đó thật là lạ lùng đối với ông Cayce, nhưng sự tò mò khiến ông cứ tiếp tục những cuộc khán nghiệm mà ông Lammers yêu cầu. Họ tự nghĩ rằng những tài liệu mà họ muốn biết về những tiền kiếp sẽ được đầy đủ hơn nếu họ đừng đòi hỏi lấy một "Lá số, " và nếu ông Cayce nhận một sự dẫn dụ thích nghi hơn. Bởi đó người ta mới đề nghị rằng trong giấc thôi miên ông Cayce hãy đưa ra một lối dẫn dụ thích nghi. Và đây là lối dẫn dụ mà ông Cayce đã đưa ra:

"Ông sẽ đứng trước mặt (tên của một người nào đó), sinh ngày... Tại... Ông sẽ nói cho biết thân thể và sự nghiệp của y và vai trò của y trong vũ trụ là như thế nào, cùng những khuynh hướng và khả năng của y trong kiếp hiện tại. Ông cũng cho biết những tiền kiếp của y ra sao với những chi tiết về tên tuổi, xứ sở và thời kỳ nào y đã trải qua những tiền kiếp đó. Và ông cũng cho biết luôn những nguyên nhân nào trong mỗi kiếp đã giúp đỡ hoặc làm trì trệ sự tiến hóa của y trong kiếp này." Từ đó những cuộc khán nghiệm đều nhằm rõ rệt vào những tiền kiếp của đương sự. Những cuộc khán nghiệm này được gọi bằng danh từ soi kiếp, để phân biệt với danh từ khán bệnh, chỉ nhằm khán nghiệm thể xác của bệnh nhân vì mục đích chữa bệnh mà thôi. Đối với hai loại khán nghiệm kể trên, ông đều áp dụng một phương pháp giống như nhau, trừ một chi tiết này, là mỗi khi ông Cayce tuân tự soi kiếp cho nhiều người liên tiếp nhau thì ông bắt đầu cảm thấy chóng mặt dữ dội. Chính ông cũng tự khán nghiệm lấy mình để tìm ra nguyên nhân sự chóng mặt, thì ông được cho biết rằng cần phải đổi chiều hướng và quay đầu về hướng bắc, chân về hướng nam trong những cuộc soi kiếp. Còn lý do vì sao cần phải thay đổi chiều hướng như thế, thì không thấy

giải thích, mà chỉ thấy nói rằng đó là một vấn đề thuận giòng "Từ điển."

Những cuộc soi kiếp cho chính ông Cayce tiết lộ rằng cách đây nhiều thế kỷ, ông đã từng làm một vị cao tăng ở các đền cổ ở bên Ai Cập và có nhiều quyền phép thần thông, nhưng ông đã bị vấp ngã vì tánh kiêu căng và thói ưa sắc dục. Trong một tiền kiếp ở Ba Tư, ông làm một y sĩ. Trong một kiếp khác, có lần ông bị thương trong một trận chiến tranh trên sa mạc và bị bỏ sót lại trên bãi cát, vì những người đồng bọn tưởng rằng ông đã chết. Nằm một mình, không có nước uống, không lương thực và không một mái che ông đã chịu khổ rất nhiều trong ba ngày và ba đêm đến nỗi ông đã làm một cố gắng rất lớn để xuất thần ra khỏi thể xác của ông. Ông đã xuất thần được và chính nhờ việc ấy một phần nào mà ngày nay ông có cái khả năng tự thoát ly ra khỏi những giới hạn của xác thể. Tất cả những đức tánh và thói xấu của ông hiện thời đều được cân nhắc đứng đắn và đều có thể truy nguyên ra ở những kinh nghiệm trong các kiếp trước. Cuộc đời hiện tại là một sự thử thách cho linh hồn ông; ông đã có cơ hội phụng sự nhân loại một cách vị tha, để cứu chuộc những tội lỗi trong quá khứ, là thói kiêu căng, đắm mê vật chất và ưa thích điều sắc dục.

Ông Lammers nghĩ rằng những cuộc soi kiếp của ông Cayce có một tầm quan trọng rất lớn, và bởi đó người ta cần thực hiện những cuộc sưu tầm rộng lớn hơn về vấn đề này. Ông yêu cầu ông Cayce hãy đem gia quyến từ Selma về ở Dayton và đề nghị chịu đài thọ mọi khoản tổn phí về sinh hoạt cho cả gia đình ông, gồm cả bà Cayce, cùng hai người con trai và cô bí thư Gladys Davis, cô này từ đó đã trở nên một người thân tín trong gia đình ông. Cả gia đình đều bằng lòng chấp thuận. Khi họ được cho biết về những sự gì xảy ra, thì họ đều có sự phản ứng giống như của ông Cayce: Lúc đầu họ còn ngạc nhiên và nghi ngại, kể đó họ càng trở nên tò mò muốn biết sự thật và sau cùng họ đều lấy làm thích thú cho đến say mê Ông Cayce bèn soi kiếp cho mỗi người trong gia đình ông. Trong mỗi trường hợp, tâm tính của mỗi người đều được diễn tả một cách công khai và ông cho biết rằng mỗi thói hư tật xấu và mỗi đức tánh tốt đều có nguyên nhân trong những tiền kiếp. Trong cuộc soi kiếp cho một người con trai ông, ông nói: "Trong bốn tiền kiếp con là một nhà khảo cứu khoa học, con đã trở nên có óc duy vật, ích kỷ và vụ lợi." Soi kiếp cho một người nên có óc duy vật, ích kỷ và vụ lợi." Soi kiếp cho một người con khác ông nói: "Con có tánh rất nóng

nảy; thói xấu đó đã gây cho con nhiều điều bất lợi trong những tiền kiếp ở Ai Cập và ở Anh Quốc. Kiếp này con nên tập lấy sự tự chủ và tánh kiên nhẫn."

Những sự diễn tả tánh tình đó đều hoàn toàn đúng đắn và chân thật, dầu cho đương sự là những người thân thích hay những người xa lạ như ông Lammers, cơ Linden Shroyer và những người bạn của ông Lammers, và điều đó càng làm cho ông này thêm phần hứng khởi và tin tưởng. Nhưng ông Cayce cảm thấy thắc mắc về những điều tiết lộ đó, đến nỗi ông đâm ra nghi ngờ về ông và ông đã tự kiểm thảo lương tâm một cách ráo riết. Sau cùng ông đi đến kết luận rằng ông có thể tin cậy nơi năng khiếu Thần Nhãn của mình, bằng những cuộc khán bệnh và soi kiếp, ông đã làm một công việc phụng sự chánh đáng và thiêng liêng chớ không phải là một điều tà vạy. Nhưng những điều tiết lộ của ông lại là những điều quá mới lạ và dường như... "Phản đạo," làm sao ông có thể tin chắc rằng đó là đúng với sự thật?

Sự băn khoăn của ông có thể hiểu được dễ dàng: Ông vốn sinh trưởng trong một gia đình Cơ đốc giáo khát khe và chính thống. Ông không hề được biết một chút gì về những giáo lý của các tôn giáo lớn trên thế giới. Trong lúc này,

ông vẫn không biết gì về phần nhiều những điểm tương đồng giữa đạo Cơ đốc với những tôn giáo khác, và ông chưa từng có dịp thưởng thức cái ánh sáng đạo lý nó chiếu diệu trong những ngọn đèn khác hơn là ngọn đèn Cơ đốc của mình. Ông hoàn toàn dốt về giáo lý căn bản của Ấn Giáo và Phật Giáo nói về vấn đề Luân Hồi.

Hơn nữa, danh từ này đối với ông, không được hấp dẫn cho lắm, vì người ta thường có một quan niệm sai lầm về thuyết Luân Hồi. Họ tưởng rằng theo thuyết ấy thì những người tội lỗi sau khi chết, có thể đầu thai trở lại làm kiếp thú, như làm thân trâu ngựa... Chính những cuộc soi kiếp đã giải tán những sự nghi ngờ này cho ông Cayce Trong những cuộc khán nghiệm các tiền kiếp, ông Cayce được biết rằng Luân Hồi không phải là đầu thai trở lại làm thú vật; và không phải là một điều mê tín dị đoan. Đó là một giáo lý có căn bản vững vàng về phương diện tôn giáo và triết học. Có hằng triệu người trí thức ở Ấn Độ và ở các xứ Phật giáo tin tưởng nơi thuyết ấy một cách sáng suốt thông minh, và lấy đó làm nền tảng cho mọi cách xử thế trong đời sống hằng ngày của họ. Tự nhiên là có nhiều môn phái ở Ấn Độ và ở các nước Á Châu cũng chủ trương thuyết Thoái Bộ Luân Hồi

(metempsychose), tức là con người có thể tái sinh làm kiếp thú, nhưng đó chỉ là một sự chủ trương sai lầm về thuyết Luân Hồi. Vài tôn giáo cũng có những quan niệm lệch lạc về thuyết này, nhưng ta không nên để cho những sự hiểu lầm và thiên lệch đó khép chặt trí óc của ta đối với một điều Chân Lý căn bản và trọng đại.

Ông Lammers có thể bỏ tức những điều được tiết lộ trong những cuộc soi kiếp. Ông giải thích rằng Luân Hồi có nghĩa là Tiến Hóa: Sự tiến hóa của linh hồn con người trải qua nhiều kiếp đầu thai liên tiếp ở cõi trần, khi thì đầu thai làm đàn ông, khi thì làm đàn bà; khi thì làm thường dân, khi thì làm vua chúa; kiếp này đầu thai làm giống dân này, kiếp kia làm giống dân khác... Cho đến khi linh hồn đạt tới mức hoàn thiện. Linh hồn con người cũng ví như một anh tài tử sân khấu đóng nhiều vai trò khác nhau và mặc những bộ y phục khác nhau từ đêm này qua đêm khác. Hoặc cũng ví như ta mặc một cái áo bằng vải trong một thời gian, và khi nó đã cũ, thì vứt bỏ để đổi lấy một cái áo khác. Nhiều bậc Hiền Triết và các nhà thông thái, trí thức siêu việt của Âu Tây cũng đã chấp nhận thuyết Luân Hồi và đã viết nhiều sách vở về vấn đề này, trong số đó có Pythagore, Platon, Plotin,

Giordano Bruno, Goethe, Whitman, Emerson, và Schopenhauer.

Ông Cayce bày tỏ ý kiến: "Những điều đó hẳn là đúng sự thật hiển nhiên rồi; nhưng còn đạo Cơ Đốc thì sao? Nếu tôi chấp nhận thuyết Luân Hồi thì phải chăng điều đó có nghĩa là tôi là phũ nhận đáng Christ thì rõ. Một luật gia trong số những người Pharisieus đã đưa ra câu hỏi đó cho đáng Christ, và Ngài đáp rằng: Người hãy kính yêu Chúa người một cách hết lòng và hết cả tâm hồn. Và người hay thương yêu kẻ đồng loại của người cũng như người vậy. Hai điều răn đó là tất cả giáo luật và lời dạy của các nhà Tiên Tri" (Mathieu 22:35-40.)

Những lời dạy giản dị và sâu xa về tình bác ái đó có khác gì với lời dạy về sự tiến hóa và thuyết Luân Hồi? Và nó có khác gì với những giáo lý của bất cứ tôn giáo nào trên thế giới? Đức Phật đã dạy: "Người đừng làm hại kẻ khác nếu người không muốn cho kẻ khác làm hại mình." Và những Thánh Kinh của Ấn Giáo cũng dạy rằng: "Người đừng làm điều gì cho người khác mà người không muốn người khác làm cho người."

Ấn Giáo cũng như Phật Giáo, đều không thấy có cái sự khác biệt, dị đồng giữa luật bác ái và luật tiến hóa tâm linh mà người ta gọi là Luân

Hồi. Những tôn giáo ấy chỉ nhấn mạnh ở luật Luân Hồi nhiều hơn mà thôi, chứ không cho rằng hai luật ấy tương phản nhau. Nhưng ông Cayce vẫn chưa chịu thuyết phục. Năm lên 10 tuổi, người ta đã cho ông đọc bộ Thánh Kinh (Bible) và ông rất lấy làm say mê. Từ đó, ông nhất định đọc lại bộ sách ấy mỗi năm một lần, suốt đời ông. Trong những năm ấy, ông không hề thấy một lần nào trong sách đó có chữ Luân Hồi. Vậy thì tại sao bộ Thánh Kinh, và điều quan trọng hơn nữa, là đáng Christ lại không hề nói đến vấn đề này?

Ông Lammers nghĩ rằng: "Có lẽ đáng Christ có nói về vấn đề Luân Hồi."

Trước hết, ta nên nhớ rằng đáng Christ đã truyền dạy cho các vị môn đồ nhiều giáo lý mà Ngài không đem giảng dạy cho quần chúng. Và dầu cho Ngài có dạy thuyết Luân Hồi cho một số đông người, ta đừng quên rằng trải qua nhiều thế kỷ, phần chánh giáo của Ngài đã chịu nhiều sự biến thiên dời đổi do những sự diễn đạt của người đương thời và do sự phiên dịch qua nhiều thứ tiếng. Bởi vậy, có thể rằng nhiều giáo lý nguyên thủy của Ngài đã bị thất truyền. Tuy nhiên, ở một vài đoạn trong Thánh Kinh, người ta thấy có sự ngụ ý về vấn đề Luân Hồi. Đáng Christ có lần nói với các môn đồ rằng Thánh

Jean-Bastiste tức là Elie tái sinh (Mathieu 17:12-13). Ngài không có dùng chữ Luân Hồi tái sinh, nhưng Ngài lại nói một cách rõ ràng không úp mở, rằng "Elie đã trở lại... Và khi đó các môn đồ hiểu rằng Ngài nói với họ về Thánh Jean-Bastiste" Trong một đoạn khác, các môn đồ hỏi Ngài về một người mù: "Bạch Sư Phụ, ai đã gây tội lỗi? Chính người này hay là cha mẹ y đã phạm tội, khiến cho y sinh ra đã bị mù?" Nhiều đoạn khác trong Thánh Kinh cũng ám chỉ, hoặc hàm xúc ý nghĩa về Luân Hồi. Ta hãy đọc trong thiên Apocalypse, Chương mười ba, câu thứ mười: "Kẻ nào cầm tù kẻ khác sẽ bị kẻ khác cầm tù; kẻ nào sử dụng gươm đao sẽ chết vì gươm đao."

Câu ấy ám chỉ rằng có một định luật quả báo hành động từ kiếp này sang kiếp khác. Có điều chắc chắn là phe chính thống của Cơ Đốc giáo đã lần lần góp nhặt và tu chỉnh những phần giáo lý của đấng Christ không có nói về vấn đề Luân Hồi; nhưng làm sao người ta có thể chắc chắn rằng sự diễn đạt và chọn lọc của phe chính thống đối với những giáo lý nguyên thủy là hoàn toàn vô tư và không thiên lệch? Nghiên cứu tiểu sử các vị cố đạo Gia Tô thời cổ, người ta thấy có nhiều vị trong số đó đã nhìn nhận thuyết Luân Hồi trong những tác phẩm của họ, và đã

công khai giảng dạy thuyết ấy, như Origene, Jutin Thánh Jerome, Clement d Alexandrie, Plotin và nhiều vị khác nữa. Những vị này đã từng sống vào thời kỳ gần với thời đại của đấng Christ. Phải chăng các vị ấy đã biết và truyền bá những phần giáo lý bí truyền có từ nghìn xưa, mà đấng Christ chỉ dạy riêng cho 12 vị tông đồ thân tín của Ngài mà thôi?

Theo ông Lammers, thì đức giám mục Mercier tuy không tin tưởng nơi thuyết Luân hồi, nhưng đã tuyên bố rằng thuyết ấy không trái với những giáo điều căn bản của đạo Gia Tô.

Những điều kể trên đã giải tán bớt những nỗi thắc mắc băn khoăn của ông Cayce, vì ông đã tưởng rằng ông dùng những quyền năng lạ lùng của mình một cách trái Đạo, tức là tương phản với tôn giáo gốc của ông. Ngoài ra, ông cũng còn có một vài điểm thắc mắc nghi ngờ về quyền năng của mình, nhưng điều này lại có một tánh cách khoa học. Một thí dụ: Làm sao giải thích sự gia tăng dân số lớn lao trên thế giới hiện nay nếu người ta chấp nhận rằng tất cả những linh hồn đều đã có sống trên mặt đất? Vậy thì số sai biệt phụ trội đó ở đâu mà ra? Tất cả gia đình ông Cayce, cùng ông Lammers, các cô bí thư Gladys Davis và Linden Shroyer đều thường họp mặt trong phòng khách để thảo luận

về những vấn đề ấy. Khi tất cả mọi người đều cạn ý kiến, thì người ta mới nhớ đến sự khán nghiệm bằng năng khiếu Thần Nhãn của ông Cayce để tìm ra sự giải đáp; và khi những cuộc khán nghiệm đó có những điều đáng ngờ vực, thì họ tham khảo tài liệu ở các sách báo trong thư viện quốc gia. Nói về vấn đề gia tăng dân số trên thế giới, thì tìm ra câu giải đáp cũng không phải là một điều khó. Một người trong nhóm nói rằng dầu sao, chúng ta có chắc rằng quả thật có sự gia tăng dân số hay không? Những cuộc khán nghiệm đã qua có nói về những nền văn minh cổ xưa ở Ai Cập, và ở châu Atlantide nay đã biệt tích. Ở Cao Miên, Mỹ Tây Cơ, Ai Cập và ở các xứ Đông Phương, những tàn tích khảo cổ đã xác nhận rằng những nền văn minh lớn cổ xưa đã từng xuất hiện trên những vùng lãnh thổ rộng lớn, mà ngày nay chỉ còn là những bãi sa mạc. Như thế người ta có thể quan niệm được rằng ở vào những thời kỳ khác nhau trong lịch sử, có những lúc mà dân số trời sạt không đồng đều, nhưng vẫn không hề thay đổi linh hồn trong vũ trụ. Có thể rằng hằng triệu linh hồn vẫn phảng phất trên các cõi vô hình trong những thời kỳ mà hoàn cảnh không thuận tiện cho họ đầu thai xuống cõi trần.

Tuy ông Cayce vẫn có óc hoài nghi, nhưng ông đã hài lòng về câu giải đáp hữu lý trên đây. Nhưng còn châu Atlantide cũng lại là một vấn đề nan giải khác nữa. Làm sao chúng ta có thể biết rằng châu Atlantide là có thật? Hay đó chỉ là chuyện hoang đường? Những cuộc khán nghiệm bằng Thần Nhãn của ông Cayce đã đưa ra câu giải đáp cho vấn đề ấy một cách tường tận tỉ mỉ và với rất nhiều chi tiết: Nhà triết học Platon là người đầu tiên ở phương Tây đã tường thuật sự hiện diện của châu Atlantide, nay đã chìm dưới đáy biển Đại Tây Dương. Và mặc dầu quần chúng ngày nay không chú ý đến, nhưng những nhà địa chất học cũng đã từng quan tâm về vấn đề này. Họ vẫn không đồng ý với nhau, người thì phủ nhận, kẻ thì quả quyết sự hiện diện của châu Atlantide. Dầu sao có một số lớn sách vở của những tác giả uyên bác đã nói đến vấn đề này và đã đưa ra rất nhiều bằng chứng lịch sử, văn hóa và khoa học, bổ trợ lẫn cho nhau. Ông Cayce đã đọc một quyển nhan đề "Châu Atlantide, một thế giới của thời kỳ tiền sử" của tác giả Ignatius Donnelly, và rất ngạc nhiên mà nhận thấy rằng những cuộc khán nghiệm của ông đã diễn tả đúng y như những bằng chứng căn bản nêu trong quyển sách ấy.

Những cuộc thảo luận và khảo cứu tài liệu ở các sách vở về lịch sử, khoa học, tôn giáo, đạo lý cổ truyền, về châu Atlantide và về khía cạnh tâm lý của khoa thôi miên, là những vấn đề đã được nêu ra trong các cuộc khán nghiệm bằng Thần Nhãn, đã giúp cho ông Cayce có được một tầm kiến thức rộng rãi về văn hóa và lịch sử mà ông vẫn thiếu sót. Lần lần, ông bớt sợ hãi và thắc mắc về những điều mà ông thốt ra trong giấc ngủ thôi miên, ông cảm thấy rằng những điều ấy có thể chứa đựng một phần nào sự thật. Với một sự tọc mạch xen lẫn với một khối óc phê bình, ông bắt đầu phân tách những cuộc khán nghiệm để kiểm soát cho nó được hoàn toàn đúng đắn. Trước hết ông nhận thấy rằng những cuộc khán nghiệm ấy đều có mạch lạc và liên đới lẫn nhau. Không bao giờ một cuộc khán nghiệm này lại tương phản với một cuộc khán nghiệm khác, dầu là cách nhau bao xa cũng vậy. Bởi đó, một người có thể được khán nghiệm một lần thứ nhì, nhiều tháng hoặc nhiều năm sau lần thứ nhất: Những tài liệu đều ăn khớp với nhau và nối tiếp theo nhau một cách đúng đắn, chẳng khác nào như người ta lật một quyển sách ở chỗ trang đã được làm dấu sần, để đọc tiếp theo đoạn sách đã bỏ dở kỳ trước. Phần nhiều những cuộc soi kiếp đưa ra những

tài liệu tổng quát về những thời kỳ cổ xưa, như ở Ai Cập và châu Atlantide.

Khi người ta đem đối chiếu những cuộc soi kiếp đó với nhau, thì thấy rằng những chi tiết rời rạc và thiếu sót đã bổ khuyết lẫn nhau và trở nên hoàn bị hơn: Mỗi cuộc soi kiếp lập lại một phần những gì đã được nói ra trong một lần trước, hoặc thêm vào một chi tiết mới cho toàn thể câu chuyện. Không cuộc soi kiếp đều hòa hợp lẫn nhau, mà còn xác nhận lẫn nhau trên nhiều điểm về những sự việc được ghi chép trong lịch sử, dầu đó là những sự việc bí ẩn tối tăm, thuộc về phần ngoại sử. Thí dụ: Một trong những cuộc soi kiếp nói rằng một người nọ, trong một tiền kiếp, đã từng làm một người "Phóng ghé." Ông Cayce không hề biết "Phóng ghé" nghĩa là gì, và khi tra cứu tự điển, ông mới thấy rằng danh từ đó ám chỉ một phong tục cổ xưa của dân miền Bắc Mỹ: Người ta trói những mụ phù thủy trên những chiếc ghé đầu và cầm chân ghé chống ngược để nhận chìm họ xuống ao nước lạnh. Một thí dụ khác: Trong cuộc soi kiếp cho một người thanh niên, ông Cayce nói rằng trong một kiếp trước, y đã sống ở bên Pháp, tại đây y gặp gỡ và làm bạn với nhà bác học Mỹ Robert Fulton và đã giúp đỡ người này trong sự thực

hiện một vài phát minh khoa học. Ông Cayce biết rõ Robert Fulton nhưng ông không tin rằng ông này đã sống ở nước ngoài, ngoại trừ nước Mỹ. Sau khi tra cứu một quyển tự điển về tiểu sử các nhân vật ông mới biết rằng ông Fulton đã có ở bên Pháp nhiều năm, và đã được nhiều người quen biết giúp đỡ và khuyến khích trong ngành hoạt động của ông. Ngoài ra những sự xác nhận lịch sử lạ lùng nói trên về những tiền kiếp, còn có rất nhiều bằng chứng khác về kiếp hiện tại. Ông Cayce biết rằng những sự phân tách tâm lý trong những cuộc soi kiếp của ông đều đúng, không những đối với ông và những người trong gia đình, mà cũng đúng đối với những người hoàn toàn xa lạ. Trong những cuộc soi kiếp cũng như trong những cuộc khán bệnh, dầu cho đương sự có quen biết hay không đối với ông Cayce, điều đó không có quan hệ gì cả. Họ có thể là những người hoàn toàn xa lạ hoặc ở bất cứ nơi nào trên thế giới: Nếu ông có được đầy đủ tên họ, ngày sinh và nơi sinh của những người ấy, ông có thể diễn tả một cách đúng đắn những hoàn cảnh hiện tại cùng những điều bí ẩn trong tâm tính của họ. Ông cũng nói luôn cả những đức tính, khả năng cùng những khuyết điểm của họ, và truy nguyên ra tất cả những điều đó ở các

tiền kiếp.

Những cuộc soi kiếp cũng đúng dưới một khía cạnh khác. Ông Cayce đã có thể kiểm điểm lại những điều mà cuộc soi kiếp đã tiết lộ về tánh chất và khả năng nghề nghiệp tương lai của những đứa trẻ con: Một cuộc soi kiếp ngày sinh của một đứa trẻ tai. Norfolk cho biết rằng sau này nó sẽ là một đứa trẻ bướng bỉnh, cứng đầu và khó dạy. Khi nó lớn lên, những tính nết đó càng ngày càng biểu lộ một cách rõ rệt, và cha mẹ nó cũng không thể làm cách nào để sửa đổi được.

Trong trường hợp lý thú hơn nữa là của một đứa trẻ khác mà cuộc soi kiếp cho biết rằng về sau y có thể trở nên một y sĩ có tài. Những thói xấu mà cuộc soi kiếp trước cũng đã bắt đầu biểu lộ sớm, cùng một lượt với sự thích thú đặc biệt về ngành y học. Vào năm tám tuổi, y đã bắt đầu mổ xác những con thú đã chết để xem cơ thể bên trong con thú như thế nào. Chưa đầy mười tuổi, y đã xem một cách say mê những bộ sách tự điển Y Khoa, và năm mười hai tuổi, y cho cha mẹ biết rằng y có ý muốn sẽ vào trường Đại Học John Hopkins để theo ngành Y khoa. Cha của đứa trẻ là một nhà kinh doanh thương mại ở New York; mẹ y là một nữ tài tử. Lúc đầu, cha mẹ y đều phản đối ý định học Y khoa của y

và khuyên hãy bỏ ý định ấy. Nhưng đứa trẻ cương quyết giữ lập trường và sau cùng đã thắng mọi trở lực. Hiện nay y đang học lớp dự bị về khoa Lý Hóa Sinh tại một trường Đại Học lớn ở miền đông Hoa Kỳ. Trường hợp này chứng tỏ một lần nữa về năng khiếu Thần Nhãn thật sự của ông Cayce, vì ông đã nhìn thấy kiếp trước của đứa trẻ và chắc chắn rằng những khả năng đặc biệt của y sẽ biểu lộ ra ở kiếp này.

Những thí dụ kể trên chỉ rằng những cuộc soi kiếp của ông Cayce có một giá trị rất lớn về sự tiên đoán tương lai, không những của trẻ sơ sinh mà cũng của những người lớn. Một cô điện tín viên ở nhà Bưu điện thành phố New York lấy làm vô cùng ngạc nhiên về những bức điện tín lạ lùng mà cô đã đánh đi nhiều lần về Virginia Beach. Cô ấy mới hỏi thăm về ông Cayce và quyết định yêu cầu ông soi kiếp cho cô. Nhờ đó, cô biết rằng cô sẽ theo đuổi nghề nghiệp điện tín viên, và tốt hơn cô nên học về ngành vẽ quảng cáo, vì trong nhiều kiếp trước, cô đã là một nghệ sĩ có tài về ngành này. Cô ấy không hề có ý nghĩ theo đuổi một nghệ thuật nào, dầu là kỹ nghệ họa hay bất cứ ngành nào khác, nhưng cô ấy có đủ can đảm để học thử và xin ghi tên học ở một trường nọ. Cô lấy làm vô cùng ngạc nhiên mà thấy rằng cô có năng khiếu và đã

thành công rất mau chóng với ngành kỹ nghệ họa, đồng thời cô cũng được cải tiến rất nhiều về nhân cách của mình.

Với thời gian trôi qua, ông Cayce càng nhận thấy rằng những cuộc soi kiếp của ông đã giúp ích cho rất nhiều người. Ông càng vững đức tin hơn trước, khi thấy rằng công việc của ông làm là chánh đáng vì nó gây nên những kết quả tốt đẹp. Có nhiều người được hướng dẫn theo những nghề nghiệp thích hợp với họ; những người khác nhận được những lời chỉ giáo san bằng mọi sự khó khăn trong đời sống gia đình; những người khác nữa đã tìm cách tự biết mình và tập hòa mình một cách thích nghi với đời sống xã hội.

Những điều kể trên đã lần lần thuyết phục ông Cayce về tánh cách chân thật và xác đáng của những cuộc soi kiếp bằng Thần Nhãn cũng như của sự giải thích mà nó đưa ra về định mệnh của con người. Nhưng điều nó làm cho ông tin tưởng hơn hết là cái tinh thần Gia Tô giáo thâm sâu, tiềm tàng trong những điều mà cuộc soi kiếp đã tiết lộ cho ông biết; và hơn nữa, cái tinh thần Gia Tô giáo đó lại được đưa ra một cách dễ dàng và thích nghi trong khuôn khổ của thuyết Luân Hồi.

Một cuộc soi kiếp ít khi nào mà không nêu ra một đoạn sách trong Thánh Kinh hay một điều giảng dạy của đấng Christ. Những câu dẫn chứng thông thường nhất là những lời dạy của đấng Christ như sau: "Người gặt hái những gì người đã gieo" và "Hãy làm cho kẻ khác những gì người muốn kẻ khác làm cho người." Đôi khi đó là những câu chú thích theo đúng nguyên văn hoặc phác họa thêm ít nhiều tư tưởng theo nguyên văn, chẳng hạn như:

"Người chớ làm lạc: Không ai có thể kiêu ngạo Chúa Trời! Vì ai gieo giống nào sẽ gặt giống nấy." Và: "Con người luôn luôn là cái hậu quả của chính mình. Người hãy làm điều lành cho những kẻ đã phỉ báng nhục mạ người, rồi người sẽ cứu chuộc được những điều tội lỗi mà chính người đã gây ra cho kẻ khác."

Những lời dẫn chứng kể trên là để răn dạy những người bị bệnh tật đau khổ, do hậu quả của những điều tội lỗi mà họ đã gây ra trong một kiếp trước.

Khi sự hứng khởi nồng nhiệt lúc ban đầu đã lắng dịu, thì nhóm người chung quanh ông Cayce mới bắt đầu đặt những câu hỏi về những điều đã tiết lộ trong các cuộc soi kiếp của chính họ. Trước hết họ muốn biết tại sao có một vài thời kỳ trong lịch sử luôn luôn tái diễn trở đi trở

lại trong các cuộc soi kiếp. Nhiều người lại có chung một bối cảnh lịch sử giống như nhau; nói tóm lại, những điều diễn tả trong các cuộc soi kiếp hình như đều rập theo một khuôn khổ. Các cuộc soi kiếp thường nêu ra một loạt các thời kỳ sau đây: Thời đại Atlantide, Đế quốc La Mã, Thời kỳ Thánh Chiến (Croisades) và lúc khởi đầu thời kỳ khai mở thuộc địa ở Bắc Mỹ. Một loạt khác gồm có: Châu Atlantide, Ai Cập, La Mã, nước Pháp thời Louis 14, 15 và 16, và Giặc Phân Ly (Secession) ở Hoa Kỳ. Lẽ tự nhiên, cũng có những trường hợp khác, gồm có Trung Hoa, Ấn Độ, Cao Miên, Pérou, Bắc Âu, Phi Châu, Trung Mỹ, Ý, Tây Ban Nha, Nhật Bản, và nhiều xứ khác; nhưng phần nhiều các cuộc soi kiếp đều noi theo một khuôn khổ lịch sử như nhau.

Theo ông Cayce, lý do của sự kiện trên là vì những linh hồn thuộc về một thời kỳ lịch sử nhất định, về sau thường chuyển kiếp đầu thai chung một lượt ở một thời kỳ khác. Trong những thế kỷ ở khoảng giữa, thì những nhóm linh hồn khác lại chuyển kiếp xuống trần theo đúng phiên bản của họ. Sự thay phiên đầu thai từng nhóm một một cách có quy củ, trật tự như vậy cũng giống như sự thay phiên từng toán thợ làm việc trong một cơ xưởng. Bởi đó, phần nhiều những linh hồn

đang sống trên thế gian hiện nay, đều đã cùng đầu thai với nhau một lượt ở những thời kỳ quá khứ trong lịch sử. Ngoài ra, những linh hồn có sự liên lạc gia đình, bè bạn hoặc đồng lý tưởng với nhau, có thể đã cùng có những nhân duyên với nhau trong những kiếp trước.

Một câu hỏi khác được nêu ra: "Những tài liệu đó do đâu mà có?" Câu trả lời là: Ông Cayce nằm trong giấc ngủ thôi miên, có thể thấu thập những tài liệu đó ở hai nơi. Một là trạng thái vô thức của người đang được soi kiếp. Trạng thái vô thức này giữ lại ký ức của tất cả những kinh nghiệm mà đương sự đã trải qua, không những trong kiếp này mà cũng gồm luôn những kinh nghiệm ở những kiếp trước. Những ký ức thuộc về kiếp trước được che khuất, ẩn tàng trong những chỗ thâm sâu kín đáo nhất của tiềm thức, ngoài vòng hiểu biết và thực nghiệm của khoa Tâm lý học hiện đại. Ngoài ra, tiềm thức của một người là một lĩnh vực dễ thăm dò bằng tiềm thức của một người khác, hơn là bằng trạng thái ý thức, chẳng khác nào như một cảnh hỗn độn của một thành phố lớn, người ta có thể đi từ chỗ này đến chỗ kia bằng đường xe điện ngầm (metro) một cách dễ dàng mau chóng hơn là bằng những phương tiện khác ở trên mặt đất. Bởi lẽ đó, trong trạng

thái thoi miên, linh hồn ông Cayce tiếp xúc với linh hồn đương sự một cách trực tiếp bằng tiềm thức. Sự giải thích này có thể được chấp nhận một cách dễ dàng; nó phù hợp, ít nhất là một phần nào, với những sự phát minh của khoa phân giải tâm lý (psychanalyse) về cuộc đời và trạng thái vô thức.

Nhưng còn cái nguồn gốc thứ hai đã giúp tài liệu cho ông Cayce, thì dường như rất lạ lùng. Những cuộc soi kiếp gọi đó là những "ký ức của không gian" (Clichés Akashiques). Như thường lệ, mỗi khi nói đến một danh từ lạ và khó hiểu, ông Cayce đánh vần từng chữ trong giấc thoi miên của ông: Akasha: Danh từ; Akashique: Tĩnh từ. Nói tóm tắt, ông Cayce giải thích danh từ ấy như sau: Akasha là danh từ Phạn ngữ (sanskrit) dùng để chỉ chất dĩ thái tinh hoa căn bản của Vũ Trụ. Chất ấy có cái tác dụng như một cái phim ảnh hay một cuộn phim chiếu bóng, trên đó được ghi nhận một cách rõ ràng không bao giờ mất những âm thanh, ánh sáng, cùng mọi hành vi, tư tưởng của con người và tất cả mọi sự gì ra trong vũ trụ kể từ thuở Vô Cực. Chính nhờ đó sự ghi nhận trong ký ức của không gian đó mà những bị có Thần Nhãn có thể nhìn thấy dĩ vãng như đọc một quyển sách phơi bày từng trang

trước mặt họ, dầu cho những sự việc xảy ra đã cách xa hằng bao nhiêu thời gian trong quá khứ. Chất Akasha có thể được coi như một cái máy chụp ảnh vĩ đại của Vũ Trụ. Cái khả năng thấy ký ức của Thiên Nhiên trên chất Akasha đó vốn tiềm tàng ở mọi người trong chúng ta: Nó tùy nơi mức độ nhạy cảm của mỗi người, và tùy nơi chúng ta có thể đặt mình vào một trạng thái thụ cảm thích nghi, cũng ví như khi chúng ta bắt đứng luôn sóng vô tuyến trên máy thu thanh để nghe âm nhạc vậy. Trong khi thức tỉnh, ông Cayce không có thể đặt mình vào trạng thái thụ cảm thích nghi, để "Bắt đứng luôn sóng" như đã kể trên, nhưng trái lại trong giấc ngủ thôi miên ông có thể làm được điều ấy.

Trong tất cả những điều bí ẩn mà ông Cayce đã thốt ra trong giấc thôi miên, thì đó là điều mà ông cho là lạ lùng nhất. Tuy thế, đáp lại những câu hỏi hoài nghi về vấn đề này, ông đều luôn luôn trả lời như nhau, có khi thì dùng những danh từ giống nhau, có khi thì thêm vào những chi tiết phụ thuộc. Có nhiều khi, ông nói thêm rằng những sự ghi nhận trên chất Akasha cũng có thể gọi là "Ký ức của Vũ Trụ" hay "Quyển sách Thiên nhiên."

Ông Cayce cũng đưa ra những sự giải thích đã có từ nhiều thế kỷ trước về chất Akasha. Nền

Triết học cổ Ấn Độ đã từng nói rằng căn bản của vật chất vốn hư không; vật chất là sự kết tinh của một sức mạnh gọi là sinh lực; và cũng nói về sự chuyển di tư tưởng bằng phương pháp Thần giao cách cảm: Và những điều này gần đây đã được khoa học Âu Tây xác nhận. Vậy tại sao chúng ta không có một thái độ cởi mở để chấp nhận ít nhất là tiềm năng của chất Akasha, cũng là một quan niệm khác của Triết học Ấn? Sự giải thích bằng trạng thái vô thức có thể chấp nhận được trong việc soi kiếp cho những người khác, nhưng làm sao giải thích hiện tượng này là ông Cayce đã nói rất nhiều chi tiết đầy đủ, nó tuôn tràn một cách dồi dào như suối chảy trong những cuộc khán nghiệm siêu tầm về những thời đại cổ xưa ở châu Atlantide, Ai Cập, và thời kỳ của đức Chúa Jesus?

Có thể nào ông đã góp nhặt tài liệu trong tiềm thức của những người đã từng sống vào những thời kỳ đó chăng? Mặc dầu họ không phải là những người đến nhờ ông soi kiếp? Hay ông Cayce đã khám phá ra những điều đó trong ký ức của Lịch Sử, được ẩn dấu tiềm tàng và giữ gìn nguyên vẹn trong những cõi vô hình huyền bí của Vũ Trụ? Sau cùng ông Cayce đã chấp nhận quan niệm về chất Akasha, không phải vì ông có một bằng chứng tuyệt đối về điều

ấy, mà bởi vì nó đã được xác nhận trong những cuộc khán nghiệm bằng Thần Nhãn; và những cuộc khán nghiệm của ông về tất cả mọi vấn đề từ trước đến nay đều đúng đắn và hoàn toàn đáng tin cậy.

Có lẽ sự dùng Thần Nhãn để nhìn thấy những sự việc đã xảy ra trong quá khứ cũng có thể được giải thích bằng những cách khác; và cũng có lẽ trong tương lai, một nhà bác học hiện đại nào đó có thể chứng minh sự thật về chất Akasha, và điều này rốt cuộc cũng không phải bí mật lạ lùng gì hơn những hiện tượng đã có, chẳng hạn như luồng sóng vô tuyến, tánh chất phóng quang của chất radium, nguyên tử lực, hoặc trí nhớ của bộ óc con người, và sự truyền cảm của bộ Thần kinh hệ. Dầu sao, những cuộc soi kiếp của ông Cayce và sự đúng đắn một lạ lùng của nó là một sự thật hiển nhiên. Trong khoảng 22 năm trường, bắt đầu từ năm 1923 trở đi là năm mà ông Cayce bắt đầu soi kiếp và khán bệnh bằng Thần Nhãn, cho đến năm 1945 là năm ông từ trần, ông đã soi kiếp cho tất cả độ 2.500 người. Cũng như những cuộc khán bệnh bằng Thần Nhãn, những cuộc soi kiếp đều được ghi chép trong các tập hồ sơ và được giữ gìn cẩn thận. Nhiều thơ từ văn kiện đã chứng minh cho sự đúng đắn của nhiều cuộc soi kiếp, mỗi

khi có đủ bằng chứng xác nhận về sự đúng đắn của những điều đã tiết lộ. Những người nào muốn tìm biết sự thật về những điều này vẫn còn có thể chất vấn nhiều người hiện nay còn sống và đã từng được ông Cayce soi kiếp cho họ.

Như vậy, nếu chúng ta có thể tin tưởng nơi tánh cách chân thật của những tập hồ sơ văn kiện lạ lùng đó và sự giải đáp của nó về những bài toán bí hiểm của cuộc đời, thì ta đã có trong tay một số tài liệu khổng lồ và hiếm có về vấn đề này. Trước hết chúng ta có một số bằng chứng cụ thể hiển nhiên về luật Luân Hồi, là một nguyên tắc tiến hóa căn bản của con người. Và tất cả những yếu tố kể trên cũng chưa đủ để hoàn toàn thuyết phục chúng ta, thì ít nhất nó cũng đáng để cho chúng ta chú ý vì mục đích khảo cứu và sưu tầm khoa học. Có biết bao nhiêu những cuộc phát minh lớn lao vĩ đại, lúc ban đầu cũng chỉ căn cứ trên những giải thuyết lạ lùng và khó tin. Khi người ta hỏi nhà bác học Einstein bằng cách nào ông ta đã phát minh ra thuyết Tương Đối luận, ông đáp:

- Tôi chỉ thử đưa một nghi vấn về một định lý.

Ngoài ra, chúng ta còn có một số tài liệu rất dồi dào về tâm lý, y lý và triết lý, nó dèm đến

cho ta một tầm kiến thức rộng rãi và khác hẳn về cuộc đời.

Trong khoảng hai mươi hai năm đó có biết bao nhiêu người đau khổ tuyệt vọng đã tìm đến ông Cayce và đã được ông săn sóc giúp đỡ do sự hiểu biết thâm sâu và năng khiếu Thần Nhãn của ông. Họ bị đủ thứ đau khổ bệnh tật về thể xác lẫn tinh thần, và tất cả đều muốn tìm sự giải đáp cho câu hỏi sau đây:

" Tại sao sự đau khổ này lại đến cho tôi?"

" Nguyên nhân vì đâu mà tôi bị sự đau khổ này?"

Không phải tất cả những trường hợp đó đều là nguy cấp hay tuyệt vọng. Có nhiều người xem ra thì những kiếp trước họ cũng tầm thường như kiếp này, vì không có gì đặc biệt. Nhưng, dầu cho sự đau khổ của họ nặng hay nhẹ, các cuộc soi kiếp đã chỉ cho thấy rằng cái thân phận và hoàn cảnh hiện thời của họ là cái kết tinh của bao nhiêu nhân và quả nối tiếp lẫn nhau như những cái khoen của một sợi dây xích và bắt đầu từ nhiều thế kỷ trước. Tất cả đều đã được chỉ cho thấy rằng những bệnh tật, thống khổ của họ bây giờ đều có nguyên nhân xa hay gần, do sự hành động của một định luật căn bản gọi là Luật Nhân Quả.

Những gì họ đã nghe và học hỏi đã làm cho họ thay đổi cuộc đời; sự hiểu biết thâm sâu về bài học Nhân Quả đã giúp cho họ một nguồn an ủi cùng tìm thấy sự thăng bằng và an tịnh của tâm hồn.

Nếu người ta chấp nhận tánh cách chân thật của những cuộc soi kiếp, người ta cũng phải nhìn nhận sự kiện này là nó đã làm đảo lộn trí óc và quan niệm của họ về cuộc đời. Tầm quan trọng của sự việc kể trên không phải là nó đem đến cho ta một giả thuyết mới: đó là một lý thuyết rất cổ xưa và đã từng là một điều tin ngưỡng của nhiều dân tộc rải rác ở nhiều miền lục địa trên quả địa cầu. Những cuộc soi kiếp của ông Cayce có một tầm quan trọng vì hai điều này:

Điều thứ nhất: đây là lần đầu tiên ở Âu Mỹ mà người ta đã có được những bản phúc trình đúng đắn mạch lạc, rõ ràng và đáng tin cậy về những kiếp trước của một số nhiều người.

Điều thứ hai: đây là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, những bản phúc trình đó được ghi chép và sắp thành hồ sơ có ngăn nắp, trật tự, để cho mọi người có thể tra cứu, sưu tầm. Ngoài ra, những cuộc soi kiếp của ông Cayce đã hợp nhứt triết lý Đông Tây càng thêm phần sinh sắc. Nhờ đó, chúng ta đã có một sự tổng hợp rất

cần thiết giữa hai quan điểm triết học khác nhau của Đông Phương và Tây Phương.

Những cuộc soi kiếp bằng Thần Nhãn của ông Cayce cũng đã tổng hợp khoa học cả tôn giáo bằng cách chỉ cho ta thấy rằng cõi giới tinh thần được cai quản bởi những định luật Nhân Quả một cách đúng đắn cũng y như cõi giới vật chất. Nó cho ta thấy rằng sự đau khổ của con người không phải là do một sự rủi ro tình cờ theo quan niệm duy vật, mà là do bởi những tư tưởng và cách hành động sai lầm trong quá khứ. Nó chỉ rằng những sự sai biệt và bất đồng giữa thân thể, hoàn cảnh và khả năng của người đời không phải là do ý muốn độc đoán của Thượng Đế hay là do ảnh hưởng mù quáng của sự di truyền, mà nó chỉ là cái kết quả của những hành động và cách xử thế của con người trong kiếp trước.

Mọi sự đáng cay, thất bại, buồn rầu đều có một ý nghĩa và mục đích giáo hóa chúng ta về đường xử thế; những bệnh tật tai ương xảy đến cho ta đều có một nguyên nhân sâu xa về tinh thần. Và tất cả những sự quằn quại đau khổ đều là những bài học quý mà chúng ta thọ lãnh trên trường học lớn của thế gian, ngõ hầu trong tương lai nó sẽ đưa chúng ta đến cái mục đích Minh Triết và Toàn Thiện.

Chương 4: Vài Loại Quả Báo Xác Thân

Những người tàn tật, đui què, câm điếc, những người bị các chứng nan y, đó là những thí dụ rõ rệt nhất về sự đau khổ của người đời. Đứng trước những cảnh đau khổ đó, chúng ta cảm thấy một lòng trắc ẩn sâu xa và thấm thía. Khi mà một trong những cảnh khổ đó xảy đến cho ta, khi chúng ta gặp phải những cảnh ngộ đáng cay, trái ngược, chúng ta có lẽ đâm ra hoài nghi về lòng nhân từ bác ái của đấng Tạo Hóa. Có lẽ chúng ta sẽ tự hỏi: "Tại sao tôi bị sự đau khổ này? Và tại sao cảnh khổ này lại xảy đến cho tôi?"

Anh X... Là một người hiền lành và đức hạnh hơn người. Anh đã bị mất hết gia tài, sản nghiệp và tất cả mấy đứa con anh đều chết hết; anh chịu đựng những cảnh khổ đó một cách kiên nhẫn và không phàn nàn rên siết. Nhưng khi anh bị một chứng bệnh kỳ quái làm toàn thân anh đều nổi các mụn nhọt lở loét, ghê tởm, thì anh X... Bèn nguyên rửa Thượng Đế lần đầu tiên, và cũng lần đầu tiên, anh la lên trong cơn tuyệt vọng để tìm biết lý do những sự đau khổ đã xảy đến: "Ai có thể nói cho tôi biết, rồi tôi sẽ im lặng và an phận. Tôi đã gây nên những tội lỗi gì?"

Nói rằng nguyên nhân sự đau khổ là do bởi những hành động sai lầm, tội lỗi gây ra, thì người thời nay thường cho đó là một điều dị đoan, di sản của những tôn giáo cổ xưa đã lỗi thời. Ít người chịu suy nghĩ và nhìn nhận điều đó. Tuy vậy, theo những cuộc soi kiếp của ông Cayce, thì tội lỗi và đau khổ đi liền với nhau như bóng với hình, và giữa Nhân với Quả vốn có một sự liên quan chặt chẽ.

Để hiểu rõ cái quan niệm trên, nó làm nền tảng cho những cuộc soi kiếp của ông Cayce, ta cần hiểu ý nghĩa của danh từ Karma, là danh từ duy nhất giải thích ý nghĩa về vấn đề Nhân Quả. Karma là một danh từ Phạn ngữ, có nghĩa là hành động. Nhưng theo ý nghĩa về triết học, thì nó định nghĩa Luật Nhân Quả, là một định luật cai quản và chi phối mọi hình thức sinh hoạt trong Trời Đất. Ông Emerson là người đã từng hấp thụ và tin tưởng nền Triết học Ấn Độ, gọi đó là Luật Thừa Trừ. Đấng Christ cũng đã nói về luật ấy một cách gọn gàng giản dị trong câu: "Người sẽ gặt những gì người đã gieo." Định lý khoa học của Newton nói rằng: "Mỗi hành động đều gây nên một phản ứng tương đương và ngược chiều," áp dụng trên cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần.

Những cuộc soi kiếp của ông Cayce làm cho người ta thích thú say mê vì nó khám phá ra tận nguồn gốc của những bệnh tật đau khổ trong kiếp hiện tại, truy nguyên ra từ những hành động ở những kiếp quá khứ, và làm sáng tỏ một cách rõ ràng cái quan niệm trừu tượng về Nhân Quả. Một sự nghiên cứu tỉ mỉ về những trường hợp đã khán nghiệm cho biết rằng có nhiều loại quả báo khác nhau. Một trong những loại đó có thể gọi là "Quả Báo Dội Ngược," nghĩa là một hành động gây tổn thương cho kẻ khác, kết quả sẽ dội ngược trở về bản thân của đương sự.

Trong những tập hồ sơ của ông Cayce, có nhiều thí dụ về loại quả báo này, mà một trường hợp được kể ra như sau:

Một vị giáo sư dạy nhạc, lúc mới sinh ra đã bị mù mắt, có nghe nói về ông Cayce trong một chương trình phát thanh "Những Sự Mầu Nhiệm." Ông bèn đến nhờ ông Cayce khán bệnh và sau một thời gian chạy chữa theo sự chỉ dẫn của ông Cayce, ông ta cảm thấy khá nhiều. Ba tháng sau, ông đã thuyên giảm được 10 phần trăm về con mắt bên trái, mà các nhà chuyên môn về bệnh đau mắt cho là đã hoàn toàn hỏng. Kế đó, một cuộc soi kiếp cho thấy rõ ràng tất cả bốn tiền kiếp của ông ta: Kiếp thứ nhất ở Bắc Mỹ hồi thời kỳ Chiến tranh Phân Ly (Secession);

kiếp thứ nhì ở Pháp hồi thời kỳ Giặc Thánh Chiến (Croisades); kiếp thứ ba ở Ba Tư vào khoảng 1.000 năm trước Tây lịch; và kiếp thứ tư ở Châu Atlantide trước khi xảy ra cuộc Đại Hồng Thủy. Chính trong kiếp thứ ba ở Ba Tư, ông ta đã gây nên cái nhân ác nó báo ứng bằng sự mù mắt của ông ta trong kiếp này. Hồi đó, ông ta có chân trong một bộ lạc dã man có tục lấy dùi sắt nhọn nung đỏ châm vào mắt những tù binh, và chính ông ta là đao phủ quân hành tội các tù nhân bằng cách đó.

Một thí dụ thứ hai đáng được ghi nhớ là trường hợp của một thiếu nữ làm nghề sửa móng tay, bị chứng liệt bại cả hai chân từ khi mới lên một tuổi. Cô này không thể đi đứng gì được, nếu cô không dùng nạng chống và những dụng cụ nối xương nhân tạo. Cuộc soi kiếp tiết lộ rằng nguyên nhân của bệnh trạng cô bây giờ là do một tiền kiếp ở Châu Atlantide. Trong kiếp đó, cô đã dùng những phép thuật tà đạo để làm cho kẻ khác bị yếu mềm cả tay chân, trở nên bất lực và chịu để cho cô sai khiến. Bởi vậy trong kiếp này cô phải chịu quả báo về sự tổn thương mà cô đã gây ra cho kẻ khác. (Trong cuộc soi kiếp, ông Cayce thường dùng chữ "Linh hồn" để chỉ dương sự, vì con người vốn là một linh hồn bất tử đầu thai từ kiếp này sang kiếp khác để

học hỏi những bài học kinh nghiệm cần thiết trên đường tiến hóa đưa đến mức Toàn Thiện.)

Một thí dụ thứ ba về quả báo dội ngược được kể ra như sau:

Một người đàn bà 40 tuổi từ lúc nhỏ bị một chứng bệnh kỳ lạ. Mỗi khi cô ăn một vài thức ăn như bánh mì, hoặc chất ngũ cốc, thì bị nhầy mũi dữ dội như bị chứng sổ mũi hoặc cảm cúm. Khi cô dùng đến một vài thứ đồ vật dụng, nhất là đồ bằng da hay bằng chất nhựa (plastique,) thì lại cảm thấy đau nhói dữ dội ở bên hông trái. Cô đã đi khám bệnh với nhiều bác sĩ, nhưng không có kết quả, và cho biết rằng cô chỉ thấy bớt trong những cuộc chữa bệnh bằng thôi miên lúc 25 tuổi. Sự thuyên giảm đó kéo dài được sáu năm, nhưng triệu chứng cũ lại tái phát. Cô đến nhờ ông Cayce chữa bệnh. Cuộc soi kiếp tiết lộ rằng:

"Trong một tiền kiếp, linh hồn này làm nghề bào chế sự, y đã dùng nhiều chất hóa học để gây tổn thương cho kẻ khác. Bởi đó y bị hành xác bằng những chất hóa học trong kiếp này. Linh hồn này cũng đã dùng một vài chất độc để làm cho kẻ khác bị nghẹt thở, bởi đó ngày nay ông bị nhiễm độc bởi một vài chất kim khí, chất nhựa, và đồ da thuộc bằng chất hóa học..."

Một loại quả báo thứ nhì trên địa hạt vật chất có thể được gọi là quả báo về xác thân,

theo đó sự lạm dụng cơ thể trong một kiếp sẽ gây nên quả báo thích nghi trong một kiếp sau. Đây là một ví dụ:

Một người đàn ông 35 tuổi, từ thuở nhỏ đã bị chứng đau ruột và bộ máy tiêu hóa. Y phải ăn uống kiêng cử gắt gao và chỉ dùng được một vài thức ăn giản dị mà thôi, và mặc dầu như thế, y cũng tiêu hóa các bữa ăn của y một cách khó khăn, sau nhiều giờ vất vả và mệt nhọc. Chứng bệnh này gây cho y rất nhiều điều bất tiện, và gây trở ngại không ít trong đời sống ngoài xã hội. Cuộc soi kiếp của ông Cayce tiết lộ cho biết nguyên nhân của bệnh trạng này là trong một tiền kiếp dưới trào vua Louis 13 bên Pháp, y làm chức hầu cận của nhà vua Y thừa hành chức vụ một cách tận tâm và chu đáo, nhưng y có tật tham ăn và ăn uống quá độ. Trong một kiếp trước nữa, khi y làm nghề y sĩ dưới triều vua nước Ba Tư, y cũng ăn uống vô tiết độ. Như thế trong hai kiếp, y đã phạm cái lỗi về tâm lý là lạm dụng sự ăn uống để tìm khoái lạc của nhục thể. Điều này làm đảo lộn sự quân bình trong trạng thái tâm lý của y, và phải được thừa trừ bằng một cách nào đó trong kiếp hiện tại. Quả báo về xác thân làm cho y bị đau bộ máy tiêu hóa, và bắt buộc y phải hạn chế ăn uống trong kiếp này.

Một loại quả báo thứ ba về thân xác mà người ta thường thấy trong những cuộc soi kiếp của ông Cayce, có thể gọi là "Quả báo Tượng Trưng." Đây là một loại quả báo rất lạ kỳ và thú vị nhất trong các loại quả báo về thể xác. Một trường hợp của loại quả báo này được kể ra như sau:

Ông Cayce có soi kiếp cho một người thanh niên bị bệnh thiếu máu từ thuở nhỏ. Y là con của một vị bác sĩ, bởi đó y đã được săn sóc thuốc thang và chạy chữa đủ cách, nhưng vẫn vô hiệu quả. Một chứng bệnh nan y như thế hẳn là phải có một nguyên nhân rất sâu xa Cuộc soi kiếp cho biết rằng trong một tiền kiếp ở xứ Perou, đã năm kiếp về trước, linh hồn này làm tướng đem quân chiếm đoạt xứ ấy một cách bạo tàn. Trong cuộc soi kiếp, ông Cayce nói: "Cuộc chiến tranh đó đã làm cho bao nhiêu đầu rơi máu chảy, gây nên một thảm họa lưu huyết rất lớn. Bởi đó trong kiếp hiện tại của linh hồn này, y bị bệnh mất máu, không sao chạy chữa."

Chúng ta sẽ hiểu rõ ý nghĩa câu này hơn, nếu chúng ta so sánh với trường hợp quả báo vệt thể xác, vì tội lỗi của người này không phải do sự lạm dụng một bộ phận nào trong cơ thể của y. Đây cũng không phải là một trường hợp "Quả báo dội ngược," vì nếu như thế thì người

thanh niên này có lẽ đã là nạn nhân của một cuộc tàn sát hung bạo, chẳng hạn như y có thể là một người lính Ba Lan bị quân Đức Quốc Xã của Hitler sát hại.

Trái lại, ở đây chúng ta thấy nghiệp báo ứng vào chính thể xác của y: Nó trở thành một vật khí dụng cho y dùng để trả quả. Bệnh mất máu làm cho cơ thể yếu đuối suy nhược suốt một đời, chính là một cơ hội trả quả nặng nề đau đớn hơn và có một ý nghĩa giáo dục rộng rãi hơn là một cái chết vì đao kiếm trên bãi chiến trường. Linh hồn này đã làm đổ máu cả một dân tộc để làm thỏa mãn tham vọng chinh phục đất đai. Trong kiếp này sự yếu đuối bất lực so bệnh thiếu máu gây nên làm cho y chịu quả báo một cách tượng trưng.

Điều này có vẻ hình như hoang đường, nếu chúng ta không quen với những quan niệm thuộc về loại đó, qua sự phát minh gần đây về những sự tương quan giữa linh hồn và thể xác theo khoa Tâm Bệnh Học (Psychosomatique).

Trước đây không lâu, người ta vẫn tưởng rằng tất cả mọi chứng bệnh đều do những nguyên nhân về sinh lý. Những sự tiến bộ của khoa chữa bệnh tinh thần (Psychiatrie) đã chỉ rằng ít nhất có vài bệnh trạng nguyên nhân là do bởi những sự xáo trộn tinh thần hoặc xúc động

tình cảm gây nên. Từ sự khám phá này mới nảy sinh một ngành Y học mới, gọi là khoa Tâm bệnh học (Psychosomatique, do hai danh từ Hy Lạp: Psyche là linh hồn, và soma là xác thể), khoa này cũng đạt được những kết quả hiển nhiên và không thể chối cãi về sự liên quan giữa xác thể và linh hồn.

Khoa Tâm bệnh học đã chứng minh rằng những sự căng thẳng về tình cảm nếu không biểu lộ được bằng lời nói hay hành động, thường tự biểu lộ nơi thể xác một cách tượng trưng bởi một thứ "Tiếng nói của cơ thể."

Thí dụ: Nếu người bệnh không nuốt được một cách trôi chảy trong bữa ăn mà người ta không tìm thấy có một nguyên nhân nào thuộc về cơ thể, thì đó có thể là một cái gì trong đời của bệnh nhân mà y "Không thể nuốt được." Sự buồn mửa, nếu không phải là do bệnh tật của cơ thể sinh ra, có nghĩa là người bệnh còn mang trong lòng một cái hận nào đó trong đời sống tình cảm của y.

Dường như có một sự tương quan chặt chẽ giữa "Tiếng nói của cơ thể" theo khoa Tâm bệnh học, và điều mà người ta gọi là "Quả báo tượng trưng." Trong các trường hợp sau này, dường như đương sự có một ý thức sâu xa thâm trầm về tội lỗi của mình, và cái ý thức đó biểu lộ ra

nơi một bộ phận trong cơ thể. Sự chọn lựa một bộ phận nào sẽ tùy nơi cái ý nghĩa tượng trưng của bộ phận ấy. Dưới đây là một vài thí dụ điển hình trong số rất nhiều trường hợp quả báo tượng trưng mà người ta tìm thấy trong các tập hồ sơ của ông Cayce.

Một người bị chứng bệnh suyễn kinh niên, trong lúc soi kiếp được nghe ông Cayce nói rằng: "Anh đã từng đè nén, áp bức kẻ khác, lẽ tự nhiên, nhân quả báo ứng, có lúc anh phải cảm thấy ghen ngào khó thở, cũng như chính anh bị kẻ khác đè nén và áp bức vậy."

Một người điếc bị cảnh báo rằng: "Như vậy anh đừng bịt lỗ tai làm ngơ trước sự đau khổ của những người cầu xin anh giúp đỡ." Cuộc soi kiếp cho biết người điếc này là một người dòng sang, quý tộc dưới thời Cách Mạng Pháp, nhưng thường ngoảnh mặt làm ngơ trước những tiếng kêu rên siết và những cảnh lầm than khốn khổ của người đương thời.

Một người bị chứng bệnh lao trong tủy xương sống, được biết cho rằng: "Linh hồn này đã từng gây chướng ngại khó khăn cho kẻ khác. Nên bây giờ y phải chịu những khó khăn chướng ngại đó trong thân thể của y"

Một người bị chứng bệnh rút gân, làm cho hai chân y bị teo bắp thịt, càng ngày càng nhỏ

dần, được cho biết rằng: "Đây không phải là bệnh rút gân và teo bắp thịt mà thôi đâu; đó là hậu quả của những gì mà anh đã làm cho kẻ khác trong những kiếp trước."

Trường hợp lạ lùng nhất về quả báo tượng trưng trong các tập hồ sơ Cayce là trường hợp của một trẻ em mười một tuổi có tật đái dầm từ khi mới lên hai tuổi. Trường hợp này được kể ra một cách đầy đủ chi tiết hơn, vì tánh cách đặc biệt của sự điều trị cho em bé ấy.

Người thiếu niên này hồi nhỏ rất hiền lành, được cha mẹ y nuôi nấng dễ dàng cho đến khi người mẹ sinh thêm một đứa em gái nhỏ: Từ khi đó, y bắt đầu đái dầm trên giường trong giấc ngủ. Y đái dầm như vậy đều đều mỗi đêm. Cha mẹ y nghĩ rằng có lẽ y cảm thấy bị bỏ rơi khi người mẹ sinh thêm một em nhỏ nữa, nên tiềm thức của y khiến cho y tái diễn thói quen của tuổi sơ sinh để làm cha mẹ y phải chú ý và săn sóc y như thuở ban đầu. Cha mẹ y bèn hết sức cố gắng để tỏ cho y biết rằng tình thương của cha mẹ vẫn không thay đổi vì đứa em gái nhỏ mới sinh, và y vẫn được thương yêu săn sóc như trước, nhưng vẫn không có kết quả.

Khi đứa trẻ lên ba tuổi, cha mẹ y bèn nhờ một vị bác sĩ chuyên môn về bệnh thần kinh chạy chữa cho y. Sau một năm thuật thang điều trị, y

vẫn không thuyên giảm chút nào, và cha mẹ đành phải chịu vậy. Suốt năm năm trường, y vẫn tiếp tục đái dầm mỗi đêm. Cha mẹ y chạy đủ thầy chuyên môn và thử đủ mọi cách điều trị chứng bệnh vẫn trơ trơ không sao chữa khỏi. Y vẫn đái dầm lên cho đến năm tám tuổi. Một lần nữa cha mẹ y lại chạy chữa với một bác sĩ khác, và cuộc điều trị kéo dài suốt hai năm, nhưng vẫn không hiệu quả. Khi y lên mười tuổi, thấy rằng cuộc điều trị vẫn không ăn thua gì, cha mẹ y mới thôi và đành chịu phép. Khi y lên mười một tuổi, cha mẹ y nghe nói về thuật chữa bệnh của ông Cayce Người cha bèn yêu cầu ông Cayce khám bệnh về trường hợp kì lạ này của đứa trẻ. Ông Cayce bèn dùng Thần Nhãn để soi kiếp cho đứa trẻ thì thấy rằng trong kiếp trước, y là một người giáo sĩ đạo Gia Tô trong hồi xử án những kẻ theo tà giáo. Chức vụ của y là trị tội những mục đồng bóng, phù thủy bằng cách trói họ trên những chiếu ghé đầu, rồi cầm chân ghé chống ngược đầu để nhận chìm họ xuống ao nước lạnh. Sau khi tìm ra cái lý do nhân quả nói trên, cuộc soi kiếp cho biết bệnh ấy có hy vọng chữa khỏi. Cha mẹ đứa trẻ được cho biết là hãy áp dụng phương pháp ám thị cho y trong giấc ngủ, và sự ám thị này phải thuộc về tinh thần chứ không phải về thể xác.

Vài hôm sau, khi về đến nhà, ban đêm người mẹ bèn đến ngồi cạnh giường con trai bà. Đợi đến lúc y đã ngủ mê, bà mới bắt đầu nói bằng một giọng trầm trầm và chậm rãi những lời này: "Con là một người hiền lành tốt bụng. Con sẽ làm cho nhiều người được sung sướng. Con sẽ giúp đỡ tất cả những người con gặp trên đường đời của con. Con rất hiền lương và tốt bụng." Bà lặp đi lặp lại nhiều lần câu ấy nhiều lần, và thay đổi với những danh từ khác nhau, tuy rằng với bấy nhiêu ý tưởng đó trong chừng mười phút trở lại, trong khi con bà đang ngủ mê. Đêm đó, lần đầu tiên từ chín năm nay, đứa trẻ không đái dầm như mọi khi. Trong nhiều tháng, bà mẹ vẫn theo đuổi phương pháp ám thị đó và cũng vẫn dùng bấy nhiêu lời tương tự. Đứa trẻ không đái dầm một lần nào trong suốt mấy tháng đó. Lần lần, bà mẹ thấy rằng bà chỉ cần ám thị ba ngày một lần, rồi sau đó mỗi tuần một lần là đủ; và sau cùng, sự ám thị cũng không còn cần thiết nữa: Con bà đã hoàn toàn khỏi bệnh.

Trường hợp này có nhiều điểm lý thú. Trước hết là cuộc ám thị vừa áp dụng đầu tiên, đã làm dứt hẳn một chứng bệnh kinh niên trong chín năm. Và nếu người mẹ là một người đàn bà không có

học thức và đức hạnh; thì có lẽ người ta cho rằng đó là chuyện nói thừa; nhưng bà là một nữ luật sư ở Tòa Án, bà không phải là một người tin nhằm hay dị đoan mê tín, và không có tâm địa bất lương.

Điểm thứ hai là trong sự ám thị đó, bà mẹ không hề bảo con là đừng đái dầm. Sự ám thị đó không nhằm vào cái ý thức về vào cái ý thức tâm linh của người thiếu niên. Nói một cách khác, sự ám thị nhắm vào cái ý thức về sự tội lỗi mà y đã làm trong kiếp trước, nó đã biểu lộ ra một cách tượng trưng trong thể xác của y do đường tiểu tiện, thận và bọng đái. Kiếp trước y đã nhận người khác xuống ao nước lạnh, hoặc chịu trách nhiệm về cái hành động tàn ác đó; kiếp này, y cảm thấy trong chỗ kín đái, u uẩn của tiềm thức, rằng y phải trả cái nghiệp ác đó, và cái quả báo đã ứng hiện vào xác thân của y một cách tượng trưng. Mặc dầu trong kiếp này, y không có làm hại ai, nhưng một lớp kín đái trong tiềm thức làm cho y nghi ngờ về lòng tốt của mình, vì y còn mang nặng trong lòng cái kỷ niệm về sự trừng phạt nặng nề đau khổ mà y đã gây cho kẻ khác trong kiếp trước. Sự ám thị của bà mẹ đã thức động đến cái lớp kín đái u uẩn đặc biệt đó, làm cho y hiểu rằng sự tội lỗi của y

có thể xóa bỏ được bằng những hành động và cử chỉ hiền lương, tốt lành, và bởi đó, cái quả báo tượng trưng kia sẽ không còn là cần thiết nữa.

Từ đó người thiếu niên đã bắt đầu sống một cuộc đời mới. Y được mọi người thương mến, y là một người học trò tốt và tỏ ra có khả năng lãnh đạo. Tâm tình tánh chất của y đã thay đổi. Trong một cuộc giao nghiệm về khả năng tại Viện Đào Tạo Nhân Cách Johnson Ó Connor, y đã được liệt vào hạng những người có triển vọng thành công về sự giao tế ngoài xã hội. Người mẹ y cho rằng sự thay đổi cá tính của y một phần nhờ bởi sự điều trị thần kinh, và một phần nhờ bởi cuộc khán bệnh bằng Thần Nhãn của ông Cayce Hiện nay, vào năm 18 tuổi, theo ý kiến của cha mẹ y, thì người thiếu niên có một đức tính căn bản là rộng rãi khoan dung đối với mọi người. Đối với thói hư tật xấu của người đời, y đều tìm cách bào chữa và tìm ra một sự giải thích về tâm lý để khoan dung và tha thứ cho họ. Dường như tánh độc ác, khắc nghiệt của y trong kiếp trước, mà chứng bệnh đá dầm là một hình phạt tượng trưng, đã được biến đổi thành một đức tánh khoan dung nhân hậu trong kiếp này. Nhờ đó cán cân nhân quả đã được lập

lại sự cân bằng, và căn bệnh quả báo của y cũng đã dứt tuyệt.

Nếu chúng ta xét lại những trường hợp nhân quả báo ứng trên, chúng ta có thể thấy rõ một vài nguyên tắc hành động chung của Luật Nhân Quả. Trong những cuộc khán nghiệm và soi tiền kiếp của ông Cayce, ông đã chỉ cho ta thấy rằng mọi hành động trong quá khứ đều gây nên một nghiệp quả hiển nhiên và cụ thể trong hiện tại. Nhưng cái nghiệp quả đó không phải lúa nào cũng báo ứng một cách thật đúng khớp với cái nguyên nhân gây ra, cũng như vay nửa cân trả tám lạng. Thí dụ như trường hợp người nhạc sư bị mù mắt. Kiếp trước ông ta đã lấy dùi sắt nhọn nướng đổ chọc vào mắt kẻ tù binh; nhưng kiếp này ông ta không có sinh vào làm dân của một bộ lạc dã man đến rồi đến phiên ông bị bắt làm tù binh của bộ lạc cừ địch tàn bạo, dùng dùi sắt nướng đổ chọc vào mắt ông ta. Ông ta sinh ra đã bị mù lòa, và sinh trưởng trong một xã hội văn minh tân tiến của thế kỷ hai mươi. Những sự việc xảy ra trong kiếp này của ông ta không hoàn toàn đúng hẳn như trong kiếp trước.

Thí dụ trên và nhiều thí dụ khác cũng một loại, đã đưa chúng tôi đến cái kết luận chung như

sau: "Luật Nhân Quả là một định luật tâm lý, nó hành động trước hết trên địa hạt tâm lý, những hoàn cảnh vật chất chỉ là một phương tiện để đạt tới cái mục đích tâm lý đó mà thôi. Bởi đó, sự báo ứng của nghiệp quả trên bình diện vật chất không hẳn phải là thật đúng khớp và ăn rập theo khuôn mẫu với cái nguyên nhân đã gây ra từ trước, mà chỉ là đúng một cách phỏng chừng. Trên bình diện tâm lý, nghiệp quả báo ứng mới thật đúng khớp hơn, và đầy đủ trọn vẹn hơn." Một nguyên tắc đại cương khác dường như căn cứ trên vấn đề khí cụ của nghiệp quả. Trong các tập hồ sơ Cayce, người ta không hề thấy có trường hợp nào mà sự đau khổ trong kiếp hiện tại lại gây ra bởi một nạn nhân cũ của đương sự trong kiếp trước, và đã gặp lại y trong kiếp này. Trong trường hợp của vị nhạc sư mù từ lúc mới sinh: Không có điều gì chỉ rằng cha mẹ Ông ta vốn là những nạn nhân cũ trong kiếp trước, nay đầu thai lại để hành phạt ông tạ Cô thiếu nữ làm nghề sửa móng tay bị bệnh liệt bại hai chân từ thuở nhỏ không phải là bị trả thù bởi những nạn nhân cũ của cô trước kia ở châu Atlantide.

Nói tóm lại, quả báo xảy đến thường là không phải do chính nạn nhân cũ của đương sự gây ra, mà có thể do những người khác, những

người này chỉ là những khí cụ của nghiệp quả, cũng chẳng khác nào như những người tay sai đi đòi nợ, để cho y trả những món nợ cũ. Và những người "Tay sai" này cũng chỉ hành động một cách vô ý thức, chứ không hề biết gì cả về cái vai trò "Thiên Lôi" hay "Hung Thần" của mình, tức là cái vai trò làm khí cụ của nghiệp quả.

Chương 5: Quả Báo Của Sự Chế Nhạo

Theo giáo lý Gia Tô, thì tánh kiêu ngạo là một trong bảy điều tội lớn nhất của con người. Cũng như những tính điều khác trong đạo Gia Tô điều này rất lý thú, nhưng dường như hơi cách xa những vấn đề thật tế về sự đau khổ của nhân loại. Tuy nhiên, chúng ta chấp nhận những bằng chứng trong cuộc soi kiếp của ông Cayce, thì sự kiêu ngạo có thể tạo nên nghiệp quả đau đớn xác thân, nhất là khi nó biểu lộ bằng sự chế diễu hay sự khinh bỉ. Một cái cười độc ác hay những lời dèm pha, chỉ trích, chê bai dường như gây một cái nhân tương đương với một hành động bạo tàn, và sẽ mang đến cái quả báo dội ngược: Người chế nhạo sẽ bị một thứ bệnh tật, tai ương, đau khổ giống như của người bị y chế diễu! Những hồ sơ Cayce có ghi chép bảy

trường hợp mà những bệnh tật đau khổ nặng nề có thể truy nguyên ra từ những hành động chế nhạo kể trên. Có điều hơi lạ, là sáu trường hợp trong số đó xảy ra trước hết ở La Mã, trong thời kỳ khủng bố đạo Gia Tộ Về điểm này một lần nữa, chúng ta lại thấy những nhóm linh hồn thuộc về một thời kỳ lịch sử, tái sinh trở lại cõi trần đồng một lượt ở một thời kỳ khác. Trong số đó có ba trường hợp về bệnh bại liệt.

Trường hợp thứ nhất là của một người đàn bà bốn mươi lăm tuổi, có ba người con; chồng bà ấy làm một nghề tự do Năm ba mươi sáu tuổi bà bị bại liệt cả hai chân và không thể đi đứng vận động gì được. Từ khi đó, bà vẫn ngồi trên một chiếc xe lăn và phải có người đỡ mỗi khi muốn cử động. Cuộc soi kiếp cho biết nguyên nhân bệnh trạng của bà là một tiền kiếp dưới thời Đế Quốc La Mã. Hồi đó bà là một người trong dòng dõi quý tộc của triều đại vua Néron và trực tiếp tham gia khủng bố những người theo đạo Gia Tộ Cuộc soi kiếp nói: "Linh hồn này đã cười khi thấy những người bị hành hình trong vũ trường, và bây giờ y phải chịu cảnh đau khổ tương tự như của những người ấy!"

Trường hợp thứ hai, có lẽ là trường hợp đau khổ nhất trong tập hồ sơ Cayce, là của một người đàn bà ba mươi bốn tuổi, bị bệnh bại liệt

từ lúc sáu tuổi, làm cho bà bị què chân và xiêu vẹo xương sống. Người cha chẳng những rất thân nhiên với bệnh trạng của bà, mà còn lấy hết tiền bạc của bà dành dụm được nhờ nuôi gà vịt kiếm lời. Số phận của bà càng hẩm hiu hơn nữa vì hai cuộc tình duyên đau khổ. Người yêu đầu tiên bị tử trận trong cuộc Thế Chiến Thứ Nhất. Sau đó bà đính hôn với một người đàn ông khác, nhưng người này bị đau nặng và vừa khi khỏi bệnh xong thì liền cưới ngay cô nữ y tá đã săn sóc y trong nhà thương! Ngoài ra những đau khổ về thể xác và tình cảm trên đây, còn thêm nào là đời sống cô độc ở quê, và một lần té ngã trên những bậc thang bằng đá, làm cho bà phải nằm liệt giường và bị thêm một tật khác ở xương sống: Người ta không thể tưởng một cuộc đời đau khổ hơn nữa! Nguyên nhân của bệnh trạng này thuộc hai kiếp về trước ở đế quốc La Mã. Cuộc soi kiếp nói: "Linh hồn này thuộc về giòng dõi nhà vua Palatius, và thường đến vũ trường xem những cuộc đấu võ giữa hai tội nhân, hoặc giữa một tội nhân với một thú dữ. Sự đau khổ hiện thời một phần lớn là vì bởi y đã cười cợt một cách khinh bỉ trước sự yết đuổi bất lực của những kẻ tù nhân bị thú dữ xé xác trong vũ trường!"

Trường hợp thứ ba là của một nhà sản xuất phim ảnh, bị chứng liệt bại từ khi lên mười bảy tuổi, và hiện thời hãy còn có tật ở chân. Nguyên nhân cũng là vào thời kỳ chống đạo Gia Tô ở đế quốc La Mã. Cuộc soi kiếp cho biết: "Linh hồn này thuở xưa làm lính đao phủ quân của nhà vua, và đã cười cợt chế nhạo những kẻ tỏ dấu sợ sệt hoặc những người bị ngã quỵ trong võ trường dưới ngọn đao hành tội của y. Y đã gây ác quả không phải vì y làm phận sự của người đao phủ, mà vì y đã khinh bỉ chế nhạo những người theo một lý tưởng tôn giáo. Trong kiếp này, một xác thể tàn tật đem cho y cái kinh nghiệm cần thiết để làm thức động Chân Tánh và phát triển những sức mạnh tâm linh tiềm tàng của y."

Dưới đây là bốn trường hợp lý thú mà sự chế nhạo lại bị những quả báo khác hơn là bệnh liệt bại. Một là trường hợp của một thiếu nữ bị chứng lao xương háng. Trong kiếp trước đây, cô có mặt trong nhóm người đầu tiên đến khai thác thuộc địa ở Bắc Mỹ. Tuy nhiên, bệnh trạng của cô được truy nguyên ra ở một kiếp trước nữa ở La Mã. Hồi đó, cô thuộc giống quý tộc dưới triều vua Néron, và hay mua vui bằng cách đến xem những cảnh hành tội người Gia Tô Giáo trong các vũ trường. Cảnh tượng một thiếu

phụ bị móng vuốt sự tử cào rách một bên hông đã làm cho đương sự vô cùng vui thích và cười đùa một cách khoái trá!

Đây là một trường hợp khác: Một thiếu nữ kia mới mười tám tuổi đáng lẽ ra có một vẻ đẹp quyến rũ, nếu cô không bị phát phì! Các bác sĩ y khoa nói rằng đó là do bộ hạch óc làm việc quá độ. Cuộc khám bệnh bằng Thần Nhãn của ông Cayce cũng xác nhận có sự sai lệch trong sự hoạt động của hạch và phát phì của cô ta là một chứng bệnh về nhân quả. Hai kiếp trở về trước, cô là một lực sĩ ở thành La Mã, có tiếng về khoa điền kinh và vẻ đẹp cân đối của thân hình. Nhưng y hay chế nhạo những tay lực sĩ khác nặng cân hơn và thua kém y về sự khéo léo lanh lẹ.

Trường hợp thứ ba là của một thanh niên hai mươi một tuổi, theo đạo Gia Tô Cha mẹ y muốn cho y sau này trở nên một giáo sĩ; nhưng y thấy rằng nghề ấy không đúng với sở thích của y. Y bèn từ chối không chịu nghe theo. Tật xấu lớn nhất của y là tật đồng tình luyến ái (yêu bạn trai hay bạn gái cùng đồng một nam tính hay nữ tính với mình: Homosexualité). Y bèn yêu cầu ông Cayce soi kiếp, và được biết rằng trong một tiền kiếp dưới một triều vua ở nước Pháp y là một họa sĩ chuyên môn về lối vẽ hoạt

kê hài hước. Bằng một nét bút chì sắc sảo và linh động, y hay vẽ những cảnh tượng luyên ái giữa những người đồng tình với nhau để làm trò cười cho thiên hạ. Cuộc soi kiếp luận như sau: "Anh chớ lên án kẻ khác nếu anh không muốn bị lên án. Anh cười người khác bao nhiêu, anh sẽ phải bị người cười bấy nhiêu, và anh lên án kẻ khác về cái tật nào, thì chính anh sẽ mắc phải cái tật đó!"

Trường hợp thứ tư là của một thiếu niên bị tai nạn xe hơi hồi mười sáu tuổi, làm cho y bị đứt tiện ngang tủy xương sống. Các bác sĩ chuyên môn nói rằng y sẽ không thể sống được, nhưng rốt cuộc y vẫn sống sót. Y hoàn toàn bại liệt cả nửa thân mình, từ đốt xương sống thứ năm trở xuống và kể từ khi đó y không hề rời khỏi chiếc xe lăn. Lúc y được 33 tuổi, 17 năm sau khi tai nạn xảy ra, mẹ y yêu cầu ông Cayce soi kiếp cho y. Cuộc soi kiếp cho biết rõ hai tiền kiếp: Một kiếp hồi thời kỳ Cách Mạng ở Bắc Mỹ, trong khi đó y phục vụ trong quân đội và tỏ ra là một sĩ quan ưu tú và can đảm. Do kinh nghiệm trong kiếp đó mà kiếp này y có được những đức tính kỷ luật, trật tự, yêu đời và khả năng quyền biến. Trong kiếp trước nữa ở La Mã vào lúc bắt đầu Tây lịch kỷ nguyên, y đã tạo ra cái nguyên nhân của thảm trạng hiện tại. Hồi đó y là một

người lính trong đạo binh La Mã và lấy làm khoái trá mà nhìn thấy những sự đau khổ của những người theo đạo Gia Tô bị hành hình ở pháp trường. Y đã từng đấu sức trong vũ trường, và về sau y nhìn xem những kẻ địch thủ của y đối chọi với các thú dữ. Y đã nhìn thấy rất nhiều cảnh tượng tàn ác, gây sự đau khổ chết chóc, nhưng y không chút động lòng. Kết quả là trong kiếp này y nhìn thấy sự đau khổ ở chính mình, và y cũng phải tập nhìn nó một cách thản nhiên nhưng với một mục đích khác hẳn: Quả báo này có cái tác dụng sâu xa là nhờ sự đau khổ, y sẽ cảm thấy rằng sự tín ngưỡng tôn giáo mà y diễu cợt nhạo báng trước kia, nay đã đột khởi ở trong linh hồn y để bù lại những gì y đã tạo ở kiếp trước.

Có điều lý thú là trong những trường hợp kể trên, gồm có ba người bị liệt bại từ nhỏ, một người bị bệnh lao xương háng, một người phát phì, một người có tật đồng tính luyến ái, một người dập tủy xương sống, tất cả là bảy người nhưng không có trường hợp nào là bệnh di truyền. Trong mỗi trường hợp, bệnh trạng chỉ xuất hiện sau khi đương sự đã sinh ra đời, ở vào khoảng giữa năm lên một và năm lên 36 tuổi. Trong một trường hợp, bệnh tật do tai nạn xe hơi gây nên, Dầu rằng thế nào, đằng sau cái

nguyên nhân hiển hiện, còn ẩn khuất một nguyên nhân sâu xa hơn. Cái định mệnh lạ lùng nó đặt để rằng trong một tai nạn xe cộ, có người thiệt mạng, có người lại sống sót, có người bị thương tích nặng nề, có người lại không bị một vết trầy da, thường được coi như một sự may rủi, tình cờ. Nhưng nếu ta xét những trường hợp kể trên thì thấy rằng dường như có sự hành động của một bàn tay vô hình, dầu rằng trong sự hỗn loạn của một tai nạn xảy ra bất thành linh, và như thế những quả báo xảy đến đều đúng luật công bình, không mảy may sơ sót.

Mới nghe qua những trường hợp kể trên, người ta thấy rằng dường như những quả báo xảy đến có vẻ quá nặng nề đối với một việc không quan trọng như là một tiếng cười, nhưng nếu chúng ta suy xét kỹ thì sẽ thấy quả có sự công bằng.

Một người đùa cợt nhạo báng trước sự đau khổ của kẻ khác tức là y kết án người này về những hoàn cảnh trái ngược của họ mà y không hề hiểu biết được cái lý do ẩn tàng. Y khinh bỉ cái quyền tự do của người khác, dầu cho đó là cái tự do lỗi lầm mà mỗi người đều có thể rút những bài học kinh nghiệm lấy cho mình. Y chà đạp, dày xéo cái nhân vị, cái giá trị và tính cách thiêng liêng của mỗi linh hồn, dầu rằng linh hồn

ấy có rơi vào sự đốn hèn, da đọa hay lỗ bịch chẳng nữa. Ngoài ra, y còn tự tôn và cho rằng mình cao hơn kẻ mà y chế diễu đùa cợt. Trong sự chế diễu đùa cợt, có một hình thức tự tôn rất bĩ ổi làm cho đường sự cách biệt rất xa với tình bác ái đại đồng giữa nhân loại và vạn vật. Những điều kể trên làm cho ta phải nhớ đến những giáo lý răn dạy người đời, được chứa đựng trong một quyển sách về đạo lý cổ truyền. Chúng ta bắt đầu nhận thấy rằng thật là hữu phước thay cho người nào thoát khỏi được cái thói xấu hay nhạo báng đùa cợt. Tác giả bộ Thánh Thi đã tỏ ra có một bản năng sáng suốt khi người thốt ra những lời này: "Tôi sẽ thắng dây cương ở đôi môi của tôi để khỏi phải gây tội lỗi vì cái lưỡi."

"Người chớ xét đoán kẻ khác nếu người không muốn bị người xét đoán! Vì người sẽ bị kết án cũng như người đã kết án kẻ khác vậy."

Đức Jesus cũng nói rằng: "Kẻ nào mắng người khác là "Đồ ngu!" sẽ bị thiêu đốt dưới ngọn lửa Địa ngục!"

Xét về những trường hợp mà sự chế nhạo đùa cợt bị mang lấy quả báo vô cùng thảm khốc như đã kể trên, thì lời nói của đức Jesus hẳn là có

một ý nghĩa sâu xa thâm trầm về phương diện tâm lý vậy.

Chương 6; Vài Cảm Tưởng Về Luật Quả Báo

Những tập hồ sơ Cayce trình bày cho ta thấy biết bao nhiêu những sự đau khổ của người đời, có thể phân tách ra từng nhiều loại, đau khổ bệnh tật về thể xác lẫn cả về tinh thần. Những hồ sơ đó làm nổi bật những khía cạnh trường ph5t của Luật Nhân Quả, bởi vì những người đến nhờ ông Cayce giúp đỡ, trước hết là những người đau khổ về bệnh tật. Một người đầy đủ sức khỏe không có lý do đến viếng một bác sĩ; và một người sung sướng ít khi thấy cần phải tìm hiểu về mục đích rớt ráo và ý nghĩa của cuộc đời. Chính vì đó mà phần lớn những cuộc khán nghiệm bằng Thần Nhãn của ông Cayce được thực hiện cho những người bị thắc mắc đau khổ về những bệnh tật khó khăn, hoặc có khi là những sự đau khổ tinh thần rất lớn, mà không có một vị y sĩ, một nhà tâm lý, hay một vị mục sư nào có thể tìm ra cách giải quyết.

Những cuộc soi kiếp của ông Cayce đã thấy giá trị của sự đau khổ trên phương diện luân lý và tinh thần; nhờ thấy rõ lý do và nguyên nhân

sự đau khổ, nên nó không còn là một điều khủng khiếp và rùng rợn đối với chúng ta. Trái lại, những cuộc soi kiếp đó đã khuyến khích, an ủi, giúp nguồn cảm hứng và xoa dịu những tâm hồn đau khổ một cách sâu xa thâm trầm. Tuy nhiên, một tập hồ sơ thâm trầm của Cayce không phải chỉ gồm có những trường hợp chữa bệnh và giúp đỡ những kẻ bệnh tật khốn khó mà thôi. Trong những Chương sau, chúng ta sẽ thấy sự hành động của Luật Nhân Quả trong việc đào tạo khả năng, đức tính, thiên tài, và những bẩm tính cùng tư chất đủ mọi loại trong con người, làm căn bản cho sự khám phá ra những tài năng ẩn tàng cùng là vấn đề hướng nghiệp, ngõ hầu giúp cho thiên hạ tìm thấy con đường hành động của mình để có thể thành công ở đời.

Một hoàn cảnh tốt và một thân thể kiện toàn là do những nghiệp quả tốt đưa đến. Nhưng những cuộc soi kiếp thường không giải thích về nguyên nhân của những quả báo tốt lành, vì người ta cho rằng không phải những người được yên lành sung sướng, mà chỉ có những trường hợp đau khổ mới là đáng được chú ý. Những người được soi kiếp cũng đồng quan niệm với cái khuynh hướng chung của mọi người, là một số phận tốt lành hạnh phúc không cần phải giải thích lý do; mọi người đều cho

rằng mình có quyền được hưởng một số phận yên lành tốt đẹp. Chỉ khi nào bị điều linh khốn khổ, tai họa dập dồn, thì người ta mới bắt đầu tự hỏi lại sao họ lại bị như thế!

Một thân hình tốt đẹp cũng là do nghiệp quả tốt gây nên. Những cuộc soi kiếp thình thoảng cũng cho biết rằng một thân hình cân đối mỹ lệ trong kiếp này là kết quả của sự săn sóc giữ gìn thân thể trong kiếp trước. Trong một cuộc soi kiếp, ông Cayce có đưa ra một trường hợp lý thú về sắc đẹp do một lý do nghiệp quả khác hẳn. Đó là trường hợp của một người đàn bà là kiểu mẫu đẹp có tiếng ở New York. Cô có hai bàn tay tuyệt đẹp, và được các hãng buôn mời chụp ảnh làm kiểu mẫu để quảng cáo cho những món hàng trang sức như thuốc nhuộm móng tay, dầu thơm, và đồ nữ trang. Quả báo tốt lành khiến cho cô có sắc đẹp trong kiếp này được truy nguyên từ một kiếp trước trong một tu viện ở Anh Quốc. Trong tu viện, cô dành trọn cuộc đời và dùng hai bàn tay để làm những công việc hèn mọn và thấp thỏi nhất với một tinh thần phụng sự và hoàn toàn hiến dâng. Cái chí nguyện tâm linh ấy đã đem đến cho cô trong kiếp này một thân hình mỹ lệ với hai bàn tay đẹp đẽ khác thường. Đây là một triển vọng đáng

khuyến khích cho những ai mong muốn có sắc đẹp!

Những quả báo đau khổ xảy đến cho ta có lẽ gây cho ta một ấn tượng sâu xa thấm thía hơn là những quả báo tốt lành, nhứt là nó lại càng thấm thía hơn và cần thiết hơn ở vào thời buổi hỗn loạn và suy đồi hiện nay. Người thời nay trí khôn đã mở rộng, khoa học càng ngày càng phát triển, cuộc đời tinh thần của họ cần căn cứ trên một nền tảng thông minh có thể làm thỏa mãn được lý trí.

Một phép xử thế đúng đắn, hợp với lẽ Đạo là cần thiết để đem đến cho con người một đời sống hạnh phúc, an vui và giải thoát. Người ta sẽ nhận thấy tầm quan trọng lớn lao của điều này khi người ta hiểu rõ những định luật Nhân Quả và Luân Hồi. Bởi đó, giáo lý Minh Triết cổ truyền đem đến cho ta một phương thuốc bổ khỏe, thần hiệu để chữa khỏi chứng bệnh liệt nhục tinh thần của nhiều giáo phái hiện nay. Có lẽ những sự hành phạt đau khổ của luật quả báo mà chúng tôi trình bày trong quyển sách này sẽ không làm nản lòng quá mức những người nào chấp nhận định luật Luân Hồi; trái lại nó còn đem cho họ một niềm hy vọng một sự yêu đời và một đức tinh mới mẻ căn cứ trên sự tin

tường ở định luật công bình của Vũ Trụ, nó cai quản mọi sự trên thế gian.

Những thí dụ kể trên có lẽ sẽ làm cho chúng ta dè dặt cẩn thận hơn trong những hoạt động và cử chỉ của đời sống hằng ngày. Khi chúng ta biết rằng sự tàn nhẫn độc ác có thể gây nên quả báo đui mù tàn tật, bệnh mất máu, bệnh xuyên hay bệnh liệt bại; sự hoang dâm có thể gây nên chứng bệnh động kinh (épilepsie); sự áp chế đè nén kẻ khác có thể đem đến bệnh liệt bại; thì những điều đó có thể làm cho chúng ta dễ quay đầu hướng thiện và cố gắng sống một đời sống tốt lành. Ngoài ra, những trường hợp kể trên đem đến sự giải thích về tình trạng thâm cảm của hằng triệu người đau khổ về bệnh tật trên thế gian. Chúng ta không thấy những kẻ tật nguyền, què quặt, đui mù, câm điếc, điên khùng, những người bị các chứng bệnh nan y, liệt bại, động kinh cùi phong, những người cụt tay, cụt chân vì tai nạn hay chiến tranh... Những người xấu số đáng thương ấy, chúng ta không nhìn thấy vì họ ở ẩn trú trong nhà, hoặc nằm trong các bệnh viện. Chúng ta chỉ tình cờ gặp họ một đôi khi ở ngoài đường phố, và không biết rõ tổng số những người bệnh tật đau khổ ấy lên đến bao nhiêu!

Nhưng họ gồm một thành phần rất đông đảo, và số phận của họ rất thảm thương. Sự giải thích thông thường của những giáo sĩ đạo Gia Tô về những thảm trạng đau thương ấy là: "Đó là ý muốn của Chúa Trời!" Nhưng thật khó mà dung hòa cái ý niệm một đấng Cha Lành đầy lòng từ bi bác ái mà lại tạo ra những cảnh đau khổ làm than đố cho những đức con vô tội của Ngài. Về điểm này, người ta lại nói rằng ý muốn của Chúa Trời là một điều bất khả tư nghị, không thể cân nhắc đo lường, và không thể hiểu được! Nhưng rốt cuộc câu ấy vẫn không giải quyết được sự mâu thuẫn nói trên.

Thuyết Luân Hồi đã đưa ra sự giải thích cho vấn đề bí hiểm đó bằng cách chỉ rằng sự vật diễn ra trong vũ trụ không bao giờ do sự ngẫu nhiên tình cờ, mà là do sự hành động của một định luật thiên nhiên rất công bình và hợp lý. Đó là một định luật căn bản trong Trời Đất, theo đó thì những người đau khổ bịnh tật vốn là do những nguyên nhân của họ đã gây ra trong quá khứ, và bây giờ họ phải gánh lấy hậu quả; không một ai có thể bị những cảnh làm than khổn đốn nếu đó không phải là do những nguyên nhân xa gần mà họ đã tạo nên trong những kiếp quá khứ. Người Tây phương không thể chấp nhận quan niệm về

Luân Hồi một cách dễ dàng vì nó khó tin và không thể đem ra thí nghiệm một cách khoa học, hoặc không có gì làm bằng chứng.

Tuy nhiên, trong đời có biết bao nhiêu những chuyện khó tin mà chúng ta không hề nghĩ đến! Từ một cái trứng bé nhỏ chui ra một con nòng nọc, nó lội nước như một con cá, rồi lớn dần và rụng đuôi để trở thành con cóc. Một con sâu kết một kén bằng tơ và sau đó ít lâu nó từ trong cái kén một cái kén bằng tơ và sau đó ít lâu nó từ trong cái kén chui ra và trở thành một con bướm bướm màu mè sặc sỡ. Đó chỉ là một vài thí dụ lạ lùng để chỉ cho ta thấy rằng sự sống của một sinh vật có thể thay hình đổi dạng nhiều lần liên tiếp mà vẫn không mất cái cá tính riêng của nó; và chúng ta chấp nhận điều ấy một cách tự nhiên. Nếu ta suy nghĩ kỹ, có lẽ chúng ta sẽ thấy rằng những thí dụ đó cũng không khác gì hơn là việc linh hồn những thể xác khác nhau mà vẫn giữ nguyên vẹn cá tính của nó.

Những cuộc soi kiếp của ông Cayce mà ta có thể chấp nhận được về phương diện tâm lý và luân lý đã giúp cho chúng ta giải tán được sự hoài nghi Những tài liệu lạ lùng đó là một bằng chứng để giúp cho chúng ta có một tầm hiểu biết sâu xa hơn. Có lẽ nó giúp đỡ cho chúng ta thấy rằng ngoài ra những kiếp sống tầm thường,

bản chất, gò bó của chúng ta trên cái thế giới nhỏ hẹp này, còn có một tầm sinh hoạt rộng lớn bao la hơn nữa, và cuộc đời còn có một ý nghĩa sâu xa thâm trầm hơn những gì mà chúng ta đã có thể tưởng tượng từ trước đến nay.

Chương 7: Quả Báo Treo

Một điều lạ lùng mà người ta có thể nhận thấy trong những trường hợp quả báo về xác thân như chúng tôi đã nêu trên, là có đôi khi những quả báo chỉ xuất hiện một hay nhiều kiếp sau khi cái nhân được tạo ra. Người ta tự hỏi tại sao lại có sự đình chỉ đó, và tại sao nghiệp quả không báo ứng ngay tức khắc như một quả banh dội lại ngay sau khi được ném vào tường?

Dường như câu hỏi đó có nhiều cách giải đáp. Một là: Linh hồn đã gây nhân tạo nghiệp, phải đợi đến khi có một hoàn cảnh và thời giờ thuận tiện cho quả kia kết thành hình. Có khi phải đợi nhiều thế kỷ mới có một cơ hội thuận tiện và trong khi chờ đợi, thì khoảng thời gian đó được sử dụng để cải thiện cho tâm tính của đương sự. Người ta tìm thấy một thí dụ về loại quả báo treo này trong những tập hồ sơ Cayce về những linh hồn trước kia đã sống ở Châu Atlantide.

Khoa học chưa bao giờ có thể xác nhận hay hoàn toàn phủ nhận sự hiện diện của Châu Atlantide vĩ đại và cổ xưa chìm dưới đáy biển Đại Tây Dương, mặc dầu người ta có đủ lý do để tin ở sự kiện lấy trước những bằng chứng lịch sử, khoa học và văn hóa. Một tài liệu lịch sử quan trọng là bộ sách "Crisias Timeus" của Platon trong đó tác giả tường thuật những điều ông đã nghe nói về Châu Atlantide. Một trong những bằng chứng khoa học thường được nêu ra là sự khám phá của các nhà bác học, nhân dịp một sợi dây cáp (cable sous marin) đặt ngầm dưới biển Đại Tây Dương bị đứt và chìm xuống đáy biển ở một bề sâu 3.000 thước. Khi sợi dây cáp được vớt lên, thì nó quấn theo những mẫu phún thạch (lava). Khi người ta quan sát bằng kính hiển vi thì thấy rằng những mẫu phún thạch này ngày xưa đã từng đông đặc lại trên đất liền, trước khi chìm xuống đáy biển.

Trong những bằng chứng văn hóa đáng kể nhất, thì trước hết là những chuyện giai thoại về cuộc Đại Hồng Thủy. Người ta gặp chuyện những giai thoại này không những trong bộ Thánh Kinh (Bible), mà còn trong những truyện Thần Thoại tôn giáo và lịch sử của hầu hết tất cả những dân tộc cổ xưa trên thế giới.

Kế đó là những điểm tương đồng giữa những ngôn ngữ, văn tự và kiến trúc của Ai Cập và Trung Mỹ, ở vào một thời kỳ mà người ta không thấy có những phương tiện giao thông giữa hai lục địa Mỹ Châu và Phi Châu.

Tất cả những bằng chứng kể trên có thể giúp cho người ta tin tưởng nơi sự hiện diện của Châu Atlantide, nhưng vẫn chưa đủ để đưa đến một kết luận chắc chắn. Dầu sao, nếu ta có phải tin nơi những cuộc soi kiếp của ông Cayce, thì châu Atlantide đã từng có một cách hiển nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa. Theo ông Cayce một vài gian phòng bí mật hãy còn khóa chặt trong Kim Tự Tháp lớn ở Ai Cập, một ngày kia sẽ có thể tiết lộ cho chúng ta một kho tài liệu đầy đủ về lịch sử và nền văn minh của châu Atlantide. Ông Cayce cho biết rằng những tài liệu đó được đem chôn giấu trong Kim Tự Tháp, do những người dân Atlante ngày xưa di cư qua Ai Cập trong cuộc thiên tai địa chấn lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng đã nhận chìm châu Atlantide xuống đáy biển vào khoảng 9.500 năm trước Tây Lịch kỷ nguyên. Ông Cayce cũng có nói rằng đảo Bimini, ở ngoài khơi tiểu bang Florida bên Hoa Kỳ, nguyên là đỉnh ngọn núi cao ở châu Atlantide ngày xưa. Ông cũng cho biết rằng tại nơi đó, người ta có thể tìm thấy dưới

đáy biển một ngôi đền cổ của dân Atlante, mái bầu của ngôi đền được xây cất với những tấm kiếng thủy tinh theo một kiểu kiến trúc đặc biệt để thu ánh nắng mặt trời. Những cuộc soi kiếp cho biết dân Atlante ngày xưa đã từng đạt tới một trình độ khoa học tiến bộ hơn của chúng ta ngày nay. Họ đã từng phát triển tới một mức rất cao các ngành điện khí, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình, những phương tiện di chuyển trên không trung, tàu ngầm, cùng phương pháp sử dụng mãnh lực của Mặt Trời và nguyên tử lực. Họ đã từng phát minh những kỹ thuật dùng nhiệt lực, thấp sáng, và chuyển vận tiến bộ hơn của chúng ta ngày nay.

Điều đáng ghi nhớ là những cuộc soi kiếp của ông Cayce thường lặp đi lặp lại nhiều lần rằng dân Atlante ngày xưa bị họa diệt vong vì họ đã lạm dụng những sức mạnh kinh khủng mà họ chế ngự được. Họ dùng điện lực, khoa thôi miên và mãnh lực của tư tưởng để đàn áp, chế ngự kẻ khác, hoặc sai khiến chúng làm việc một cách nô lệ, hoặc để cưỡng hiếp phụ nữ và thỏa lòng háo sắc của họ. Nếu ta sẽ hiểu rằng những sự lạm dụng quyền năng và những hành vi trái Đạo kể trên không thể cứu chuộc được một cách đầy đủ và trọn vẹn trong những thời kỳ mà khoa học chưa được phát triển, và người ta

chưa có những kiến thức sâu rộng về khoa tâm lý hoặc khoa Huyền Môn. Cuộc thử thách hữu hiệ nhất để biết xem một người đã thắng được thói ăn uống vô tiết độ hay chưa, là đặt trước mặt y những món cao lương mỹ vị mà y ưa thích, để xem y có biết tự chủ hay không. Người ta không thể biết đượ rằng một người đã hoàn toàn tự chủ về đường sắc dục hay chưa, nếu y không gặp cơn thử thách: Bị cám dỗ mà vẫn không động lòng như Thánh Antoine ngày xưa vẫn thanh tịnh giữa những giai nhân tuyệt sắc, đáng yêu!

Cũng giống như thế, những linh hồn đã lạm dụng những quyền năng phi thường và mầu nhiệm nhờ sự phát triển khoa học của châu Atlantide thuở xưa, không chắc là đã từ bỏ thói ích kỷ tham tàn và cải tạo tâm tính, nếu họ chưa gặp những hoàn cảnh tương tự của một thời kỳ phát triển khoa học và kỹ thuật như thời đại này, để thử thách xem họ có biết dùng những phương tiện đó với một tinh thần xây dựng, hay là với mục đích kỹ hại nhân như thuở xưa kia.

Sự tiến bộ từng chu kỳ của Lịch sử đã làm cho thế kỷ 20 trở nên thời kỳ phát triển khoa học kể trên; bởi đó những cuộc soi kiếp của ông Cayce tiết lộ cho biết rằng có rất nhiều dân Atlantide thời cổ nay đã đầu thai chuyển kiếp

vào thời kỳ hiện tại. Những sự tiến bộ về khoa học và kỹ thuật có thể hiểu được bằng hai cách: Trước hết, đó là do kết quả của những kinh nghiệm về mọi phát minh khoa học mà những linh hồn mới đầu thai đã mang lại từ những kiếp quá khứ của châu Atlantide ngày xưa; thứ hai, thời kỳ này là giai đoạn thử thách cho những linh hồn đó để xem trong những thế kỷ trung gian, họ đã thu thập được những đức tính gì khả dĩ giúp cho họ chống chọi lại sự cám dỗ do thói ích kỷ và tàn bạo của thế hệ văn minh khoa học vật chất đưa đến. Bởi đó, cái yếu tố căn bản nó quyết định vấn đề "Quả báo treo" dường như là những linh hồn đã gây sự nghiệp quả xấu phải chờ đầu thai vào một thời kỳ thuận tiện, có một nền văn minh tiến bộ thích nghi. Vấn đề này hình như cũng có liên quan đến sự tiến bộ từng chu kỳ của lịch sử, và việc luân phiên của những nhóm linh hồn trong việc chọn lựa những thời kỳ đầu thai chuyển kiếp xuống Trần.

Những trào lưu chủng tộc và các sắc dân trên Địa Cầu cũng đầu thai trở lại thế gian theo từng đợt hay từng nhóm, cũng ví như những luồng sóng dập dờn từng thời kỳ, theo định luật Tuần Hoàn của vũ trụ. Tuy nhiên, có nhiều đoạn trong các cuộc soi kiếp của ông Cayce chỉ rằng sự chuyển kiếp của những nhóm thiểu số trong

những luồng sóng lớn đó, và thậm chí sự đầu thai của từng cá nhân trong những nhóm ấy, có thể không phải là do tiền định một cách chặt chẽ và máy móc theo từng chu kỳ nhất định. Những linh hồn và từng nhóm linh hồn không phải tái sinh trở lại một cách đều đặn như một việc đã định sẵn. Về điểm này, cũng như trên những lãnh vực khác của Cơ Trời máy Tạo, con người vốn có quyền tự do ý chí, và một cá nhân hay một nhóm người đều có quyền tự do chọn lựa những thời kỳ đầu thai tùy theo ý muốn.

Điều này lại đưa đến một sự phức tạp mới nữa: Nếu một linh hồn cần phát triển một đức tính trong những giao tế của y với một linh hồn hay một nhóm linh hồn khác, có lẽ y sẽ cần trì hoãn sự đầu thai của y trong một thời gian để đợi đến một thời kỳ được chọn lựa cho sự đầu thai chung của những linh hồn ấy. Và nếu đó là một sự trì hoãn lâu dài, thì trong khi chờ đợi, linh hồn ấy có thể dùng thời gian để cố gắng phát triển một vài đức tính mới, hoặc một khía cạnh mới nào đó về sự tiến hóa của y, và bởi đó mới có cái hiện tượng "Quả báo treo."

Những sự kiện kể trên nhắm vào những yếu tố bên ngoài của quả báo treo; nhưng ngoài ra còn có những yếu tố bên trong. Một sự kiện tâm lý sau đây còn có một tầm quan trọng tương

đương, nếu không nói là lớn hơn; đó là sức mạnh tinh thần cần thiết để chịu đựng những quả báo xảy đến. Linh hồn phải trả quả cần có cơ hội thấu thập những đức tính cần thiết để đương đầu với quả báo khi nó xảy đến; chứ nếu không thì quả báo nặng nề quá sức chịu đựng có thể làm cho đương sự bị đè bẹp, thay vì giúp ích cho sự tiến hóa của y.

Nhiều người bệnh tật khi được ông Cayce soi kiếp và được cho biết rằng nguồn gốc bệnh trạng của họ được truy nguyên ra từ nhiều kiếp trở về trước, đều lấy làm tò mò muốn biết lý do của sự trì hoãn lâu dài như thế. Những người muốn làm sáng tỏ vấn đề này bằng một cuộc soi kiếp thứ nhì, đều nhận được câu trả lời giống như của cô thiếu nữ què mà chúng tôi đã kể chuyện trong Chương Năm. Cô này hỏi: "Tại sao linh hồn lại đợi cho đến kiếp này mới trả xong nghiệp quả đã gây ra từ thời Đế Quốc La Mã?" Cô ấy được trả lời như sau: "Bởi vì linh hồn ấy không đủ sức trả quả sớm hơn."

Câu chuyện ấy chỉ rõ rằng nếu một linh hồn không đủ sức trả quả sớm hơn, đó là vì bởi một lý do bên trong hơn là lý do bên ngoài. Trong trường hợp đó, cũng như những trường hợp bệnh tật khác, một sự nghiên cứu tỉ mỉ về những

kiếp trung gian chỉ rằng những kiếp này là những kinh nghiệm cần thiết để giúp cho đương sự có cơ hội thu thập thêm một vài đức tính tốt và để tiến hóa thêm.

Thí dụ, nếu chúng ta xét lại trường hợp của người thiếu niên 16 tuổi, bị thương nặng trong vụ tai nạn xe hơi như đã kể trên, chúng ta thấy rằng nguyên nhân của nghiệp quả này là do y đã gieo trong thời kỳ đế quốc La Mã. Tuy nhiên, một kiếp đầu thai vào thời kỳ Cách Mạng ở Bắc Mỹ đã giúp cho họ có cơ hội phát triển một vài đức tính như can đảm, yêu đời, và khả năng khai thác khía cạnh tốt của mọi hoàn cảnh. Những đức tính đó là những điều mà y cần dùng để chịu đựng cảnh khổ trong kiếp hiện tại, khi quả đã chín mùi và đến kỳ phải trả.

Một thí dụ sau đây có thể giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn về vấn đề này:

Một người kia vay năm triệu đồng của ngân hàng để kinh doanh sự nghiệp. Y không thể nào trả hết số tiền đó trong vài ngày hay một tuần lễ, hoặc một tháng sau. Vì lẽ đó, y xin hện đến một kỳ hạn nào đó, thí dụ là ba năm để cho y có thời giờ dành dụm lần hồi cho đủ số trước khi trả dứt làm một lần. Ngân hàng không thể bắt y phải trả dứt trong một tuần lễ, vì lẽ tất nhiên là y không

đủ sức trả gấp, và đòi nợ một cách gắt gao như thế thật là không có ích gì. Có thể rằng trên đĩa hạt tâm linh, sự trì hoãn thời kỳ phải trả quả, gọi là quả báo treo, cũng diễn ra với một tinh thần đó.

Nếu một ngày kia thuyết Luân Hồi được một số đông người thừa nhận và nếu quan niệm về Nhân Quả được quần chúng Phương Tây cũng như Đông Phương hiểu rõ, ít nhất trên nguyên tắc đại cương, thì vấn đề quả báo treo có lẽ sẽ trở nên một đầu đề lo sợ cho rất nhiều người! Cái ý tưởng rằng một hành động hung dữ độc ác trong quá khứ có thể bị quả báo đui mù, tàn tật trong một kiếp tương lai xa hay gần, làm cho người ta cảm thấy băn khoăn lo sợ. Đối với những người nhạy cảm và nhiều tưởng tượng, thì một món nợ nhân quả mà họ không được biết rõ cũng ví như một lưỡi gươm của Damoclès treo lủng lẳng trên xà nhà và chực rơi xuống đầu họ bất cứ lúc nào. Quả báo treo có thể trở nên một sự đe dọa khủng khiếp rùng rợn trong những năm đầu của thế hệ phổ biến về thuyết Luân Hồi, cũng như Quỷ Satan và lửa Hỏa ngục đã từng là một mối đe dọa sợ hãi cho người đời trong thế hệ đã qua!

Để chống lại khuynh hướng sợ sệt đó những nhà lãnh đạo các phái Tư Tưởng Mới có

thể đi đến việc phủ nhận toàn bộ vấn đề quả báo treo, cũng như phong trào Khoa Học Công Giáo (Science Chrétienne) phủ nhận tội lỗi, bệnh tật, sự chết, sự làm lạc và cõi vật chất. Những sự phủ nhận đó có một sức dẫn dụ rất mạnh và có thể đưa đến những kết quả khá lành mạnh về đường tâm linh. Tuy nhiên, phủ nhận vật chất, thế gian, tội lỗi và quả báo, không có nghĩa là giải quyết được vấn đề! Bản phận của chúng ta không phải là dấu điểm sự thật, cũng như con chim đã điều vùi đầu xuống đồng cát; mà là thắng đoạt, chế ngự và tổ chức lại cõi đời vật chất theo những lý tưởng tâm linh cao cả. Phủ nhận Luật Quả Báo chẳng khác nào như không nhìn nhận những món nợ mà mình phải trả, và những bài học mà mình phải học hỏi, và đó là một thái độ bất lương. Kẻ nào muốn gạt gẫm hay trốn tránh trách nhiệm, dầu đó là những trách nhiệm vật chất hay tinh thần, không thể gây cho người khác lòng mến phục.

Thói thường, khi người ta không thích một điều gì, người ta hay lý luận một cách khôn khéo để phủ nhận điều ấy. Đó cũng là một sự tìm cách trốn tránh trách nhiệm. Nhưng chúng tôi không muốn nói rằng sự dẫn dụ (suggestion) là vô ích. Trái lại, sự dẫn dụ có thể rất hữu ích để chữa những bệnh trạng thuộc về tâm lý. Chúng

ta đã thấy trường hợp lý thú của một trẻ em bị chứng bệnh đái dầm và phương pháp dẫn dụ để đánh tan ý thức về tội lỗi in sâu trong tiềm thức, đã chữa cho em ấy được khỏi bệnh.

Nếu những nhà chữa bệnh tinh thần muốn chữa các chứng bệnh về nhân quả, thì phương pháp điều trị là làm cho bệnh nhân thành thực nhìn nhận những tội lỗi cũ; bày tỏ một ý muốn chân thành cứu chuộc những tội lỗi và sau cùng, tỏ ra một sự cương quyết làm việc phải và hướng thiện theo đường lối ngược chiều với tội lỗi đã gây ra. Như vậy, các quả báo sẽ lần lần tiêu tan, và bệnh sẽ thuyên giảm.

Nếu chúng ta chấp nhận thuyết Luân Hồi, thì ta phải nhìn nhận rằng nhân loại chưa được tiến hóa cao về phương diện tâm linh, và bởi đó con người phải chịu quả báo xấu xa trong những kiếp tương lai. Nhưng điều đó không là cho ta quá băn khoăn lo sợ, vì hai lý do:

Một là: "Mỗi ngày chỉ chịu đựng vừa đủ sự khổ nhọc của nó!" (A chaque jour suffit sa peine) Câu tục ngữ này có nghĩa là: Ta nên sống mỗi ngày một cách bình tĩnh và không nên quá băn khoăn lo lắng. Chẳng những thế, mỗi kiếp sống cũng vậy; dầu cho ta có bị những khó khăn đau khổ như thế nào, ta cũng phải sống trọn kiếp

của mình với một niềm tin tưởng chắc chắn rằng số phận của mỗi người là rất công bình, và ta có đủ sức chịu đựng mọi điều xảy đến. Không bao giờ ta phải trả một quả báo nào mà ta không đủ sức chịu đựng.

Hai là: Dầu cho ta có tin ở Luật Nhân Quả hay không, ta cũng phải thấy rằng tương lai là một cái gì mà ta không thể biết một cách chắc chắn. Và ta biết rằng những tai họa xảy đến cho ta là do lẽ nhân quả báo ứng chứ không phải do sự ngẫu nhiên tình cờ, thì những nỗi băn khoăn sợ sệt của chúng ta cũng sẽ giảm bớt, vì lý do giản dị là quả báo xảy đến chỉ do một định luật Công Bằng. Con người thường hay sợ sệt những tai họa sẽ đến, nhưng nếu một sự việc xảy đến một cách công bình, để cho ta học một bài học hay và mở rộng tầm kiến thức của mình thì đó không phải là một điều đáng sợ. Một người lương thiện nếu mắc nợ thì lo trả; y làm việc một cách siêng năng chăm chỉ để trả góp đúng kỳ hạn vào đầu tháng. Y không phải lúc nào cũng lo lắng sợ sệt cái ngày trả nợ sẽ đến. Y đem hết tinh thần, sức lực, cố gắng làm việc để có thể trả dứt nợ nần.

Vì bởi tầm ý thức của chúng ta có giới hạn, nên chúng ta không biết được rằng mình đã mắc phải bao nhiêu món nợ quả báo trong thời

kỳ dĩ vãng xa xăm. Nhưng chúng ta nên có cái thái độ thản thản của một người lương thiện, để chấp nhận những món nợ của chúng ta với một sự thiện chí và thành thật muốn trả nợ.

Sự chấp nhận định luật Nhân Quả và đức tin nơi một sự Công Bằng Thiêng Liêng, phải là cái thái độ của chúng ta đối với mọi quả báo xảy đến. Trong một Vũ Trụ công bằng, trật tự và tốt lành, mà định luật Luân Hồi đã tiết lộ cho chúng ta thấy, thì tuyệt nhiên ta không có gì cần phải sợ sệt hết cả.

Chương 8: Quả Báo Đối Với Sức Khỏe

Có nhiều người tin tưởng một cách sai lầm về Luật Nhân Quả. Họ nghĩ rằng theo luật ấy, mọi sự đều có tiền định, và điều này làm cho họ có một thái độ thụ động, lười biếng, mất cả chí tiến thủ, và việc gì cũng đổ thừa cho số mạng. Đó là trường hợp của người Ấn Độ, mà sự tin tưởng của Luật Nhân Quả vốn ăn sâu dân tộc của họ đã từng nhiều ngàn năm, làm cho phần đông có cái thái độ kể trên.

Trình độ sinh hoạt ở Ấn Độ nói chung vẫn ở vào một mực rất thấp thỏi và bi đát. Tình trạng này phần lớn là do óc thụ động, thiếu tranh đấu của

người Ấn trong sự chấp nhận nghiệp quả và số mạng của họ.

Nếu chúng ta chấp nhận quan niệm về Nhân Quả, thì thái độ của chúng ta đối với luật Quả Báo, cũng như đối với mọi định luật thiên nhiên, phải là an phận và tin tưởng. Nhưng chúng ta không khỏi tự hỏi rằng chúng ta nên chấp nhận sự kiểm tỏa của Luật Quả Báo và bằng lòng an phận đến một giới hạn nào, và đến một mực độ nào? Vấn đề này được nêu ra trong những trường hợp quả báo về xác thân gây nên những bệnh tật đau khổ cho xác thể.

Về vấn đề này, những cuộc soi kiếp của ông Cayce đều rất lý thú vì nó đem đến sự giải đáp rõ ràng và chắc chắn cho những sự tranh luận về thuyết Luân Hồi.

Những câu hỏi sau đây đã được nêu ra:

- Đối với những người đau khổ vì một chứng bệnh quả báo, phải dùng phép điều trị như thế nào? Có hy vọng chữa khỏi những chứng bệnh "Nhân quả" đó không? Mỗi cuộc soi kiếp trong tập hồ sơ Cayce đều khuyên ra không nên có một thái độ quá thụ động trong sự trả quả. Luôn luôn trong những cuộc soi kiếp, ông Cayce đều lặp đi lặp lại câu này để nói với bệnh nhân:

"Đó là nghiệp quả của anh (hay chị). Và bây giờ, đây là điều mà anh (hay chị) có thể làm để sửa đổi lại."

Trong những tập hồ sơ đó, có điều đáng chú ý là trong tất cả mọi trường hợp về bệnh "Nhân quả," luôn luôn đều có những lời khuyên về cách điều trị. Trong nhiều trường hợp về bệnh quả báo, cuộc soi kiếp cho biết có hi vọng chữa khỏi. Trong những trường hợp mà nghiệp quả nặng nề hơn, cuộc soi kiếp nói rõ rằng không nên hy vọng được hoàn toàn chữa khỏi, nhưng bệnh có thể được thuyên giảm nhờ sự cố gắng; và kế đó là sự diễn tả phương pháp điều trị.

Đây là một trường hợp lý thú của một người thợ điện, 34 tuổi, bị một chứng bệnh đau mắt có cườm rất nặng, không thể chữa khỏi. Trong ba năm, y không làm việc gì được; y đã quá mù mắt để có thể đọc hay viết; và khi y thử đi vài bước thì y thường bị vấp ngã. Y đã vào nằm nhiều bệnh viện, trong khi đó vợ y làm công trong một cửa hàng lớn để nuôi gia đình và một đứa con năm tuổi. Trong một cuộc khán nghiệm, y được cho biết là một chứng bệnh quả báo, nhưng y không nên tuyệt vọng. Cuộc soi kiếp nói:

- À! Chúng ta có cái thể xác ở đây. (Các cuộc soi kiếp đều bắt đầu bằng một câu này, tuy giản dị mà lạ lùng, trước khi diễn tả căn bệnh của đương sự.) Theo chỗ chúng thấy thì bệnh trạng rất nặng, nhưng anh chớ tuyệt vọng vì sự cứu chữa đã sắp đến.

Tiếp theo sau đó là sự diễn tả căn bệnh bằng những danh từ Y học. Kế đó, ông Cayce nói về những mảnh lược hàn gắn tiềm tàng trong thể xác của bệnh nhân; ông nói qua vài điều chỉ rằng nguyên do chứng bệnh này là do quả báo gây ra. Tiếp theo đó là lời khuyên bệnh nhân hãy thay đổi tâm tính, và dẹp bỏ mọi điều oán ghét, thù hận và mọi tư tưởng ác. Cuộc soi kiếp kết thúc bằng một phương pháp điều trị tỉ mỉ từng chi tiết.

Độ một năm sau, chính người bệnh nhân ấy viết thư yêu cầu ông Cayce dành cho một soi kiếp thứ nhì; y cho biết rằng y đã áp dụng cách điều trị một cách đúng đắn và đã thấy khá. Sự thuyên giảm đó kéo dài được bốn tháng, nhưng sau đó bệnh lại tái phát và sức khỏe bị giảm sút. Dường như y chỉ áp dụng phép điều trị về phương diện vật chất, mà không chú ý bao nhiêu đến phương diện tinh thần, vì cuộc soi kiếp lần thứ hai đã cảnh cáo y một cách không úp mở như sau:

"À! Chúng ta có cái thể xác ở đây. Thể xác này, chúng ta đã thấy trước đây không lâu. Chúng ta nhận thấy rằng thể xác này đã có nhiều tiến bộ về vật chất, nhưng nó còn rất nhiều điều phải sửa chữa.

"Như đã nói ở trên, đây là một chứng bệnh quá báo. Linh hồn này phải thay đổi thái độ đối với cuộc đời, đối với mọi hoàn cảnh và đối với người đồng loại. Bệnh được tuyên giảm một phần nào, do sự áp dụng những phương pháp điều trị về thể chất. Nhưng nếu linh hồn này lấy làm tự mãn, và không chịu thay đổi thái độ về mặt tâm linh; nếu y vẫn còn nuôi lòng thù hận, ích kỷ, độc ác bất công và ganh ghét; nếu y vẫn còn nuôi trong lòng những gì trái ngược lại với đức kiên nhẫn, khoan dung, bác ái, thiện cảm, nhân từ, thì bệnh trạng của y không thể nào có thể chữa khỏi.

"Linh hồn này còn muốn khỏi bệnh vì mục đích gì?"

"Phải chăng là để thỏa mãn những dục vọng của thể xác?"

"Hay là để làm tăng trưởng thêm lòng ích kỷ của mình? Nếu như thế, thì tốt hơn là y hãy cứ ở nguyên tình trạng cũ của y bây giờ.

"Nếu linh hồn này có sự thay đổi bên trong về thái độ và về đường tâm tính, nếu y biểu lộ sự thay đổi đó trong lời nói và hành động, và nếu y áp dụng cách điều trị đúng như phương pháp đã nêu ra, thì bệnh y sẽ có thể thuyên giảm.

"Nhưng trước hết cần phải có một sự thay đổi tánh tình, tâm trạng và mục đích. Tất cả những cách điều trị máy móc mà anh đã áp dụng chỉ có thể đem đến một sự khỏi bệnh hoàn toàn khi nào linh hồn anh và mục đích của anh được tiếp nhận ân đức Thánh Linh. Ân huệ đó, anh muốn nhận lãnh hay từ chối, là tùy ý anh. Chúng tôi không còn gì để xét thêm, trừ phi anh biết tự sửa đổi. Chúng tôi đã chấm dứt cuộc khám bệnh ở nơi đây."

Người ta nhận thấy trong những đoạn kể trên đây, rằng hy vọng được khỏi bệnh tùy thuộc nơi sự thay đổi trong tâm hồn và thái độ của bệnh nhân đối với cuộc đời. Anh muốn khỏi bệnh với mục đích gì? Đó là một câu hỏi rõ ràng với một giọng dò xét. Phải chăng là để thỏa mãn những dục vọng của xác thể? Hay là để làm tăng trưởng lòng ích kỷ? Nếu như thế tốt hơn anh hãy ở vào tình trạng cũ!

Trải qua trên 15.000 cuộc soi kiếp, ông Cayce không một lần nào từ chối giúp đỡ ý kiến

để cho một bệnh nhân tự điều trị lấy, dầu y đã phạm tội lỗi xấu xa nặng nề như thế nào. Nhưng cũng như trong trường hợp kể trên, ông thường nhấn mạnh rằng bệnh tật đau khổ có một mục đích giáo dục để bắt buộc chúng ta quay về đường chính, và sự tội lỗi, tà vạy đã gây nên quả báo bệnh tật cần phải được sửa đổi. Người bệnh cần phải cố gắng bằng đủ cách để cải thiện tình trạng của mình; nhưng đồng thời y phải sửa đổi sự yếu kém bên trong tâm hồn. Những sức mạnh hàn gắn thiên nhiên và những cách điều trị của khoa học hiện đại có thể đem đến một sự thuyên giảm tạm thời, nhưng không thể chữa khỏi bệnh, nói về khía cạnh tinh thần của Luật Quả Báo. Nói tóm lại, sự khỏi bệnh phải là do ở khía cạnh tâm linh, nó phải đến từ bên trong, chứ nếu không, nó sẽ không được lâu bền.

Trường hợp sau đây của một người mù, rút trong số hàng trăm trường hợp mù lòa trong các tập hồ sơ Cayce, có thể tiêu biểu cho quan điểm kể trên. Đây là biên bản cuộc khán nghiệm: "Đây cũng là một bệnh quả báo. Sự áp dụng các lý tưởng đạo đức tâm linh trong cách xử thế hàng ngày đã đem đến một sự thay đổi lớn trong cuộc đời của bệnh nhân. Tuy lúc đầu bệnh nhân vẫn không thấy bớt, nhưng chúng tôi thấy rằng cặp mắt bệnh nhân đã lần lần thuyên giảm khi y bắt

đầu sửa đổi tâm tánh. Chúng tôi nhận thấy rằng sự cố gắng đầu tiên phải là thuộc về địa hạt tinh thần và bịnh nhân phải cố gắng biểu lộ lòng nhân từ trong những cử chỉ hằng ngày. Hãy tập lấy sự thiện cảm, tình thân hữu, đức kiên nhẫn, dịu dàng, khoan dung, nhân hậu... "

Trong hai trường hợp kể trên, người ta thấy rằng cuộc soi kiếp nhấn mạnh trước hết ở sự thay đổi tâm tính và cải tạo tinh thần, và đó là điều kiện cốt yếu để sửa đổi nghiệp quả về xác thân. Nếu chúng ta nhớ rằng mục đích của sự quả báo là giáo dục tâm linh, chúng ta sẽ hiểu rằng phương pháp điều trị kể trên là lẽ tự nhiên vậy. Điều tội lỗi mà luật quả báo sửa đổi, không phải là thứ "Tội lỗi" hiểu theo ý nghĩa dị đoan cổ xưa là làm trái ý hoặc xúc phạm Quỷ Thần, cũng không phải theo ý nghĩa của các nhà Thần học, hay của nền luân lý khiết bạch hồi thời Nữ hoàng Victoria. Đó là tội lỗi theo ý nghĩa tâm lý, nó bao gồm tất cả những gì trái với định luật thiên nhiên.

Tội lỗi hiểu theo ý nghĩa đó vốn căn cứ trên lòng ích kỷ, hay khuynh hướng chia rẽ người với ta, và tăng cường bản ngã đó có thể khoác lấy nhiều hình thức. Nó có thể là sự tàn bạo đối với kẻ khác; hoặc sự lạm dụng cơ thể của chính mình do bởi sự vô tiết độ hay sinh hoạt cầu thả;

hoặc nó có thể là do sự kiêu căng, tự tôn tự đại. Những sự lỗi lầm đó sở dĩ có là do bởi một điều lầm lạc chính đại, căn bản về nguồn gốc con người.

Vì con người vốn là tinh thần chứ không phải là xác thể. Tội lỗi của con người là do bởi y quên đi cái chân lý căn bản đó và tưởng rằng mình là cái thể xác. Y phải cố gắng loại trừ điều ảo vọng đó; và phương tiện chắc chắn nhất để đánh đổ điều hư vọng ấy không phải là phủ nhận thể xác một cách tiêu cực, mà là một phương pháp tích cực tự hỗn hợp với tinh thần.

Về điểm này, những cuộc soi kiếp của ông Cayce và những giáo lý thần bí khác gọi sự hỗn hợp tinh thần đó là Ân Phước, hay Ơn Trên. Người ta thấy trong những trường hợp kể trên cũng như trong những trường hợp khác về quả báo xác thân trong tập hồ sơ Cayce, rằng lời khuyên răn tối hậu để được khỏi bệnh là bệnh nhân hãy cố gắng làm thể nào để được thấm nhuần Ơn Trên, hay lòng Nhân Từ của đấng Christ. Những cuộc soi kiếp của ông Cayce đã dùng những lời lẽ và danh từ Gia Tô Giáo, bởi vì ông Cayce là người theo đạo Gia Tô Trong lúc bình thường, ý thức của ông đã thấm nhuần những từ ngữ và quan điểm Gia Tô, vì vậy những lời nói do nơi tiềm thức của ông thốt ra

trong giấc thôi miên đều phải đi xuyên qua cái bức màn đó. Người ta có thể hiểu rằng nếu ông Cayce sinh trưởng ở một xứ Phật giáo, thì có lẽ ông đã dùng những lời lẽ danh từ trong khuôn khổ tôn giáo và văn hóa địa phương và có lẽ ông đã dùng những danh từ nhà Phật. Nhưng cách biểu lộ tư tưởng của ông, dầu là dưới hình thức nào, cũng không có ảnh hưởng gì đến công việc cứu khổ mà ông vẫn theo đuổi. Dưới đây là một thí dụ về sự khuyên răn của ông cho một người bị chứng bệnh lao tủy xương sống: "Anh hãy nhớ rằng nguồn gốc bệnh trạng của anh là tự anh gây ra: Nó là một chứng bệnh quá báo. Phương diện tốt nhất là anh hãy cầu nguyện Ông Trên và hoàn toàn tin tưởng nơi đấng Thiêng Liêng, vì Ngài là Công Bằng, Chân Lý và Ánh Sáng."

Ông Trên ở đây không phải là một độc quyền của đạo Gia Tô hay của những người tin ở đấng Christ: Ông Trên có thể được ban xuống cho tất cả người nào, dầu y là người Phật giáo, Ấn giáo, Hồi giáo hay Gia tô cũng vậy. Được thấm nhuần Ông Trên, tức là do sự sám hối, ăn năn tội lỗi và quyết chí sửa mình mà được hưởng ân huệ tốt lành nó làm tiêu tan nghiệp chướng do luật Quả Báo đưa đến. Sự suy gẫm, cầu nguyện, đọc Thánh Kinh, lập hạnh, và làm việc

phụng sự giúp đời, là những phương pháp thường được nêu ra trong các cuộc soi kiếp của ông Cayce để sửa đổi tâm tính và tiến bộ tâm linh. Nhưng muốn được hiệu nghiệm, những phương pháp đó phải được thi hành một cách thành thật, chứ không phải là một cách máy móc. Nếu không có một tình thương nhân loại và chúng sinh phát ra tự trong đáy lòng, nếu không có đức nhân ái từ bi, thì những phương pháp thực hành kể trên chỉ là trống rỗng và không có giá trị gì. Chỉ có những kỷ luật đúng đắn, một sức dẫn dụ mạnh mẽ quyết tâm cải tà quy chánh, mới có thể đưa linh hồn vào đúng con đường của nó. Nhưng còn đối với hàng triệu linh hồn hãy còn vào thời kỳ ấu trĩ về phương diện tâm linh, những phương pháp trên không thể nhất thời đưa họ tiến ngay đến mục đích. Không phải tất cả mọi người đều đã tiến hóa đến một trình độ tâm linh đầy đủ để có thể đạt được trong một kiếp cái tình bác ái rộng rãi bao la nó bao trùm tất cả mọi loài, tức là trạng thái thâm thức đó mới có đủ mãnh lực làm tiêu tan mọi điều tật ách, nghiệp chướng do quả báo đưa đến.

Trong trường hợp người thanh niên bị chứng bệnh lao ở tủy xương sống, cuộc soi kiếp dường như biết rõ y không đủ sức thực hiện

những điều kể trên. Bởi đó, với sự thẳng thắn của một vị y sĩ biết rõ tiềm lực và khả năng của bệnh nhân và không muốn làm cho y hy vọng những điều quá sức mình, ông Cayce đã cho y biết rõ: "Bệnh anh chỉ có thể giảm bớt phần nào thôi, chứ không thể dứt tuyệt." Tuy nhiên, cuộc soi kiếp không phải đã kết thúc.

Trong trường hợp này và những trường hợp khác nữa, cuộc soi kiếp tiếp tục đưa ra cho bệnh nhân những phương pháp điều trị về phần thể chất, để cho bệnh nhân có thể làm những cố gắng cụ thể để tự chữa bệnh lấy mình. Sự kiên nhẫn, bền chí, can đảm và những đức tính khiêm tốn, nhân từ, khoan hậu, mà bệnh nhân cố gắng phát triển và thấu đạt được trong thời kỳ đó, sẽ đóng góp phần nào trên phương diện tinh thần, ít nhất là một cách gián tiếp, để sửa chữa nghiệp quả. Như vậy, thay vì có một thái độ tiêu cực, thụ động đối với vấn đề trả quả, những cuộc soi kiếp của ông Cayce luôn luôn khuyến khích bệnh nhân hãy có một thái độ tích cực tranh đấu để vượt qua nỗi chướng ngại đau khổ của mình. Dưới đây là một khía cạnh quan trọng khác của vấn đề chữa bệnh.

Trong những cuộc soi kiếp, ông Cayce luôn luôn đưa ra những điều khuyên răn các bệnh nhân tùy theo trình độ tiến hóa riêng của từng

người. Ông đưa ra những phương pháp điều trị thiên hản về tinh thần cho những người không thể hiểu được hoặc chống chọi lại những phương pháp đó. Bác sĩ Alexis Carrel, tác giả hai quyển sách nhan đề: "Con Người, Một Vật Huyền Bí" và "Cuộc Hành Trình Đến Thành Lourdes," cho biết rằng ở Lourdes, nhiều người rất sâu xa, đã được chữa khỏi ngay tại chỗ về bệnh ung thư và những chứng bệnh nan y khác. Nếu như sự khỏi bệnh ấy quả có thật, thì chắc chắn là việc ấy không thể xảy đến cho những người không có một đức tin và một thái độ tinh thần giống như của những người được khỏi bệnh kể trên.

Sự nghiên cứu nhiều cuộc soi kiếp và khán bệnh của ông Cayce chỉ rõ ràng nguồn tài liệu luôn luôn biết rõ giới hạn đức tin của bệnh nhân. Trong nhiều trường hợp, những cuộc soi kiếp biết rằng vài bệnh nhân có thể được chữa khỏi bằng phương pháp dẫn dụ tinh thần. Trong những trường hợp khác cũng cùng một chứng bệnh nhưng bệnh nhân lại không thể chữa khỏi bằng phương pháp đó, hoặc vì do sự thiếu hiểu biết, hoặc do sự hoài nghi, hoặc vì họ quá thiên về quan niệm vật chất. Đối với những người này, tốt hơn là hãy khuyên họ dùng phương pháp điều trị thể xác. Người ta nhớ một câu

chuyện cổ điển Ấn độ nói về một người đệ tử của một người đạo sĩ nọ. Người đệ tử đã trải qua một giai đoạn huấn luyện công phu để có thể chế ngự được vật chất bằng sức mạnh tinh thần. Y là một người đệ tử ưu tú và có nhiều khả năng. Y bèn ẩn mình trong rừng sâu, và sau mười năm tập luyện y mới trở lại gặp Tôn Sư. Tôn Sư hỏi: "Con đã làm gì trong suốt thời gian đó?" Người đệ tử đáp lại với một giọng hơi tự đắc: "Con đã luyện tập chế ngự tư tưởng để có thể đi trên mặt nước và bây giờ con có thể vượt qua sông như đi trên đất bằng." Vị Tôn Sư nói với một giọng buồn rầu: "Con ơi! Con đã lãng phí thời giờ vô ích. Con há lại chẳng biết rằng con có thể vượt qua sông mà chỉ trả có một xu cho người lái đò?"

Câu chuyện này do một dân tộc đã từng phát triển sức mạnh tâm linh trải qua nhiều thế kỷ để lại, có một ý nghĩa sâu xa để cho chúng ta suy gẫm. Lẽ dĩ nhiên, sự cố gắng để tự chữa bệnh cho mình bằng sức mạnh tinh thần là một cố gắng đáng khen và nó giúp cho ta tự đào luyện tinh thần và ý chí. Khoa học công giáo và những phong trào tôn giáo cùng một loại đã từng phổ biến trước công chúng sự hiểu biết về những quyền năng của tư tưởng, nó là nguồn gốc của nhiều chứng bệnh của người đời, và

đồng thời cũng có thể được dùng để chữa bệnh luôn. Tuy nhiên, người ta cần biết rằng có những chứng bệnh nguyên nhân không phải do tư tưởng gây ra; nhiều chứng bệnh, dầu là nguyên nhân nào, có thể điều trị bằng những phương tiện vật chất một cách hữu hiệu hơn là điều trị bằng tinh thần.

Những quan niệm về y học của ông Cayce còn có một khía cạnh khác: Những cuộc soi kiếp không cho là một phương pháp điều trị nào lại "Tinh thần" hơn một phương pháp nào. Tất cả những phương pháp điều trị đều có một nguồn gốc thiêng liêng như nhau.

Một người phụ nữ kia bị chứng đau lưng rất dữ dội. Bà muốn biết xem nên theo cách điều trị thể xác hay tinh thần. Cuộc khán bệnh của ông Cayce giải đáp câu hỏi đó như sau: "Bệnh trạng của bà phần lớn có thể chữa khỏi bằng tinh thần. Nhưng bà hãy để tự nhiên. Nếu bà thấy đau nhiều, bà hãy theo phép điều trị bằng thuốc men để đáp ứng sự nhu cầu của xác thể. Thật ra hai phương pháp điều trị đều không khác gì nhau, vì là đều do một nguồn gốc mà ra. Hai phương pháp ấy không phải tương phản nhau như vài người tưởng lầm."

Một ký giả ở Pittsburg bị bệnh tê thấp đã mười năm, được khuyên nên điều trị bằng cách

tắm nước nóng và dùng tử loại tuyến để làm tăng sự lưu thông máu huyết và bài tiết chất độc trong máu. Cuộc soi kiếp nói: "Mọi sự chữa bệnh đều do một Quyền Năng Thiên Liêng. Ai chữa khỏi bệnh cho anh? Đó là cái Nguồn Sống sinh ra muôn loài vạn vật. Bất cứ phương tiện nào người ta dùng để chữa bệnh, dầu cho đó là thuốc men, máy móc dụng cụ, tắm nước nóng, hay là phương tiện nào khác, người ta cũng phải trở về cái Nguồn Sống Duy Nhất, tức là Thượng Đế vậy."

Chương 9: Kích Thước Mới Của Khoa Tâm Lý

Người ta có thể học được nhiều việc bằng cách thử giải quyết những vấn đề khó khăn. Sự giải quyết nhiều vấn đề lý thú căn cứ trên một nguyên tắc quan trọng là sự lý luận hay suy gẫm.

Vấn đề quan trọng nhất trong mọi vấn đề bí hiểm của cuộc đời là sự bí mật về con người. Con người là ai? Y từ đâu đến và sẽ đi về đâu? Để giải đáp vấn đề này, chúng ta có thể áp dụng một phương pháp khoa học giản dị như sau: Chúng ta đưa cho một người kia sáu cái diêm quẹt và bảo y hãy sắp thành bốn hình tam giác

đều cạnh với nhau (triangles équilatéraux.) Người ấy lần mò sắp đặt các diêm quẹt một hồi lâu... Sau cùng y đành chịu thua và bỏ cuộc vì không sao sắp được. Bài toán đố bí hiểm này chỉ có thể giải quyết được nếu người ấy bỏ cái ý nghĩ sắp các diêm quẹt theo hai chiều đo (chiều dài và ngang) trên một mặt bàn bằng phẳng, mà hãy thêm vào một chiều đo thứ ba (3ème dimension), tức là chiều sâu, và sắp thành một khối Kim Tự Tháp (Pyramide).

Vấn đề bí hiểm của đời người đại khái cũng giống như cái trò chơi kể trên. Chúng ta chỉ cần thêm vào một bề đo thứ ba, tức là yếu tố thời gian, và chúng ta sẽ có thể hiểu được nguồn gốc và tương lai của con người.

Người ta thường cho rằng đời người chỉ là cái kiếp sống của thể xác, kể từ khi bắt đầu sinh ra cho đến khi chết là hết. Nhưng nếu người ta có thể chứng minh một cách khoa học rằng con người không phải là cái thể xác vật chất, mà cũng là một linh hồn; linh hồn ấy đã từng sống trước khi y sinh ra và sẽ tiếp tục tồn tại sau khi y chết, thì sự khám phá đó sẽ làm đảo lộn tất cả khoa tâm lý học hiện nay. Điều đó chẳng khác nào như một cái ống thăm dò mà người ta cắm xuống tận những lớp sâu trong lòng Trái Đất để tìm mỏ dầu. Khoa Tâm Lý Học hiện đại ví như

một cái lỗ sâu có năm phân để trồng một củ hành, so với một cái giếng dầu lửa bề sâu ba ngàn thước tượng trưng cho bề đo vừa nói trên.

Trong thời gian gần đây, các nhà tâm lý học đã nghiên cứu tỉ mỉ về cá tính của con người, và nhờ sự nghiên cứu công phu đó, người ta đã có nhiều sự áp dụng thực tế vào các vấn đề lao động, hướng nghiệp, công tác xã hội... Tuy thế những sự phát minh đó cũng chỉ biết một cách rất nông cạn về con người.

Nếu người ta áp dụng thuyết Luân Hồi, thì đó là một ngọn đèn pha sáng rọi soi vào những hang vách tối tăm, sâu thẳm của vấn đề bí hiểm này. Nhờ đó, người ta có thể nhận thấy rõ bằng cách nào được cấu tạo nên những tánh tình, cử chỉ, thái độ, đức tánh, vận mạng cùng thân thể hiện nay của một người.

Chúng ta có thể dùng một thí dụ khác: đời người có thể ví như một khối nước đá ngâm dưới nước; chín phần chìm xuống nước chỉ có một phần nổi lên trên. Thuyết Luân Hồi tiết lộ cho ta thấy chín phần khối nước đá chìm dưới mặt nước, còn khoa tâm lý học hiện nay chỉ nghiên cứu một cách vất vả mệt nhọc về một phần nhỏ bé nổi lên trên, mà ta có thể nhìn thấy!

Những tập hồ sơ của Cayce còn đưa ra nhiều thí dụ về bề đo "Thời gian" kể trên, và về cách mà nó giải thích cá tính hiện nay của một người. Trong một cuộc soi kiếp, ông Cayce có nói về một người lính Gaulois bị tướng La Mã Annibal bắt làm tù binh và bắt làm nô lệ chèo thuyền ở giữa biển. Người tù binh này bị các tướng da đen ngược đãi và sau cùng, y bị một tên da đen đánh chết. Việc này xảy ra đã từ ba kiếp về trước, nhưng lòng căm thù uất hận về hành động tàn ác này đã ăn sâu vào tiềm thức của y trải qua 22 thế kỷ. Trong kiếp này, y làm nghề nông nghiệp và trồng tỉa ở tiểu bang Alabama, Hoa Kỳ.

Suốt cả đời, y luôn luôn có một lòng thù ghét sâu đậm đối với dân da đen; thậm chí, y lập nên một Hội bảo vệ chủ quyền của người da trắng. Đó là một thí dụ điển hình về việc người ta giữ nguyên vẹn cá tính từ kiếp này sang kiếp khác. Người ta có thể tìm thấy rất nhiều trường hợp như thế trong các tập hồ sơ Cayce.

Một nhà viết báo nó biểu lộ trong nhiều năm một tinh thần chống Do Thái rất mãnh liệt. Cuộc soi kiếp cho biết rằng thái độ ấy được truy nguyên ra từ một kiếp trước ở xứ Palestine, trong kiếp đó, y thuộc về giáo phái Samaritains, phái này

thường có những cuộc xung đột dữ dội với người Do Thái ở nước láng giềng.

Một người đàn bà 38 tuổi, độc thân, đã có nhiều mối tình duyên trong đời, nhưng không chịu kết hôn với một người nào vì bà ta có một lòng nghi kỵ rất thâm sâu đối với đàn ông. Sự dè dặt và nghi kỵ này do bởi ở một kiếp trước bà ta đã từng đau khổ vì bị chồng bỏ để đi tòng chinh trong trận Thánh Chiến.

Một người phụ nữ nọ có một tinh thần tôn giáo rất rộng rãi khoan dung, được biết rằng cô có đức tính này là nhờ bởi kiếp trước có tham dự cuộc Thánh Chiến, và đã từng sống chung với người Hồi Giáo. Trong khi tiếp xúc với những người thuộc một tôn giáo khác hẳn, lần đầu tiên cô đã nhận thức được rằng những người "Ngoại đạo" cũng biểu lộ những đức tính tốt như can đảm, nhân từ, khoan hậu, và lòng sùng tín thiêng liêng. Điều này đem đến cho cô một ấn tượng mạnh mẽ sâu xa đến nỗi nó đã làm cho cô có một ý thức rõ rệt và bền bỉ về đức tính khoan dung đối với người thuộc tôn giáo khác hơn mình.

Trái lại, một nhà chuyên môn quảng cáo nọ có óc hoài nghi và không có tín ngưỡng tôn giáo, kiếp trước cũng là một chiến sĩ trong trận

Thánh Chiến. Nhưng y cảm thấy có sự khác biệt giữa sự Thuyết Giáo và Hành Đạo trong số những người mà y đã gặp, đến nỗi trong kiếp này y vẫn còn giữ một sự nghi ngờ rất lớn đối với những sự biểu lộ tôn giáo về hình thức bên ngoài.

Những thí dụ kể trên gồm ba thái độ khác nhau: Thái độ về vấn đề chủng tộc, đối với người khác phái và đối với vấn đề tôn giáo, mà nguyên nhân là do bởi ở một kiếp trước. Lẽ tự nhiên trong mỗi trường hợp, đương sự phải gặp những hoàn cảnh địa phương thuận tiện để gây cho y sự phản ứng về các vấn đề đó. Người căm thù dân da đen sinh ra ở miền Nam Hoa Kỳ năm 1853 là thời kỳ mà những phong tục và truyền thống ở xứ này là những hoàn cảnh thuận tiện để gây cho y cái ý niệm kỳ thị chủng tộc da đen.

Vấn đề ảnh hưởng của hoàn cảnh địa phương cũng được nêu ra trong những trường hợp khác như đã kể trên, hoặc trong nhiều trường hợp tương tự. Sự kiện rằng có nhiều người cũng ở vào những hoàn cảnh địa phương giống như nhau, nhưng lại có sự phản ứng khác hẳn, dường như chỉ rằng sự phản ứng đó có một nguyên nhân sâu xa hơn là do những hoàn cảnh sinh hoạt ở kiếp này.

Các nhà chữa bệnh tâm thần đều đồng thanh cho rằng những thái độ tinh thần của con người vốn từ trong tiềm thức biểu lộ ra ngoài. Nguyên tắc Luân Hồi chỉ nói rộng lĩnh vực tìm thức để gồm luôn cả những kinh nghiệm của những kiếp trước. Cũng như trong những trường hợp bệnh tật của xác thể, người ta đã truy nguyên lý do của mỗi chứng bệnh ở những kiếp trước là do bởi yếu tố thời gian. Đó là nói về những thái độ cử chỉ của con người đối với một vài vấn đề nhất định. Những thái độ đó, cũng như những khuynh hướng, đồ kỵ, ưa thích... đều gồm lại làm thành phần cá tính của một người. Những bản năng tự tồn, bản năng sinh sản... đều hỗn hợp một cách chặt chẽ với tất cả những điều ham muốn khác của đời sống con người. Tuy nhiên, ngoài ra những sự nhu cầu căn bản chung của nhân loại, còn có những điều thích thú say mê và hứng khởi đặc biệt, biểu lộ một cách khác biệt nhau rất xa ở một số người. Thí dụ:

Trong một gia đình có năm người con, một đứa thích âm nhạc, một đứa thích máy móc, một đứa thiên về hội họa, một đứa thích sưu tầm các loài bướm; đứa sau chùng chơi bờ du dãng và phá phách làng xóm.

Sự giải thích thông thường của khoa học tâm lý về sự khác biệt giữa những khả năng và tính chất kể trên: Một là do sự di truyền và hai là do những yếu tố tâm lý phân giải (psychanalyse) tùy thuộc nơi vị trí của một người trong gia đình và những kinh nghiệm riêng mà y thâm nhập được.

Những tập hồ sơ của Cayce chứa đựng những thí dụ dưới đây về những khuynh hướng đặc biệt của một số người, được truy nguyên ra từ nhiều kiếp trước.

Một vị nha y sinh trưởng ở thành phố New York, mặc dầu rất hài lòng về chức nghiệp và đời sống ở thành thị, nhưng thỉnh thoảng lại thấy muốn sống ở ngoài đồng ruộng hoặc trên bờ sông với một khẩu súng đi săn và một cần câu; và cắm trại một mình với một chiếc lều dựng lên giữa bãi sa mạc. Sự thích thú sống gần với thiên nhiên này vốn không phù hợp với tâm tính của một người quen sống ở thị thành, nhất là gia đình của y đã từng sống ở thành thị trải qua nhiều thế kỷ. Điều này chỉ có thể giải thích được bằng thuyết Luân Hồi. Cuộc soi kiếp của ông Cayce cho biết rằng trong một tiền kiếp, y là một người Đan Mạch di cư sang Bắc Mỹ trong thời kỳ khai thác thuộc địa. Y sống ở New Jersey, trong một vùng có nhiều đầm lầy, hồ ao, sông

ràch; y sống với nghề săn bắt, gài bẫy thú rừng, và buôn bán các loại thú. Cuộc đời hoạt động chốn bụi trũng, đầm lạch, sông ngòi, đã đem cho y một sự thích thú đặc biệt vẫn còn tồn tại đến ngày nay, tuy rằng điều ấy còn phải lệ thuộc vào đời sống hành nghề nha sĩ của y trong kiếp này.

Có nhiều người cảm thấy yêu mến nồng nàn một xứ hay một vùng địa phương xa lạ. Những cuộc soi kiếp truy nguyên ra sự hấp dẫn này ở một kiếp trước của đấng sự, trong kiếp đó y đã từng trải qua một thời kỳ sung sướng và hạnh phúc ở xứ ấy. Thí dụ: Một người đàn bà nọ kinh doanh buôn bán lớn ở vùng bờ biển phía đông xứ Hoa Kỳ, luôn luôn vẫn có ý muốn di cư xuống ở miền Tây Nam xứ ấy. Sau cùng bà ta di cư thật và hiện nay bà làm chủ một khách sạn lớn ở tại New Mexico. Cuộc soi kiếp cho biết bà đã từng sống trong hai tiền kiếp ở vùng này, và lòng triu mến của bà đối xứ ấy vẫn còn tồn tại trong những thế kỷ trung gian.

Có bốn người kia, một người cảm thấy yêu mến những vùng hải đảo miền Nam Thái Bình Dương, một người muốn sống ở tiểu bang New Orleans, một người yêu mến xứ Ấn Độ và một người lại thích ở xứ Trung Hoa. Những cuộc soi kiếp cho biết rằng trong kiếp trước, họ đã từng

sống ở các xứ ấy, và đó là lý do của sự hấp dẫn nói trên.

Sự thích thú về một môn nghệ thuật hay một nghề nghiệp nào cũng là do ở những kinh nghiệm trong các tiền kiếp. Một thiếu phụ kia yêu thích đến say mê môn khiêu vũ và kịch nghệ Hy Lạp, được biết rằng đó là do kinh nghiệm trong một kiếp trước của y ở Hy Lạp, trong thời kỳ những môn nghệ thuật này phát triển đến cực điểm. Sự thích thú của một thanh niên nọ về hiện tượng thần giao cách cảm được truy nguyên ra từ một kiếp trước ở châu Atlantide, trong kiếp trước y đã dạy môn tâm lý học và chuyển di tư tưởng.

Cũng do một kinh nghiệm cũ về nghề hoa tiêu về giám đốc ngành chuyên vận ở châu Atlantide, mà một thiếu nữ nọ cảm thấy rất thích thú về môn lái máy bay và môn kỹ thuật hàng không trong kiếp này. Một người đàn bà nọ ham thích làm việc công tác xã hội phụng sự các trẻ em tật nguyền khốn khổ, được cho biết rằng kiếp trước y đã từng sống ở xứ Palestine, tại đây y chịu ảnh hưởng giáo lý của đức Jusus và bắt đầu hiến dâng cuộc đời để săn sóc cứu chữa những kẻ tàn tật và bệnh hoạn. Một vị kỹ sư nọ đảm nhiệm một cơ quan nghiên cứu, và đã từng làm việc nhiều năm trong phong trào

phát triển ngành kỹ thuật, kiếp trước vốn là một người Atlante chuyên coi về ngành Quản trị Khoa học trong xứ ở châu Atlantide.

Sự tái diễn những kinh nghiệm và khả năng đặc biệt từ những tiền kiếp, dường như càng biểu lộ rõ rệt trong cuộc đời của những nhân vật tên tuổi. Chúng tôi không căn cứ điều này trên những cuộc soi kiếp của ông Cayce, mà căn cứ trên tiểu sử của những nhân vật ấy.

Thí dụ như trường hợp của ông Heinrich Schliemann, nhà khảo cổ Đức đã khám phá ra những di tích cổ của thành phố Troie bị chôn vùi dưới mặt đất, và nhờ đó đã xác nhận tánh cách lịch sử của thiên Anh Hùng Ca "Iliade" của Homère Ông là con của một vị mục sư nghèo, giảng đạo tại miền Bắc nước Đức nhưng trong lúc thiếu thời ông đã say mê "Iliade", ông nhất định học tiếng Hy Lạp và truy tầm nơi diễn tả sự tích của thiên Anh Hùng Ca bất hủ này.

Trong ba mươi lăm năm, ông Schiemann cố gắng dành dụm một số tiền để giúp ông thực hiện công trình khảo cổ này. Ông trở nên một nhà sinh ngữ học ưu tú, nhưng ông lại thích nhất môn sinh ngữ Hy Lạp và tất cả những gì thuộc về xứ ngàn năm vạn vật này. Về sau, ông dùng những cách hành văn Hy Lạp trong khi nói chuyện và nhà chép tiểu sử của ông thuật lại

rằng trong dịp làm lễ rửa tội cho con trai ông, ông đặc quyền Anh Hùng Ca của Homère trên đầu con ông và ngâm vang lên những câu thơ bất hủ trong đó trước khi giao nó cho vị linh mục làm phép rửa tội! Điều này chỉ là một trong những cử chỉ lố lăng khác, nó phản ánh một lòng hâm mộ hâm mộ và say mê nồng nhiệt nền văn hóa cổ xưa của xứ Hy Lạp. Một sự say mê nồng nhiệt như thế có thể hiểu được nếu chúng ta thấy rằng đó chỉ là do ký ức của linh hồn muốn nhắc nhở và sống lại thời kỳ hạnh phúc đã qua trong dĩ vãng.

Một thí dụ khác cũng rất lý thú là trường hợp của nhà văn Lafcadio Hearn. Ông sinh ra trên một hòn đảo ở gần Hy Lạp, cha ông là người Ái Nhĩ Lan, mẹ Ông là người Hy Lạp. Ông đi phiêu lưu giang hồ từ Hy Lạp sang Anh quốc, Mỹ quốc, đảo Guadeloupe, Martinique, và sau cùng ông đã tìm thấy "Quê hương tinh thần" của ông ở xứ Phù Tang tại đây ông cưới vợ Nhật, đổi tên Nhật, và dạy học ở một trường Nhật. Sự hiểu biết sâu xa về tâm hồn của người Nhật bản, tài năng lạ lùng của ông trong sự diễn đạt cái tinh hoa của nước Nhật cho thế giới Âu Tây và diễn đạt tư tưởng Âu Tây cho người Nhật, không làm cho ta ngạc nhiên nếu ta thấy rằng đó chỉ là do

những kinh nghiệm cũ của ông ta trong một tiền kiếp ở Nhật Bản.

Trường hợp của ông T.E.Lawrence là một thí dụ khác nữa. Ông ta rất đặc biệt khôn khéo trong việc tiếp xúc với người Ả Rập và đã sống chung với họ như một người Ả Rập. Ông không hề cảm thấy thoải mái dễ chịu ở tại quê hương xứ sở hay trong gia đình ông ở Anh quốc. Ông chán nản mọi sự học ở nhà trường, trừ ra lớp học lịch sử cuộc Thánh Chiến (Croisades), và việc nghiên cứu các tòa lâu đài cùng thành lũy thời Trung Cổ.

Sự thành công đặc biệt của ông trong vai trò tướng soái chỉ huy quân đội Ả Rập có thể hiểu được như là kết quả của một giai đoạn phiêu lưu ở kiếp trước hồi thời Trung Cổ, trong kiếp đó chính ông ta là người Ả Rập và là một chiến thuật gia, nhưng không đạt được mục đích trước khi ông ta từ trần.

Những khuynh hướng đặc biệt kể trên không phải chỉ có những nhân vật tên tuổi của lịch sử mà thôi; mỗi người đều có thể nhận thấy ít nhiều khuynh hướng đó ở chính những bạn bè thân quyến của mình.

Những nét riêng hay đặc điểm về cá tính, cũng như những thích thú và cử chỉ cùng thái độ

đặc biệt của một người là những yếu tố quan trọng trong việc phân tách tâm lý, và những tập hồ sơ của Cayce đã nêu ra những trường hợp vô cùng lý thú về sự truy nguyên ra những kiếp trước.

Bà vợ của một nhà triệu phú nọ ở miền Tây Hoa Kỳ có một tính chất rất độc tài và chuyên chế. Cuộc soi kiếp cho biết nguyên nhân là vì bởi kiếp trước, y đã từng làm giáo sư ở tiểu bang Ohio, và trong những kiếp trước nữa, y đã từng nắm giữ những chức vụ cao ở Palestine và ở Ấn Độ.

Một thanh niên nọ từ thuở nhỏ đã tỏ ra có tính rất hay tranh luận đôi co, và có thể lý luận mọi sự một cách rất hùng hồn và xác đáng. Nguyên nhân là trong một kiếp trước, y đã từng làm một luật gia và một luật gia và một kiếp trước nữa, y đã làm quan Tòa ở xứ Ba Tư.

Một người đàn bà nọ có khuynh hướng trầm lặng và thần bí. Trong kiếp trước, bà ấy đã từng cầm đầu một tu viện kín, vào hồi đầu thế kỷ mười chín.

Một thanh niên nọ con nhà giàu có lớn, nhưng lại có tật chè chén say sưa quá độ đến nỗi gây sự thất vọng và đau khổ cho một gia đình trưởng giả. Thói say sưa này được truy nguyên ra do sự chơi bời phóng túng trong kiếp

trước, hồi thời kỳ thiên hạ đổ xô nhau đi tìm vàng ở California. Người ta thấy hàng trăm trường hợp tương tự trong những cuộc soi kiếp của ông Cayce.

Khoa tâm lý học hiện đại cho rằng sự khác biệt giữa những người nhân loại được định đoạt trước hết bởi sự di truyền của cha mẹ và sau đó bởi ảnh hưởng của hoàn cảnh chung quanh. Tuy nhiên, theo quan niệm về thuyết Luân Hồi thì chính sự di truyền và ảnh hưởng của hoàn cảnh cũng là những kết quả báo ứng của những nguyên nhân gây ra từ những kiếp trước, và bởi đó mọi đức tánh của linh hồn đều là do cái công phu đào tạo của từng cá nhân chứ không phải do cha mẹ truyền lại.

Đức Phật có nói: "Hành động là kết quả của tư tưởng." Những gì mà chúng ta làm hiện nay là kết quả của những điều ta đã suy ngẫm từ trước. Trong Phật giáo, thuyết Luân Hồi là một giáo lý căn bản; đức Phật dạy rằng những đức tính của con người bây giờ là kết quả của những tư tưởng và hành động của y trong những kiếp trước.

Có nhiều người, tuy chấp nhận Nhân Quả, nhưng lại quan niệm luật ấy dưới khía cạnh trừng phạt và đau khổ. Ta nên nhớ rằng danh từ Karma chỉ có nghĩa là hành động, và đó là một

danh từ trung lập. Mọi sự vật trong vũ trụ đều có hai phương diện Âm và Dương, và Nghiệp Quả (Karma) cũng không ngoài cái thông lệ đó. Lẽ tất nhiên, một hành động có thể tốt hay xấu, vị kỷ hay vị tha. Nếu cách hành động cư xử của một người là tốt, thì không có gì ngăn trở y cứ tiếp tục làm những điều phải và tốt lành do cái đà tiến hoá tự nhiên của con người. Điều đó có thể gọi là Nguyên Tắc Liên Tục của nghiệp quả. Trái lại, nếu một người có những hành động xấu xa hung dữ độc ác, thì nghiệp quả đó phải được sửa chữa bằng luật Quả Báo; điều này gọi là Nguyên Tắc Thừa Trừ.

Do Nguyên Tắc Thừa Trừ, tức là do bởi mãnh lực tạo thế quân bình của Luật Nhân Quả, chúng ta được dìu dắt trở lại con đường chính, là con đường tự tu tiến và cải thiện lấy mình. Còn do Nguyên Tắc Liên Tục, chúng ta cứ từ từ tiến bước một cách đều đặn, không gián đoạn trên con đường chính, tức là con đường Tiến hóa đưa đến mục đích giải thoát vậy.

Chương 10: Những Hạng Người Khác Nhau

Trong sự tiếp xúc hằng ngày với những người chung quanh, chúng ta có thể phân biệt

được một vài loại mà chúng ta sắp thành hạng theo một hệ thống riêng. Có hạng người tánh tình cởi mở, xã giao lịch thiệp; có hạng người dè dặt kín đáo, tánh tình trầm lặng; có hạng người ích kỷ, hạng người vị tha...

Nhiều nhà tâm lý học đi đến kết luận rằng con người có thể sắp thành hạng, và lập một căn bản khoa học cho việc sắp hạng ấy. Sự phân hạng thông thường nhất là của Carl Jung, ông này phân loài người ra làm hai hạng chính: Hạng người có tâm hồn khép chặt (intraverti); và hạng người có tâm hồn cởi mở (extraverti). Hạng người "Khép chặt" tức là hạng người hướng sự chú ý của họ vào bên trong, nghĩa là vào chính bản thân mình; còn hạng người "Cởi mở" tức là hạng người hướng sự chú ý của họ ra thế giới bên ngoài.

Tuy nhiên, các Đạo gia cho rằng Carl Jung và những nhà tâm lý học khác đều không đưa ra những giải thích mỹ mãn và đích đáng về lý do nào đã khiến cho một người sinh ra đời lại có một tâm hồn khép chặt, và một người khác sinh ra lại có một tâm hồn cởi mở. Ông Carl Jung và những nhà bác học khác cho rằng hai trạng thái tâm lý căn bản này là do những nguyên nhân về sinh lý. Tuy nhiên quan niệm nhà Đạo gia đối

với vấn đề này, cũng như các vấn đề khác, là những nguyên nhân về sinh lý kể trên chỉ là phụ thuộc; còn các sinh hoạt cùng thái độ cử chỉ của một người trong một kiếp trước mới là nguyên nhân chính.

Những tập hồ sơ Cayce có ghi chép rõ ràng nhiều trường hợp hướng nội, tức là của những tâm hồn khép chặt, nguyên nhân do bởi những kinh nghiệm từ kiếp trước. Xét kỹ những trường hợp này, người ta thấy rằng nguyên tắc liên tục của luật Nhân Quả hành động một cách rõ ràng, và chuyển từ kiếp này sang kiếp khác một vài thái độ hay trạng thái tâm lý của con người một cách liên tục không gián đoạn. Dưới đây là một trường hợp: Một thiếu nữ 21 tuổi, sinh viên, có khiếu về âm nhạc, nhưng có tánh e lệ rụt rè một cách quá đáng. Mặc dầu cô có dung mạo đẹp đẽ, nhưng cô khó tìm bạn và rất buồn mà thấy mình không được nhận vào Câu Lạc Bộ của trường. Người ta không biết gì về những hoàn cảnh gia đình của cô trước khi cô vào trường, vì có thể đó là nguyên nhân gây cho cô cái tánh rụt rè nhút nhát bây giờ. Tuy nhiên, cuộc soi kiếp của ông Cayce cho biết rằng điều này có nguyên nhân ở một kiếp trước. Hồi đó, cô ta là một mệnh phụ dưới triều đình nước Pháp, có tài hoa, sắc đẹp và rất lịch thiệp. Nhưng chồng bà

vốn là một người ích kỷ, không muốn cho bà xã giao khéo léo và lịch sự với tất cả mọi người. Bởi đó, ông ta ngăn trở mọi sự giao tế xã hội của vợ bằng một sự áp chế lạnh lùng và khắc nghiệt, thậm chí có khi ông ta đánh đập vợ bằng roi vọt. Điều này làm cho bà vợ e dè sợ sệt, và sự sợ sệt đó hãy còn in sâu vào tiềm thức cho đến bây giờ.

Sau đây là một trường hợp cũng có sự áp chế tương tự, tuy rằng trong những hoàn cảnh khác hẳn. Ông Cayce soi kiếp cho một thanh niên 28 tuổi, anh chàng này hiếu học và tâm tính "Khép chặt." Ông Cayce cho biết trong một kiếp trước, y bị khủng bố tàn nhẫn trong những vụ xử án các tay phù thủy ở Salem, thuộc tiểu bang Massachusetts, Hoa Kỳ. Kinh nghiệm đó đã bộc lộ bằng hai cách trong tâm tính của y bây giờ. Trước hết y có sự căm hờn đối với mọi hình thức áp chế; và sau đó y có tánh rất hiếu học, nhưng lại muốn giữ những điều hiểu biết riêng cho mình, không muốn thố lộ cho ai.

Chúng ta đã thấy rằng cho một con chó hay con mèo mà bị đánh đập tàn nhẫn, chúng cũng biết tự vệ và có lòng đố kỵ với loài người. Lẽ tự nhiên, đối với người thanh niên này, trong tiềm thức của y vẫn còn in sâu một bản năng tự vệ,

nó khiến cho y hãy giữ gìn đề phòng những người chung quanh, không chịu tiếp xúc với họ và không chịu tỏ lộ với ai những điều hiểu biết của mình. Những tập hồ sơ Cayce còn ghi nhiều trường hợp giống như trên về những vụ án phù thủy ở Salem, mà kết quả là làm cho đương sự có một khái độ khép nép, ẩn độn, dè dặt cũng y như thế. Một vị bác sĩ có tính rất dè dặt kín đáo, không thích giao du, được biết nguyên nhân là vì trong một kiếp trước, y đã giữ giới tịnh khẩu theo kỷ luật của phái Quaker. Một vị giám đốc Thương Vụ Ở New York cũng có tính rụt rè, thiếu xã giao lịch thiệp. Trong một kiếp trước, ông ta là một nhà thám hiểm, sống một cuộc đời cô độc và tự lập ở miền Nam Phi Châu. Một cô nữ sinh nhút nhát và tự ti mặc cảm, được biết kiếp trước cô ta là một người thổ dân da đỏ dưới thời đô hộ của người thực dân da trắng ở Bắc Mỹ Châu và hãy còn giữ thái độ nghi ngờ và giữ mình đối với kẻ khác.

Theo sự chứng minh của những trường hợp kể trên và nhiều trường hợp khác trong tập hồ sơ Cayce, thì tính rụt rè ẩn độn vẫn kéo dài một cách liên tục từ kiếp này sang kiếp khác, bắt đầu từ kinh nghiệm đầu tiên khiến cho đương sự có thái độ đó. Nguyên tắc liên tục này cũng áp dụng y như trong trường hợp những người có

tánh tình cởi mở. Đây là trường hợp một người đàn bà ngoài ba mươi tuổi, đã hai lần ly dị, có một tâm hồn cởi mở và vẫn còn nghĩ đến một cuộc tái giá lần thứ bọ Cuộc soi kiếp của ông Cayce cho biết rằng cái thái độ hồn nhiên, yêu đời đó được truy nguyên từ hai kiếp về trước: Trong một kiếp, cô làm huấn luyện viên tại một khiêu vũ trường hồi thời kỳ khai mở thuộc địa ở Bắc Mỹ; trong một kiếp trước nữa dưới triều đình vua nước Pháp, cô là một bà ái phi của vua Louis thứ mười lăm. Trong kiếp đó, cô đã phát triển được những khả năng khôn khéo, lịch thiệp và quyến rũ, làm cho người người đều thương mến, từ ông vua cho đến chị bếp trong cung cấm. Trong kiếp làm huấn luyện viên khiêu vũ, cô cũng đã xử dụng và phát triển thêm những khả năng trên đây.

Đây là một thí dụ lý thú khác nữa: Một nhà làm trò ảo thuật ở New York có một sức hấp dẫn rất mạnh, xã giao lịch thiệp, và đặc biệt có tài hài hước, được biết rằng những khả năng trên đây truy nguyên từ những kinh nghiệm trong hai kiếp trước. Cuộc soi kiếp cho biết trong một kiếp trước, y là một trong những người khai thác thuộc địa đầu tiên đến vùng Mohawk Valley ở Bắc Mỹ. Những đức tính mà y đã phát triển trong kiếp đó và một kiếp trước nữa, đã giúp

cho y có cái khả năng hấp dẫn và chỉ huy kẻ khác trong kiếp này. Sự khôn khéo lịch thiệp và tài lãnh đạo của y được phát triển là do thời kỳ tranh đấu cho lý tưởng ở Bắc Mỹ hồi thuở ban đầu. Sự nhanh trí khôn và tinh thần hài hước của y nảy sinh ra từ một kiếp làm hề dưới triều vua Henri VIII ở Anh quốc.

Nói tóm lại, tất cả những trường hợp của những người có tâm hồn cởi mở và xã giao lịch thiệp dường như kết quả của những hoạt động xã hội trong những kiếp trước đó. Trong những tập hồ sơ của Cayce, có nhiều trường hợp thành công hoặc thất bại trong sự giao tế và sống hòa bình với hoàn cảnh xã hội bên ngoài. Một trường hợp là của một người đàn bà có tính chất cởi mở, hoạt động và vị tha Trước hết, cô có tham vọng trở nên một nữ tài tử, nhưng hoàn cảnh gia đình và một thể xác lùn thấp không làm cho được như y nguyện, cô bèn xoay qua vấn đề kinh doanh. Cuộc soi kiếp cho biết kiếp trước trong thời kỳ Cách Mạng ở Bắc Mỹ, cô đã hưởng thụ rất nhiều, có địa vị xã hội cao, sống một cuộc đời xa hoa lộng lẫy, nhưng thiếu lương thiện và khinh thường đạo lý. Khả năng lôi cuốn hấp dẫn kẻ khác, tinh thần hài hước và khoa ngôn ngữ của cô là do từ kiếp đó mà có; nhưng

vì cô đã xử dụng khả năng ấy một cách thiếu đạo đức nên kiếp này bị thất bại trên trường đời.

Những trường hợp kể trên chỉ cho ta thấy rằng vấn đề nghề nghiệp vẫn đi đôi với vấn đề đạo đức tâm linh. Người ta thường thấy, cũng như trong trường hợp này rằng sự thất bại về nghề nghiệp, lý do không phải vì thiếu khả năng, mà vì thiếu tinh thần đạo đức; điều này không thể sửa chữa nếu tham vọng về nghề nghiệp của đương sự được thỏa mãn một cách êm đẹp, tốt lành. Cuộc soi kiếp khuyên người thiếu phụ này, lúc ấy mới có ba mươi hai tuổi, hãy hành nghề tài tử hoặc săn sóc trẻ em thiếu nhi hay cô nhi nói tóm lại, cô phải dùng những khả năng của mình vào những mục đích xây dựng và vị tha.

Đây là một trường hợp khác của một người đàn bà, bốn mươi chín tuổi, làm thư ký ở Hoa Thịnh Đốn, vì trong kiếp trước đã lạm dụng những đức tính lịch thiệp xã giao của mình, nên phải chịu những điều kiện tâm lý khắc nghiệt để sửa đổi trong kiếp này. Trong những bức thơ, cô cho biết rằng trong bất cứ mọi giới mà cô cố gắng để tiếp xúc, cô đều cảm thấy rằng không được mọi người hoàn toàn nghinh. Có lẽ đó là vì hồi thuở nhỏ, cô thường bị những người anh và chị trong gia đình ruồng bỏ, nên vẫn còn mang nặng

cảm giác ấy kh ra tiếp xúc với đời. Cô viết thơ như sau: "Tôi lớn lên với một sự mặc cảm sợ sệt luôn luôn ám ảnh tôi. Khi tôi đi chơi với một nhóm bạn bè, tôi luôn luôn cảm thấy rằng sự có mặt của tôi không cần thiết, và tôi tự hỏi rằng tôi phải nói gì và phải làm gì. Tôi muốn đi sâu hơn vào các vấn đề, nhưng không biết phải làm sao. Tôi luôn luôn có cảm tưởng rằng tôi phải cố gắng làm nhiều hơn kẻ khác, để làm cho họ vui lòng. Bởi đó, tôi hy sinh sức khỏe và thời giờ của tôi để làm việc gì cho một người nào đó. Tôi muốn rằng người ta cần dùng đến tôi."

Kể đó, cô thuật lại rằng đã bị ba lần thất vọng vì tình, trong đó có hai lần người yêu bỏ đi cưới vợ khác. Cuộc soi kiếp cho biết người đàn bà này trong kiếp trước là một trong những người khai phá thuộc địa đầu tiên ở tiểu bang Ohio, Hoa Kỳ. Y đối xử với người khác một cách vui vẻ, lễ độ, nhưng chỉ vì mục đích ích kỷ, trục lợi. Cuộc soi kiếp nói: "Linh hồn này tuy được thỏa mãn về sự thành công của mình, nhưng đã đem lại sự thất vọng cho nhiều người. Những người mà y lợi dụng trước kia, ngày nay trở lại gâu những sự lo âu phiền muộn cho y trong kiếp này. Lợi dụng kẻ kác làm cái đà tiến thân cho mình, tức là tạo nên nghiệp quả xấu mà ngày nay y phải trả." Định luật vũ trụ rất mực công bình:

Nó trả lại một cách đúng đắn những gì của ta cho ra. Cũng như một cái gương phản chiếu, những điều kiện sinh hoạt của người đàn bà này phản ảnh những gì y đã gây ra trong cuộc đời kẻ khác. Thật ra, trong kiếp trước cô không mong muốn sự hợp bạn với kẻ khác, trừ ra khi nào cô có thể lợi dụng họ. Trong kiếp này, từ thuở nhỏ sống trong gia đình, cô đã bị ngược đãi, làm cô cảm thấy bị ruồng bỏ. Bởi đó cô cảm thấy cuộc đời bấp bênh và tâm hồn y trở nên khép chặt cho đến lúc trưởng thành cũng vẫn còn. Cô có một dung nhan khá đẹp và những đức tính đầy đủ để có thể hấp dẫn nhiều người, nhưng mặc dầu cô tưởng rằng được mọi người yêu mến, sau cùng cô đã bị thất vọng. Cô nhận rằng cái cảm giác bị ruồng bỏ và tâm hồn khép chặt của cô đã làm cho cô thay đổi thái độ và cố gắng giúp đỡ kẻ khác để được mọi người yêu mến, và được mọi người cần dùng đến mình. Và đó chính là cách hành động sửa đổi tốt lành của luật Nhân Quả.

Sự xã giao khôn khéo mà cô đã lạm dụng do lòng ích kỷ và thiếu thành thật trong kiếp trước, đã đem đến cho cô sự khó khăn trở ngại hiện nay, mà cô chỉ có thể vượt qua được bằng những việc làm vị tha, với một tinh thần thành thật giúp đỡ người khác. Sự lợi dụng lường gạt

kẻ khác dường như là một thói xấu thông thường, và thuộc về loại quả báo dội ngược trên bình diện tâm lý. Về điểm này, dưới đây là một đoạn trong cuộc soi kiếp của ông Cayce mà ông đã thốt ra với một giọng không úp mở:

"Linh hồn này thường bị kẻ khác làm cho thất vọng. Hãy nghe đây cái định luật căn bản và bất diệt này: Ai gieo giống nào có ngày sẽ gặt giống nấy. Kiếp trước, cô đã phỉnh lừa gạt gẫm kẻ khác. Ngày nay, chính cô bị kẻ khác gạt gẫm phỉnh lừa, làm cho cô bị thất vọng để cho cô học bài học kiên nhẫn, là đức tính đẹp đẽ nhất trong tất cả mọi đức tính."

Nói chung, luật Nhân Quả luôn luôn hành động theo nguyên tắc giáo dục, sửa đổi, cải tiến, và lập lại thế quân bình trong tâm tính của con người. Mục đích rốt ráo là làm cho người đời sẽ quay đầu hướng thiện, và cứu cánh sẽ trở nên trọn lành.

Chương 11: Quả Báo Tâm Lý

Chúng ta đã thấy bằng cách nào tánh kiêu căng một thói xấu trên địa hạt tinh thần có thể gây nên quả báo cụ thể trên địa hạt vật chất dưới dạng những bệnh tật khốn khó. Những tập

hồ sơ Cayce cũng chứa đựng nhiều trường hợp mà những tội lỗi trên địa hạt tinh thần gây nên quả báo thuộc về tâm lý; trong số đó có hai trường hợp đáng kể về quả báo lạc loài cô đơn, mà nguyên nhân là tội bất khoan dung.

Trường hợp thứ nhất là của một vị nữ tu trong một tu viện Pháp hồi thời vua Louis mười bốn. Vị nữ tu này rất nghiêm khắc, lạnh lùng và thiếu đức bao dung đối với những sự lầm lạc yếu đuối của người đời, hiểu Thánh Kinh một cách quá chặt chẽ, gò bó từng chữ từng câu, và khinh bỉ những người nào vi phạm những lời răn dạy trong Thánh Kinh. Hậu quả của thái độ khắc nghiệt đó biểu lộ trước hết trong kiếp này bằng một chứng bệnh đau hạch, dây dưa không dứt, làm cho bệnh nhân bị hoại huyết quá nhiều trong lúc có kinh nguyệt. Chứng bệnh này làm cho cô không thể đi học đều đặn, mỗi tháng nằm liệt giường hết hai tuần lễ, làm cho cô trở nên nhút nhát, thích sống cô đơn, và tránh xa các bạn bè đồng lứa tuổi. Những điều này có ảnh hưởng đến cá tính của cô về mọi mặt.

Về sau những chứng bệnh kể trên đã lần lần giảm bớt. Nhờ có một thân hình đẹp đẽ, cân đối, cô làm nghề kiểu mẫu ở New York và lập gia đình. Tuy nhiên, cuộc tình duyên của cô không có hạnh phúc. Vợ chồng không hợp ý tâm đầu:

Người chồng thì lạnh lùng và khắc khổ, còn cô thì lại khao khát sự yêu đương. Trần Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ, người chồng phải vượt biển từng chinh. Từ đó, cô bắt đầu sống một thời kỳ độc thân, làm cho cô buồn không thể chịu nổi cảnh đơn chiếc, nên phải dọn vào ở trong một trại nghỉ mát. Tại đây, cô bắt đầu uống rượu và sống một cuộc đời bê tha. Lúc đầu cô cảm thấy rằng uống một hai ly rượu giúp cô thoát khỏi sự ám ảnh nặng nề của cơn sàu khổ. Nhưng một khi đã bước vào con đường ấy rồi, cô không thể ngưng lại được nữa; càng ngày càng uống rượu nhiều thêm. Có khi cô uống luôn ngày đêm không dứt, trong ba tuần liên tiếp như vậy, và ngủ với bất cứ người nào, lính thủy, lính tập hay phi công, tùy theo lúc cao hứng. Khi cô say rượu thì mất cả mọi sự dè dặt trong cử chỉ, và bất chấp cả áo quần. Cô đi tiểu tiện và đại tiện ngay ở giữa sân nhà chỉ khoác một cái áo choàng để hở, và nếu người ta không ngăn cản thì cô cứ điềm nhiên khỏa thân đi thẳng vào phòng khách lữ quán đang ở trọ. Sau cùng, sức khỏe của cô bắt đầu suy sụp dưới ảnh hưởng chất men rượu nồng. Hai bàn tay bắt đầu run đến một mực mà cô không thể cầm viết ký tên vào những ngân phiếu để lãnh tiền của chồng gửi về. Trong những lúc tỉnh táo và đầy đủ trí khôn, cô quyết

định rời khỏi trại nghỉ mát trung tâm quy tụ quy hàng nửa chục những căn cứ hải quân và đồn trại ở gần bên. Những bức thư cuối cùng cho biết rằng nay cô làm thơ ký với ít nhiều trách nhiệm; nhưng về sau cô vẫn tiếp tục chèn chèn bê tha, và sau cùng đã ly dị chồng. Dường như sự trụy lạc của cô trước hết là do bởi thần kinh quá căng thẳng, mà điều này lại phát sinh từ chứng bệnh đau hạch mà ra. (Ông Cayce hay nhấn mạnh rằng các bộ phận hạch tủy trong thân người thường là những phương tiện biểu lộ của luật quả báo). Chứng bệnh này lại là cái hậu quả trực tiếp của những hành vi kết án khắc nghiệt của cô đối với kẻ khác và sự thiếu lòng nhân từ của cô ở kiếp trước. Những sự làm lạc yếu đuối của kẻ khác, mà trước kia cô lên án một cách khát khe, nghiệt ngã, ngày nay đã trở nên những sự làm lạc yếu đuối của chính mình. Bằng cách trả quả báo như thế, cô mới hiểu được rằng sự làm lạc tội lỗi của người đời là đáng thương, và họ là những người mà ta phải thông cảm và giúp đỡ thay vì lên án và chê bai. Cũng như những kẻ chế nhạo, những người chỉ trích chê bai kẻ khác phải chịu nhận lãnh cái số phận của những kẻ mà họ đã lên án.

Trường hợp thứ nhì là của một người đàn bà có thói kiêu căng và thành kiến trong hai kiếp

trước. Trong một kiếp vào thời kỳ của đấng Christ tại Palestine, cô là vợ của một vị giáo sĩ Do Thái. Với địa vị xã hội này, cô đã tỏ ra khắc nghiệt và khinh bỉ những người thanh niên phóng đảng, tự do, vô tôn giáo. Thời gian trôi qua cũng không làm phai mờ và giảm bớt lòng kiêu căng và tự phụ của cô. Trong kiếp thứ nhì, cô tái sinh ở Salem, tiểu bang Massachusetts, Hoa Kỳ, nhưng vẫn không chừa thói khắc nghiệt và lên án kẻ khác, mà dường như cô càng trở nên khó khăn nghiệt ngã hơn! Cuộc soi kiếp cho biết rằng: Linh hồn này đã gặp phải những người rất khó tính trong kiếp hiện tại, những người khắc khe, soi mói và saün sàng lên án kẻ khác. Trước kia linh hồn này đã gây nhiều đau khổ cho kẻ khác. Khi người ta nhận chìm một vài người xuống nước trong vụ xử án những người phù thủy, cô chứng kiến việc ấy và vỗ tay hoan nghinh. Khi những người khác bị đánh bằng roi vọt, cô cũng biểu đồng tình. Bởi vậy, linh hồn này thường nhớ lại những sự hành phạt đau khổ của những thời kỳ đó trong những khi cô bị loạn trí. Hiện thời cô bị chứng nội thương trong mạch máu và tủy xương sống, do bởi thiếu sự điều hành giữa bộ thần kinh giao cảm và bộ Óc, chứng bệnh này là cho cô có những thời kỳ "Phản ứng thể xác." Sự phản ứng thể

xác này là một chứng bệnh thần kinh mà đương sự bị đau từ năm 39 tuổi, và những cơn khủng hoảng thường tái phát trải qua 14 năm kể đó. Cô không có gia đình; nhà ở khu sang trọng tại New York, và sự kiện rằng cô không có làm nghề nghiệp gì dường như chứng tỏ rằng cô có phương tiện và tài sản. Người ta có thể cho rằng sự Ổ không, vô sự có thể là một yếu tố quan trọng gây nên những cơn khủng hoảng tinh thần. Nhưng đó chỉ là một nguyên nhân tạm bợ bên ngoài, có tính cách nhất thời mà thôi, chứ không phải nguyên nhân sâu xa. Trong tận thâm tâm của người đàn bà này, có một lòng khát khe nghiệt ngã đối với nhân loại, một sự thản nhiên lạnh lùng trước những điều nguyện vọng và đau khổ của người đời. Sự khắc nghiệt, bất khoan dung của cô đã làm cho nhiều người thất vọng đau khổ trong những kiếp trước: Bởi vậy, thật là công bình mà thấy cô trải qua kinh nghiệm thất vọng đau đớn trong kiếp này.

Người ta có thể tự hỏi rằng tại sao người đàn bà này không bị trả quả báo về sự khắc nghiệt của cô hồi thời ở xứ Palestine, trong kiếp đầu thai ở Salem. Câu hỏi này có thể giải đáp bằng hai cách khác nhau. Trước hết, kiếp đầu thai ở Salem có lẽ có một mục đích khác hơn là sửa

chữa tánh khắc nghiệt của cô Bời đó, tánh khó khăn này đã bành trướng thêm trong khi cô theo đuổi một công việc quan trọng khác ở kiếp nói trên. Lễ thứ hai là thái độ khắc nghiệt của cô ở Palestine có thể chưa rõ rệt lắm, và chưa biểu lộ bằng những hành động gây tổn thương cho kẻ khác. Đó chỉ là tánh bất khoan dung lúc mới đầu, chưa đủ mạnh để có thể gây nên một nghiệp quả lớn lao. Ngoài ra, mọi việc xảy ra trong đời cô là một sự thử thách. Trong kiếp sống ở Salem, cô có thể là một người khoan dung hay khắc nghiệt, tùy ý cô chọn lựa con đường tâm tính của mình. Nhưng cô đã thất bại trước sự thử thách đó; cô càng tăng cường thêm tánh khắc nghiệt đã có ở Palestine thay vì sửa chữa lại, và bởi đó cô tạo nên quả báo mà cô phải trả trong kiếp này.

Trong những thói xấu đồng một loại với tánh bất khoan dung và nghiệt ngã, có tánh hay chỉ trích. Trường hợp sau đây là một thí dụ lý thú về quả báo gây nên bởi tánh hay chỉ trích. Đó là một người thanh niên 27 tuổi, làm thiếu úy trong quân đội, có tánh tự ti mặc cảm, và luôn luôn nghĩ rằng mình bất lực, không làm nên trò trống gì. Chúng tôi không được biết những lý do nào làm trở ngại sự phát triển cá tính của y thuở thiếu thời. Có thể rằng y đã có một người cha

hay người mẹ có thói hay công kích một cách vô lý; hoặc y có một thân hình dị dạng, làm cho bè bạn trong lớp chế diễu nhạo báng. Chúng tôi đưa ra những sự phỏng đoán trên đây là vì căn cứ vào cái quả báo hiện thời của đương sự, vì trong cuộc soi kiếp, ông Cayce nói: "Ai giống nào sẽ gặt giống nấy. Vì anh đã chỉ trích kẻ khác, nên ngày nay anh phải bị chỉ trích lại."

Cuộc soi kiếp cho biết rằng người thanh niên ấy trong kiếp trước là một nhà phê bình nghệ thuật, thường có thói quen chỉ trích một cách gắt gao, cay đắng, nghiệt ngã, mọi nghệ phẩm mà y không vừa lòng. Vì trong quá khứ y đã gieo sự ngờ vực trong lòng kẻ khác, làm cho họ mất tin tưởng về khả năng của chính mình, thì ngày nay đến lượt y phải bị cái quả báo tương đương là thói tự ti mặc cảm.

Chúng ta thấy ở đây một khía cạnh mới của Luật Nhân Quả vô cùng phức tạp, một khía cạnh rất quan trọng về mặt tinh thần, đáng để cho ta suy gẫm. Tự nhiên những nhà phê bình chuyên môn chỉ gồm một số rất ít, nhưng trên Trái Đất hiện nay người ta đếm có gần hai tỷ rưỡi những nhà phê bình tài tử, tay ngang, nghĩa là không chuyên nghiệp. Có lẽ không một nghề nghiệp nào trên thế gian có nhiều tay hành nghề tài tử

như nghề này, họ phê bình và chỉ trích thiên hạ một cách say mê thỏa thích, kể từ ngày họ mới tập nói cho đến ngày mà Thần Chết khóa miệng họ lại dưới nắm mồ! Nghề này không cần bỏ vốn, và dễ làm hơn ăn cơm! Ngoài ra, nó còn khác hẳn với mọi thứ tiêu khiển của người đời, đó là một trò chơi mà người ta có thể thực hành ở ngoài đường hoặc trong nhà, suốt cả năm này qua tháng nọ, mà chỉ cần dùng một khí cụ duy nhất, là một cặp lưỡi sắc bén! Chỉ cần có hai hay ba người tụ họp lại, là cái trò chơi phê bình, chỉ trích này bắt đầu!

Tuy nhiên, mặc dầu sự chỉ trích là một trò tiêu khiển không tốn kém, nhưng nó có thể bắt buộc ta trả một cái giá rất đắt một ngày về sau. Nguồn tài liệu (đó là danh từ mà ông Cayce dùng để ám chỉ cái quyền năng của ông) thấy rõ sự hành động của luật Nhân Quả trải qua giòng thời gian vô tận, thường đưa ra những lời cảnh cáo nghiêm khắc và rõ ràng cho những người nào có cái tật này. Thí dụ sau đây, trong hàng trăm những thí dụ khác, là một bằng chứng hiển nhiên để cho ta dùng làm tài liệu suy gẫm:

"Chúng tôi thấy linh hồn này thường tỏ ra quá nghiêm khắc trong sự chỉ trích kẻ đồng loại. Phải tốp bớt lại, vì những gì mà ta chỉ trích ở kẻ khác, sẽ đến với ta dưới một hình thức nào đó."

Đó là một lời tuyên bố rõ ràng về luật quả báo, theo đó một nguyên nhân gây ra trên địa hạt tâm lý sẽ mang đến một hậu quả tâm lý tương đương. Điều này nhắc nhở cho chúng ta nhớ lại những lời răn dạy trong Kinh Thánh Gia Tộ Đức Jesus có dạy rằng: "Ta nói cho các người biết, mỗi lời nói vô ích mà mỗi người thốt ra, họ sẽ phải trả lời trong ngày Phán Xét cuối cùng," và kể đó là những lời răn: "Không phải những gì chui vào lỗ miệng của một người, nó làm cho y bị Ô nhiễm, như bợn, mà là những gì từ trong lỗ miệng của y chui ra!" "Người chớ lên án nếu người không muốn bị kẻ khác lên án. Vì người lên án kẻ khác như thế nào, thì đến phiên người sẽ bị lên án cũng y như thế đó!"

Lời răn trên đây, đối chiếu với luật quả báo mà chúng ta phải thấy, có một ý nghĩa hùng hồn, mạnh mẽ và hợp lý trên phương diện thực tế mà người ta chớ khá coi thường. Về những trường hợp kể trên, chúng ta nên nhớ rằng chính cái nguyên động lực, và mục đích của mỗi hành động mới là cái sức chuyển vận luật Nhân Quả. Không phải nghề phê bình văn nghệ nó làm cho người thanh niên kia bị sa đọa trong kiếp trước, mà chính là cái thái độ bên trong của y và sự ngờ vực mà y đã gieo trong lòng kẻ khác về tài

năng của họ, trong khi y hành nghề một cách cầu thả. Người ta thấy một tình trạng tương tự khi người lính La Mã ngược đãi những tín đồ đạo Gia Tô, như đã kể ở Phần 5. Nghiệp của y gây ra không phải là vì y thừa hành chức vụ của người lính gác, mà do bởi hành động tàn ác của y đối với những người không sức tự vệ đặt dưới quyền sinh sát của y. Ở đây cũng như mọi trường hợp, chính cái tinh thần bên trong mỗi hành động mới là cái nguyên động lực tạo nên nghiệp quả.

Trước đây, chúng ta thấy rằng những khuynh hướng độc tài chuyên chế nguyên nhân là do những kinh nghiệm chỉ huy ở kiếp trước. Khả năng lãnh đạo là một đức tính tốt, nhưng nó thường biến chứng thành thói chuyên chế độc tài. Trong lịch sử, người ta thấy những người có chức vụ cao, nắm quyền thế trong tay, thường lạm dụng quyền hành để thỏa mãn lòng tham vọng riêng của mình. Những trường hợp lạm dụng quyền thế một cách trắng trợn và những quả báo gây ra do những hành động đó, đều được thuật lại rất nhiều trong những tập hồ sơ Cayce. Thí dụ, đây là trường hợp của một người có quyền thế trong thời kỳ các vụ án phù thủy ở Salem. Y là một trong những viên chức có trách nhiệm trừng trị khủng bố những người đàn bà bị

tổ giác là hành nghề phù thủy. Tuy nhiên, trong khi thừa hành chức vụ đàn áp khủng bố những người theo tà đạo để bảo vệ thuần phong mỹ tục và bảo vệ tín ngưỡng Gia Tô, con người mô phạm và đạo đức giả này lại lạm dụng quyền hành của mình để thỏa mãn điều sắc dục: Những người phụ nữ bị giam cầm đều bị cưỡng bách phải thất tiết với y! Những tập hồ sơ cho biết nhà đạo đức giả ấy đã đầu thai trở lại kiếp này. Hiện nay y là một thiếu niên 11 tuổi, con của một người đàn bà nghèo khổ, bị chồng bỏ rơi. Y thường bị chứng động kinh rất dữ dội; trong lúc soi kiếp cho y, y đã liệt bại hết nửa thân mình bên trái, và câm không nói được nữa. Y không thể tự mình mặc hay cởi áo quần, hoặc ăn uống hay đi lại, tiểu tiện mà không có người dìu dắt. Hai vai của y đã còng, và sau một cơn động kinh kéo dài suốt nhiều ngày, trong khi đó ông bị chứng phong giật, mỗi ngày cách khoảng độ nửa giờ, y không thể nào giữ vững đầu trên cổ được nữa, và không thể ngồi dậy được nếu không có người nâng đỡ.

Theo ông Cayce, bệnh động kinh thường là quả báo của sự hoang dâm vô độ. Dầu sao, sự lạm dụng quyền hành trong trường hợp này là một yếu tố quan trọng. Sự nghèo khổ và địa vị thấp kém của người mẹ y dường như là một sự

đảo lộn địa vị giàu sang quyền thế của y trong kiếp trước. Chứng động kinh là cái hậu quả của sự cưỡng hiếp, dâm dục khi y lạm dụng quyền hành để thỏa mãn thú tính.

Trường hợp sau đây là một thí dụ lạm dụng quyền thế trong thời kỳ khủng bố đạo Gia Tô ở La Mã. Có một người tên Romus, làm quân nhân trong đạo binh La Mã. Ngoài ra số tiền lương tháng, với cấp bậc khá cao của y, y đã dùng thế lực để kiếm những món tiền khổng lồ. Cuộc soi kiếp không nói rõ y dùng phương pháp nào, không biết là y biến thủ công quỹ hay dọa nạt để làm tiền; nhưng y đã dùng phương tiện bất chính để mưu lợi, thâu được rất nhiều của cải vật chất, nhưng lại mất mát nhiều về phương diện tâm linh. Trong kiếp hiện tại, Romus bị nhiều đau khổ: Sự nghèo đói, làm than, không nhà cửa, luôn luôn theo dõi y suốt đời. Nghề thợ may của y không đủ sinh lợi để nuôi một vợ và năm con. Chỉ nhờ sự giúp đỡ của cha mẹ y mà vợ chồng và gia đình y mới có thể sinh nhai một cách tạm bợ và bấp bênh ở một khu phố nghèo nàn tại Luân Đôn. Trong trường hợp này cũng vậy, kẻ lạm dụng quyền hành đã phải chịu những quả báo tương đương với hành động quả báo của y gây ra. Tình hình tài chánh tuyệt

vọng của y phản ảnh những nỗi lầm than khổ khổ mà y gây ra cho kẻ khác trong kiếp trước.

Dưới đây là một trường hợp khác về sự lạm dụng quyền hành, cũng đáng được cho chúng ta ghi nhớ: Một người đàn bà nọ thuộc giai cấp trường giả hồi thời Cách Mạng Pháp, đã tham gia cuộc nổi loạn chống giai cấp quý tộc. Với tấm lòng thành thật tranh đấu cho một lý tưởng, bà đã thực hiện một sự tiến bộ lớn về đường tâm linh. Nhưng sau cuộc Cách Mạng, khi dịp may đưa đến bà đạt tới một địa vị quan trọng trong chánh phủ, bèn trở nên độc tài và lạm dụng quyền thế chẳng thua gì những người mà bà đã tranh đấu chống lại trước kia. Cuộc soi kiếp nói: "Hậu quả đưa đến, là trong kiếp hiện tại, linh hồn này phải chịu dưới quyền sai khiến của kẻ khác, để đền nén bớt những khuynh hướng độc tài và hách dịch của y trước kia" Hiện thời, người đàn bà này sống một cuộc đời rất khó khăn, lúc soi kiếp, bà đã 40 tuổi, góa chồng đã mười năm và có một đứa con gái nhỏ. Bà phải chiến đấu với nghịch cảnh để tư mưu sinh và nuôi con. Bà đã tìm được việc làm trong một cơ sở cứu trợ nạn nhân thất nghiệp của chánh phủ trong một thời gian nhưng tình trạng của bà vẫn bấp bênh. Sự cô đơn và thiếu nguồn vui sống đã làm cho bà tuyệt vọng và chán nản.

Tình trạng này không phải là do sự ngẫu nhiên tình cờ: đó là cái phản ảnh đúng đắn của những sự đè nén áp bức mà bà đã gây ra cho kẻ khác, khi lạm dụng quyền hành trong tay. Xét qua bề ngoài, thì bà là nạn nhân của một tình trạng kinh tế khủng hoảng và một số mạng hẩm hiu; nhưng xét về luật quả báo, thì bà chỉ là nạn nhân của chính mình.

Những trường hợp kể trên có thể giúp cho ta một cái tiêu chuẩn quan trọng để tìm hiểu những nỗi khó khăn trắc trở của người đời cùng những nỗi khổ đau của họ, và tìm ra những nguyên nhân xa gần, căn cứ vào quả báo trong hiện tại. Khi nhà hiền triết Eschyle cách đây hai ngàn năm ở Hy Lạp nói rằng: "Số mạng, tức là hạnh kiểm" ông ta đã thốt ra một câu châm ngôn mà nếu ta nói ngược lại cũng vẫn đúng. Vì những trường hợp đã xét qua như trên dường như chỉ rằng số mạng con người ngày nay, tức là phản ảnh cái hạnh kiểm của y trong quá khứ. Đến đây, một vấn đề quan trọng được nêu ra, một vấn đề mà bất cứ người nào học hỏi nghiên cứu và suy gẫm chính chắn về thuyết Luân Hồi, cũng không khỏi nêu ra để tự vấn lấy mình. Nếu như sự nghèo khổ là những quả báo cần thiết để giáo dục sửa đổi những kẻ hung dữ, độc ác, bất công theo định luật Nhân Quả, thì tại sao

người ta cần phải cố gắng hoạt động trong những công việc cứu tế xã hội để làm gì. Phải chăng những cố gắng của ta để trợ giúp kẻ khác bản hàn khôn khó, sẽ làm ngăn trở sự hành động của luật Nhân Quả?

Chúng ta nên hiểu rằng thuyết Luân Hồi không phải chủ trương một thái độ nhắm mắt buông xuôi đối với những nhu cầu cấp bách của xã hội. Những linh hồn cần phải học bài học nghèo nàn khôn khó, sẽ sinh ra trong một thời kỳ lịch sử và trong một hoàn cảnh địa phương mà sự bất công của xã hội có thể tạo nên cái quả báo nghèo khổ khôn cùng cần thiết cho bài học kinh nghiệm của họ.

Nhưng đồng thời, những người nào không cố gắng làm việc để cải thiện đời sống của kẻ đồng loại, tức là họ phạm vào tội "Thờ ơ, chệnh mảng" (omission); còn những kẻ lợi dụng và khai thác kẻ đồng loại vì mục đích ích kỷ, là những kẻ tích cực phạm tội (commision); hai thứ tội lỗi này, có ngày họ sẽ phải trả quả.

Thuyết Luân Hồi, nếu hiểu một cách đúng đắn, sẽ không thể dùng làm một thuyết để bào chữa cho những hành vi của kẻ bất lương. Giáo lý mà thuyết ấy cho ta trước hết thuộc về địa hạt tâm lý, bởi vì nó nhắm vào mục đích cải tiến linh

hồn người cho tới mức Toàn Thiện. Nhưng giáo lý ấy cũng nằm trong địa hạt xã hội, bởi vì mục đích tối cao của nó là tình thương; và tình thương chính là cái mãnh lực mầu nhiệm làm tiêu tan mọi điều nghiệp chướng và quả báo xấu xa, theo định luật Nhân Quả cai quản sự tiến hóa của con người.

Những Đạo gia quả quyết rằng hành động của con người không thể nào sửa đổi được định luật của Vũ Trụ. Định luật Nhân Quả Công Bằng cũng ví như nước, luôn luôn giữ mực bằng phẳng, quân bình. Dầu cho con người gặp hoàn cảnh nào và dưới thời kỳ nào, điều đó không quan hệ, đó chỉ là cái khung cảnh bên ngoài làm nền tảng và bối cảnh cho linh hồn đầu thai để học hỏi kinh nghiệm ở cõi trần. Đối với một linh hồn đã chọn lựa những hoàn cảnh đó, thì luôn luôn có những phương tiện thích nghi để giúp cho họ sửa chữa những khuyết điểm và làm sạch bên trong của họ.

Chương 12: Nguyên Nhân Của Quái Trạng Tâm Lý

Ngày nay, nhiều người đã quen thuộc với cái tên của bác sĩ Freud và danh từ tiềm thức. Tuy nhiên, nhiều người không biết rằng bác sĩ

Freud đã khám phá ra tiềm thức trong khi ông theo đuổi những cuộc sưu tầm về giấc ngủ thôi miên. Vì những người ngủ mê trong giấc thôi miên có thể nhớ lại những sự việc xảy ra từ thuở nhỏ mà họ đã hoàn toàn quên hẳn trong lúc bình thường, nên ông Freud mới đưa ra giả thuyết rằng trạng thái tiềm thức là một kho ký ức giữ gìn những tài liệu cũ mà người ta không thể nhớ lại bằng cách nào khác. Về sau, ông Freud bỏ không dùng khoa thôi miên như một kỹ thuật chữa bệnh nữa, vì trong nhiều trường hợp, nó không được hoàn mỹ, và ông tiếp tục thí nghiệm những phương pháp khác để thám hiểm những vực sâu thẳm của tiềm thức. Tuy thế, người ta cũng đã coi khoa thôi miên như là nguồn gốc của khoa phân tâm học (psychanalyse).

Tron lĩnh vực tâm lý theo thuyết Luân Hồi, khoa thôi miên có thể có một vai trò tương tự. Thần Nhãn của ông Cayce dường như chỉ rằng một người trong giấc thôi miên có thể khám phá những kiếp trước của những người khác. Một sự kiện quan trọng hơn nữa là dường như một người trong giấc thôi miên cũng có thể nhìn thấy và sống lại những tiền kiếp của chính mình.

Những kinh nghiệm thật lùì về quá khứ trong giấc thôi miên chỉ rằng trong tiềm thức của một

người, được giữ gìn kỷ ức của tất cả mọi việc đã xảy ra từ khi y mới sinh. Một người trong giấc thôi miên, thụt lùi về dĩ vãng đến năm y lên mười tuổi, khi người ta truyền lệnh cho y viết tên của y, thì y viết với tuồng chữ của tuổi thơ ấu hồi y lên mười. Khi y thụt lùi về năm lên sáu tuổi y viết với tuồng chữ còn non nớt hơn nữa; khi y thụt lùi lại năm lên ba, y cầm viết chì vẽ nguệch ngoạc vài nét không có ý nghĩa gì cả. Hiện tượng thụt lùi về quá khứ trong giấc thôi miên kể trên thường được thí nghiệm trong những lớp giảng về khoa tâm lý ở trường Đại Học, và những sinh viên tâm lý học đã quen thuộc với hiện tượng ấy. Nhà bác học Pháp De Rochas hồi thế kỷ mười chín tuyên bố rằng với những kỹ thuật thụt lùi về dĩ vãng như đã kể trên, ông có thể nhớ lại những kỷ niệm đã qua trong quá khứ. Quyển sách của ông nhan đề "Những Kiếp Sống Liên Tục" (Les Vies Successives) không được coi như một quyển sách khoa học, nhưng có lẽ một ngày kia nó sẽ được hoan nghênh như một công trình tiên phong trên địa hạt tâm lý về thuyết Luân Hồi. Những quái trạng tâm lý được xem xét bằng hiện tượng Thần Nhãn của ông Cayce, giải thích tánh chất của trí nhớ và tiềm thức, và có vẻ xác nhận rằng tiềm thức con người thật ra còn thâm sâu hơn là những điều

mà các nhà phân tâm học có thể hiểu. Một trong những quái trạng tâm lý lạ lùng nhất là sự sợ hãi. Những nhà phân tâm học định nghĩa điều này như là sự sợ hãi quá độ, mà nguồn gốc là do bởi nhiều tình trạng phức tạp gây nên. Sự sợ hãi dị thường này làm cho con người sinh lòng thù nghịch, gây hấn, hoặc cảm thấy mình có tội lỗi rất nặng nề. Những xúc cảm ẩn tàng này về sau biểu lộ dưới hình thức một sự sợ hãi vô lý và bất thường đối với một vài sự vật ở ngoại cảnh, thí dụ như sợ giông mưa, sấm sét, sợ dao, sợ nước... Có nhiều trường hợp; những kinh sợ đó được truy nguyên từ một việc xảy ra trong một kiếp trước, làm cho y bị đau khổ hay thiệt mạng.

Một thí dụ lý thú là trường hợp của một người đàn bà từ thuở thiếu thời đã sợ những gian phòng kín. Ngồi trong rạp hát, cô phải chọn một chỗ ngồi gần chỗ cửa đi ra. Ngồi trên xe buýt, nếu xe chật chỗ và quá đông người, cô bước xuống đợi chuyển xe khác. Trong những khi đi nghỉ hè, đi chơi ở miền núi, cô rất sợ chui vào những hang, động, hầm hố hay bất cứ chỗ nào bốn bề kín mít, không có ngõ ra. Người trong gia đình không ai hiểu lý do của thái độ lạ lùng này, vì không ai có thể nhớ lại hồi thuở nhỏ đã xảy ra việc gì làm cho cô có sự sợ sệt như

vậy. Cuộc soi kiếp của ông Cayce cho biết rằng trong một kiếp trước, cô chui vào một cái hang, thỉnh linh hang sụp lở, bị đè bẹp dưới đồng đá, sỏi, cát vụn, và chết ngộp. Ký ức về cái chết rùng rợn này ngày nay vẫn còn in sâu trong tiềm thức của cô.

Một thí dụ khác là trường hợp của một người đàn bà nọ có hai điều kinh sợ: Sợ dao bén và sợ những loài thú có lông, nhất là những loài thú nhà. Cô nổi cơn hoảng loạn mỗi khi có một vật bén nhọn ở gần bên mình hay khi thấy ai xử dụng gươm dao... Cuộc soi kiếp cho biết trong một kiếp trước ở Ba Tư, người đàn bà này bị giết vì một lưỡi gươm trong lúc chạy loạn. Còn việc sợ thú có lông thì khó hiểu hơn, vì trong gia đình, người nào cũng có nuôi chó hay nuôi mèo, người anh của cô lại thích nuôi thú. Nhưng mỗi khi cô nhìn thấy con chó hay con mèo thì giựt mình kinh sợ như người gặp phải rắn độc. Hơn nữa, cô không khi nào mặc áo choàng bằng da thú, hoặc cổ áo may bằng lông thú. Những nhà tâm lý học có thể tìm căn nguyên sự sợ sệt của cô trong những sự giao tế với người trong gia đình, thí dụ như lòng ganh ghét đố kỵ đối với người anh ưa nuôi thú chẳng hạn, và giải đáp vấn đề ấy như là sự biểu lộ lòng căm thù nghịch của cô Tuy nhiên, những cuộc

soi kiếp truy nguyên sự sợ sệt này từ một kiếp trước ở châu Atlantide, khi đó cô đã trải qua một kinh nghiệm khủng khiếp về những loài vật có hình thù ghê rợn. Cuộc soi kiếp cũng đã giải thích nhiều quái tượng sợ hãi khác và truy nguyên ra từ những kiếp trước. Sự sợ hãi bóng tối của một người nọ được giải thích rằng trong kiếp trước, y là một chánh trị phạm dưới thời Louis 16 và bị giam cầm trong một đài cao ở Pháp cho đến khi chết bỏ xác trong ngục tối. Một người nữa sợ dao bén. Một người nữa sợ dao bén; đến lúc truy nguyên ra thì được biết rằng kiếp trước y đã trải qua một kinh nghiệm rùng rợn trong một phòng tra tấn ở Pháp, và đã bị tra khảo bằng những thứ hình cụ khủng khiếp, gồm cả sự tra tấn bằng hình cụ bánh xe (rouet). Một người nọ có những cơn hoảng sợ bất thần, dường như y cảm thấy rằng ngày tận thế sắp đến! Cuộc soi kiếp truy nguyên sự sợ sệt này ở một kiếp trước, vào thời kỳ một phần châu Atlantide bị sụp lở chìm xuống đáy biển. Trong khi đó y đang ngồi một mình trên một ngọn đồi cao để xem sách, thành linh cơn động đất làm rung chuyển trọn cả vùng chung quanh như trời long đất lở và y nhìn thấy nước biển dâng lên bốn phía chung quanh ngọn đồi của y.

Một người đàn bà kia sợ thú dữ một cách lạ thường. Kiếp trước ở La Mã, người chồng bị tội và bị bắt buộc phải đấu sức với loài thú dữ trong võ trường.

Hai người kia sợ nước một cách rất vô lý. Truy nguyên ra thì được biết rằng kiếp trước họ đi tắm sông, bị giòng nước xoáy cuốn đi và bị chết đuối. Một người nữa cũng sợ nước, được biết rằng quái trạng này là do bởi trong tiền kiếp hồi thời đế quốc La Mã, y đã bị đắm tàu chết đuối trong một cơn bão nổi lên ở giữa biển.

Khi chúng ta xét kỹ những trường hợp này theo quan điểm tâm lý thông thường, chúng ta có thể tự hỏi rằng phải chăng tất cả những thí dụ trên đây cũng có thể được giải thích một cách thỏa đáng bằng cách tìm ra một nguyên nhân trong kiếp hiện tại. Thí dụ, người đàn bà sợ ngòi trong phòng kín, có thể đã bị nhốt trong một phòng tối lúc lên bốn tuổi, nhưng ngày nay cô đã quên mất việc đó. Do sự khêu gợi trong giấc thôi miên, người ta có thể đào xới việc ấy trong ký ức đã lãng quên từ lâu và nhà tâm lý học có thể căn cứ trên tài liệu đó mà hiểu những vấn đề xúc động thường gây nên các chứng bệnh loạn thần kinh. Nhiều người đã có kinh nghiệm cùng một loại giống như trên, nhưng lại không có sự sợ hãi một cách vô lý. Như vậy tại

sao có người lại có sự thụ cảm đặc biệt đó? Nếu tất cả những người đã trải qua những cơn xúc động tình cảm đều đắm ra sợ ngòai trong phòng kín, thì trên thế gian, người thuộc về hạng này sẽ nhiều đến nỗi người ta phải đóng cửa tất cả phòng điện thoại, buồng ngủ, những gian phòng độc chiếc, và vài loại hộp đêm, như là những nơi hăm dọa sự thăng bằng của tâm hồn, trí não và sức khỏe công cộng.

Trong tập hồ sơ Cayce, vấn đề này được giải đáp như sau: Sự kiện rằng một đứa trẻ tỏ ra thụ cảm hơn một đứa trẻ khác trong một tình trạng xúc động tâm lý nhất định, có thể là do kinh nghiệm ở một kiếp trước. Hoàn cảnh tạo ra trong kiếp này là cái phương tiện làm thức động trở lại cái ấn tượng kinh khủng đã bị vùi lấp trong ký ức. Theo thuyết Luân Hồi, chúng ta thấy rằng tiềm thức cũng ví như một cái hộp có hai đáy, nó vốn thâm sâu hơn là người ta tưởng trong lúc bình thường. Vài nhà tâm lý học, như là Carl Jung, cảm thấy rằng những lớp sâu thẳm trong tiềm thức cần được nêu ra để giải thích những quái trạng về tâm lý mà người ta không thể giải thích được bằng cách nào khác.

Theo quan điểm của ông Cayce, mỗi người đều có những ký ức tiềm tàng đột khởi từ một quá

khứ xa xăm, do những kinh nghiệm của y đã trải qua trong những tiền kiếp. Tất cả những sợ hãi, thù ghét, thương yêu và những tình cảm vô ý thức của y đều là thành phần của một cái sản nghiệp tinh thần mà y tự để lại cho mình, chẳng khác nào như người ta tích trữ của cải ngày hôm nay để dùng lại cho một ngày về sau. Con người văn minh tân tiến ngày hôm nay đã từng là một người dã man mọi rợ trải qua nhiều kiếp trong dĩ vãng, và bởi đó, thật là một điều tự nhiên nếu y vẫn còn một vài thú tính mà y chưa tinh luyện và loại trừ. Trong cái dĩ vãng xa xăm đó, chính y đã từng trải qua những điều sợ hãi khủng khiếp trong rừng rậm, và những sự tàn nhẫn độc ác của loài người. Vậy thì thật là một điều tự nhiên nếu ngày nay, thỉnh thoảng y vẫn cảm thấy những cơn sợ hãi bất thường, vô lý, và những nỗi lo âu phiền muộn vô căn cứ. Chính y đã từng thương yêu, ghét bỏ hay đố kỵ nhiều người khác mà y tiếp xúc trong dĩ vãng: Vậy thì là lẽ tự nhiên nếu ngày nay y cũng lại cảm thấy đối với chính những người đó, đã cùng đầu thai lại trong kiếp này những mối thiện cảm, thương yêu hay thù hận, ghét bỏ một cách vô lý và không thể giải thích được lý do.

Những ký ức thuộc về kiếp trước có thể biểu lộ trong kiếp này bằng những phương tiện khác

hơn là những sợ hãi hay những quái trạng tâm lý. Ông Cayce đã căn cứ trên thuyết Luân Hồi để giải thích hiện tượng về những giấc mộng tái diễn trở lại nhiều lần. Một thí dụ lạ lùng về vấn đề này là của một người đàn bà đưa ra câu hỏi sau đây: "Tại sao hồi thuở nhỏ tôi thường nằm mộng thấy cảnh tận thế, với những luồng mây đen bao phủ và tiêu diệt cõi thế gian?" Trong cuộc soi kiếp, ông Cayce trả lời rằng trong một kiếp trước ở châu Atlantide, người đàn bà ấy đã làm nghề giáo sĩ và y sĩ, và đã chứng kiến một trong những vụ thiên tai kinh khủng làm sụp đổ châu này dưới lòng biển sâu. Cái ấn tượng rùng rợn đó vẫn còn in sâu trong tâm hồn cô đến nỗi nó thường xuất hiện trở lại trong giấc ngủ trong kiếp này.

Một trường hợp lý thú khác là của một em gái nhỏ bốn tuổi, thường làm cho mẹ nó lo âu vì mỗi đêm nó đều giựt mình tỉnh giấc, khóc la bài hãi một cách vô cùng sợ sệt. Em nhỏ này đầy đủ sức khỏe và không có bệnh tật chi. Mẹ nó bèn viết thư cho ông Cayce để xin ông giải thích về quái trạng của đứa bé. Cuộc soi kiếp cho biết kiếp trước em chết bất đắc kỳ tử trong trận Thế Chiến Thứ Hai ở Pháp. Nhưng chỉ trong chín tháng sau, em đã đầu thai trở lại trong một gia đình ở Bắc Mỹ. Trong khoảng trung gian

ngắn ngủi giữa hai kiếp sống, những kỷ niệm rùng rợn về chiến tranh binh lửa vẫn chưa xóa mờ trong ký ức của em và thường xuất hiện trong giấc ngủ.

Những trường hợp kể trên không khỏi làm cho chúng ta lại nêu ra câu hỏi về vấn đề trí nhớ. Nhiều người phản đối thuyết Luân Hồi thường đưa ra lập luận này, là nếu có Luân Hồi thì tại sao chúng ta không nhớ lại những kiếp trước? Điều này mới nghe qua thì dường như lạ lùng, nhưng thật ra nó không lạ gì lắm nhưng thật ra nó không lạ gì lắm nếu chúng ta cũng không nhớ được hết những việc gì đã xảy ra trong đời chúng ta lúc còn thơ ấu hay trong thuở thiếu thời. Trí nhớ của con người là một cái gì rất mỏng manh, tế nhị, và những sự việc trôi qua trong đời chúng ta chẳng khác nào như nước chảy giữa dòng, cho nên khi nói rằng ta không nhớ một việc gì, không có nghĩa là việc ấy không có xảy ra.

Nếu chúng ta hỏi một người bạn câu này: "Anh đã làm gì vào đúng 10 giờ 26 phút buổi sớm mai ngày 19 tháng 4 năm 1939?" Chúng ta có thể đem hết cả gia tài để đánh cược rằng y không thể nhớ từng chi tiết rõ ràng như y đã làm gì vào ngày hôm đó, y mặc y phục như thế nào, nói

những chuyện gì, với ai... Việc y không nhớ rõ các việc đã xảy ra trong một ngày giờ nhất định trong đời của y, không có nghĩa là y đã không trải qua những giờ phút đó.

Bởi đó, sự phản đối thuyết Luân Hồi bằng những lập luận nói trên không thể đứng vững. Trước hết sự lãng quên là một hiện tượng rất thông thường và rất tự nhiên của con người. Sau nữa, trí nhớ có một tính chất rất đặc biệt là rất chóng quên phần chi tiết, mà chỉ giữ lại cái nguyên tắc đại cương. Thí dụ: Mỗi người có học thức đều có thể nói rằng 7 lần 7 là 49, và 12 lần 12 là 144. Y không nhớ rằng y đã trải qua những giờ mệt nhọc vất vả trong lớp học hồi thuở thiếu thời để làm những bài toán đó, nhưng khả năng suy tính và sự thông hiểu toán pháp hãy còn tồn tại trong trí óc của y.

Những sự hiểu biết khác của con người cũng được giải thích bằng cách đó, chẳng hạn như sự cẩn thận đề phòng khi ta đứng gần lửa, sự dè dặt và sợ chó khi bước vào nhà người lạ; khả năng về âm nhạc, khiêu vũ, hay sự thông hiểu, khéo léo của ta về bất cứ một ngành nào. Việc chúng ta biết đi biết đứng chứng tỏ rằng có một thời kỳ chúng ta đã tập đứng, tập đi, nhưng trong một vạn người, không có đến một người nhớ rõ những sự cố gắng vất vả khó khăn mà y

đã làm từ thuở ấu thơ để có thể đi đứng tự nhiên được như bây giờ. Như vậy, sự lãng quên về phần chi tiết vẫn không làm mất đi trí nhớ về phần nguyên tắc, và tất cả những khả năng và đức tính của con người trên phương diện luân lý, trí tuệ, đạo đức tâm linh, đều là sự tổng hợp tất cả những kinh nghiệm mà y đã trải qua trong những tiền kiếp, mà ngày nay đã quên mất những chi tiết.

Lý luận thứ hai mà người ta dùng để phản đối thuyết Luân Hồi lại càng tệ hơn. Họ cho rằng tội không phải lẽ mà bắt buộc một cá nhân phải chịu trách nhiệm về những hành động mà một cá nhân khác đã làm. Họ cho rằng quả báo và sự trừng phạt chỉ có một ý nghĩa là khi nào kẻ phạm tội có ý thức được và nhìn nhận tội lỗi của y. Sự trả lời của Đạo gia về lập luận này căn cứ trên điều mà họ gọi sự liên quan giữa cá tính và linh hồn.

Linh hồn bất diệt ví như một tài tử ở ngoài vòng sân khấu, có thể nhớ rõ quá khứ, nhưng khi chuyển kiếp làm người, chẳng khác nào như người tài tử đóng một vai trò nhất định, thì sự màu nhiệm của luật Thiên Nhiê khiến cho y không nhớ điều gì cả ngoài ra phần nguyên tắc đại cương của những kinh nghiệm mà y đã thấu đạt được trong các kiếp trước. Ví như anh tài

từ khi ngồi tại nhà có thể nhớ rõ tất cả những lớp lang của vở kịch Phụng Nghi Đình mà y đã đóng, nhưng trên sân khấu, khi y đóng một vai trò nhất định, chẳng hạn như vai Lữ Bố, thì y chỉ biết có một vai trò đó mà thôi chứ y không thể nghĩ đến vai trò khác. Cũng y như thế, linh hồn người chứa đựng ký ức của tất cả mọi sự đã xảy đến cho y trong những vai trò của các nhân vật mà y đã từng đóng ở các tiền kiếp. Lúc bình thường thì cá tính riêng biệt của y không nhớ được những kỷ niệm đó ngoại trừ khi nào y dùng những phương pháp đặc biệt và bất thường để rút lấy những kỷ niệm đó trong cái kho ký ức vô tận của linh hồn.

Lập luận chống thuyết Luân Hồi kể trên cho rằng thật là không phải lẽ và trái với luân lý nếu một người bị trả quả và đau khổ vì những hành động mà có lẽ y đã làm trong kiếp trước, nhưng ngày nay y đã quên mất, không còn nhớ gì nữa. Lập luận này không thể đứng vững, cũng chẳng khác nào như lý luận cho rằng việc một người lớn bị đau khổ vì những sự xung đột vô ý thức của y từ thuở ấu thơ, cũng không hợp với luân lý.

Sự lãng quên, nó che khuất dĩ vãng và chỉ cho chúng ta thấy có một phần hiện tại ngắn ngủi, là một điều cần thiết và che chở đối với

chúng ta Ngoài ra những thí dụ về việc sợ hãi vô lý và những giấc mộng tái diễn nhiều lần, người ta còn thấy trong những tập hồ sơ Cayce những quái trạng tâm lý khác nữa. Thí dụ như những ảo ảnh ẩn hiện chập chờn, trong nhiều trường hợp thường được truy nguyên từ những ký ức bất thường thuộc về kiếp trước. Có một trường hợp, cuộc soi kiếp cho biết rằng những trung tâm bí yếu trong thân người, tiếng Phạn gọi là Chakra (Luân Xa), tình cờ khai mở, làm cho luồng Xà hỏa (Kundalini) đi xuyên qua những Luân Xa và gây nên những ảo ảnh hay ảo giác. (Luồng xà hỏa Kundalini là một mảnh lực thần bí trong cơ thể con người nằm trong đốt cuối cùng của bộ xương sống và có liên quan trực tiếp đến bộ phận sinh dục và năng lực sáng tạo trong châu thân.)

Những cuộc soi kiếp của ông Cayce cho biết trong nhiều trường hợp, một sự rối loạn thần kinh có nhiều nguyên nhân hoàn toàn thuộc về thể chất, và đã được chữa khỏi một cách màu nhiệm bằng các phương tiện sinh lý. Chúng ta đã thấy trong Chương 2, trường hợp của cô thiếu nữ được chữa khỏi bệnh loạn trí nhờ nhờ một cái răng cắm mọc ngược. Một thí dụ hiển nhiên khác là trường hợp của một người thư ký bưu điện bỗng nhiên đổi tánh một cách lạ

thường và thành linh trở nên gây gổ, buồn bực và hung bạo. Gia đình khuyên y đi khám bệnh và vào nằm bệnh viện để điều trị. Các bác sĩ tuyên bố rằng y bị chứng khủng hoảng thần kinh, và người ta bèn để y nằm riêng buồng kín. Vợ y yêu cầu ông Cayce dành cho y một cuộc khám nghiệm bằng Thần Nhãn. Cuộc khám nghiệm cho biết y đã bị té ngã nặng từ nhiều năm về trước, chạm mạnh vào xương hông làm đau tủy xương sống, và điều này đã phản ứng toàn bộ Thần Kinh Hệ. Ông Cayce khuyên y hãy điều trị bằng phương pháp nắn xương và trị bằng điện. Gia đình y nghe theo lời. Trong sáu tuần lễ, bệnh nhân đã bình phục trở lại như thường, và người ta để cho y tự do trở về nhà. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp loạn trí, cuộc khám nghiệm cho biết rằng bệnh nhân bị tà ma nhập xác ám ảnh. Xưa nay người ta vẫn tin rằng một vài chứng bệnh loạn thần kinh nguyên nhân là vì ma nhập. Những người đọc bộ Thánh Kinh đều biết rõ chuyện đáng Christ đã đuổi tà ma ra khỏi xác của một người điên, và những người Gia Tô giáo đều quen thuộc với vấn đề các vị Cố đạo Gia Tô vẫn tiếp tục thực hành những phép đuổi tà (exorcisme). Vấn đề này tự nhiên là hoàn toàn xa lạ đối với khoa Tâm lý học hiện đại, và những nhà chữa bệnh thần kinh ngày nay coi nó

như một điều dị đoan đã lỗi thời. Tuy nhiên, nếu người ta chấp nhận rằng linh hồn người vẫn còn tồn tại. sau khi chết, thì không có lý do gì mà cho rằng những linh hồn bất hảo, lưu manh hồi còn sống ở thế gian, sau khi chết lại không ám ảnh, khuấy phá hay nhập vào xác một người khác.

Để chữa bệnh tà, ông Cayce thường dùng phép điều trị bằng điện, và khuyên bệnh nhân nên cầu nguyện, và tham thiền quán tưởng. Trong một trường hợp, người bệnh được chữa khỏi trong vài tháng, chấm dứt sự ám ảnh của những giọng nói thì thầm bên lỗ tai y, làm cho y sợ hãi đến phát bệnh. Trường hợp này là do quả báo gây nên: Trong kiếp trước bệnh nhân đã dùng tà thuật để ám hại kẻ khác.

Chương 13: Quả Báo Đối Với Hôn Nhân

Vấn đề hôn nhân là một vấn đề phức tạp và khó khăn nhất trong đời người. Hôn nhân là một nguồn hạnh phúc vô tận nếu nó được thành tựu một cách mỹ mãn, nhưng nếu thất bại, thì đó là một nguồn đau khổ rất lớn. Hôn nhân đem đến cho ta những cái cực đoan về vinh nhục, sướng khổ của đời người, và giữa hai cái cực đoan

đóm có cả một loạt những trạng thái trung gian, vừa khổ vừa sướng, vừa vinh vừa nhục.

Nói về phương diện pháp lý, hôn nhân là một hợp đồng sống chung giữa hai người nam, nữ. Về phương diện nhân sinh, đó là một sự phối hợp của nam và nữ tính, bản năng thúc đẩy của những nhu cầu sinh lý và tình cảm. Hội Thánh Gia Tô coi hôn nhân như một nghi thức thiêng liêng. Khoa tâm lý coi nó như một vấn đề xử thế và sinh hoạt. Kẻ nông coi hôn nhân như một cái bẫy chuột mà chỉ có những thằng ngốc mới chui vào.

Theo một sự định nghĩa rộng rãi hơn căn cứ trên thuyết Luân Hồi, thì những quan điểm kể trên đều đúng, nhưng chỉ đúng có một phần. Nhà tâm lý học Linhk định nghĩa hôn nhân là khiếm khuyết và bất toàn cùng góp sức với nhau để tranh đấu cho hạnh phúc. Định nghĩa này sẽ gần sát hơn với quan điểm của nền Minh Triết cổ truyền, nếu tranh đấu cho hạnh phúc cũng là cố gắng để tự cải tiến lấy bản thân mình. Theo quan điểm rộng rãi này, thì hôn nhân là một cơ hội cho hai linh hồn bất toàn bổ khuyết và giúp đỡ lẫn nhau để thanh toán những món nợ nhân quả, rèn luyện những đức tính mới của linh hồn và tiến hóa trên đường tâm linh.

Những cuộc soi kiếp của ông Cayce đã nhiều lần xác nhận rằng không có một sự liên hệ quan trọng nào trong đời người mà lại do sự ngẫu nhiên tình cờ. Vấn đề hôn nhân càng chứng minh cho điều này một cách triệt để. Không có một cuộc hôn nhân nào bắt đầu từ con số không: đó là sự nối tiếp của một câu chuyện đã bắt đầu từ lâu. Các cuộc soi kiếp cho biết rằng bằng cách này hay cách khác, những người kết hôn thành vợ chồng đã có nhân duyên với nhau trong kiếp trước. Đó là một điều lý thú. Trong những cuộc soi kiếp, ông Cayce coi vấn đề hôn nhân như một điều tự nhiên của con người, và ông thường nói: "Ừ! Hôn nhân là một việc tốt. Đối với một linh hồn sống trên thế gian, đó là một cách sinh hoạt tự nhiên."

Có người hỏi: "Tôi có nên kết hôn trong lúc này hay không?" Ông Cayce đáp: "Lúc nào cũng nên, nếu anh chọn được người bạn trăm năm thích hợp. Điều đó tùy theo mục đích mà anh theo đuổi khi anh muốn kết hợp với người ấy."

Một gia đình ấm cúng, đó là hình ảnh của trạng thái điều hòa hạnh phúc mà tất cả mọi người đều mong muốn. Về điều này, ông Cayce tuyên bố như sau với một người mà ông soi kiếp cho: "Sự thành công của anh phải là cái tổ ấm, vì trên đời không có sự thành công nào lớn hơn

nữa. Ít người được thành công về cả hai khía cạnh nghề nghiệp và hạnh phúc gia đình. Nhưng hạnh phúc gia đình mới là sự thành công lớn nhất, và người nào coi thường điều ấy sẽ tự tạo nên những trách nhiệm nặng nề về sau. Vì gia đình, tức là cái biểu tượng gắn nhứt đối với điều nguyện vọng rốt ráo của linh hồn trong tương lai: đó là một đời sống hạnh phúc trên Thiên Đàng. Bởi vậy, anh hãy làm sao cho gia đình anh là cái hình bóng của cõi Thiên Đàng hạnh phúc!"

Vì gia đình là nơi người ta cùng theo đuổi một mục đích chung với một mối tình thân hữu, nó là một cơ cấu thể hiện những mối liên quan giữa con người với Tạo Hóa. Đó là bởi gia đình có một mục đích sáng tạo, khi mà những đơn vị gồm trong đó đều hợp nhứt với nhau trong một lẽ sống và một lý tưởng chung.

Những quan niệm trên đây không phải là mới lạ gì. Tuy nhiên, những cuộc soi kiếp trình bày một quan điểm vừa tự do vừa tân tiến đối với vai trò và định mệnh của phụ nữ. Có điều lý thú là vấn đề nam nữ bình quyền, và quyền tự do của phụ nữ trong việc sắp xếp cuộc đời của mình, được coi như vấn đề đương nhiên. Ý niệm về sự đương nhiên này biểu hiện rõ hơn trong những cuộc soi kiếp về những trường hợp

mà đương sự phải chọn lựa một trong hai điều: Nghề nghiệp và hôn nhân. Thần nhãn của ông Cayce không chấp nhận quan niệm Phát xít và độc tài đặt để vai trò của phụ nữ là ở trong gia đình, thờ chồng và nuôi con.

Cũng như trong những cuộc khán bệnh, mà phương pháp điều trị không tùy nơi một đường lối duy nhất, thì ở đây cũng thế. Không hề có một phép xử thế nhất định cho tất cả mọi trường hợp về vấn đề hôn nhân. Những nguyên tắc tâm lý và đạo đức bao giờ cũng vẫn giống như thế nhưng sự diễn đạt bằng hành động cử chỉ có thể khác biệt nhau tùy trường hợp. Đối với vài phụ nữ, ông Cayce khuyên nên lập gia đình; nhưng đối với những người phụ nữ khác, ông lại khuyên họ nên theo đuổi một nghề nghiệp. Có vài người, ông khuyên họ nên hành nghề trước đã, rồi sau sẽ lo lập gia đình. Có người thì ông khuyên họ vừa lấy chồng vừa theo đuổi một nghề nghiệp. Đối với những người khác nữa, ông khuyên hãy chọn một trong hai điều; vì họ không thể phụng sự hai chủ cùng một lúc.

Một thiếu nữ 18 tuổi, có tánh e lệ rụt rè và bất mãn về cuộc đời, muốn biết xem cô có thể làm gì trong tương lai. Cuộc soi kiếp nhấn mạnh rằng trước khi nghĩ đến hôn nhân, cô nên làm

một công việc có tánh cách săn sóc giúp đỡ các trẻ em. Cuộc soi kiếp cho biết: "Nếu linh hồn này tìm cách tiến hóa cho con đường hôn nhân, thì cô sẽ bị thất vọng đau đớn, trừ phi trước khi lấy chồng, cô đã có làm những công tác trợ giúp xã hội và săn sóc trẻ em." Cuộc soi kiếp nói thêm rằng cô có thể giúp các em gái nhỏ trong trại mẫu giáo hay một tổ chức tương tự.

Một nhà tâm lý học sẽ nhìn nhận rằng lời khuyên đó rất lành mạnh, theo quan điểm thuần tâm lý. Dạy dỗ các thiếu niên nhi đồng là những linh hồn kém kinh nghiệm hơn mình và làm việc chung với họ, là một phương tiện rất tốt để cởi mở và phát triển tâm tính. Sự chỉ huy và lãnh đạo kẻ khác giúp cho y mở đức tự tin, nếu không thì đức tính ấy không bao giờ có cơ hội phát triển. Hôn nhân có thể hoàn toàn thất bại nếu cô ấy chọn một người bạn trăm năm không xứng đôi vừa lứa, trong cơn tuyệt vọng của một tâm hồn khép chặt và cô đơn. Dầu cho cô được một người chồng xứng đôi, sự thất bại cũng vẫn có thể xảy đến nếu một trong hai người không có đủ sự hòa hợp cần thiết để đương đầu với những vấn đề thích ứng với hoàn cảnh và những sự căng thẳng mà hôn nhân tạo nên. Bởi vậy trong trường hợp này, phương pháp tốt nhất

là hãy làm một công tác xã hội và theo đuổi một nghề nghiệp trước khi lập gia đình.

Trong một trường hợp khác, một thiếu nữ có khả năng được khuyên nên lập gia đình và đồng thời nên theo đuổi một nghề nghiệp; nhưng cô chỉ nên kết hôn với một người nào mà hoàn toàn thích hợp với cô mà thôi. Trong những kiếp trước, cô đã làm nhiều công việc khác nhau, và có khả năng về các ngành điều khác, làm đồ gốm, ngành dệt vải, cùng với khả năng âm nhạc và khiêu vũ,... Với cái di sản tài năng dồi dào đó, cô có đủ điều kiện trở nên một nhà lãnh đạo, và sau khi đã nêu rõ các điều kể trên, cuộc soi kiếp cho biết thêm: "Chúng tôi thấy rằng linh hồn này nên lập gia đình và đồng thời nên theo đuổi một nghề nghiệp, với điều kiện là nghề nghiệp đó phải giải thích ứng với người chồng mà y chọn lựa. Bởi vì nếu người chồng đó không phải là một người hoàn toàn thích hợp với y và góp phần xây dựng vào công việc mà y sẽ làm, thì sẽ có những sự bất đồng ý kiến và những sự thất vọng chua cay đến nỗi nó sẽ in sâu vào tâm hồn y những vết thương nguy hiểm."

Trái lại, dưới đây là trường hợp lý thú của một nữ tài tử trẻ đẹp vài tài hoa, cô ấy yêu một người, và muốn biết xem cô có thể vừa thành

hôn vừa tiếp tục hành nghề tài tử của cô được không? Cuộc soi kiếp trả lời không úp mở rằng: "Không được! Linh hồn này có đủ những đức tính cần thiết để thành công hoặc trên sân khấu hoặc trong gia đình; nhưng cô không thể thành công trong hai việc cùng một lúc. Vậy cô hãy tự chọn lựa lấy!" Xem xét tỉ mỉ những cuộc soi kiếp bề trên, thì người ta thấy rằng những lời khuyên luôn luôn nhắm mục đích dìu dắt đường sự hướng về việc phát triển tâm linh. Nếu một phụ nữ muốn theo đuổi một nghề nghiệp với những lý do ích kỷ như là muốn có nhiều tiền, quần áo đẹp, địa vị cao sang, quyền hành chỉ huy, danh vọng cá nhân... Thì nguồn tài liệu biết rõ cái tâm địa ấy và khuyên y nên hướng về việc lập gia đình. Lời khuyên này được đưa ra không phải vì lý do tình cảm hay theo tục lệ truyền thống về tánh cách thiêng liêng của gia đình và vai trò của phụ nữ. Nó được căn cứ trên quan niệm rằng cái nguyên động lực và mục đích là những tiêu chuẩn để xét đoán mọi hành động của con người; rằng một hành vi ích kỷ bao giờ cũng không bằng một hành động vị tha, và những trách nhiệm mà người ta phải gánh vác trong sự kết hôn và lập gia đình, để đưa con người ta tìm kiếm để thụ hưởng riêng một mình trong một vài loại nghề nghiệp.

Bởi vậy, ông Cayce thường khuyên nhiều phụ nữ, dầu rằng có tài năng, hãy nên tạo lập gia đình và nuôi con; vì đó là cái kỷ luật tốt nhất để giúp đỡ họ khai mở những đức tánh tâm linh mà họ còn thiếu sót, để thắng bớt lòng ích kỷ có ý thức hay vô ý thức trong họ theo đuổi một sự nghiệp. Một mặt khác, một vài phụ nữ tài năng có thể thành thật muốn đem khả năng của mình để phụng sự nhân loại. Đối với một phụ nữ thuộc về loại này thì một tổ ấm, một người chồng, một gia đình có thể là những chướng ngại cho sự phát triển đầy đủ những khả năng của họ. Bởi vậy ông Cayce thường khuyên họ hãy trì hoãn việc lập gia đình một thời gian hoặc nên phối hợp việc hôn nhân với việc hành nghề cùng một lúc. Mục đích tối hậu, đối với những người độc thân cũng như đối với những có gia đình, là sự phát triển tâm linh; và dầu là đàn ông hay đàn bà họ đều là những linh hồn bất tử và có quyền chọn lựa một tình trạng gia đình thích hợp nhất, có thể giúp họ theo đuổi sự phát triển tâm linh.

Ông Cayce coi cái quyền tự do sắp đặt cuộc đời của mình không những là một quyền hạn trên địa hạt xã hội mà còn là một cái quyền trên địa hạt vũ trụ. Nói theo danh từ triết học, thì cái

quyền đó gọi là quyền tự do ý chí (libre arbitre), nó đã từng là một đầu đề tranh luận gay go sôi nổi trải qua nhiều thế kỷ. Một trong những điểm quan trọng nhất của thuyết Luân Hồi là nó nhấn mạnh về sự hiện hữu của quyền tự do ý chí. Một điều làm lạc rất thông thường của những người tin tưởng ở thuyết Luân Hồi và Nhân Quả, là họ cho rằng số mạng con người đã được định sẵn từ trước.

Một sự tin tưởng sai lầm như thế có những hậu quả rất tai hại về mặt tâm lý và đạo đức tâm linh, vì nó làm xuống tinh thần và làm tê liệt ý chí tiến thủ của con người. Thái độ buông xuôi, thụ động của người Ấn Độ, là một dân tộc phần đông tin tưởng ở thuyết Tiền Định, đã chứng minh cho điều tai hại của sự làm lạc kể trên. Chúng ta nên biết rằng mỗi cái hắt hơi, mỗi vết muỗi cắn, hoặc mỗi lần dự tiệc, không phải là đã tiền định hằng bao nhiêu thế về trước. Phần nhiều những chi tiết về cuộc đời chúng ta đều hoàn toàn do chúng ta định đoạt bằng tư tưởng và ý chí ngay trong lúc hiện tại. Thật ra, tất cả những sự việc xảy ra trong đời chúng ta, từ việc quan trọng như việc hôn nhân đến việc nhỏ mọn như việc ăn một cái kem chẳng hạn, đều do chúng ta định đoạt. Những sự khó khăn trắc trở nó đè nặng lên vai chúng ta bây giờ đều là kết

quả của những lỗi lầm mà chúng ta đã gây nên trong quá khứ do sự định đoạt của chính mình. Những sự khó khăn đó dường như đến với chúng ta từ bên ngoài, bởi vì chúng ta đã quên những hành động của ta trong dĩ vãng và tầm nhìn quang của chúng ta quá ngắn ngủi nên chúng ta không thể nhìn thấy sự liên quan giữa những hành động đã qua với cuộc đời chúng ta trong lúc hiện tại. Như thế nếu chúng ta hiểu rõ định luật Luân Hồi, thì sự tranh luận giữa hai vấn đề tự do ý chí và định mệnh đã được giải quyết. Chúng ta sở hữu quyền tự do ý chí chẳng khác nào như một con chó bị buộc dây nơi cổ; nói một cách khác, con chó được hoàn toàn tự do đi đứng, chạy nhảy tùy theo ý muốn trong cái tầm của sợi dây dài hay ngắn. Cũng y như thế, luật Nhân Quả định đoạt cái tầm sợi dây dài hay ngắn của mỗi người trong chúng ta; chúng ta được hoàn toàn tự do trong cái tầm giới hạn đó. Vấn đề tự do ý chí này kêu gọi sự chú ý của những người khảo cứu các tập hồ sơ soi kiếp của ông Cayce về vấn đề hôn nhân và nhất là những cuộc soi kiếp cho những người đưa ra những câu hỏi về bạn trăm năm của mình sau này. Các cuộc soi kiếp luôn luôn cho biết rằng việc hôn phối giữa hai vợ chồng là do những sợi dây duyên nghiệp tạo nên; tức là những cặp

uyên ương sắp sửa đi đến hôn nhân đều là những người quen nhau từ kiếp trước, nhưng họ đã quên và ngày nay họ gặp nhau trở lại để cùng thanh toán những món duyên nghiệp nợ nần chung giữa hai người.

Tuy nhiên, trong vấn đề hôn nhân cũng như trong tất cả mọi vấn đề khác, luôn luôn vẫn có quyền tự do ý chí và tự do chọn lựa. Dầu cho giữa hai người có một sợi dây duyên nghiệp nó biểu lộ bằng một sự hấp dẫn mãnh liệt, sự phối hợp của họ trong lúc hiện tại không phải luôn luôn là cần thiết hoặc nên khuyến khích. Dưới đây là hai cuộc vấn đáp ngắn để diễn tả sự việc kể trên:

1. - Hỏi: Tôi có nên kết hôn với anh chàng trai trẻ đang tỏ tình với tôi lúc này chăng?

Đáp: Hai người vốn có duyên nghiệp với nhau từ trước. Nhưng tốt hơn cô đừng nên làm hôn phối với y.

2.- Hỏi: Cuộc hôn nhân của tôi với F.S. Có thể giúp cho sự phát triển chung của chúng tôi chăng?

Đáp: Có thể được, nhưng chúng tôi thấy rằng có nhiều người khác mà cô có thể phối hợp để cùng nhau phát triển một cách điều hòa và phát

triển hơn nữa. Đó là những người mà kiếp trước cô đã có tạo nghiệp duyên từ hồi thời kỳ văn minh cổ Ai Cập. Dầu sao, sự chọn lựa phải là ở tự nơi cô Thật ra, cô có một món nợ nghiệp duyên với F.S. Mà cô cần phải trả cho dứt, nhưng phương tiện dở nhất là kết hôn với y!

Khi mà ông Cayce ngăn cản một cuộc hôn nhân, dầu cho trong những trường hợp hai người có dây duyên nghiệp với nhau, người ta có thể giải thích bằng nhiều cách. Trước hết, có thể rằng trong kiếp này những người ấy cần phải học những bài học kinh nghiệm khác, quan trọng hơn là sự liên hệ giữa vợ chồng. Cũng có thể rằng một người, hoặc cả hai, đều chưa đủ chuẩn bị saün sàng để đối phó với vấn đề hôn nhân. Hoặc cũng có thể rằng cuộc hôn nhân trù liệu là một hành phạt quá nặng nề đối với sự lỗi lầm trước kia của đương sự. Và sau cùng, cũng có thể rằng hai người trong cảnh xa nhau, sẽ học bài tâm linh đó một cách hữu hiệu hơn là trong sự sum họp vợ chồng.

Những cuộc soi kiếp thường không nói rõ lý do vì sao trong mỗi trường hợp, đương sự nên đi đến hôn nhân hay là không nên. Dầu cho trong những trường hợp mà hôn nhân được coi như một giải pháp tốt đẹp, ông Cayce cũng để cho đương sự hãy tự quyết định lấy. Ông ít khi

nào đưa ra một quyết định thế cho người trong cuộc. Thái độ căn bản đó đã hiện rõ ràng trong trường hợp dưới đây của một cặp uyên ương đến hỏi ý kiến ông về việc họ có nên kết hôn với nhau chẳng? Cuộc soi kiếp cho biết rằng họ đã cùng nhau trải qua hai lần kinh nghiệm về việc vợ chồng, một lần ở Ba Tư và một lần ở Ai Cập. Đó là cái lý do của sự hấp dẫn mãnh liệt nó thu hút hai người lại với nhau trong kiếp này. Về cuộc hôn nhân của họ, cuộc soi kiếp không nói dứt khoát, mà cho biết rằng: "Nếu giữa hai người có một sự hòa hợp về lý tưởng và mục đích, thì hôn nhân có thể là một kinh nghiệm tốt đẹp."

Người thiếu nữ hỏi ông câu này: "Mỗi người trong chúng tôi có thể kết hôn với một người nào khác mà lại có hạnh phúc nhiều hơn là nếu hai chúng tôi kết hôn với nhau chẳng?" Ông Cayce đáp: "Nếu cô hỏi như thế, tôi có thể trả lời bằng cách đưa ra cho cô danh sách của hai mươi lăm hay ba mươi người khác. Còn đi đến hôn nhân hay không, thì đó là vấn đề mà cô hãy tự giải quyết lấy."

Trong vài trường hợp, lời khuyên được đưa ra một cách dứt khoát như sau:

Hỏi: Tôi có nên lập gia đình với người đàn ông đã làm lễ đính hôn với tôi chẳng?

Đáp: Không nên!

Tuy nhiên, trong phần nhiều trường hợp, cuộc soi kiếp vẫn để cho đương sự được hoàn toàn tự do lựa chọn. Nhưng đồng thời, ông Cayce cũng đưa ra những tiêu chuẩn để diu dắt đương sự trong việc chọn lựa đó. Một người đàn ông hỏi: "Cô M.L. Có thể là người vợ hiền và xứng đôi với tôi chẳng?" Ông Cayce đáp: "Điều đó phải tự Ông quyết định, chứ không phải tôi! Ngoài ra sự thích hợp với nhau về phần trí não và thể chất, giữa hai người có sự hòa hợp về khía cạnh tâm linh hay không? Hai người có cùng chung một lý tưởng một mục đích hay không? Nếu không, thì này ông bạn hỏi... Hãy coi chừng?"

Trong thí dụ sau đây, một người đàn bà hỏi rằng trong bốn người đàn ông muốn thành hôn với cô, cô nên chọn lựa người nào? Cuộc soi kiếp cho biết: "Điều đó tùy ở nơi lý tưởng mà cô theo đuổi. Mỗi người trong số bốn người đã có liên hệ với cô trong quá khứ, có người thì giúp đỡ nhưng có người lại làm chướng ngại cho bà. Nếu tôi khuyên cô nên tránh người nọ, hoặc nên chọn người kia, thì tức là đặt cô ở vào một vị trí sai lầm, và cũng đặt luôn cả những người kia ở

cái vị trí đó nữa. Chính cô phải lựa chọn lấy, và cái tiêu chuẩn phải là hướng về một cuộc đời phụng sự. Cô hãy nhớ rằng tất cả mọi người đều tự do"

Căn cứ vào những tài liệu kể trên, người ta có thể suy diễn ra cái nguyên tắc chọn lựa người bạn trăm năm của mình. Người ta có thể nói rằng phần nhiều những cuộc hôn nhân đều căn cứ trên sắc đẹp và sự hấp dẫn của thể xác. Theo quan điểm những cuộc soi của ông Cayce, thì sự hấp dẫn về phần trí tuệ và sự hòa hợp tinh thần. Một cuộc hôn nhân có hạnh phúc phải căn cứ trên cái nền tảng tam giác đó, cũng như trên ba cái chân vạc vững chắc. Nếu một trong ba khía cạnh đó bị thiếu sót, thì cuộc hôn nhân ấy bị què hết một chân! Lý tưởng của một người phải tương xứng, hoặc ít nhất là xấp xỉ bằng nhau với cái lý tưởng của người bạn trăm năm, trên mỗi phần của ba phương diện nói trên; nếu không thì nguy cơ sụp đổ và thất bại chua cay đang rình rập hầu hết một bên. Kết hôn một cách vội vàng cầu thả, không suy nghĩ chín chắn về những điều quan trọng kể trên, tức là tự chuốc lấy điều tai họa, khó khăn trắc trở vậy.

Khi chúng ta cảm thấy một sự hấp dẫn mãnh liệt đối với một người khác phái, chúng ta hãy cẩn thận đề phòng. Cẩn thận tức là phải

nhìn thấy xa để khỏi tưởng lầm rằng một sự hấp dẫn thể chất và dục tình sẽ trở nên một cuộc hôn nhân hạnh phúc, và coi chừng kéo lại vô tình mà châm lửa vào cái ngòi thuốc súng của một tình trạng quả báo sắp sửa nổ bùng!

Chương 14: Những Thiếu Phụ Cô Đơn

Khi người ta xét vấn đề hôn nhân theo quan điểm Luân Hồi với những nhân quả, nghiệp duyên từ những kiếp quá khứ xa xôi, người ta không khỏi tự hỏi rằng tại sao có những người lại sống cô đơn mà không lập gia đình? Có nhiều phụ nữ, mặc dầu họ có một dung nhan khá đẹp và những tính nết bình thường, nhưng cơ hội kết hôn không bao giờ đến với họ. Những cuộc soi kiếp của ông Cayce đã giải thích vấn đề này như thế nào?

Có một câu tục ngữ Pháp nói về vấn đề hôn nhân như sau: "Hôn nhân cũng ví như một thành trì bị bao vây: Những người ở ngoài thì muốn sấn vào, còn những người ở trong thì muốn chạy ra!" Câu này tuy có vẻ trắng trợn, nhưng lại rất đúng. Hôn nhân đã làm cho nhiều người đau khổ, đến nỗi người ta phải ngạc nhiên mà thấy rằng vẫn còn có rất nhiều những kẻ muốn lọt vào lòng, không màng nghĩ đến

những điều hăm dọa của nó đối với sự yên tĩnh của tâm hồn, và chỉ nhìn thấy những điều vui sướng mà nó hứa hẹn! Mặc dầu người ta đã biết rằng hôn nhân có những sự khó khăn đau khổ như thế, nhưng những người độc thân nói chung thường cảm thấy rằng họ thiếu mất một cái gì quý báu, và cảm thấy đời sống khô khan, vô vị: Họ đã bỏ lỡ một cuộc đời!

Tự nhiên là trong tình trạng đó, yếu tố tình dục đóng một vai trò quan trọng. Sống độc thân, ít nhất ở những xứ gọi là "Văn minh" có nghĩa là hoàn toàn tiết dục, hay tiết dục một cách tương đối với người đàn ông. Ở xã hội Tây Phương ngày nay, sống độc thân, nhất là đối với người đàn bà, là một sự "Lỗi thời" và là một điều "Bất hạnh". Những trường hợp kể ra dưới đây đều là những trường hợp của phụ nữ, vì trong các tập hồ sơ Cayce, phụ nữ tỏ ra băn khoăn thắc mắc về vấn đề này nhiều hơn đàn ông, và những trường hợp đau khổ của họ cũng rõ rệt hơn.

Cô đơn! Có một cái gì tế lạnh ở trong danh từ này, một cái gì buồn thảm không thể nói ra cho xiết. Cũng như câu "Hội ngộ lần cuối cùng" có lẽ là câu nói buồn nhất trong ngôn ngữ của những kẻ yêu đương, thì câu "Tôi sống độc thân" có lẽ là câu nói buồn nhất mà một người thốt ra về cái hoàn cảnh của mình. Nếu không

có một sự soi sáng tâm linh để giải pháp cho vấn đề này, thì sự độc thân có lẽ là một trong những vấn đề khó khăn, tẻ lạnh nhất của đời người.

Dưới đây là trường hợp của một người đàn bà luôn luôn cảm thấy khổ sở vì phải sống một cuộc đời quạnh hiu, đơn chiếc. Cô là một người đàn bà Na Uy rất đẹp và duyên dáng, và làm thơ ký ở New York. Cô đã trải qua hai đời chồng, người chồng trước qua đời sau khi thành hôn qua một thời gian rất ngắn; sau đó tái giá một người khác lớn tuổi hơn nhiều, nhưng cuộc hôn nhân này lại không có hạnh phúc, và cuộc ly dị đã đến rất mau. Cô không có con, tất cả những người thân trong gia đình đã qua đời, và chỉ còn trơ trọi có một mình. Nghề làm thơ ký giúp cho cô có cơ tiếp xúc với nhiều người, nhưng đó chỉ là những sự xã giao bề ngoài. Cô ước mong tái giá lần nữa, nhưng dịp may không thấy đến và nay chỉ sống cô đơn. Khi yêu cầu ông Cayce soi kiếp, những câu hỏi của cô biểu lộ một tâm sự buồn thảm và đau thương: "Tại sao tôi lại bị cô đơn tẻ lạnh như vậy? Có một lý do đặc biệt nào khiến cho tôi không thể tìm thấy một tấm lòng bầu bạn tri kỷ trong hôn nhân? Tại sao tôi lại bị thất bại như vậy?" Cuộc soi kiếp cho biết rằng tình trạng cô độc này có một nguyên nhân sâu

xạ Hai kiếp về trước ở Na Uy, cô đã làm một việc làm lạc tai hại nó gây nên cái tình trạng bi đát hiện nay: Cô đã tự tử trong một cơn thất chí! Trong kiếp trước đó, cô là mẹ của hai đứa trẻ nhỏ và chồng cô vì một lý do nào đó, bị trục xuất ra khỏi làng. Sau khi sinh con thứ hai, cô quá thất vọng và nhảy xuống vực sâu tự tử. Cuộc soi kiếp nói: "Bởi đó trong kiếp này, cô thường có những lúc hiu quạnh, sâu thẳm, hầu như không thể chịu nổi!"

Quả báo trong trường hợp này thật là rõ rệt. Trong một lúc thất vọng, người đàn bà này đã tự tử, làm cho chồng con bị thiếu mất đi cái tình triu mến săn sóc mà họ cần nơi người vợ và người mẹ. Cô đã không đếm xỉa đến bổn phận gia đình, tinh thần danh dự và trách nhiệm đối với chồng con, và bởi đó cô tạo nên cái hoàn cảnh bơ vơ lạc loài trong kiếp này. Chỉ khi nào người ta bị thiếu thốn tình cảm, thì người ta mới biết cái giá trị của nó. Đó là một trường hợp đáng cho ta suy gẫm. Nó không những xác nhận sự minh triết của Hội Thánh Gia Tô về việc căm đoán tự tử như một tội nặng, mà còn biểu dương sự thật này là chúng ta phải trả lời về mọi hành vi của mình, mọi cử chỉ lãnh đạm, thờ nhiên, bơ thờ, khinh bạc, mọi sự lạm dụng và

hành vi trái đạo của mình trong đời sống hằng ngày.

Trường hợp cô đơn dưới đây cũng gần giống như trường hợp trên, tuy rằng với những chi tiết khác hẳn. Đó là một người đàn bà Anh, dạy học ở một trường mẫu giáo và rất mong muốn lập gia đình. Cha mẹ đã qua đời từ khi cô còn nhỏ; cô được các bà dì nuôi nấng, nhưng trong một bầu không khí lạnh đạm khô khan và nghiêm khắc, mà kết quả là làm cho cô không thể hài hòa với những người cùng đồng một lứa tuổi. Suốt đời cô cảm thấy cô độc đơn chiếc, cách biệt với mọi người, và những khuynh hướng của một tâm hồn khép chặt đã biểu lộ nơi cô. Cô đã trải qua một cuộc tình duyên, nhưng đó chỉ là một sự hấp dẫn về thể chất, và mối tình này đã chấm dứt khi sự khác biệt nhau về tâm tính với người yêu càng ngày càng biểu lộ rõ rệt.

Từ đó trở đi, cô cảm thấy cuộc đời dường như trống rỗng và vô vị. Cô làm việc sốt sắng và thành công về phương diện nghề nghiệp; thông minh lanh lợi và biết giúp đỡ người khác. Tuy nhiên, thỉnh thoảng có những lúc cô đắm chìm trong một cơn thất vọng sâu thẳm, kéo dài nhiều tuần và khó nguôi. Trong những cơn khủng hoảng đó, cô thường nghĩ đến sự tự vẫn. Người

ta không thể tưởng tượng rằng một người đàn bà vừa có nhan sắc vừa khôn ngoan lại có thể bị những cơn thất chí buồn bực sâu xa như thế.

Cuộc soi kiếp cho biết rằng bốn kiếp trước, cô sống ở Ba Tư và đã tự tử kh những bộ lạc Ả Rập tấn công xứ này. Trong kiếp đó, cô là con gái của một người tù trưởng trong xứ, và bị bắt làm tù binh của vị vương quốc Ả Rập, cùng một lượt với những người khác. Sau đó, cô bị đem gả làm hầu thiếp cho một viên phó tướng Ả Rập, sinh hạ một đứa con gái, và sau đó ít lâu bị mất trí nên tự vẫn. Đứa con gái nhỏ sống vất vưởng không người nuôi dưỡng giữa bọn tướng giặc, cho đến một khi có một vị giáo sĩ đi hành hương thấy vậy bèn động lòng trắc ẩn đem em bé ấy về nuôi cho đến khi lành mạnh. Cuộc soi kiếp cho biết rằng người mẹ đã tự tử chỉ vì không thể chịu khuất phục theo ý muốn của người khác; và "Linh hồn này đã thất bại trong sự thử thách đó, cô tự tử chỉ vì muốn thỏa mãn lòng tự kiêu của mình, chứ không phải vì lý do tự vệ để bảo tồn trinh tiết, hay giữ gìn lý tưởng." Cuộc soi kiếp không cho biết rằng người đàn bà có tâm địa kiêu căng, ngã mạn, tự tôn và thà rằng cô tự hủy mình chứ không chịu bị đè nén khuất phục, mặc dầu y còn có một trách nhiệm với đứa con gái nhỏ mới sinh ra.

Xét về tâm tính của cô trong kiếp này, nó biểu lộ dưới những cử chỉ tự do và hiên ngang như đàn ông, người ta sẽ hiểu rằng có lẽ cái thói tự kiêu của cô trong kiếp sống ở Ba Tư, chính là điều chướng ngại ngăn cách cô với phái đàn ông trong kiếp hiện tại. Chính sự thiếu mềm dẻo, tế nhị, sự cứng cỏi ương ngạnh của cô làm cho bọn đàn ông tránh xa và không muốn làm thân.

Điều lạ lùng là trong kiếp này, cô luôn luôn mong muốn có con. Nếu các bà dì của cô không ngăn cản, thì có lẽ cô đã nuôi một đứa con nuôi từ lâu. Có một điều cô mang theo từ kiếp trước, là cô thường nghĩ đến sự tự vẫn. Từ khi có cuộc soi kiếp đưa đến sự giải thích hợp lý về tình trạng của cô, cô không còn coi sự tự vẫn như một lối thoát nữa, vì hiểu rằng những gì mà cô muốn trốn tránh trong lúc hiện tại, sẽ trở lại với cô trong một tương lai về sau.

Tuy thế, trong một cuộc soi kiếp nữa, cô được biết rằng cô còn có thể hy vọng một cuộc hôn nhân trong kiếp này, nhưng vào lúc quá tuổi xuân; và trong khi chờ đợi, cô nên giúp đỡ bằng mọi cách những người mà cô tiếp xúc trong đời sống hằng ngày. Khi hỏi rằng còn bao lâu nữa cô mới có được cái hạnh phúc đó, thì được trả lời rằng: "Khi nào cô tỏ ra xứng đáng thì điều đó

sẽ đến." Có những lúc khác, cô được biết rằng hiện nay cô đang ở trong một thời kỳ thử thách. Khi cô hỏi: "Tại sao trong khoảng năm năm vừa qua, cô không hề gặp được một người đàn ông nào?" thì câu trả lời đó là: "Đó là để thử thách cái mục đích chính của cô trong kiếp hiện tại."

Trên đây là hai trường hợp mà sự tự tử và bỏ con cái bơ vơ trong kiếp trước đã gây nên cái quả báo cô đơn tẻ lạnh, và thất vọng trong sự mơ ước thành lập gia đình trong kiếp này. Trong những tập hồ sơ Cayce, còn có một trường hợp thứ ba; đó là của một nữ giáo sư âm nhạc ở tiểu bang Texas, Hoa Kỳ; bà này cũng ở trong một tình trạng tương tự với những lý do giống nhau: Cô đã tự tử trong kiếp trước dưới thời kỳ quân chủ ở nước Pháp.

Tuy nhiên người ta không thể căn cứ vào ba trường hợp để đi đến một kết luận chung về quả báo của những người bị sống trong cảnh cô đơn, độc chiếc, mà sự tự tử có lẽ là nguyên nhân gây ra trong kiếp trước. Ông Manly Hall, tác giả quyển "Luân Hồi: Một lễ Tuần Hoàn Cần Thiết Của Đời Người," nói rằng quả báo của sự tự vẫn là trong kiếp sau, đương sự sẽ bị chết vào lúc mà y ham muốn sống và yêu đời nhất. Trong các hồ sơ Cayce, không thấy có trường

hợp nào xác nhận điều đó, nhưng xét ra thì nó rất hợp lý.

Tuy nhiên, sự cô đơn và không chồng trong kiếp hiện tại có thể có nhiều nguyên nhân khác. Thí dụ như trường hợp dưới đây cho ta thấy có một lý do khác hẳn. Xét về trường hợp này, người ta nghĩ đến câu nói của ông Oscar Wilde: "Trong đời chỉ có hai điều khổ: điều thứ nhất là muốn mà không được; điều thứ hai là: được như ý muốn!"

Câu nói mâu thuẫn lạ kỳ này căn cứ trên sự kiện rằng con người vì bởi vô minh nên thường xét đoán sai lầm giá trị của cuộc đời. Những chuyện đời xưa kể chuyện một bà tiên cho một người kia được đưa ra ba điều ước nguyện rồi y sẽ được như ý muốn. Câu chuyện ấy chỉ cho chúng ta thấy rằng con người thường có những ước vọng đại dột điên rồ, và phải gánh chịu lấy hậu quả tai hại của sự đại dột ấy. Câu chuyện ấy có một ý nghĩa tượng trưng rất thâm trầm về hai sự kiện này: Một là phần đông người đời không biết rõ họ muốn gì; và hai là sự đau khổ của con người là phần nhiều do bởi những sự ước vọng sai lầm, vì thiếu kiến, vô minh, và thiếu óc sáng suốt.

Trường hợp sau đây đã xảy ra hồi thời kỳ ở châu Atlantide, và đương sự hãy còn chịu sự

quả báo ở kiếp này. Đó là một người đàn bà độ 40 tuổi, có một thân hình nặng nề và thô kệch, nhưng điều này một phần lớn là do bởi sự thiếu thể dục và sinh hoạt cầu thả. Bà không bao giờ dùng đồ trang sức; quần áo mặc cũng rất xuề xòa, không theo thời trang. Bà chọn y phục theo tiêu chuẩn tiết kiệm và ích lợi hơn là để chưng diện và làm đẹp. Bà có những nét mặt đều đặn và nếu được săn sóc ở mỹ viện thì bà có thể trở thành một phụ nữ rất đẹp. Ngoài ra bà cũng có những cử chỉ duyên dáng, mặn mà, dễ thương. Trình độ văn hóa chỉ đến mức tiểu học; bà làm việc trong các nhà máy và làm việc thủ công để nuôi thân. Trong một cuộc trắc nghiệm tâm lý, bà có điểm cao nhất về mặt giao tế xã hội và tôn giáo, vì những thích thú lớn nhất của đời bà là đọc các sách Thánh Kinh tôn giáo, và làm việc cứu tế xã hội dưới một hình thức nào đó. Tuy vậy, bà vẫn sống một cuộc đời cô độc, đơn chiếc. Những người trong gia đình không ai cùng chia sẻ những quan niệm của bà về tôn giáo; trong đời bà, bà không hề biết có gì gọi là hương vị ái tình, hay tình yêu lãng mạn.

Nói về quan điểm tâm lý, người đàn bà này thuộc về một trường hợp rõ rệt của sự "Phản ứng nam tính" (Protestation masculine), nghĩa là từ chối hay phủ nhận vai trò nữ tính của mình.

Sự phản ứng này biểu lộ rõ rệt trong cái thái độ hiếu chiến và chống đối những gì thuộc về nữ tính của bà; thí dụ như việc không chịu trang điểm hay làm đẹp để hấp dẫn bọn đàn ông. Khoa tâm lý học có thể đưa ra một giải thích về thái độ đó, nhưng sự giải thích này vẫn còn hầy rất thiếu sót. Cuộc soi kiếp bằng Thần Nhãn của ông Cayce đã đưa ra sự giải đáp cho vấn đề này.

Trong kiếp cuối cùng của bà vừa rồi, bà là một thân nhân của Thánh Jean Bastiste, và nhờ đó bà sinh trưởng trong một bầu không khí đạo đức thâm nghiêm. Điều đó cũng là cái nguyên nhân làm cho bà có khuynh hướng tín ngưỡng tôn giáo trong kiếp này. Trong tiền kiếp kế đó, bà sinh làm đàn ông ở xứ Palestine thời cổ, tại đây y làm nghề thợ mộc và thợ đồng; điều này dường như đã để lại cho bà những quan niệm thực tế và những khả năng về máy móc trong kiếp hiện tại. Trong kiếp trước nữa, bà là một người đàn bà có địa vị cao ở châu Atlantide, tại đây, một mối tình dang dở trong đời đã đem đến cho bà một sự xáo trộn tinh thần và nhiều đau khổ. Kết quả là "Inh hồn này quyết định từ nay về sau sẽ không bao giờ yêu một người nào có thể làm cho bà bị thất vọng và gây cho bà những vết thương lòng." Và đó là cái nguyên

nhân làm cho bà quyết định sống tự do ngoài vòng trói buộc và đau khổ của tình trường. Bởi đó, tình trạng độc thân và đơn chiếc của bà trong kiếp này không phải là do quả báo gây ra. Trong trường hợp này không có sự liên hệ về nhân quả như trong những trường hợp tự tử đã kể trên, mà chỉ có sự hành động của nguyên tắc liên tục, nó tùy nơi sức mãnh liệt của sự ham muốn. Ngày xưa, bà đã quyết định thái độ là sẽ không bao giờ yêu ai, nhất là không để cho tình cảm lôi cuốn bà đến bọn đàn ông. Bà có quyết định này, không phải do một điều ước nguyện tâm linh hay do lòng bác ái; mà là do ý muốn của bản ngã, quyết không bao giờ để cho bị hạ thấp nhân cách của mình vì ban rải tình yêu cho kẻ khác. Trong giai đoạn trung gian, bà không bao giờ tìm thấy có lý do nào để thay đổi thái độ. Và ngày nay, bà phải chịu những hậu quả hợp lý của cái quyết định đó, cho đến khi nào bà có thể thay đổi ý định và thái độ xử thế về vấn đề này.

Cuộc soi kiếp không cho biết rõ rằng bà có hy vọng thành hôn hay không trong kiếp này. Nhưng ít nhất, bà đã cố gắng để có thể đem sự săn sóc và tình thương cho kẻ khác. Vì thiếu tình yêu, bà mới nhận thấy cái giá trị của nó. Trong sự cô đơn, bà đã thấy sự chai lòng, sắt

đá của mình xưa kia là một điều tội lỗi cần phải được sửa đổi.

Nhà tâm lý học Carl Jung nói rằng mỗi người đều có đủ hai phần nam tính và nữ tính trong bản chất của mình, nhưng cái nọ có phần trội hơn cái kia, tùy theo trường hợp riêng của mỗi người. Linh hồn người hàm xúc những khả năng tiềm tàng chưa khai mở thuộc về phái đối tượng. Sự kiện tâm lý này, mà ông Carl Jung đã khám phá sau nhiều năm khảo cứu tìm tòi, hoàn toàn phù hợp với quan niệm trong những cuộc soi kiếp của ông Cayce về nguồn gốc và sự tiến hóa của con người. Nam và Nữ đều có những đặc tính riêng; đại khái như uy lực, cương cường, tranh đấu, hung bạo, thuộc về nam tính; sự hiền từ, dịu dàng, mềm mỏng, thụ động, thuộc về nữ tính. Người thuần Nam tính là một người rất thiếu sót và bất toàn. Bởi đó y cần được bổ khuyết bằng những đức tính thuộc về phái Nữ. Trong hôn nhân, hai tính nam và nữ đều bổ trợ cho nhau đến một mực độ nào đó, do sự hội hiệp của những đức tính tương phản nhau. Trong một cặp vợ chồng, mỗi người đều dung hòa, bổ khuyết, sửa đổi lẫn cho nhau. Nhưng sự sửa đổi này vẫn hã còn bất toàn. Trong một kiếp sống ở thế gian, một người trội hơn về phần Nam tính không đủ dung hòa bằng

những đặc điểm nữ tính của người vợ y, và trái ngược lại. Nhưng nhiều kiếp sống liên tục làm đàn ông và đàn bà giúp cho con người có những kinh nghiệm bổ trợ dung hòa lẫn nhau. Một lần nữa, thuyết Luân Hồi đưa đến cho ta một giải đáp về các vấn đề khó khăn: Chính do nhiều kiếp luân hồi sinh tử mà con người mới có thể phát triển tâm linh một cách hoàn toàn.

Bất luận rằng những nguyên nhân của sự cô đơn hiu quạnh là như thế nào, dầu cho đó là sự tự vấn, sự quyết định không yêu ai, hay một lý do nào khác, người ta phải nhìn nhận rằng tình trạng độc thân là một cơ hội để tu tiến về phần nội tâm và về phương diện tiến hóa tâm linh. Muốn có bạn, ta phải tỏ ra sự thiện chí và tình thân hữu; muốn được yêu, ta phải ban rải tình thương. Bằng cách trau dồi tình thương và lòng bác ái để cho xứng đáng với nguyện vọng mình, những kẻ cô đơn hiu quạnh có ngày cũng sẽ đạt được hạnh phúc của tình yêu.

Chương 15: Thắc Mắc Về Vấn Đề Hôn Nhân

Khi hai người quyết định làm bạn trăm năm với nhau, họ tạo nên một sự phối hợp về nhân quả, và ùng chịu một sự tác động về tâm lý.

Những cuộc soi kiếp của ông Cayce về vấn đề hôn nhân đưa ta những ý niệm tổng quan về việc chọn lựa bạn trăm năm, cùng những sự liên hệ của hôn nhân trong dĩ vãng và tương lai. Chúng ta có thể nói rằng trong vấn đề hôn nhân, cũng như mọi vấn đề khác, mỗi người đều dùng ý chí tự do của mình trong việc lựa chọn bạn trăm năm. Sự lựa chọn này chẳng khác nào như người ta lên xe ô tô buýt, một khi đã lên xe, người ta phải noi theo một lộ trình nhất định, một chiều hướng đã định sẵn, khác hẳn với lộ trình và chiều hướng của một chiếc xe khác. Ngoài ra, những hoàn cảnh và tiện nghi trên xe có thể không hoàn toàn đúng với sở thích của chúng ta. Người tài xế có thể là một người cộc cằn thô tục, không khí trong xe nóng nực bức bối, những cánh cửa sổ rất khó mở, hoặc người ngồi bên cạnh nói nhiều quá! Nhiều sự việc bất ngờ có thể xảy ra trên chiếc xe số 92 mà không xảy ra trên chiếc xe số 41. Nhưng thái độ và cách cư xử của chúng ta trong chuyến đi đều tùy ở nơi mình, và dẫu cho hoàn cảnh xung quanh diễn ra như thế nào, rốt cuộc chúng ta đều chịu trách nhiệm về cái thái độ và cách xử thế của mình. Có nhiều trường hợp về hôn nhân mà những cuộc soi kiếp của ông Cayce cho biết rằng do nghiệp quả gây nên.

Trong trường hợp lạ lùng sau đây, thật không có một bi kịch nào đau thương cho bằng, và bàn tay sắp đặt của định mệnh thật rất công bình và vô cùng mâu nhiệm. Đó là trường hợp của một thiếu phụ rất đẹp, thành hôn vào năm 23 tuổi. Nàng có đôi mắt xanh đẹp, một mái tóc vàng dợn sóng xõa xuống tận vai, một vóc người tầm thước, và một dung nhan mỹ lệ của một nữ tài tử điện ảnh. Dầu cho vào năm 40 tuổi là lúc nàng được ông Cayce soi kiếp, nàng vẫn có một vẻ đẹp tuyệt trần làm cho mọi người phải quay đầu nhìn và trầm trồ khen ngợi mỗi khi nàng bước vào chỗ đông người. Những người bạn trai giàu có sang trọng có lẽ phải lấy làm ngạc nhiên nếu họ biết được cuộc đời tư của nàng. Trong 18 năm kết tình chồng vợ với một nhà kinh doanh thương mại rất có danh thế và tiếng tăm, nàng đã trải qua một kinh nghiệm rất khó khăn và thất vọng về phương diện tình ái. Chồng của nàng bị chứng bệnh bất lực. Người ta thấy ở đời thường có những người đàn bà không hề cảm thấy dục tình, và không bao giờ ham muốn những sự luyến ái trong khuê phòng; đối với những người ấy thì tình trạng bất lực của người chồng không phải là một điều chướng ngại quan trọng lắm. Nhưng đối với người thiếu

phụ kể trên, đẹp đẽ, duyên dáng, lãng mạn đa tình và tràn đầy nhựa sống, thì đó là một cái thảm trạng thật sự! Thảm trạng này có thể giải quyết bằng một cuộc ly dị và sẽ chấm dứt dễ dàng, nhưng người thiếu phụ này lại không thể dùng cái biện pháp dứt khoát đó. Nàng vẫn yêu chồng và không muốn làm cho chồng đau khổ.

Trong những năm đầu tiên, có một thời kỳ nàng đắm ra dang dít với những người đàn ông khác, không phải vì muốn phản bội chồng, nhưng chỉ là để thỏa mãn sự nhu cầu về sinh lý và tình cảm. Nhưng lần lần, nàng chế ngự được tình, một phần lớn là nhờ sự học hỏi đạo lý và tập quan thiền quán tưởng. Và cuộc đời nàng cứ trôi qua một cách bình thản như thế từ 18 năm nay, trước khi cơn khủng hoảng xảy đến. Một trong những người yêu cũ của nàng trước kia lại xuất hiện trên bước đường đời của nàng. Trong bức thơ gửi ông Cayce, nàng kể chuyện như sau:

"Khi chúng tôi gặp nhau, ngọn lửa tình lại nhen nhúm mãnh liệt trong lòng y, và tôi cũng đáp lại mối tình đó. Nhưng sức khỏe của tôi lại giảm sút trở lại như hồi trước khi tôi bắt đầu học hỏi đạo lý. Có lẽ tôi sẽ không ngần ngại mà tư tình với y nếu y không có gia đình. Tôi không muốn bỏ chồng vì những lý do mà ông có thể

hiểu, và cũng vì chồng tôi đã tiến bộ rất nhiều về sự cải tạo tánh tình... Có thể rằng những cảm tình của tôi đối với người đàn ông kia không phải là ái tình, mà là do tình trạng đặc biệt của gia đình tôi gây nên. Dầu sao y cũng là người có tính nết khá. Y yêu tôi từ hồi tôi còn nhỏ, nhưng tôi không hay biết gì cả và chỉ nghe mẹ tôi nói lại. Y không tỏ tình với tôi vì y tự thấy còn chưa đủ sức lập gia đình. Nhưng về sau thì đã quá trễ, vì tôi đã đính hôn với chồng tôi. Tất cả những hoàn cảnh cho tôi thấy sự hành động của luật Nhân Quả, dường như có thể truy nguyên từ ba kiếp về trước của chúng tôi. Thỉnh thoảng tôi đã cùng chung chăn gối với y, một lẽ là vì y quá yêu đương và có thể thất vọng đến hủy mình. Sau nữa, tôi hy vọng rằng làm như vậy, y sẽ được thỏa mãn dục tình, để cho y thoát khỏi sự cuồng vọng của yêu đương... Sau cùng tôi đã đoạn tuyệt với y vì tôi không muốn đóng trò giả dối với vợ y và gieo sự rối rắm trong gia đình y. Tôi quen biết và cũng có cảm tình với vợ y. Xã hội sẽ lên án những mối tình vụng trộm như thế. Tôi không muốn làm khổ một người nào. Y cũng không có sự ác cảm với vợ y, mặc dầu vợ y thường dầy vò đay nghiến y suốt nhiều tuần không dứt. Vợ y có thể làm sôi nổi thành to chuyện nếu vợ y biết được câu chuyện ngoại

tình này. Chồng tôi biết rằng tôi thỉnh cầu sự giúp đỡ của ông, nhưng y không biết chi cả về chuyện này."

Đó là bức thơ của người thiếu phụ để giải bày tâm sự thắc mắc trong cuộc đời của cô. Câu chuyện cũng khá bi ai; nhưng cuộc soi kiếp còn tiết lộ nhiều điều bí ẩn trong cuộc đời quá khứ của người thiếu phụ, nó tạo nên tình trạng hiện nay, và chỉ cho ta thấy hành động của Luật Quả Báo thật là vô cùng đúng đắn và màu nhiệm. Trong hai kiếp về trước ở Pháp, hồi thời kỳ xảy ra cuộc Thánh Chiến (Croisades), người thiếu phụ này tên là Suzanne Merceillieu, cũng là vợ của người chồng cô bây giờ. Ông Merceillieu, chồng cô trong kiếp đó, là một trong những người có óc phiêu lưu, và cuộc Thánh Chiến ở vùng Cận Đông xa xôi càng nung nấu chí giang hồ của ông. Và cũng như nhiều người khác có lòng tin ngưỡng nhiệt thành, cuộc đời tư của ông lại hoàn toàn tách biệt với những nguyên tắc đạo đức mà ông tin tưởng và đề cao! Theo quan niệm của ông, thì Thánh Địa Jérusalem, nơi an nghỉ cuối cùng của Đấng Cứu Thế, phải được giải phóng khỏi sự xâm lăng của những người "Ngoại đạo." Nhưng còn vấn đề áp dụng tình bác ái mà Đấng Cứu Thế đã dạy đối với vợ

Ông, thì dường như ông không bao giờ nghĩ đến!

Bởi đó, khi ông sửa soạn lên đường tham gia cuộc Thánh Chiến để bảo vệ tôn giáo Gia Tô chống những kẻ "Ngoại đạo," thì đồng thời ông cũng muốn bảo vệ một chuyện khác: đó là sự mất trinh tiết của vợ Ông. E rằng lòng tin ngưỡng tôn giáo của vợ Ông không đủ nhiệt thành để giúp cho bà ấy có một lòng hy sinh tuyệt đối, cũng như lòng hy sinh của chính ông, và thay vì sự an ủi bằng cách nương mình trong hai cánh tay khỏe mạnh của một gã đàn ông khác, ông ta bèn dùng những biện pháp cần thiết để làm cho một sự "An ủi" như thế không thể thực hiện được. Hồi thế kỷ thứ 12 ở Âu Châu, có một thứ khí cụ rất xảo diệu gọi là cái đai trinh tiết mà về sau người ta cũng được biết ở Pháp vào năm 1935 và ở New York năm 1931, ở tại đây đã xảy ra hai vụ án về việc có những người đàn bà bị chồng bắt buộc đeo cái đai trinh tiết này. Cái đai này gồm có những mảnh sắt và da kết lại, bao bọc phần dưới thân mình của người đàn bà, và được khóa lại bằng một ống khóa với một chìa khóa riêng, để cho người đàn bà không thể giao hợp với người đàn ông nào khác. Chính bằng cách đó mà ông Merceillieu muốn bảo đảm cho vợ Ông khỏi

ngoại tình trong khi ông đi vắng. Cuộc soi kiếp của ông Cayce nói về vấn đề này như sau: "Linh hồn này thuộc về hạng người chồng nghi kỵ và bị bắt buộc phải đeo một khí cụ chướng ngại làm cho đương sự rất khổ sở bực bội."

Danh từ "Bắt buộc" chỉ rằng bà Merceilleu không thỏa thuận về việc này từ lúc đầu. Câu sau đó chỉ rằng về sau bà ấy còn đau khổ hơn nhiều và "Quyết định sẽ trả thù khi có dịp thuận tiện. Sự cưỡng ép phải giữ gìn trinh tiết làm cho bà ta có những quyết định tai hại; và chính những quyết định này đã gây ra cho bà ta cái tình trạng hiện nay theo sự hành động của luật Nhân Quả."

Bây giờ chúng ta hãy phân tách để tìm hiểu sự thưởng phạt công bình của luật nhân quả trong trường hợp này. Người đàn ông trong kiếp trước đã dùng loại khí cụ máy móc để gây sự chướng ngại khó khăn về tình dục cho vợ y, bị trả quả bằng cách chính y bị bệnh bất lực trong kiếp này.

Thật không có quả báo nào đích đáng hơn nữa. Mới xem qua thì hình như có sự bất công mà thấy rằng một người đàn bà bị áp chế một cách tàn nhẫn như thế, lại phải chịu thiệt thòi về phương diện sinh lý đến hai lần. Nhưng sự bất công đó chỉ là ở bề ngoài, vì tội lỗi con người

gây ra không phải chỉ là do những hành động bên ngoài mà thôi, nó còn do những ý tưởng, âm mưu, ác ý, và trạng thái trong tâm hồn. Người đàn bà này đã bị chồng cưỡng ép một cách bất công. Phản ứng của nàng đối với sự nghi kị và cách đối xử tàn nhẫn đó, là một lòng căm hờn và ý nghĩ trả thù. Theo chỗ chúng ta thấy, thì lòng căm thù đó không biểu lộ ra ngoài bằng cử chỉ, nhưng quyết định trả thù vẫn có. Trong một trường hợp trước đây, chúng ta đã thấy rằng một quyết định có thể tồn tại suốt nhiều thế kỷ. Quyết định trả thù của một người sẽ tạo ra một cơ hội thuận tiện cho nàng thi hành ý định ấy. Trong kiếp này, người thiếu phụ ấy có một sắc đẹp lộng lẫy, yêu kiều, và vô cùng hấp dẫn. Nàng kết hôn với một người đã làm khổ mình trong một kiếp trước, và lần này có đủ mọi yếu tố cần thiết để làm cho chồng phải phát điên lên vì ghen tuông, để hạ nhục chồng trước những bạn bè thân thuộc, hoặc gây sự đau khổ cho chồng bằng một cuộc ly dị. Nàng còn muốn gì hơn nữa? Còn cơ hội nào thuận tiện hơn nữa để trả thù một cách hoàn toàn, đích đáng, và vẻ vang?

Nhưng, trong thời kỳ trung gian, nàng đã tiến triển về phương diện tâm linh. Từ nay nàng không thể nào có ác cảm đối với bất cứ một

người nào. Những bức thư của nàng từ đầu đến cuối đều tiết lộ sự đa cảm. Nàng có thể ngoại tình dang dáu với người tình nhân cũ, một sự ngoại tình mà nàng có thể dấu chồng một cách dễ dàng. Nhưng nàng không thể chịu nổi cái ý tưởng làm khổ người vợ kia, khi người này biết được câu chuyện tình vụng trộm ấy. Bởi đó, nàng cố giữ mình. Sức khỏe về thể chất và tình cảm của nàng cần có sự thỏa mãn sinh lý nhưng vẫn yêu chồng và không đòi ly dị. Nàng hy sinh sự đòi hỏi của dục tình, sắc đẹp và nhạ sống của thời son trẻ để giữ một lòng son sắc và trung thành. Theo lời lẽ bí hiểm nhưng tất có ý nghĩa trong cuộc soi kiếp, "Nàng đã gặp lại chính mình." Trong cái tình trạng hiện tại, nàng đã gặp lại sự quyết định cũ hồi thuở xưa, và đã chuộc lấy lỗi cũ. Nàng đã thành công trong sự thử thách tự đặt cho mình từ sáu thế kỷ về trước. Thánh kinh có nhắc câu Chúa nói như sau: "Sự báo thù là ở trong tay Ta: Ta sẽ trả đủ. Vì mọi sự vay trả đều phải được thanh toán sòng phẳng, và tai họa sẽ đến với kẻ nào chưa thanh toán xong những món nợ cũ!" Hai câu Thánh Kinh trên đây ám chỉ rằng người ta có thể tin cậy vào luật nhân quả để trừng phạt kẻ tội lỗi; rằng người ta không cần phải băng khoản về sự kẻ đồng loại bằng chính bàn tay của mình. (Tuy

nhiên, điều này không có nghĩa là xã hội không có quyền tự bảo vệ chống lại kẻ sát nhân. Sự lên án kẻ vi phạm luật pháp là một hành động hợp lý của xã hội để duy trì nền an ninh công cộng và hạnh phúc của số đông người. Đó chỉ là sự áp dụng một cách vô tư; hành động lên án không phải là một cử chỉ báo thù.)

Trong tập hồ sơ Cayce còn có một trường hợp khác về thảm kịch gia đình cho việc dùng đại trình tiết trong một kiếp của đôi vợ chồng nọ hồi thời kỳ Thánh Chiến. Trong trường hợp này, luật quả báo hành động có hơi khác một chút. Theo lời tường thuật của người vợ, thì chồng nàng là một người rất kiên nhẫn, dịu hiền và thông cảm. Tuy nhiên, sau tám năm chung sống gia đình, người đàn bà ấy vừa được 32 tuổi, vẫn luôn luôn sợ hãi sự chung chạ gối với chồng. Người ta có thể hiểu rằng chỉ một sự kiện ấy cũng đủ làm cho tình trạng trở nên khó khăn; nhưng nó còn phức tạp hơn vì người vợ lại thầm yêu trộm nhớ và say mê một anh chàng ca sĩ sân khấu người Ý, bạn của gia đình nàng.

Cuộc soi kiếp giải thích lý do sự sợ hãi chung chạ với chồng là do bởi kiếp trước người đàn bà này bị chồng cưỡng ép dùng đại trình tiết trong hồi thời kỳ người chồng phải đi tù chinh trong

trận Thánh Chiến. Luật quả báo hành động thật đúng đắn vì người đàn ông này phải chịu hậu quả của hành động kẻ trên bằng cách có một người vợ kém cỏi về đường tình dục và rất sợ không muốn ngủ chung với y! Sự kiện rằng người vợ chịu khổ sở vì những rối rắm trong gia đình gây nên bởi sự khủng hoảng tình dục kẻ trên cũng là một quả báo của y. Đối với việc bị cưỡng ép mang thai trình tiết hồi kiếp trước, thì phản ứng của nàng là lòng căm thù. Và lòng căm thù tạo nên dây oan nghiệt. Cuộc soi kiếp cho biết: "Những sự nghi nan và sợ sệt trong kiếp này là do bởi lòng thù hận nung nấu tiềm tàng ở kiếp trước. Cái nhân xấu đó phải được tiêu trừ bằng sự thông cảm và lòng ưu ái ở kiếp này. Vì bà phải biết tha thứ, nếu bà muốn được tha thứ. "Sự say mê anh chàng ca sĩ nguyên nhân là do bởi một kinh nghiệm khác: Người ca sĩ này là tình nhân của nàng trong một kiếp trước ở Đông Phương. Đáp lại câu hỏi "Bây giờ tôi phải làm gì?" Cuộc soi kiếp nói: "Bà hãy làm công việc gì phù hợp với cái lý tưởng mà bà đã lựa chọn."

Một lần khác, người ta lại thấy có yếu tố sợ hãi trong một trường hợp với một nguyên nhân khác hẳn. Xét về sự đau khổ do quả báo đưa đến thì

câu chuyện này thật là bi đát; nhưng theo quan điểm phân tách tâm lý, thì trường hợp sau đây trình bày những tài liệu rất hay để giúp cho ta nghiên cứu sự tương quan của luật Nhân Quả, sự di truyền và ảnh hưởng của hoàn cảnh.

Hồi đó vào năm 1926, người đàn bà viết như sau:

"Tôi quá đau khổ đến nỗi tôi sắp sửa phát điên và tự tử. Tôi là người đàn bà vô phước nhất đời, và để làm dịu bớt đau khổ, tôi phải dùng chất ma túy. Mẹ tôi là người đã chịu đau đớn vô ngần vì đẻ khó hết sáu lần. Suốt đời tôi đã từng nghe mẹ tôi nói về sự đau đớn khi sinh đẻ. Vì vậy khi tôi có chồng cách 18 năm nay đến giờ, tôi sợ mang thai đến nỗi tôi phải xa chồng yêu quý của tôi vì tôi không thể chung chạ được với y. Tôi đã cầu nguyện; tôi đã áp dụng thử khoa tâm lý, khoa chữa bệnh thần kinh, thậm chí đến khoa học Công giáo... Nhưng không kết quả. Ông hãy xem tôi còn hy vọng nào chăng? Tôi muốn có con và tôi vẫn yêu chồng, nhưng sự chung chạ gỏi làm cho tôi sợ hãi, và bây giờ thì tệ hơn bao giờ hết, vì như tôi đã nói, tôi saün sàng tự tử. Tôi vừa muốn tự vẫn trong tuần này, thì nghe nói về công việc của ông làm..."

Cuộc soi kiếp truy nguyên tấn thăm kịch của người đàn bà này ở hai kiếp trước. Trong kiếp

đó nàng sống một cách ích kỷ, xa hoa và say mê thú vui vật chất dưới thời hoàng triều nước Pháp. Đó là một cuộc đời nhộn nhịp vui tươi, nhưng nàng đã gieo hạt giống cho tấn thảm kịch nối liền theo sau: Cùng với những nhà khai thác thuộc địa đầu tiên đến Bắc Mỹ Châu, nàng sinh hạ được sáu đứa con và về sau nhìn thấy tất cả sáu đứa con bị thiêu sống. Cuộc soi kiếp: "Linh hồn này không dứt sợ sệt suốt đời nàng kể từ khi đó. Nàng đã mất tin tưởng nơi đấng Thiêng Liêng và nuôi lòng oán hận Chúa Trời vì không che chở cho nàng và cho các đứa con. Bởi đó trong kiếp này nàng sợ có con, và chịu mọi hậu quả của sự sợ sệt đó." Tấn thảm kịch xảy ra hồi thời kỳ khai thác thuộc địa ở Bắc Mỹ có thể hiểu được. Vì chúng ta biết rằng chỉ có sự thất bại về vật chất, người ta mới quay trở về những vấn đề tâm linh. Nhưng trong khi nàng đang phải trả quả báo cũ, thì vô tình lại gây thêm nghiệp quả mới. Dầu cho đối với một người đàn bà ích kỷ, việc phải nhìn thấy sáu đứa con chết thiêu là một sự đau khổ rất lớn. Nhưng nàng không vượt qua nổi cơn thử thách đau khổ này. Y phải chọn một trong hai điều phản ứng: Một sự đành cam số phận với một lòng thương nầy nở dồi dào; hoặc một sự sợ hãi với một tấm lòng đầu oán hận; nàng đã chọn lựa cái phản ứng sau này.

Trong số những ý nghĩ mà người ta có thể có đối với tai họa xảy đến, chẳng hạn như: "Tai họa này đến với ta là do ý muốn của Thượng Đế. Ý muốn đó tuy khó lường, nhưng chắc hẳn là rất công bình."

hoặc là: "Tai họa này đến với ta là do sự bất công của một đấng Thượng Đế tàn nhẫn và độc ác."

hoặc là: "Do sự tinh cờ may rủi của một cái vũ trụ khô khan không mục đích và không có Thượng Đế." thì người đàn bà ấy đã lựa chọn cái ý nghĩ thứ ba và cuối cùng.

Và như thế, nàng còn có một bài học cần thiết phải học thuộc là: "Một tình thương bác ái bao la sẽ đánh đuổi sự sợ sệt." Nàng phải dứt bỏ cái quan niệm ích kỷ và duy vật đối với cuộc đời; phải tập mở lòng thương rộng lớn bao la để thương yêu người chồng; để thương yêu những linh hồn sẽ đầu thai thai và chọn nàng làm mẹ; để kính yêu cái quyền năng sáng tạo, thiêng liêng mà trời phú cho người đàn bà làm vợ và làm mẹ. Nói tóm lại, để thương yêu tất cả với tấm lòng bác ái vô biên đến nỗi những sự sợ hãi

về sự đau đớn của thể xác không thể nào biểu lộ được nữa.

Chương 16: Ngoại Tình Và Ly Di

Trong tất cả những xứ theo chế độ một vợ một chồng, thì sự ngoại tình là một việc vẫn thường xảy ra. Sự giải thích căn bản của hiện tượng này có lẽ là vì lý do sinh lý, theo như câu ngạn ngữ dưới đây của một tác gia vô danh đã biểu lộ tình trạng ấy:

Higamus, pigamus (Nam đa thê)

Hogamus, pogamus (Nữ nhất phu)

Trong những nguyên nhân của vấn đề ngoại tình, ngoài ra yếu tố sinh lý lẽ tất nhiên còn có những yếu tố xã hội và tâm lý khác nữa. Những nếu muốn người ta áp dụng thuyết Luân Hồi, thì thật là một điều lý thú mà tìm hiểu xem sự ngoại tình có thể là do vấn đề nhân quả hay không? Những tập hồ sơ của Cayce có ghi chép ba trường hợp đáng kể mà sự ngoại tình dường như do nhân quả gây nên.

Trường hợp thứ nhất là của một thiếu phụ có hai con, mà người chồng đi ngoại tình với một người đàn bà khác trong tám năm. Người vợ chỉ biết được việc ấy trong hai năm sau cùng. Trong

cuộc soi kiếp, nản hỏi tại sao phải chịu một sự phụ bạc đau đớn như thế? Câu trả lời là: "Đó là trong kiếp trước bà đã ngoại tình với một người đàn ông khác."

Trường hợp thứ hai là của một phụ nữ phản bội chồng một cách trắng trợn trong kiếp trước, dưới thời Hoàng Triều trong nước Pháp. Hiện nay nàng đã sống lại những hành vi tương tự với người chồng nàng bây giờ, người này chính là tình nhân của nàng trong kiếp trước.

Trường hợp thứ ba là của một người đàn bà mà người chồng trong năm đầu tiên sau khi thành hôn, bắt đầu chè chén say sưa và chơi bời đàn điếm. Có nhiều lần, y lại đem người đàn bà khác về nhà. Người vợ vẫn trung thành và sống chung với chồng, khi chồng nàng không đem tình nhân về nhà; rốt cuộc nàng lại mắc phải bệnh phong tình do người chồng sang qua Cuộc soi kiếp truy nguyên cái thảm trạng của người đàn bà này ở kiếp trước. Trong kiếp trước, nàng là đứa con hoang của một người thủy thủ Mỹ và một người đàn bà Nhật. Có lẽ sự kiện này gây cho nàng cái ý niệm rằng nàng là một kẻ ngoài vòng pháp luật. Khi lớn lên, nàng tự thả trôi theo một cuộc đời chơi bời truy lạc. Không bao lâu, nàng đã gieo rắc bệnh phong tình cho nhiều người đàn ông khác. Cuộc soi kiếp

nói: "Bởi những nghiệp xấu gây ra đã đem lại quả báo cho đương sự trong kiếp này."

Nói tóm lại, những trường hợp kể trên dường như chỉ rằng sự phản bội của một người chồng hay vợ là do nhân quả gây nên. Những thí dụ đó không phải để chứng minh rằng tất cả mọi trường hợp ngoại tình đều là do quả báo. Việc Dũng phản bội Tuyết có thể do nơi quả báo mà Tuyết phải chịu vì Tuyết đã phản bội Sơn trong một kiếp trước; nhưng dầu sao sự ngoại tình của Dũng cũng có thể do những khuyết điểm trong tâm tính của Tuyết bây giờ. Sự ngoại tình rất có thể chỉ là một phản ứng nhất thời đối với một tình trạng hiện tại. Muốn biết xem một trường hợp ngoại tình có phải là do nhân quả hay không, nếu chúng ta không có Thần Nhãn để xem quá khứ, thì ta cần phải xét cả những yếu tố lỗi lầm hay khuyết điểm của người vợ hay người chồng lúc hiện tại, nó làm cho đương sự đi tìm nguồn an ủi ở một người tình nhân khác.

Theo luật nhân quả, nếu một người đã ngoại tình trong quá khứ, thì phải chịu quả báo tương đương trong hiện tại. Chỉ bằng cách đó mà người ta có thể phát triển những đức tánh trung thành và tình thương đối với kẻ khác. Chính vì bởi cái lý do cần thiết đó trong sự giáo dục và đào luyện tâm tính, mà những cuộc soi kiếp của

ông Cayce nhiều khi khuyên không nên ly dị. Nếu một người phải học một bài học tâm linh trong một cuộc hôn nhân đau khổ, thì nàng không có lợi gì mà đoạn tuyệt và trốn tránh, vì sớm hay muộn gì, người ấy cũng phải tự tạo lấy một sức mạnh tinh thần cần thiết để đối phó với nghịch cảnh đó.

Tuy nhiên, những cuộc soi kiếp không hề ngăn cấm sự ly dị một cách tuyệt đối, mà có nhiều trường hợp lại tán thành sự ly dị. Những tiêu chuẩn để xét đoán xem một trường hợp ly dị là nên hay không nên, dường như có hai loại: Bản phận đối với những đứa con và bản phận giữa hai vợ chồng lẫn nhau. Những trường hợp mà ông Cayce khuyên nên ly dị một cách rõ rệt thường là những trường hợp mà hai vợ chồng không có con. Hoặc nếu có con, thì đó là những trường hợp mà sự ly dị sẽ có lợi cho những đứa con; những trường hợp mà bài học nhân quả đã được thấm nhuần; hay là những trường hợp mà một trong hai vợ chồng không đối phó nổi với hoàn cảnh và lôi cuốn cả hai người kia xuống vực sâu.

Một trường hợp điển hình là của một người đàn bà ở tiểu bang New Jersey, 49 tuổi, không có con, và trong hôn nhân không có hạnh phúc. Cuộc soi kiếp khuyên nàng nên bỏ chồng và nên

dùng khả năng của mình để đi dạy học. Cuộc soi kiếp nói: "Hôn nhân là một việc tốt, đó là một đời sống tự nhiên cho một linh hồn ở trên thế gian. Nhưng khi nào đời sống giữa vợ chồng thiếu sự điều hòa đến nỗi làm ngăn trở sự thực hiện những mục đích căn bản của cuộc đời, nó là cái lẽ sống của một linh hồn ở cõi trần, và nếu sự mất điều hòa ấy quá rõ rệt, không thể sửa đổi được nữa, thì tốt hơn là hai người nên phân ly nhau. Hãy nên biết tự trong thâm tâm rằng bà nên thực hiện công việc mà bà có bổn phận phải làm ở cõi trần. Tuy rằng bà bắt đầu hơi trễ, nhưng bà còn có thời giờ làm được nhiều việc bằng cách dạy dỗ những em gái trẻ thơ..."

Một thí dụ trái ngược hẳn với thí dụ trên, là trường hợp của một người đàn bà lớn hơn chồng đến hai mươi tuổi. Giữa hai người có một sự bất hòa rất lớn; người chồng say sưa chè chén quá độ, đánh đập vợ con và có một cách cư xử rất thô bỉ. Cuộc soi kiếp không có nói đến vấn đề quả báo trong trường hợp này, nhưng không khuyên hai người ly dị. Cuộc soi kiếp nói: "Giữa hai người đã xảy ra những xung đột và bất đồng ý kiến. Hai người đừng tìm cách tránh xa nhau, mà hãy có một thái độ nhẫn nại, hòa hoãn với nhau. Đừng để ý quá nhiều đến những sự khinh rẻ hay trách móc, giận hờn; mà hãy

biết rằng thật ra bà chỉ gặt hái những gì bà đã gieo. Vậy bà hãy cố gắng sẵn sóc giúp đỡ chồng trong mọi trường hợp và làm cho người chồng tất cả những gì mà bà muốn chồng bà sẽ làm cho bà... "

Người ta có thể nghĩ rằng trong trường hợp này, đương sự có một bài học nhân quả cần phải học, hay là một món nợ quả báo cần phải trả. Vì không có đủ bằng chứng soi xét bằng Thần Nhãn về những sự việc xảy ra trong các kiếp trước, người ta nhìn nhận rằng thật không dễ gì mà biết được lúc nào là lúc nên đoạn tuyệt và ly dị. Có một định luật quân bình trong vũ trụ nó hành động một cách thường xuyên, va dẫu cho ta có những hành động ích kỷ như thế nào, không có cái lò lửa nào để đốt tan sự ích kỷ đó một cách hữu hiệu hơn là cái lò hôn nhân. Bởi đó, chúng ta hãy chấp nhận những khó khăn, trắc trở trong đời sống vợ chồng với một tinh thần hy sinh và nên biết rằng cái phạm ngã của ta phải chịu những đắng cay, thử thách, để cho cái Chơn Ngã của ta có thể biểu lộ và phát triển.

Xét vì người bạn trăm năm đến với ta do bởi dây nhân duyên đã có từ trước; xét vì không phải do sự ngẫu nhiên tình cờ, mà do ý muốn của Chơn Ngã nó dìu dắt ta đến gặp gỡ và sống trong một

hoàn cảnh nhất định nào đó, dầu cho đó là một hoàn cảnh khó khăn trắc trở; xét vì giữa sự bất hòa có một cơ hội cho ta tiến hóa bằng sự quên mình và hành động vị tha, nên chúng ta coi sự ly dị hầu như một điều thiếu sót. Trái lại nếu chúng ta nhìn nhận rằng không có một chế độ nào có quyền cưỡng ép bất cứ một người nào sống trong sự giam hãm trói buộc, nó là nguồn gốc của mọi sự xung đột, bất hòa và trái hẳn với tâm tính tánh chất của y; rằng những viên ngọc quý của một mối tình vị tha không nên đem quăng cho những con lợn ích kỷ, thì chúng ta sẽ hoan nghinh sự ly dị như một biện pháp hợp lý và lành mạnh, cũng như chúng ta hủy bỏ một bản hợp đồng hay khế ước không hợp pháp chẳng hạn. Như thế chúng ta đã trở về với sự quân bình, sự Ôn hòa, và theo cái luật lệ vàng của con người trung đạo.

Chương 17: Nghiệp Quả Giữa Cha Mẹ Và Con Cái

Trong nhiều thế kỷ, gia đình là một tổ chức riêng biệt mà người gia trưởng là người cha, hay người mẹ, theo phong tục ở một vài xứ. Những tổ chức gia đình ấy vẫn luôn luôn tồn tại ở khắp nơi. Theo một quan niệm duy vật, người

ta coi những trẻ con như là một sở hữu của cha mẹ của chúng: Chúng sinh ra do bởi sự mang nặng đẻ đau và hy sinh của người mẹ; chúng được nuôi dưỡng do bởi sự làm lụng khó khăn vất vả của cha mẹ. Nói về phương diện vật chất, những người làm cha mẹ có một thể chất khỏe mạnh hơn, già dặn hơn thông minh hơn những đứa con; vì lẽ đó, họ có quyền ngự trị trong gia đình.

Nhưng nói về phương diện tâm linh, thì không hề có vấn đề cha mẹ là tuyệt đối cao cả hơn con cái. Tất cả sinh linh trong Trời Đất đều là những đơn vị bình đẳng của toàn thể một cơ cấu rộng lớn. Trên bình diện tâm linh, cha mẹ không có sở hữu con cái, thậm chí cũng không phải là những người sáng tạo ra con cái. Họ chỉ là những phương tiện cho những linh hồn của những đứa con mượn chỗ đầu thai ở cõi thế gian. Một sự vận hành mẫu nhiệm trong cơ thể họ khiến cho họ giao hợp với nhau trong một lúc và làm vận chuyển một cơ cấu cũng không kém mẫu nhiệm, mà kết quả là sự cấu tạo và sinh sản ra một thể xác hài nhị. Cái thể xác đó trở nên chỗ nương tựa của một linh hồn khác cũng tiến hóa như chúng ta. Linh hồn ấy nhất thời bị yếu kém và không biết nói, trách nhiệm và bổn phận của chúng ta trong sự nuôi dưỡng cho nó lớn

lên, đều là những kinh nghiệm rất quý báu cho ta Đó là những kinh nghiệm giúp ta khai mở đức hy sinh và bác ái, với một tấm lòng thương cảm và trù mến sâu xa thâm trầm.

Những sự việc tốt lành kể trên chỉ xảy ra khi người làm cha mẹ không có lòng chiếm hữu và áp chế con cái dưới một hình thức nào đó. Trong quyển "The Prophet", ông Khalil Gibran viết như sau:

"Con cái của anh sinh ra, không phải là của anh.

Chúng nó chỉ là con cái của "Sự sống bất diệt trường tồn"

Chúng nó do bởi anh sinh ra, chớ không phải là của anh.

Và tuy chúng sống chung với anh trong một nhà, nhưng chúng không thuộc quyền sở hữu của anh.

Anh chỉ là những cái cung nờ đó những đứa con anh lấy đà vung vẩy, chẳng khác nào như mũi tên bắn ra tận bốn phương trời.

Người Cung Thủ kéo sợi dây cung là nhằm mục đích hòa vui, và trong khi Người yếu cái mũi tên bay, Người cũng yêu cái cung còn ở lại."

Đối với con cái, những bậc phụ huynh không nên có một thái độ áp chế của kẻ bề trên, hoặc một thái độ ganh ghét ruồng bỏ. Một thái

độ bình thân ôn hòa là thái độ thích nghi nhất của người cha mẹ đối với con cái mà họ có bổn phận nuôi dưỡng chăm nom. Họ chỉ có được thái độ ấy khi nào họ hiểu biết điều chân lý căn bản này, là tất cả chúng sinh, tất cả mọi sinh linh đều bình đẳng với nhau. Nói theo danh từ thường dùng trong những cuộc soi kiếp của ông Cayce, những người làm cha mẹ là những con "Kinh vận hà" để cho nguồn sinh hoạt đi xuyên qua, và nhờ đó những linh hồn có phương tiện để đầu thai ở cõi trần. Bởi vậy những cặp nam nữ sắp sửa thành hôn được khuyên nhủ và dặn dò về tánh cách thiêng liêng của sự giao hợp giữa vợ chồng. Quan điểm này đúng với quan điểm triết học Ấn Độ cho rằng vấn đề tình dục và sinh lý giữa nam nữ có một ý nghĩa thiêng liêng và cao quý. Nhưng bất hạnh thay, khoa Thần học cổ truyền của đạo Gia Tô lại coi mọi vấn đề liên quan đến sự sinh dục như là dấu vết của tội lỗi. Do một sự hiểu lầm đáng tiếc về biểu tượng diễn tả trong Chương La Genèse của bộ Thánh Kinh, toàn thể nhân loại bị coi như là kết quả của "Tội lỗi nguyên thủy" gây ra bởi ông Adam và bà Eve. Tuy rằng lễ hôn phối hợp pháp hóa sự giao hợp giữa vợ chồng, người ta vẫn nghĩ rằng con cái được sinh sản ra trong vòng tội lỗi. Đó là những quan niệm sai lầm về vấn đề

sinh lý tự nhiên của cơ thể con người theo như ý muốn của Thượng Đế. Quan niệm sai lầm ấy có những hậu quả tâm lý rất tai hại, gây nên những sự dồn ép sinh lý, ý niệm tội lỗi và những xung đột tâm lý thuộc về loại trầm trọng và tê liệt nhất.

Tuy nhiên, giải pháp đối tượng của vấn đề này không phải là tự do luyến ái, hay tự do thỏa mãn dục tình. Giải pháp thích nghi là sự thông hiểu một cách tường tận rằng cơ năng sinh sản sáng tạo của con người là một quyền năng thiêng liêng. Một cuộc soi kiếp nói: "Ái tình và sự giao hợp với một thể xác tinh khiết là cái kinh nghiệm thiêng liêng cao quý nhất một linh hồn có thể thu thập trong một kiếp sống ở cõi trần." Quan điểm này được nhấn mạnh trong nhiều cuộc soi kiếp, và người ta nhận thấy nó trong những trường hợp mà một người phụ nữ muốn biết xem nàng có thể nào có con được không? Trong những trường hợp đó đương sự thường yêu cầu một cuộc khán bệnh rằng Thần Nhãn để xem nàng có thể tự chuẩn bị bằng cách nào để thụ thai và sinh sản. Trong những cuộc khán bệnh đó, những phép điều trị về cơ thể nêu ra rất nhiều, nhưng không có gì khác thường. Có khác chăng là sự soi xét bằng Thần Nhãn giúp cho ông Cayce biết rõ nhu cầu của mỗi cơ thể riêng

biệt của mỗi người tùy theo trường hợp. Tuy nhiên, những cuộc soi kiếp cũng nhấn mạnh về tánh cách quan trọng của sự chuẩn bị tư tưởng và tâm linh, vì thái độ tinh thần của người mẹ sẽ hấp dẫn những linh hồn cùng có một tâm trạng tương tự, theo luật "Đồng tinh tương ứng; đồng khí tương cầu."

Cuộc soi kiếp nói: Linh hồn này hãy nên biết rằng sự chuẩn bị tư tưởng và tâm linh là một việc có tính cách sáng tạo, cũng cần thiết như sự chuẩn bị về thể chất, có lẽ còn cần thiết hơn.

Đối với một người đàn bà ba mươi sáu tuổi hỏi ông rằng bà ấy còn hy vọng có con hay không, cuộc soi kiếp nói: "Bà hãy tự luyện mình thành một khí cụ tốt lành hơn về mọi mặt thể chất, trí não, và tâm linh. Người đời thường có thói quen chỉ xem sự thụ thai như một việc làm thuộc về thể chất mà thôi."

Một cuộc soi kiếp khác nói: "Do sự giao hợp, con người có dịp tạo nên một đường vận hà để cho đấng Tạo Hóa có thể hành động xuyên qua nàng bằng quyền năng Sáng Tạo của Ngài. Vậy đương sự hãy cẩn thận coi chừng thái độ của mình và của người bạn trăm năm của mình khi các người tạo nên các cơ hội đó, vì linh hồn đầu

thai vào làm con các người sẽ có một tánh tình tùy thuộc một phần nào ở thái độ của cha mẹ."

Những cuộc soi kiếp cho biết rằng những mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái không phải do sự ngẫu nhiên tình cờ. Những sợi dây liên lạc thường đã có sẵn từ những kiếp trước giữa người con với người mẹ hay người cha. Trong những trường hợp rất hiếm mà sợi dây liên lạc đó không có, thì tình trạng gia đình tạo nên cái hoàn cảnh thích ứng với nhu cầu tâm lý của đứa trẻ. Những hồ sơ Cayce cho biết rằng vài đứa trẻ có một sợi dây duyên nghiệp với người cha mà không có với người mẹ, hoặc đảo ngược lại, có duyên nghiệp với người mẹ mà không có người cha. Trong những trường hợp đó, thường có một trạng thái dửng dưng giữa đứa con với người cha hay người mẹ mà nó mới quen biết lần đầu tiên trong kiếp này. Những trường hợp dưới đây chỉ cho ta thấy một cách đặc biệt nhiều mối liên hệ khác nhau giữa cha mẹ và con cái.

Hai mẹ con người kia có một tình mẫu tử rất khấn khít: Họ đã là hai mẹ con trong kiếp trước. Hai cha con người kia cũng có một tình phụ tử nồng nàn: Trong một kiếp trước họ đã là hai anh em trong một gia đình. Một người mẹ không hợp với con gái của bà: Họ chưa từng có sự liên hệ gì với nhau ở trong kiếp trước. Giữa một người

con gái kia với người mẹ của cô ấy, chỉ có một sự dừng dừng lạnh nhạt; cuộc soi kiếp cho biết kiếp trước hai người là hai chị em ruột nhưng lại có một mối bất hòa trầm trọng: Hai người thường xung đột cãi vã lẫn nhau, và vẫn chưa hòa thuận trở lại. Hai cha con người kia kiếp trước là hai vợ chồng. Một người mẹ và con gái thường xung đột lẫn nhau: Trong kiếp trước, họ là hai bạn gái tranh dành nhau một người đàn ông và tranh dành địa vị. Trong hai mẹ con người, người con trai hay lấn át người mẹ: Trong kiếp trước, họ là hai cha con, với sự liên hệ gia đình trái ngược lại.

Những trường hợp đó chỉ rằng sự hấp dẫn của con cái đến với cha mẹ là do bởi sự hành động của nhiều nguyên tắc. Những nguyên tắc đó nhiều đều ẩn dấu đối với cặp mắt phàm của chúng ta. Những hồ sơ Cayce giúp cho ta có những tài liệu suy gẫm, nhưng không có đầy đủ chi tiết để cho ta có thể dịch ra thành một định luật nhất định.

Theo luật hấp dẫn, những người đồng thanh khí và giống nhau về tâm tính tánh chất thường rút lại gần nhau. Nhưng đồng thời, vì những lý do nhân quả, những kẻ thù nghịch cạnh tranh nhau và tâm tính tánh chất đối chọi nhau thường cũng hay rút lại gần nhau. Một thí dụ điển hình

là trường hợp một đứa trẻ được ông Cayce soi kiếp khi mới lên năm tuổi. Cuộc soi kiếp cho biết những đặc tính của đứa trẻ là thói ích kỷ, sự thờ ơ lãnh đạm và ngoan cố không chịu phục thiện khi y có lỗi. Y có những khả năng tiềm tàng của một nhà khảo cứu khoa học. Trong một kiếp trước, y là một nhà sưu tầm về tiềm lực của hơi nước như là một khí cụ sản xuất tinh lực. Ở một kiếp trước, y là một chuyên viên hóa học chế tạo các loại chất nổ; trong kiếp trước nữa y là một chuyên viên ngành cơ khí; và đi lùi về dĩ vãng một kiếp nữa; người ta thấy y là một kỹ sư điện khí ở châu Atlantide Bốn kiếp dành cho sự hoạt động tích cực về ngành khoa học thực dụng đã làm ch đương sự hoạt động tích cực về ngành khoa học thực dụng đã làm cho đương sự phát triển những khả năng đặc biệt, nhưng y lại quá thiên về giá trị của khoa học vật chất mà khinh rẻ giá trị của tình thương, đức tính mỹ lệ, và sự hợp nhất tâm linh của mọi loài vạn vật.

Bởi đó, y có một thái độ thần nhiên lạnh lùng đối với người chung quanh. Cuộc soi kiếp còn cho biết rằng đứa trẻ ấy sẽ thành công vẻ vang trong kiếp này nếu nó theo đuổi ngành kỹ thuật điện khí, hay cơ khí dùng sức mạnh của hơi nước, và gồm một công việc có dùng đến sự tính toán bằng phép đại số. Lời tiên tri đã tỏ ra

hoàn toàn đúng. Đứa trẻ ấy bây giờ đã trở nên một viên kỹ sư điện khí và những điểm chính trong tánh tình của y đều giống y như cuộc soi kiếp đã tiết lộ, tuy rằng y đã có một sự thay đổi tánh tình nhờ ảnh hưởng của hoàn cảnh gia đình trong kiếp hiện tại.

Nếu nói rằng theo luật đồng khí tương cầu, những người giống nhau sẽ rút lại gần nhau, thì trong trường hợp này có lẽ đứa trẻ đã sinh ra trong một gia đình khoa học trí thức, mà người cha có lẽ là một kỹ sư và người mẹ là một giáo sư toán pháp ở một trường Đại Học chẳng hạn. Nhưng trái lại, y lại sinh ra trong một gia đình gồm những người nuôi lý tưởng vị tha, không có óc hoạt động thực tế. Người cha có óc tín ngưỡng tôn giáo và thích hoạt động xã hội; người mẹ tuy rằng bề xã giao hơi kém, nhưng có khuynh hướng hoạt động xã hội do ảnh hưởng của người cha. Người anh cả của đứa trẻ cũng là một người có lý tưởng vị tha, và sự hoạt động chính của y trong đời là giúp đỡ kẻ khác.

Xét về bề ngoài, thì sự đầu thai của một đứa trẻ như thế trong gia đình kể trên không thể nói là do nhân quả gây nên. Tuy nhiên, dường như có một nguyên tắc sửa đổi, chấn chỉnh những điều thiên lệch để đem lại sự thăng bằng trong tâm tính của một con người. Có thể rằng linh

hồn đứa trẻ đã nhận thấy sự khuyết điểm của mình và đã chọn lựa đầu thai vào một gia đình có lý tưởng vị tha giúp đời, để cho y có cơ hội phát triển khía cạnh vị tha bác ái trong tâm tính của y.

Trong kiếp hiện tại, đứa trẻ luôn luôn có dịp tiếp xúc với những người mà mục đích chính trong đời là phụng sự kẻ khác. Óc thực tế của y thường ảnh hưởng đến những người khác trong gia đình một cách lành mạnh, trái lại, lý tưởng vị tha của họ hằng ngày đều nhắc nhở cho y biết rằng ngoài ra những giá trị thực tế và vật chất của cuộc đời, còn có những giá trị đạo đức tâm linh. Tuy rằng kinh nghiệm đó không có đem đến một sự thay đổi hoàn toàn trong cái giá trị căn bản của cuộc đời y là khoa học thực dụng, nhưng nó đã ảnh hưởng đến con người của y bằng cách làm cho y trở nên bớt ích kỷ khô khan và trở nên cởi mở hơn về mặt giao tế ngoài xã hội.

Như thế, việc chọn lựa hoàn cảnh để đầu thai dường như đã đạt được mục đích sửa đổi tâm tính và cuộc đời của y ít nhất là một phần nào. Những tài liệu hồ sơ Cayce chứng minh một cách đầy đủ rằng những linh hồn sắp sửa tái sinh trở lại cõi trần có ít nhiều tự do trong việc chọn lựa hoàn cảnh và gia đình nào họ

muốn đầu thai. Có vài bằng chứng chỉ rằng đối với những linh hồn kém tiến hóa, thì sự tự do chọn lựa ấy có giới hạn, nhưng nói chung thì sự lựa chọn cha mẹ để đầu thai dường như là một cái đặc quyền của mỗi linh hồn. Người ta không dễ hiểu lý do tại sao một linh hồn lại cố tình chịu đầu thai vào một nhà ổ chuột tồi tăm trong ngõ hẻm, với những cha mẹ bần cùng khốn khó, một thể xác yếu đuối bệnh tật, và những hoàn cảnh bất lợi khác. Xét qua bề ngoài thì dường như một sự lựa chọn như thế có vẻ vô lý; nhưng nếu xét kỹ người ta thấy rằng điều ấy cũng có một lý do sâu xa: Có khi một linh hồn cố ý lựa chọn một hoàn cảnh xấu xa bất lợi để làm phương tiện lấy đà, hầu có nỗ lực cố gắng vượt qua mọi chướng ngại và chiến thắng nghịch cảnh.

Có một điều lạ là sự tự do lựa chọn ấy dường như là có một ảnh hưởng đến tỷ lệ chết yểu của trẻ con. Nói chung thì khi sinh ra, một linh hồn có thể thoáng thấy một phần nào cái viễn ảnh cuộc đời tương lai của mình ở thế gian, khi y lựa chọn cha mẹ của y và hoàn cảnh để đầu thai. Nhưng vì con người còn có quyền sử dụng ý chí, tự do nên luật Tự Nhiên khiến cho y không thể nào biết trước tất cả mọi việc xảy ra trong tương lai. Sau khi đã lựa chọn cha mẹ và sinh ra ở thế gian, một linh hồn có thể nhận thấy

rằng những người làm cha mẹ của y không ứng đáp lại đúng y như nguyện vọng của y sờ cầu. Bởi đó, cái mục đích của y nhắm khi đầu thai vào làm con trong gia đình ấy đã hỏng, vì y đã gặp phải những hoàn cảnh khác hẳn, nên linh hồn bèn không muốn sống nữa và tự ý rút lui.

Dưới đây là một trường hợp một thiếu phụ mà cuộc soi kiếp cho biết rằng trong một kiếp trước, nàng đã bị chết yểu. Kiếp này nàng đầu thai trở lại một gia đình nợ do bởi sự hấp dẫn của người mẹ, nhưng sau khi sinh ra nàng được ít lâu thì người cha bắt đầu say sưa chè chén, trở nên thô lỗ cộc cằn và đánh đập vợ con. Thất vọng vì cảnh gia đình ấy, linh hồn đứa trẻ bèn quyết định không sống nữa và sau một cơn đau ốm vật thuộc về bệnh trẻ con, nàng bèn từ giả cõi trần để trở về chốn cũ! Cuộc soi kiếp cho biết rằng những sự "Rút lui" như thế là những hiện tượng rất thông thường. Nếu như vậy, thì sự chết yểu của trẻ con, ít nhất trong vài trường hợp, có thể ví dụ như sự rút lui âm thầm của một khán giả đi xem hát, bị thất vọng khi xem một màn đầu không được hấp dẫn, bèn lảng lạng đứng dậy bỏ ra về. Trong vài trường hợp như trường hợp kể trên, một sự rút lui như thế có thể là do sự lỗi lầm của những người làm cha

mẹ; nhưng trong những trường hợp khác, nó chỉ là do sự xét đoán sai lầm của linh hồn đầu thai.

Đôi khi, sự chết yếu của một đứa con vừa sinh ra có thể được coi như một kinh nghiệm đau khổ cần thiết cho những người làm cha mẹ. Đứa con chỉ sinh ra có một lúc ngắn ngủi với một tinh thần hy sinh, để đem lại cho một bài học đau khổ mà họ cần dùng, và nhờ đó họ sẽ có cơ hội tiến hóa về tinh thần.

Một điểm lý thú khác đã được xác nhận rõ ràng và nhiều lần trong những tập hồ sơ của Cayce, là lúc thụ thai không phải là lúc linh hồn của đứa trẻ nhập vào trong bụng người mẹ. Những cuộc soi kiếp thường khuyên các bà mẹ có mang hãy giữ gìn tư tưởng trong thời kỳ thai nghén, vì những tư tưởng của người mẹ có thể ảnh hưởng đến cái bào thai, và quyết định một phần nào về loại linh hồn nào sẽ đầu thai vào làm cho con họ.

Dưới đây là một đoạn vấn đáp trong tập hồ sơ Cayce về vấn đề này:

Hỏi: "Tôi phải có một thái độ tinh thần như thế nào trong những tháng sắp tới?"

Đáp: "Điều ấy tùy nơi loại linh hồn mà bà mong muốn sẽ đầu thai làm con bà. Nếu bà muốn con là nghệ sĩ, nhạc sĩ, bà hãy nghĩ đến

âm nhạc, nghệ thuật và mỹ lệ. Bà muốn có con giỏi về máy móc chẳng? Như vậy, bà hãy nghĩ đến cơ khí, hoặc làm lụng, hoạt động với các loại máy móc. Bà chớ tưởng rằng điều ấy không có ảnh hưởng gì! Đây là một điều mà các bà mẹ nên biết: Tâm trạng của một người mẹ trong khi thai nghén có ảnh hưởng rất nhiều đến tánh tình của đứa trẻ sẽ đầu thai vào làm con các bà."

Theo những tài liệu của ông Cayce thì linh hồn có thể nhập vào bào thai khi còn nằm trong bụng mẹ trước khi sinh ra, hoặc ít lâu sau khi sinh ra, hoặc ngay vừa lúc mới sinh ra. Có thể sau khi sinh ra đến hai mươi bốn giờ đồng hồ, linh hồn mới nhập vào thể xác đứa trẻ; và trong vài trường hợp, cũng có sự thay đổi vào giờ chót về linh hồn nào sẽ nhập ào. Điều này mới nghe qua thì dường như không đúng với thuyết Luân Hồi nếu người ta tin rằng một thể xác có thể sống mà không có linh hồn ngự trị Ở bên trong; nhưng sự thật, điều ấy không phải là hoàn toàn vô lý. Những người Thông Thiên Học gọi thể xác là cái khí cụ của linh hồn.

Chúng ta hãy thử lấy thí dụ sau đây để giải thích vấn đề kể trên: Một chiếc xe hơi đã được chế tạo xong, giàn xe đã lắp xong xuôi, bộ đồ đèn lửa đã bắt cháy; chiếc xe đã bắt đầu quay máy và động cơ đã chạy, nhưng người lái xe

vẫn chưa xuất hiện và chưa vào ngôi trong xe. Dùng thí dụ đó để so sánh thì ta có thể quan niệm rằng khi hài nhi vừa sinh ra, thể xác của nó đã được cấu tạo đầy đủ, những bộ phận trong cơ thể đã hoạt động, mặc dầu linh hồn của đứa trẻ vẫn chưa nhập vào thể xác.

Lẽ tự nhiên, sự lý luận bằng cách so sánh không phải là luôn luôn vững chắc và xác đáng, nên chúng ta phải dùng cách lý luận đó là vì trong những cuộc soi kiếp của ông Cayce, chúng ta luôn luôn gặp phải những điều lạ lùng như đã kể trên; và bởi vì sự hiểu biết của chúng ta về sự bí ẩn của đời người hãy còn thô thiển và thiếu sót để có thể giải thích một cách xác đáng theo phương pháp khoa học. Có người đưa ra cho ông Cayce câu hỏi này: "Cái gì làm cho thể xác đứa trẻ sống lại được, trước khi linh hồn nhập vào?" Câu trả lời có vẻ bí hiểm, nếu không nói là mơ màng và khó hiểu: "Đó là cái tinh thần. Vì tinh thần là nguồn gốc của vật chất, và đó chính là Thượng Đế vậy."

Về điểm này và nhiều điểm khác nữa, người ta cần có những cuộc sưu tầm bằng khả năng khiếu Thần Nhãn. Sự sinh sản không phải là một sự tình cờ, và việc một đứa trẻ lọt lòng mẹ

để chào đời không phải là một điều giản dị như người ta có thể tưởng. Về vấn đề này cũng như bao nhiêu vấn đề khác trên địa hạt nhân sinh, những cuộc soi kiếp của ông Cayce đã tỏ ra vô cùng lý thú và hữu ích vì nó hé mở những chân trời mới lạ để dò dặt những cuộc sưu tầm khảo cứu của người đời nay.

Chương 18: Vài Nghiệp Quả Gia Đình

Một trong những điều buồn thảm nhất của con người là sinh ra một đứa con tàn tật. Về phương diện vật chất, điều này là một gánh nặng về sự phí tổn tiền bạc và công lao săn sóc cho đứa trẻ. Về phương diện kinh tế, đó là một cái gánh nặng của xã hội phải nuôi dưỡng một phé nân có thụ hưởng mà không sản xuất. Về phương diện tâm linh, điều ấy gây cho con người một sự hoài nghi về lòng nhân từ của Thượng Đế, và một sự băn khoăn lo ngại cho hạnh phúc của đứa trẻ.

Đối với những cha mẹ đau khổ đó, định luật Luân Hồi có thể đem đến cho họ lòng can đảm và đức tin. Trước hết, theo định luật ấy thì tất cả mọi sự tai ương, tật ách, đau khổ của con người đều là do quả báo gây nên. Trong những tập hồ sơ của Cayce có vài trường hợp những đứa trẻ

bị tật nguyên từ khi mới sinh ra, nhưng lại được coi như không phải vì lý do quả báo. Nhưng nói chung thì những phế tật đều là dấu hiệu rõ ràng của sự vi phạm hoặc lỗi lầm trong quá khứ. Kể đó, sự liên hệ giữa cha mẹ và đứa con bị phế tật cũng là do quả báo sinh ra. Những cuộc soi kiếp cho những đứa trẻ bị chứng sừng đầu, câm điếc, chương óc và những tật ách khác, đều luôn luôn nói rằng: "Đó là quả báo, vừa là của cha mẹ, vừa là của đứa trẻ."

Một trong những thí dụ xác đáng về loại quả báo này là trường hợp của một cô gái nhỏ người Do Thái mới mười hai tuổi, bị chứng động kinh từ thuở sơ sinh. Chứng bệnh này không những là phiền phức khi cô bị lên cơn, mà còn là một trở ngại rất lớn cho sự phát triển cá tính của cô. Theo cuộc soi kiếp thì người cha, người mẹ và cô gái, ba người đã từng xum họp với nhau trong kiếp trước trong một gia đình ở Bắc Mỹ hồi thời kỳ khởi nghĩa giành độc lập. Trong kiếp đó, cha mẹ cô gái nhận thấy rằng theo chế độ cũ của người Anh có lợi về tiền bạc vật chất hơn là theo phe khởi nghĩa giành độc lập. Trong kiếp đó, nên họ hoạt động để cung cấp tài liệu tin tức cho chế độ Hoàng Gia. Cô gái là một thiếu nữ đẹp và thông minh, nhưng điều này lại là những yếu tố cần thiết có thể giúp ích cho những mưu

toan của cha mẹ cô Thay vì giữ cô trong nhà, cha mẹ cô lại khuyến khích cô dùng những lợi khí sắc bén và quyến rũ kia vào những mục đích chính trị có lợi cho gia đình. Mặc dầu cuộc soi kiếp không nói cho biết kết quả tấn tuồng ám muội kia, nhưng nó đã vạch rõ những hậu quả của hành động ấy trong kiếp hiện tại. Xem xét những hậu quả này, chúng ta mới thấy rằng luật Nhân Quả hành động một cách mâu nhiệm và đúng đắn vô cùng, không hề suy chuyển. Cuộc soi kiếp cho cô gái bắt đầu như sau: "Những người cha mẹ của linh hồn này nên so sánh những kinh nghiệm đã qua của họ bằng một cuộc soi kiếp cho chính họ, để nhìn thấy những bổn phận và triển vọng của họ đối với linh hồn này. Bất cứ người nào nhìn thấy sự đau khổ hiện tại của linh hồn này đều phải nhận thức sự kiện "Nhân nào quả nấy, " và không ai có thể kiêu ngạo Chúa Trời, vì ai gieo giống nào sẽ gặp giống nấy. Sự bành trướng bản ngã và phóng đảng trụy lạc của linh hồn này trong kiếp trước đã in dấu vết trong cơ thể của cô trong lúc hiện tại, vì ai gieo gió ắt sẽ gặp bão. Những người làm cha mẹ phải chịu trách nhiệm một phần lớn về cuộc đời ô trược đó, nhằm mục đích thực hiện những lợi lộc vật chất. Bởi đó, chính họ phải chịu gánh lấy hậu quả trong kiếp này."

Nói tóm lại, người con gái ấy bị chứng động kinh trầm trọng trong lúc hiện tại là để trả quả báo về sự chơi bời dâm đãng trong kiếp trước. Thật là một điều công bình mà thấy cha mẹ cô có trách nhiệm phải nuôi dưỡng săn sóc một người con mà sự sa đọa phần lớn là do sự lỗi lầm của họ gây ra.

Một trường hợp lý thú khác là của một thiếu nữ ở New York, bị mù mắt từ khi lọt lòng mẹ. Nhìn qua các tấm ảnh của cô ta thì cũng khá đẹp. Người mẹ yêu cầu ông Cayce khám bệnh cho cô ấy, nhưng vì không có một cuộc soi kiếp nên không rõ tật ách mù lòa này nguyên nhân từ đâu. Dầu sao, người mẹ cô yêu cầu một cuộc soi kiếp cho chính bà ấy, và nhờ đó người ta mới thấy rõ mối liên hệ về nhân quả giữa hai mẹ con bà ấy. Trong một kiếp trước, người mẹ đã từng làm một giáo sư dạy học. Cuộc soi kiếp nói: "Linh hồn này đã lợi dụng một cơ hội để làm tiền và gieo sự rối rắm vào cuộc đời của một người đàn bà khác. Kiếp này hai vợ chồng y phải trả quả báo, vì thuở xưa hai người hành động theo những mục đích ích kỷ mà không kể đến luật Trời."

Người ta chỉ có thể phỏng đoán về tánh chất thật sự của tấn bi kịch này, trong đó hình như

người cha cũng đóng một vai trò. Tất cả những gì xảy ra, ấy là một vị giáo chức đã khai thác một người đàn bà nọ vì lợi riêng, làm cho người kia buồn rầu và đau khổ. Chính người đàn bà bị khai thác đó, trong một kiếp trước cũng có một nghiệp ác cần phải trả, mà quả báo là tật mù mắt. Trong kiếp này cô bèn đầu thai vào làm con gái của vị giáo chức kia, nhờ đó mẹ cô đã có cơ hội để trả quả báo cũ.

Trường hợp thứ ba là một trường hợp rất lý thú về tật khật khùng của người con vì tội lỗi của một người mẹ. Trong một kiếp trước ở Palestine, người đàn bà kia đã chế nhạo những kẻ tàn tật, bởi đó cô gây ra những nghiệp ác làm cho cô sinh ra một đứa con thiếu trí khôn và khật khùng trong kiếp này.

Trong một trường hợp khác, đương sự là một thiếu nữ bị chứng to đầu vì trong óc có nước, một chứng bệnh rất kỳ lạ và ít có. Người mẹ đã chết vài ngày sau khi sinh sản, và người cha đã gọi đứa con trong một nhà từ thiện Công giáo. Khi đứa con lên bốn tuổi, người cha đến xin ông Cayce soi kiếp cho nó. Cuộc soi kiếp nói: "Em này rất thông minh, hiểu biết mọi chuyện, biết gọi tên từng người và có thể theo dõi cuộc nói chuyện lý thú. Em ấy không thể đi đứng gì

được, vì đầu em quá nặng và lớn quá, và em phải chú ý giữ gìn luôn luôn cho đầu khỏi nghiêng."

Vì không có một cuộc soi kiếp nào cho em gái này nên người ta không biết rõ lý do của căn bệnh ấy. Tuy thế ông Cayce đã soi kiếp cho người cha, vì người này muốn biết sự liên hệ giữa ông với đứa con gái trong kiếp trước là như thế nào. Câu trả lời rất vắn tắt và khô khan: "Trong kiếp trước ông có phương tiện giúp đỡ kẻ khác, nhưng ông làm ngơ không chịu giúp ai cả! Vậy ông nên tập lấy tánh biết thương người trong kiếp này." Cuộc soi kiếp không có nói đầy đủ chi tiết để cho ta biết rõ tánh ích kỷ của ông là như thế nào. Chỉ nghe nói rằng kiếp trước, ông là một người lái buôn ở Fort Dearborn, và "Thâu thập được rất nhiều của cải vật chất, nhưng lại rất kém cỏi về phương diện tâm linh." Xét về trường hợp kể trên, người ta thấy rằng nếu chúng ta thản nhiên và làm ngơ trước sự đau khổ của kẻ khác, chính chúng ta sẽ bị định mệnh đem đến cho ta những đau khổ đó. Một người kia có thể không quá độc ác để tích cực gây thương tổn cho kẻ khác, nhưng ông có thể không chịu làm lành cũng như ông không làm ác. Một thái độ thản nhiên bất động như thế trước sự đau khổ của nhân loại có lẽ không phải

là một tội ác lớn để gây nên một nghiệp quả tàn tật vào xác thân. Nhưng dầu sao người ta cũng phải học bài học thiện chí và thông cảm. Bằng cách này hay cách khác, người ta phải chú trọng đến những sự làm than khốn khổ của người đời; nói tóm lại, người ta phải có lòng nhân từ và biết thương xót kẻ khác. Và vì lẽ người ta không bị quả báo tật nguyên vào chính bản thân mình, thì còn có phương tiện nào tốt lành hơn là lãnh lấy cái kinh nghiệm đau thương của người cha sinh ra một đứa con tàn phế? Do sự đau khổ nhìn thấy đứa con bị phế tật, mà người ta mới có dịp thông cảm sự đau khổ của những người làm cha mẹ ở vào một trường hợp tương tự, và mới hiểu rõ ý nghĩa thế nào là sự đau khổ của người thế gian.

Những trường hợp vừa kể trên chỉ cho chúng ta thấy rằng giữa cha mẹ và con cái có những nhân duyên và nghiệp quả ràng buộc lẫn nhau. Ngoài ra cũng có những sợi dây duyên nghiệp giữa những anh em trong một gia đình. Trong những hồ sơ Cayce, có một trường hợp lạ lùng về sự thù nghịch giữa hai chị em nhà kia đã dẫn chứng cho điều này. Kể từ khi họ còn thơ ấu, giữa hai chị em nói trên đã có sự ganh ghét, đố kỵ và thù hằn lẫn nhau. Giữa hai chị em, luôn luôn xảy ra những xung đột cãi vã,

thường khi chỉ vì những duyên cớ nhỏ nhặt không đâu. Sự thù nghịch đó không có xảy ra giữa những người anh em khác trong gia đình.

Xét theo quan điểm tâm lý của Freud, thì sự thù nghịch giữa hai chị em nhà này có thể truy nguyên ra bởi sự tranh giành tình thương của người cha. Nhưng theo sự quan sát bằng Thần Nhãn của ông Cayce thì giữa hai người có một sự ghen tuông sâu xa về tình: Trong một kiếp trước, người chị có chồng và giữa hai chị em đã xảy ra một sự hiểu lầm về sự giao thiệp giữa người em vợ với người anh rể.

Để cho những nhân vật của tấn bi kịch này hiển hiện rõ ràng, chúng ta hãy gọi tên cô em là Loan, gọi tên cô chị là Thúy, và Bình là chồng của Loan. Trong cuộc soi kiếp cho cô em (Loan), cô này hỏi về những mối liên hệ trong kiếp trước giữa cô với người chồng và người chị của cô ta thế nào, thì cô nghe thuật lại câu chuyện dưới đây: Ba người đã từng gặp nhau trong kiếp trước, trong kiếp đó, Bình là chồng của Thúy tức là chị của Loan bây giờ. Một khi kia Bình đau nặng, và vì một lý do nào đó không rõ, lúc ấy Bình lại ở cách xa với vợ y Loan làm nghề nữ y tá, và nhờ sự săn sóc của cô nên Bình chóng khỏi bệnh và phục hồi lại sức khỏe. Sự săn sóc của Loan đối với Bình chẳng qua chỉ

là bốn phận của một cô điều dưỡng, nhưng sự chăm nom tận tụy của cô đã tạo nên giữa hai người một sự thông cảm, nó làm cho người chị là Thúy phải lầy làm cay đắng khi cô khám phá ra câu chuyện. Sự ghen tuông vô căn cứ ấy không bao lâu đã trở nên lòng thù hận, và sự căm hờn uất hận đã ảnh hưởng sâu xa trong tâm hồn của người đàn bà khó tính ấy đến nỗi sau nhiều thế kỷ, nó vẫn còn biểu lộ nơi tánh của cô trong kiếp này.

Dưới đây là một trường hợp thứ hai về nghiệp quả ràng buộc giữa một người anh trai và một người em gái, hai anh em cùng sinh tại Anh quốc. Trong cuộc Thế Chiến Thứ Hai, họ được giao cho một người đàn bà Mỹ săn sóc, người này hồi đó làm giám đốc của một trường học ở tiểu bang New England. Người anh lên mười tuổi, còn cô em mới năm tuổi. Bà mẹ nuôi của hai em biết rõ tâm lý trẻ con bởi sự học về phần lý thuyết và cũng do sự thực nghiệm của một đời làm nghề dạy học. Bà ấy bắt đầu nhận thấy sự thù nghịch rõ rệt giữa hai anh em. Trong hai người thì người anh có vẻ "Ăn hiếp" và dữ nhất. Bà ấy yêu cầu ông Cayce soi kiếp cho cả hai đứa. Cuộc soi kiếp tiết lộ cho biết một sự kiện rất lý thú: Hai đứa trẻ trong kiếp trước là những người thuộc hai bộ lạc đối lập ở xứ

Ecosse, hai bộ lạc này đã từng chia rẽ và thù nghịch nhau vì một sự tranh chấp từ lâu đời và đã từng đánh với nhau những trận giao phong ác liệt. Sự thù nghịch ấy tồn tại qua nhiều thế kỷ, và biểu lộ trong kiếp này qua sự thù hằn giữ hai đứa trẻ nhỏ!

Hai thí dụ trên đây cũng đủ chứng minh cho thuyết Luân Hồi quả báo và đem lại sự giải đáp cho bài toán bí hiểm về sự thù nghịch vô căn cứ giữa những anh em trong một nhà, làm cho họ bị dày vò khổ sở mà không hiểu lý do vì đâu. Mọi gia đình đều có lý do xung đột căn cứ trên những đụng chạm nhất thời. Tuy nhiên những sự đụng chạm nhất thời đó có thể truy nguyên từ nhiều thế kỷ trước.

Việc tìm ra nguyên nhân ở một kiếp trước về sự thù nghịch giữa hai người, không đủ để làm tiêu tan sự thù nghịch ấy. Nếu hai người ấy không muốn kéo dài sự thù nghịch kia từ kiếp này sang kiếp khác, thì trong kiếp này họ phải cố gắng nhẫn nại thay thế sự căm thù ấy bằng tình thương, và thay đổi sự đố kỵ chia rẽ kia trở thành một lòng ưu ái và thiện cảm. Lời khuyên trên đây không những áp dụng cho những anh em trong một nhà mà thôi, nó còn áp dụng cho mọi giao tế ngoài xã hội, cùng mọi sợi dây liên

hệ ràng buộc chúng ta với tất cả mọi người trần gian.

Xét cho cùng, những sự thay đổi ngôi thường xuyên của chúng ta trong gia đình trải qua nhiều kiếp luân hồi sinh tử, chỉ rằng thật ra chúng ta không phải là những người của một gia đình riêng biệt nào cả. Chúng ta là những phần tử của đại gia đình nhân loại, và trong sự sinh hoạt hằng ngày chúng ta phải luôn luôn sống một cách có ý thức với điều Chân Lý tối trọng đó.

Chương 19: Nhân Quả Đối Với Chức Nghiệp

Tất cả mọi người trong chúng ta đều có mang trên vai một gánh nặng gồm đủ thứ sở trường và sở đoản, cùng những đức tính tốt và thói hư tật xấu, những cái hay và cái dở, ưu điểm và khuyết điểm dồn dập tích tụ từ lâu đời.

Điều này hiển hiện rõ ràng trong những cuộc soi kiếp đặc biệt của ông Cayce, nhằm mục đích giúp đỡ trong vấn đề hướng nghiệp cho một số người. Trước đây, ta đã thấy sự hành động của "Nguyên tắc liên tục" trong việc đào tạo khả năng, và vì thế, nguyên tắc ấy đã trở nên một yếu tố quan trọng trong đời người. Một thí dụ

điển hình là trường hợp của một thiếu phụ làm nghề sửa sắc đẹp ở New York. Nhà cô là một mỹ viện hạng sang, chuyên sửa sắc đẹp phụ nữ, uốn tóc, chải đầu, cùng sửa cách ăn nói, điệu bộ. Chính chủ nhân cũng là một người có sắc đẹp và cốt cách yếu điệu. Cuộc soi kiếp cho cô tiết lộ ba kiếp trở về trước, mà dường như là chỉ có hai kiếp là có ảnh hưởng trực tiếp đến khuynh hướng nghề nghiệp của cô bây giờ. Một kiếp đó diễn ra dưới triều đại Pháp hoàng Louis 15, hồi đó cô có một ảnh hưởng lớn đối với nhà vua và hoàng triều. Trong kiếp đó, cô tập sự về ngành giao tế, lễ nghi cùng phép xã giao lịch sự, nghệ thuật trang sức và những bí quyết chung diện sắc đẹp. Trong kiếp trước nữa, cô sống dưới thời Đế quốc La Mã, và là một trong những người đầu tiên trong hàng quý tộc đã theo đạo Gia Tộ Thụt lùi về dĩ vãng, cô đã sống ở xứ cổ Ai Cập vào khoảng 13.000 năm trước Tây Lịch kỷ nguyên, và đã từng làm việc công quả trong một ngôi đền. Trong một kiếp dưới thời hoàng triều nước Pháp, cô đã thấu đạt được những kinh nghiệm về đời sống lộng lẫy xa hoa; cô đã phát triển những khả năng đặc biệt về phép giao tế và phép lịch sự trong đời sống xã hội. Những kinh nghiệm mà cô đã thấu đạt được trong một ngôi đền thời cổ Ai Cập

cần được giải thích rõ ràng hơn. Đường như thời kỳ đó ở Ai Cập có hai ngôi đền lớn, gọi là Đền Mỹ Lệ và Đền Hy Sinh. Người ta thấy rải rác trong vài chục cuộc soi kiếp những sự mô tả hai ngôi đền này, và do sự góp nhặt những tài liệu đó, người ta có một ý niệm khá đúng về những gì đã xảy ra ở đó.

Ngôi đền Mỹ Lệ là một loại học đường hay trường Đại học, nhưng nó không phải lo về mặt trí dục mà thôi, mà còn nhằm đào tạo nhân cách trên một phương diện đồng đều, toàn diện. Tất cả những nghệ thuật và khoa học đều được sử dụng để đào tạo nên một linh hồn cao thượng và một thể xác kiện toàn cho các học viên để chuẩn bị cho họ trở nên những người công dân có khả năng, hầu có tích cực hoạt động cho xứ sở. Ngôi đền này còn là trường huấn luyện về mặt tôn giáo và đạo đức tâm linh. Ngôi đền này có bảy trung tâm đào tạo có kỷ luật, theo quy mô của bảy Luân Xa hay bí huyết trong cơ thể con người. Điều này cho ta thấy rằng chương trình học tập và kiến trúc của ngôi Đền được quan niệm trên sự hiểu biết sâu xa về khoa Huyền Môn.

Một trong những ngành hoạt động của ngôi đền Mỹ Lệ là vấn đề hướng nghiệp căn cứ trên

nền tảng tâm linh. Nhiều người trong kiếp này chú trọng đến vấn đề hướng thiện, phát triển nhân cách, hoặc đào tạo nhân phẩm bằng nghệ thuật và tôn giáo, khi truy nguyên ra thì được biết rằng trong kiếp trước, họ là những giáo sư hay sinh viên đã từng theo học ở ngôi đền Mỹ Lệ hồi thời cổ Ai Cập.

Còn Đền Hy Sinh thì có vẻ giống như một bệnh viện, trong đó người ta áp dụng những kỹ thuật điện khí nhằm mục đích giải phẫu và chữa bệnh (có lẽ do người Atlante truyền lại). Phép chữa bệnh này theo một nguyên tắc chính là kiện toà thể xác và cải tiến giống nòi, vì người ta gọi trung tâm này là Đền, có ngụ ý một sự hướng dẫn tâm linh.

Dưới đây là trường hợp của một y sĩ chuyên môn chữa bệnh đau khớp xương. Cuộc soi kiếp cho biết rõ bốn tiền kiếp của ông, mà ba kiếp có ảnh hưởng đến phương diện nghề nghiệp của ông trong kiếp này. Ông đã từng làm y sĩ ở Mỹ Châu lúc ban sơ và có giao thiệp với người thổ dân xứ ấy, nhờ đó mà y học được phép chữa bệnh theo lối tự nhiên và bằng chất thảo mộc. Trong các cuộc soi kiếp, nếu người nào trước kia đã từng có tiếp xúc chặt chẽ với người thổ dân châu Mỹ, hoặc chính họ là những người thổ dân da đỏ trong kiếp trước, đều tỏ ra có khuynh

hướng sống một đời sống tự nhiên nơi chốn rừng bụi, ưa thích cảnh thiên nhiên, thích làm những công việc bằng tay chân, và dùng cách chữa bệnh theo phương pháp tự nhiên.

Trong kiếp thứ hai, vị y sĩ trông coi các nhà tắm công cộng và chuyên về phép thoa bóp ở La Mã dưới thời kỳ bắt đầu kỷ nguyên Gia Tộ. Trong kiếp thứ ba, y sống ở Ba Tư và trong kiếp thứ tư, đi thụt lùi về dĩ vãng, ông làm nghề ướp xác bằng dầu thơm ở xứ cổ Ai Cập, độ 13.000 năm trước Tây lịch kỷ nguyên. Có lẽ kinh nghiệm của ông trong kiếp đó đã giúp cho ông có sự hiểu biết về những bộ phận bên trong cơ thể con người cùng ảnh hưởng của chất liệu và cỏ thơm đối với da thịt con người.

Trường hợp sau đây là của một nhà mỹ nghệ Ở Hollywood, làm giám đốc chuyên môn về màu sắc trong một hãng phim điện ảnh. Cuộc soi kiếp cho biết ông đã từng sống về ngành mỹ thuật trong ba kiếp trước. Tất cả có bốn tiền kiếp đã được soi thấu: Trong một kiếp, ông làm nhà trang hoàng nhà cửa vào cuối thời kỳ khai mở thuộc địa, ở Bắc Mỹ; trong kiếp kế đó, ông làm sĩ quan trong quân đội kỵ binh ở Nga; kế đó nữa ông làm nhà trang trí mỹ thuật cho một bà Hoàng ở xứ Đông Dương; và trong kiếp xa xưa

nhất, ông làm người trang hoàng bên trong của Ngôi Đền Lớn ở xứ cổ Ai Cập. Người ta có cảm tưởng rằng nhờ kinh nghiệm trong kiếp làm sĩ quan kỵ binh mà kiếp này ông phát triển những đức tánh linh hoạt, tỉ mỉ, cẩn thận và ham hoạt động, cùng với tánh thích chưng diện và lòng háo thắng. Như vậy, nhiều điểm trong tánh tình nó giúp cho công việc làm của ông ở kiếp này có thêm phần sinh khí và linh động, dường như được truy nguyên từ những kinh nghiệm ở kiếp làm sĩ quan kỵ binh, mà nghề quân nhân lại là một ngành không có liên quan gì đến mỹ thuật. Còn những kỹ thuật sắc xảo về phương diện nghề nghiệp của y thì có thể truy nguyên từ ba kiếp dành cho sự hoạt động về nghệ thuật.

Một nhà soạn nhạc tiếng tăm ở New York cũng đã có trong quá khứ những kinh nghiệm về ngành này trong nhiều tiền kiếp. Trong một kiếp trước, hồi thời kỳ khai thác thuộc địa ở Bắc Mỹ, ông đảm nhiệm những lớp dạy âm nhạc và dạy hát trong các trường. Một kiếp khác, ông là người Đức, làm nghề đẽo cây và chế tạo các loại đàn dây. Một kiếp thứ ba, ông làm hề tại triều vua Nabuchodonosor ở xứ Chaldee. Kiếp cuối cùng lui về quá khứ, ông là một người dân Atlante đến xứ Ai Cập và lãnh vai trò coi sóc phần âm nhạc trong những cuộc tế lễ ở các đền

thờ. Sự thích thú của ông về âm nhạc trong kiếp này dường như là do bởi kinh nghiệm của ông trong kiếp làm nghề chế tạo đàn. Tánh hài hước và trí óc linh hoạt của ông được truy nguyên ra từ kiếp trước làm hề; và những khả năng về âm nhạc của ông được truyền lại từ hai kiếp làm nhạc sĩ.

Đôi khi những thú vui tiêu khiển ngoài vòng hoạt động nghề nghiệp của một người cũng được truy nguyên ra từ những tiền kiếp. Thí dụ như trường hợp của một viên giám đốc ngân hàng, từ thuở nhỏ đã tỏ ra ham thích chơi các môn thể thao, như là chơi môn quần vợt. Khi vị mục sư nhà thờ Baptiste, mà ông là một tín đồ, tỏ ý chống lại việc chơi môn đánh banh vào ngày chúa nhật, thì vị giám đốc ngân hàng liền tức khắc rời khỏi giáo hội! Ngân hàng đã trở nên ngành hoạt động nghề nghiệp của ông và nhờ đó ông đã đầu tư được một sản nghiệp lớn. Nhưng ông thường dùng thời giờ rảnh để tham gia một câu lạc bộ đánh quần vợt. Chúng ta hãy thử xét những nghề nghiệp của ông trong các tiền kiếp: Trước hết, ông là một trong những người khai thác thuộc địa đầu tiên, làm nghề xuất nhập cảng ở Bắc Mỹ. Trong kiếp kế đó, ông là người La Mã, đảm nhiệm việc tổ chức các trò du hí công cộng tại các vũ trường. Một kiếp nữa,

ông là người tù trưởng của một bộ lạc lưu động ở Ba Tư, chuyên môn tổ chức những trung tâm trao đổi hàng hóa. Trong kiếp thứ tư, ông là quan Thủ Kho ở triều đình xứ Ai Cập thời cổ. Người ta nhận thấy rằng ba kiếp trong số đó đã trực tiếp ảnh hưởng đến nghề nghiệp và ngành ngân hàng của ông bây giờ. Kiếp thứ hai làm nhà tổ chức các cuộc du hí ở La Mã, đã giúp cho ông có khả năng lãnh đạo, nhờ đó có thể tiến lên địa vị Giám đốc ngân hàng. Đồng thời, kinh nghiệm ở kiếp đó cũng là nguyên nhân sự thích thú của y về các môn điền kinh, thể dục ở kiếp này.

Trong các cuộc soi kiếp cề vấn đề hướng nghiệp, ông Cayce thường xuyên một số người nên theo đuổi môn học chữa bệnh bằng điện lực, hóa học hay thủy lực học và âm nhạc. Môn chữa bệnh bằng điện ngày nay đã thịnh hành rất nhiều, những lời khuyên của ông Cayce đối với số người nói trên vốn căn cứ trên những kinh nghiệm trong những tiền kiếp của họ Ở Ai Cập hay ở châu Atlantide.

Dường như vào khoảng 10.000 năm trước Tây lịch, hồi thời kỳ tai biến cuối cùng trong ba cơn thiên tai lớn đã tiêu diệt châu Atlantide tị nạn đã di cư sang Ai Cập họ đã đem theo những kiến

thức và tiến bộ của họ về nghệ thuật và khoa học. Tuy rằng họ không thể xây dựng trở lại nền văn minh hùng cường và cao của họ nữa, những gì còn sót lại về khoa học và kiến thức của họ đã hỗn hợp với nền văn minh Ai Cập. Trong tất cả những trường hợp mà ông Cayce khuyên đương sự nên theo đuổi ngành chữa bệnh bằng điện lực, đều có một điểm lý thú chung: Tuy rằng ngành này là một ngành hoạt động khá mới mẻ đối với thế giới hiện nay, nhưng nó là một ngành học thuật rất cổ mà ngày xưa cổ nhân đã từng biết rõ.

Trong nhiều trường hợp mà các đương sự tỏ ra thích thú say mê ngành hàng không, điện tử, vô tuyến điện ảnh, khoa thôi miên, nguyên tử lực... Sự thích thú này đều được truy nguyên từ những kinh nghiệm của đương sự trong một kiếp trước ở châu Atlantide Bởi đó người ta có thể kết luận rằng khi nào một người có khuynh hướng hoặc tài năng rõ rệt về một môn khoa học hay một ngành hoạt động nào, thì chắc chắn rằng trong một hay nhiều kiếp trước, người ấy đã từng theo đuổi và thực hành môn ấy, hoặc là một ngành hoạt động tương tự.

Nhiều trường hợp khác đưa đến một kết luận rằng sự thay đổi nghề nghiệp cũng không phải là một sự thất bại, nếu sự thích thú về nghề

mới chọn có căn cứ chắc chắn trong dĩ vãng, và khả năng về nghề nghiệp này đã được phát triển trong kiếp trước. Thí dụ, dưới đây là trường hợp của một người 31 tuổi, mặc dầu đã có gia đình nhưng ông lại quyết định theo đuổi việc học Y khoa. Vì những lý do nào đó, ông không thể theo ngành Y học từ thuở còn niên thiếu, mặc dầu cha ông là một bác sĩ, và ông có hoàn cảnh thuận tiện để học về ngành này. Ông yêu cầu ông Cayce dành cho một cuộc soi kiếp. Ông muốn biết xem quyết định của y có thể thực hiện được không, và sau cùng ông sẽ thành công hay không về nghề y khoa. Cuộc soi kiếp hoàn toàn xác nhận là được, và cho biết rằng sự thích thú của ông về ngành này truy nguyên ra từ hồi thời kỳ khởi nghĩa ở Mỹ quốc. Kiếp đó, y là một người lính hầu, làm tùy phái đưa thư tín trong quân đội. Dường như nhờ lòng từ thiện chí và khả năng thông cảm nên ông được cấp trên giao cho công tác đi phủ dụ và nân đỡ tinh thần binh sĩ. Chính trong lúc đó, ông nảy sinh ra ý muốn trở nên một y sĩ. Cảnh tượng đau khổ của những thương binh ngoài mặt trận làm cho ông muốn có sự hiểu biết về phương tiện nghề nghiệp của một y sĩ để làm xoa dịu những đau khổ đó.

Điều lý thú mà ta nên nhận xét là đương sự đã chọn người cha làm y sĩ để đầu thai vào làm con trong gia đình trong kiếp này. Điều này hẳn là một hoàn cảnh thuận tiện để cho ông bước vào nghề y khoa. Tuy rằng người ta không biết rõ lý do vì sao ông quyết định hơi trễ để theo học về ngành này, nhưng có lẽ đó là vì y lập gia đình sớm. Có thể rằng giữa hai vợ chồng y, có một sự hấp dẫn mãnh liệt do duyên nghiệp tạo nên từ kiếp trước, và cuộc hôn nhân đó đã làm cho ông tạm gác lại các mục đích khác, nhưng điều quan trọng là cuộc soi kiếp tiên đoán trước sự thành công của ông trong một ngành mà ông mới theo đuổi lần đầu tiên.

Nói tóm lại, việc truy nguyên các khả năng nghề nghiệp của một người chỉ rằng các khả năng đó dường như đã được khai mở từ một hay nhiều tiền kiếp, trong khi đó đương sự đã từng làm nghề nghiệp đó rồi, hay là một nghề tương tự.

Một sự thích thú say mê về một ngành hoạt động phụ thuộc chỉ rằng trong kiếp trước, ngành hoạt động đó là nghề nghiệp chính của đương sự.

Nhiều nghề nghiệp mới xuất hiện trên thế giới hiện nay thật ra là sự biến thiên của những nghệ thuật và khoa học của người Atlante và Ai

Cập thời cổ. Có vài người dường như mới bước vào một ngành hoạt động mới lần đầu tiên trong lịch trình tiến hóa của họ. Nếu trong dĩ vãng, họ đã từng thích thú và phát triển những khả năng về một nghề nghiệp nào, thì sự thành công trong nghề nghiệp đó ở kiếp này sẽ là một điều chắc chắn.

Chương 20: Phương Châm Trong Việc Chọn Nghề

Những câu chuyện thuật lại về khuynh hướng nghề nghiệp trong các tập hồ sơ của Cayce có thể làm ch người sưu tầm khảo cứu phải nêu ra nhiều câu hỏi. Trước hết, có vấn đề bắt đầu làm một nghề nghiệp, một vấn đề nó làm cho các Triết gia phải lấy làm thắc mắc khi họ cố gắng truy nguyên đến tận gốc, khi linh hồn con người mới xuất hiện lần đầu tiên trên cõi trần gian. Việc gì thúc đẩy một ngành hoạt động này, và một linh hồn khác bước vào một ngành hoạt động khác? Nếu tất cả mọi linh hồn đều do Thượng Đế phát sinh từ lúc nguyên thủy, nghĩa là bình đẳng và không cách biệt, thì tại sao có người lại hướng về nông nghiệp, có người chọn thương mại, người thứ ba chọn nghề dệt cửi, người thứ tư hướng về âm nhạc, và người thứ

năm chọn ngành toán học? Phải chăng trong mỗi người đều có một cái động lực tế nhị thuộc về cá tính riêng từng người, nó thúc đẩy họ vươn lên chọn lựa những ngành hoạt động khác nhau? Nếu như thế, thì cái cá tính đó đã biểu lộ bằng cách nào?

Trong những hồ sơ của Cayce, không có sự giải đáp rõ ràng những câu hỏi nêu trên, nhưng lại có những tài liệu khá mỹ mãn về một điều khác: Việc gì làm cho một linh hồn thay đổi một nghề nghiệp này qua một nghề nghiệp khác? Người ta thấy trong các hồ sơ của Cayce có nhiều trường hợp thay đổi nghiệp như vậy, và sự phân tách các tài liệu chỉ rằng sự thay đổi đó căn cứ trên hai yếu tố căn bản: Hoặc do lòng ham muốn, hoặc do luật nhân quả.

Trong nhiều trường hợp đã kể trên, chúng ta thấy rằng lòng ham muốn cũng có mãnh lực tương đương với việc gây nhân tạo quả. Một linh hồn có thể bắt đầu nảy sinh ra ý muốn có một khả năng hay một đức tính mới, khi họ chung đụng tiếp xúc với một người có cái khả năng hay đức tính đó. Theo ông Cayce, nhiều người mục kích tận mắt những công việc cứu độ thế gian của đức Jesus khi Ngài đi thuyết pháp giảng đạo và cứu chữa người đau ốm, tật

nguyên, bỗng nhiên họ có sự cảm hứng, chẳng khác như một sự truyền nhiễm, và muốn làm y như Ngài! Cái mãnh lực của ý muốn đó thúc đẩy họ cố gắng trải qua nhiều kiếp để phát triển khả năng giáo dục và chữa bệnh. Đôi khi, lòng ham muốn không phải do nơi ảnh hưởng của một người nào, mà do bởi đương sự cảm thấy bất lực trước một tình trạng nguy cấp mà thiếu khả năng cần thiết, nên y không thể giải cứu hay làm gì được. Dầu rằng lý do như thế nào, lòng ham muốn là một yếu tố quan trọng của vận mạng con người. Lòng ham muốn đó tăng trưởng lên lần lần và nhắm những mục đích càng ngày càng rõ rệt cho đến khi về sau, bởi sự chọn lựa cha mẹ và một hoàn cảnh thích nghi, một linh hồn bắt đầu phát triển một khía cạnh mới trong tánh tình của y cho đến mục hoàn toàn.

Có lẽ phải cần đến nhiều kiếp luân hồi sanh tử, cũng như trong các trường hợp tâm tính "Khép chặt" và "Cởi mở", con người mới có thể hoàn toàn thực hiện sự thay đổi một nghề này qua nghề khác dưới mãnh lực của ý muốn. Nếu điều này là đúng, thì đó là một sự khuyến khích quý báu cho những người nào tự thấy kém cỏi trong sự hoạt động nghề nghiệp của mình. Có thể rằng lý do sự kém cỏi của họ, so với tài năng của người khác, là bởi vì họ chỉ mới bắt đầu

ngành hoạt động ấy không bao lâu, và chưa đủ thời giờ để phát triển hết mọi tài năng của mình.

Ngoài lòng ham muốn, nghiệp quả cũng là một yếu tố quan trọng trong việc quyết định thay đổi nghề nghiệp.

Thí dụ: Một quả báo tàn tật về thể xác, khi đến lúc chính mùi và phải trả, có thể làm gián đoạn cuộc đời nghệ sĩ tài bà đang lên của một nhà khiêu vũ, một sự nghiệp mà ông đã dày công luyện tập và cải tiến đến mức tuyệt luân trải qua nhiều tiền kiếp. Một quả báo làm gián đoạn nữa chừng một sự nghiệp như thế, tự nhiên là đưa đến sự thay đổi qua một nghề nghiệp khác, và có thể làm thức động một khả năng tiềm tàng đã bị chôn vùi và quên lãng từ lâu.

Đó là trường hợp của một thiếu nữ bị bệnh lao xương háng, như đã kể trong Chương năm. Sau khi mắc phải chứng bệnh này một thời gian rất lâu, thiếu nữ ấy yêu cầu ông Cayce soi kiếp và cho biết xem cô có thể làm nghề gì trở nên hữu ích cho xã hội. Ông Cayce khuyên cô nên học đàn, và cho biết thêm rằng cô có thiên tư về âm nhạc, vì trong một kiếp trước ở xứ cổ Ai Cập, cô đã từng chuyên môn về loại đàn dây. Người thiếu nữ nghe theo và nhận thấy rằng quả có một khả năng vững chắc về đàn dây,

mặc dầu trước kia cô chưa hề học đàn bao giờ. Sau một thời gian, cô đã có thể biểu diễn môn đờn dây trước công chúng, và mặc dầu tài nghệ của cô chưa đủ để làm cho cô được nổi tiếng, nhưng ít nhất cô đã làm một nghề hữu ích để tìm thấy lẽ sống cùng hạnh phúc trong cuộc đời của một phé nhân. Trong những kiếp trước gần đây, cô đã làm những nghề nghiệp khác. Như vậy, trong trường hợp này, một quả báo xác thân đã xuất hiện thành linh để làm gián đoạn một sự nghiệp, và làm sống lại một tài năng đã quên lãng và bỏ phé từ lâu.

Một vấn đề khác được nêu ra: Một linh hồn phải có kinh nghiệm về bao nhiêu nghề nghiệp khác nhau trước khi sự tiến hóa của y được coi như là tròn vẹn? Để đi đến mức tuyệt đỉnh của cuộc tiến hóa, mỗi linh hồn phải trải qua rất nhiều kinh nghiệm khác nhau. Trong Thái Dương hệ, không có một linh hồn nào được coi như đã phát triển hoàn toàn về nghệ thuật chẳng hạn, nếu đồng thời y lại hoàn toàn dốt về ngành cơ khí, y học, hay xã hội học. Người ta có thể quan niệm rằng mỗi linh hồn phải trải qua ít nhiều hiểu biết và kinh nghiệm về tất cả mọi ngành học thuật và hoạt động trong hoàn vũ.

Trong rất nhiều trường hợp, có một sự liên hệ

chặt chẽ giữa vấn đề nghề nghiệp và vấn đề tâm linh. Nói một cách khác, trong nhiều trường hợp, một sự khó khăn về nghề nghiệp dường như là có nguyên nhân ở một sự khuyết điểm về tánh tình, cần phải được sửa chữa. Đó là trường hợp của một người đàn ông độc thân, bốn mươi tám tuổi, là nhân viên địa ốc, vì tánh tình khó khăn, nên càng ngày ông càng bị lúng túng trong việc hành nghề của ông. Ông yêu cầu ông Cayce soi kiếp để biết xem y có nên đổi nghề khác hay chẳng, và nghề nào sẽ thích hợp với ý Ông Cayce cho biết rằng trong một kiếp trước ông đã làm nghề dạy học, nhưng ông có một tánh chất hung bạo, cọc cằn, và độc đoán. Ông đã mang theo cái mầm mống của tánh căm giận cứng rắn và bạo tàn đó qua kiếp này, nó làm cho ông khó hòa mình trong sự giao tiếp ngoài xã hội. Ông Cayce khuyên không nên đổi nghề mặc dầu ông đang bị nhiều nỗi khó khăn trong nghề nghiệp. Cuộc soi kiếp nói: "Mặc dầu điều đó không phải dễ làm, nhưng anh đang học một bài học cần thiết."

Có nhiều trường hợp tương tự như thế trong tập hồ sơ Cayce, làm cho người ta nhớ lại một tư tưởng của Tolstol. Nhà văn hào này nói rằng những hoàn cảnh trong đời người giống như những giàn tre dùng để cất nhà. Những giàn tre

này được dựng lên để làm cái sườn chung quanh, nhờ đó một ngôi nhà lâu được xây dựng lên ở phía trong. Nhưng cái sườn tre bên ngoài vốn không có một giá trị tuyệt đối và trường cửu. Khi ngôi nhà lâu đã dựng lên xong, thì người ta dẹp bỏ cái giàn tre ở phía ngoài. Có lẽ những nghề nghiệp làm ăn của con người cũng có thể được quan niệm bằng cách đó, giống như những cái sườn hay cái khuôn để nung đúc nên những điều kiện cần thiết cho sự tiến hóa tâm linh.

Một mặt khác, những khuynh hướng nghề nghiệp không phải luôn luôn đều có mục đích phát triển đức tính. Nó có thể là cần thiết cũng như bao nhiêu những ngành khác thuộc về cõi giới vật chất, mà con người phải chinh phục bằng tinh thần. Có lẽ nhờ đó mà con người phải chinh phục bằng tinh thần. Có lẽ nhờ đó mà con người sẽ tập chế ngự vật chất, hiểu những nguyên tắc và định luật của đời sống và hợp tác với Thiên Cơ.

Những tập hồ sơ Cayce chứa đựng nhiều tài liệu về cuộc đời một số người, mà những khả năng đã bị quên lãng từ lâu và chôn vùi trong những chỗ thâm sâu kín đáo của tiềm thức. Cuộc soi kiếp nhắc nhở cho đương sự chú ý đến những khả năng tiềm tàng đó, và trong rất

nhieu trường hợp, những khả năng một khi đã thức tỉnh, liền có thể nảy nở mau chóng để trở thành một thiên tư đặc biệt về nghề nghiệp. Người ta có thể truy nguyên khả năng đặc biệt này ở những kinh nghiệm mà đương sự đã thấm nhập được trong những tiền kiếp. Biết được điều này, tức là biết rằng mọi người trong chúng ta có dự trữ trong tiềm thức một số vốn kiến thức hay khả năng chưa được dùng đến, cũng ví dụ thành linh chúng ta được biết rằng trong một thành phố mà chúng ta ở từ thuở nhỏ, chúng ta có một số tiền dự trữ trong ngân hàng, nhưng đã quên hẳng từ lâu.

Những sự say mê thích thú của chúng ta về một ngành nào đều có thể truy nguyên từ những hoạt động của ta trong những kiếp trước về ngành ấy. Có người chỉ thích thú đặc biệt về những sự vật của xứ Tây Ban Nha; hoặc có người chỉ ưa thích những sự vật của xứ Trung Hoa, hay Nhật Bản chẳng hạn; đó chắc là họ đã từng sống kiếp trước ở những xứ ấy. Nếu những người ấy biết traу dò, khuynh hướng của họ bằng cách học sinh ngữ Tây Ban Nha, hoặc khảo cứu về lịch sử và văn hóa Trung Hoa hay Nhật Bản, hoặc khảo cứu về lịch sử và văn hóa Trung Hoa hay Nhật Bản, họ có thể làm thức động những ký ức sâu xa trong tiềm thức và

những khả năng đã thâm nhập được trong kiếp trước ở xứ ấy. Nhờ đó, họ cũng có thể tiếp xúc với những người trong những kiếp trước đó. Sự gặp gỡ với những người mà ta đã công nhận duyên cũ từ kiếp trước có thể hoàn toàn làm thay đổi cuộc đời của chúng ta bằng cách mở cửa chúng ta bước vào những địa hạt hoạt động mà chúng ta không hề nghĩ đến. Việc làm đầu tiên trong vấn đề hướng nghiệp là kiểm điểm lại những khả năng của mình chọn lấy khả năng trội nhất của đương sự.

Nhưng trong những trường hợp khả nghi không quyết đoán, hoặc cần đưa ra cho đương sự những cảnh cáo đặc biệt nào đó, thì ông Cayce thường đưa ra những nguyên tắc đại cương) của họ. Những nguyên tắc đó thường được lặp lại, nhiều lần, đến nỗi người ta có thể coi đó như những giáo điều căn bản cho việc chọn nghề nghiệp.

Nguyên tắc thứ nhất là: Hãy nêu cao một lý tưởng, định rõ mục đích sâu xa của cuộc đời mình, và tìm cách thực hiện lý tưởng đó. Sự nêu cao lý tưởng và một điều quan trọng trong vấn đề hướng nghiệp. Những cuộc soi kiếp đều nhấn mạnh rằng ta nên biết mình bạch rõ ràng về cái lý tưởng của một người thường là phức tạp nhưng chúng ta chỉ có thể đi đúng con

đường của mình muốn đi tới. Sự lựa chọn nghề nghiệp phải căn cứ trên vấn đề cao lý tưởng trước nhất.

Nguyên tắc hai là: Hãy cố gắng giúp đỡ và phụng sự kẻ khác. Bằng cách nào ta có thể phụng sự nhân loại cho được hiệu quả nhất? Đó là phương châm tối hậu để làm tiêu chuẩn cho việc chọn lựa nghề nghiệp của mỗi người. Ta nên coi mình như những phần tử của nhân loại. "Phụng sự kẻ khác, tức là phụng sự Thượng Đế một cách cao cả nhất." đó là một câu thường được lập đi lập lại trong các cuộc soi kiếp. Một câu khác nữa cũng thường được nhắc lại nhiều lần: "Kẻ nào muốn trở nên cao cả nhất trong các người, là kẻ chịu làm tôi tớ phụng sự cho tất cả." "Chỉ có một lý tưởng duy nhất, là làm cho mọi lý tưởng của ta đều hỗn hợp với sức mạnh Sáng Tạo của Vũ Trụ; làm cho thể xác, trí tuệ, tâm linh của chúng ta trở nên mãnh lực tích cực hoạt động để bồi đắp, trợ giúp cái sức Sáng Tạo nói trên và cho nhân loại."

Đi kèm với phương châm này, ông Cayce còn nói rằng vấn đề tiền bạc, danh vọng ở đời phải đi sau ý muốn phụng sự, và chỉ là những vấn đề phụ thuộc mà thôi. Một đứa trẻ mười ba tuổi có nhiều khả năng và chưa biết nên theo học về ngành nào, đặt câu hỏi: "Tôi phải phát

triển khả năng nào để khi đến lúc trưởng thành tôi có thể thành công về phương diện tiền bạc?" Câu trả lời là: "Em hãy quên vấn đề tiền bạc, mà chỉ nên nghĩ rằng em có thể trợ giúp bằng cách nào để làm cho cõi thế gian trở nên một cõi giới tốt lành hơn. Đừng khi nào lãng phí công lao cố gắng chỉ vì vấn đề tiền bạc. Tiền bạc sẽ đến với ta khi ta dùng khả năng của mình để phụng sự nhân loại."

Một người khác hỏi: "Tôi nên theo đuổi ngành hoạt động nào để có thể kiếm được nhiều tiền nhất?" Câu trả lời cho ông là: "Anh hãy gác lại vấn đề tiền bạc. Vấn đề tiền phải là cái hậu quả của sự thành thật cố gắng muốn sống cách nào để giúp cho kẻ khác cùng đi trên con đường tiến hóa với mình. Sự thịnh vượng về vật chất phải đi sau lý tưởng phụng sự. Chỉ có Thượng Đế mới cho ta sự phú quý thịnh vượng, nếu ta xứng đáng."

Một nhà xuất nhập cảng được lời khuyên sau đây: "Phương cách của ông phải là: Tôi muốn phụng sự đồng loại của tôi, để cho họ có thể dùng tôi làm cái đà tiến bước. Tiền tài danh vọng sẽ đến với tôi như những kết quả của một đời tốt lành và phụng sự; chứ ta không nên coi nó như những miếng mồi thơm vì nó mà ta phải

hành động trái với lương tâm để chiếm đoạt cho được."

Nguyên tắc thứ ba là: "Hãy xử dụng những gì mình đang có trong tay. Hãy bắt đầu từ chỗ vị trí hiện tại của mình bây giờ." Câu này dường như thừa, vì đó là lẽ hiển nhiên. Tuy vậy, cũng như những sự thật hiển nhiên khác, nó cần được lập lại, vì người ta vốn hay khinh thường những điều giản dị và gần với mình, để đi tìm những chuyện xa vời, khó khăn. Có nhiều người muốn phụng sự nhân loại, nhưng lại có một lý tưởng quá viễn vông, không thiết thực, hoặc không phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Tron khi họ nhìn thấy cái mục đích cao cả, đáng cho họ theo đuổi, thì họ lại bị mắc kẹt trong một cuộc đời phức tạp mà họ không thể nào thoát ra khỏi. Những trách nhiệm gia đình, hay những trở lực về tài chánh, làm ngăn trở sự thực hiện lý tưởng của họ. Đối với những người này, những cuộc soi kiếp thường khuyên rằng: "Người ta chỉ có thể xử dụng những gì người ta có trong lúc này." Cuộc hành trình dài muôn dặm đường chỉ bắt đầu bằng một bước chân. Bước chân đầu tiên đó, người ta phải làm ngay bây giờ ở chỗ vị trí hiện tại.

Một người đàn bà 49 tuổi hỏi ông Cayce: "Tôi

phải làm công việc gì trong đời tôi?" Câu trả lời là: "Bà hãy giúp đỡ những kẻ yếu đuối và những kẻ vấp ngã; giúp thêm sức mạnh và can đảm cho những kẻ thất bại." Bà ấy hỏi: "Bằng cách nào tôi có thể làm công việc đó?" Bà hãy bắt đầu với những cơ hội hiện tại. Hãy sử dụng những gì bà đang có và bắt đầu ngay ở chỗ bà đang ở. Bà hãy tin tưởng ở nơi Thượng Đế. Bà đừng nói rằng bà muốn làm công việc gì và ở tại nơi nào, mà hãy nói rằng: Tôi tự hiến dâng cho Ngài. Ngài hãy dùng tôi vào bất cứ công việc gì, và bất cứ nơi nào Ngài muốn."

Một người đàn bà khác cũng có sự thắc mắc giống như thế. Bà ấy đã 61 tuổi, vợ của một vị lãnh sự ở một xứ Bắc Âu. Bà ta đã đi du lịch nhiều nơi ở miền Trung Đông và có nhiều kiến thức sâu rộng. Bà ấy hỏi: "Tôi phải làm gì để phụng sự nhân loại một cách hữu hiệu nhất?" Câu trả lời cũng giống như trường hợp kể trên: "Bà hãy làm bất cứ việc gì đến với bà hằng ngày. Không phải những kẻ làm nên những kỳ công hiển hách, tiếng tăm vang dội lẫy lừng như sóng cồn đại hải, mới là những kẻ làm được nhiều việc nhất; mà chính là những người biết đón nhận những cơ hội phụng sự xảy đến hằng ngày. Khi những cơ hội ấy được tận dụng triệt để, thì những dịp tốt lành hơn sẽ xuất hiện,

và những công việc phụng sự lớn lao sẽ đến với họ. Đó là bởi vì khi ta dùng những phương tiện đang có trong hiện tại để phụng sự kẻ khác, thì những phương tiện ấy sẽ không bao giờ mất, mà tự nó sẽ đến với ta một cách dồi dào hơn trước."

Một người khác cũng nhận được lời khuyên: "Anh hãy bắt đầu ở chỗ vị trí hiện tại của anh. Và khi anh đã làm xong bổn phận. Ông Trên sẽ khiến cho anh gặp gỡ những cơ hội tốt lành và lớn lao hơn!" Lời khuyên có vẻ triết lý này không những áp dụng cho những người thành linh giác ngộ và có ý muốn phụng sự nhân loại, mà cũng áp dụng cho cả những người muốn làm những việc to tát, vang dội tiếng tăm, bất cứ trên lĩnh vực hoạt động nào. Dường như sự lập đi lập lại trong các cuộc soi kiếp về việc "Người ta cần phải sử dụng những gì mình đang có trong tay và nên bắt đầu từ chỗ vị trí hiện tại của mình," là để chống lại hai khuynh hướng thường tình của người đời; đó là: Sự tê liệt, không hoạt động vì kiến thức hẹp hòi nông cạn; và sự tê liệt vì một tầm nhãn quang quá bao quát rộng lớn.

Có nhiều người biết mục đích mà họ muốn thực hiện trên các địa hạt nghệ thuật, văn hóa, khoa học hay chính trị. Nhưng vì một sự tính toán sai lầm, họ bỏ dở giữa chừng và không làm

gì cả: Mục đích của họ dường như không thể thực hiện được. Vì họ không biết rõ về tính cách liên tục của mọi cố gắng và mọi sinh hoạt trong đời sống con người, nên họ không nhận thức rằng thời gian không có quan hệ gì cả, và những gì đã bắt đầu trong một kiếp sẽ đem lại kết quả trong kiếp sau. Họ lầm tưởng rằng vì thời gian ngắn ngủi, nên họ không thể thực hiện được mục đích, thí dụ như trở nên một nhạc sĩ tài hoa trong kiếp này. Họ bị tê liệt cả ý chí tiến thủ, bỏ dở việc học âm nhạc: Bởi đó họ đứng một chỗ không tiến thêm nữa, và trong những kiếp sau họ lại khởi sự học lại từ chỗ bắt đầu! Nhưng nếu họ biết áp dụng lời khuyên đầy minh triết của ông Cayce là hãy bắt đầu từ chỗ vị trí hiện tại và xử dụng những gì mình đang nắm trong tay, thì sự tê liệt kia sẽ không còn, và họ sẽ dùng nghị lực của họ để hoạt động theo đúng đường lối, với nhiều triển vọng tốt đẹp và tin tưởng nơi sự thành công trong tương lai.

Ngoài ra, có những người nhờ thuật Luân Hồi đã hé mở cho họ nhìn thấy cái viễn ảnh của một tương lai sáng lạn huy hoàng, nhưng họ lại không diễn đạt cái đức tin đó ra bằng những hành động xử thế hằng ngày. Nhiều nhà triết học và nhân chủng học mãi đắm chìm trong việc học hỏi khảo cứu các định luật thiên nhiên trong

Vũ trụ, nó cai quản sự tiến hóa tâm linh của nhân loại, đến nỗi họ quên rằng sự tiến bộ của con người không phải chỉ được thực hiện bằng sự học hỏi suông mà thôi. Họ chẳng khác nào như người du khách mãi lo nghiên cứu lộ trình trên tấm bản đồ một cách chăm chú và say sưa đến nỗi họ không bao giờ cất bước ra đi! Họ mải lo nhồi sọ với những vấn đề trừu tượng siêu hình đến nỗi khi cần phải thực hiện một sự thay đổi tâm tính hay làm một việc hữu ích để giúp đỡ nhân loại, thì lại thờ ơ chảnh mắng và hoàn toàn vô dụng.

Những cuộc soi kiếp của ông Cayce luôn luôn nhắc nhở cho chúng ta biết rằng dầu cho chúng ta sống trong hoàn cảnh nào, những hoàn cảnh đó đều hoàn toàn thích hợp với tình trạng tiến hóa tâm linh của chúng ta trong lúc hiện tại. Dầu cho chúng ta gặp phải những hoàn cảnh khó khăn trái ngược, chúng ta cũng nên coi đó như là những cái phương tiện để giúp chúng ta lấy đà tiến bước, chớ không nên coi đó như là những chướng ngại. Khi ta biết vượt qua những khó khăn trở ngại đó, thì chúng ta mới được coi như là xứng đáng nhận lãnh những hoàn cảnh tốt lành và thuận tiện hơn. Trong một cuộc soi kiếp có lời khuyên như sau:

"Anh hãy nhớ rằng dầu anh sống trong hoàn cảnh nào, điều đó cũng là cần thiết cho sự tiếp xúc hằng ngày với mọi người, và chính là nhờ sự cải thiện từng ngày, từng giờ, từng phút đó mà anh thực hiện cuộc tiến hóa dài hạn của anh trong tương lai. Chính nhờ xây từng viên gạch nhỏ, mà người ta mới dựng nên một ngôi nhà lầu nhiều tầng. Khi một linh hồn đã chuẩn bị sẵn sàng để phụng sự, nhờ sự công phu cố gắng cải tiến không ngừng từng giờ từng phút, mà những điều kiện cần thiết cho sự tiến hóa của y sẽ xuất hiện để giúp cho y có thể tiến hóa mau hơn, và gặp những hoàn cảnh cùng cơ hội thuận tiện hơn.

"Vậy anh hãy xây dựng tương lai của anh cũng như một toà nhà lầu, với những gì anh có sẵn trong tay, và tuần tự xây thành những viên gạch nhỏ. Anh chớ nên nóng nảy vội vàng và băn khoăn lo lắng: Tất cả mọi sự xây dựng chẳng phải là công trình sáng tạo thiêng liêng của Ngài ử"

Chương 21: Bí Quyết Đào Tạo Khả Năng

Những điều tiết lộ của ông Cayce về những khả năng của con người và sự phát triển khả năng một cách liên tục từ kiếp này qua kiếp khác, có những ảnh hưởng rất sâu sắc về phương diện thực tế. Trước hết, nó trình bày cho ta thấy những triển vọng vô giới hạn về sự tiến hóa của con người, và điều này tùy ở sự cố gắng của từng cá nhân. Nói về những khả năng tiềm tàng được tích tụ từ lâu trải qua thời gian, thì người ta có thể xử dụng lần hồi chẳng khác nào như một số vốn cất trong ngân hàng. Lẽ tự nhiên, những nguồn tài nguyên tiềm tàng về khả năng và đức tánh của mỗi người hoàn toàn tùy thuộc nơi cố gắng mà y đã thực hiện trong dĩ vãng, và đã tích tụ trong kho tàng tâm linh của y.

Điều này cũng áp dụng cho những khả năng của ta trong tương lai. Cũng như những khả năng của chúng ta bây giờ là do sự cố gắng tích lũy từ thuở quá khứ, thì những khả năng mà ta sẽ có trong tương lai cũng là do bởi những cố gắng của ta đang làm ngay bây giờ. Những số vốn nghị lực, thời giờ và công phu khó nhọc mà chúng ta dùng để thu thập một khả năng trong kiếp hiện tại sẽ không phải là mất, mà sẽ mang lại kết quả cho ta xử dụng trong những kiếp tương lai.

Trên thế gian có hàng nghìn người âm thầm cố gắng theo đuổi một chí hướng nuôi từ thuở nhỏ mặc dầu họ biết chắc rằng họ không bao giờ thực hiện được. Xét theo lối thường tình, thì đó thật là một việc đáng buồn; nhưng sự cố gắng và thích thú say mê của họ thật ra không phải là hoài công vô ích nếu người ta xét lại vấn đề dưới ánh sáng của thuyết Nhân Quả Luân Hồi.

Một ông lão cố gắng vun trồng những khóm hoa trong vườn nhà ông, có lẽ không mong ước chiếm giải quán quân về cuộc thi trồng hoa đẹp; hoặc được lời khen tặng và biểu dương trong những tạp chí nông nghiệp. Tuy nhiên, trong lúc hiện tại, ông ta đang xây đắp mầm mống cho sự hiểu biết về ngành thảo mộc học, để rồi trong một kiếp tương lai, nó sẽ đâm chồi nảy lộc thành những kiến thức sâu rộng về ngành này và làm ông ta trở thành một nhà trồng tỉa trứ danh hay một nhà thảo mộc học uyên bác.

Những cố gắng thô thiển và vụng về của một người đàn bà đứng tuổi đang tập vẽ tranh, không phải chỉ là một đầu đề chế giễu của bạn bè thân quyến trong gia đình cô mà thôi; nó còn là những bước đầu cho một nghệ thuật già dặn và chắc chắn để làm cho cô có thể trở thành

một họa sĩ tài danh trong một kiếp xa gần trong tương lai.

Ông giáo sư âm nhạc trải qua nhiều năm tận tụy với nghề dạy đàn dương cầm, vẫn cố gắng hành nghề một cách vô danh, không tên tuổi. Với thời gian trôi qua, năm tàn tháng lụn, ông không còn nuôi hy vọng trở thành một nhạc sĩ tài danh nữa, nhưng có lẽ ông ta sẽ tự an ủi nếu ông ta biết rằng chính ông ta đang lần bước đi trên con đường sự nghiệp vẻ vang trong những kiếp tương lai. Những tiếng đàn du dương gieo vào tiềm thức của ông một ý niệm chắc chắn về nghiệp độ; sự lập đi lập lại những bài đàn dạy học trò, trải qua thời gian đã gieo trong tâm hồn ông những vết ký ức sâu đậm không thể phai mờ về nhạc lý. Chỉ trong một, hai, hay ba kiếp nữa, ông sẽ trở thành một thiên tài về đàn dương cầm, làm cho người đương thời phải ngạc nhiên khâm phục về tài năng xuất chúng của ông.

Nói tóm lại, theo thuyết Luân Hồi, không có một cố gắng nào là mất đi. Nếu luật Nhân Quả hành động một cách chắc chắn và vô tư để đem lại cho ta sự trừng phạt về những hành vi bất chính của mình, thì nó cũng hành động một cách vô tư chắc chắn để đem lại cho ta phần thưởng về những cố gắng công phu có tính cách xây dựng. Nếu chúng ta thật tin tưởng nơi

điều quan trọng này, thì chúng ta sẽ không bao giờ bị thất vọng trên đường đời. Mỗi giờ phút trôi qua, chúng ta đều tự tạo nên tương lai của mình. Cái tương lai đó được tốt đẹp hay không, là tùy nơi trong lúc hiện tại chúng ta có những cố gắng tốt lành và xây dựng, hay là chúng ta lãng phí thời giờ vô ích để tìm những thú vui vật chất phù du giả tạm của cuộc đời trần thế.

Hiểu như thế, người ta sẽ không còn cho rằng giai đoạn cuối cùng của đời người, thường gọi là lúc "Tuổi già", là một giai đoạn bất lực và vô dụng, cần phải nghỉ ngơi, an phận, và không làm gì cả. "Tuổi già" hiểu như thế là một sự dị đoan. Theo các cuộc soi kiếp của ông Cayce, ở xứ Ai Cập cách đây độ mười ngàn năm, đời sống trung bình của con người là trên một trăm tuổi. Sự ăn uống tiết độ, đúng phép vệ sinh, và bí quyết giữ cho tư tưởng được lành mạnh trong sạch, giúp cho con người sống rất lâu, và thậm chí đến lúc tuổi già, họ cũng không đến nỗi rung rẩy lụn cụn. Khoa học hiện đại cũng đã chứng minh điều này. Khoa Tâm bệnh học (Psychosomatique) cũng khám phá rằng sự già nua một phần lớn do bởi một bệnh trạng tâm lý của đương sự, theo đó ý nghĩa rằng y là một người vô ích, vô dụng trong xã hội, và đã đến lúc y cần phải được thay thế bởi những người

trẻ.

Sở dĩ họ có thái độ đó bởi vì họ có cái quan niệm theo "Chiều ngang" về cuộc đời, tức là một thói quen hay so sánh mình với những kẻ khác trên bình diện "Ngang" trong thời gian và không gian. Nhưng theo thuyết Luân Hồi thì quan niệm chân thật về cuộc đời phải là một quan niệm theo "Chiều dọc". Tự so sánh mình với những người trẻ tuổi hơn, không những là một điều chướng, mà còn là vô ích vì chúng ta chỉ hoạt động để tự vươn mình và tiến bộ lấy cho mình, sự tiến bộ của chúng ta không phải là tương đối với kẻ khác, mà là tương đối với chính mình và với Thượng Đế.

Hiểu như thế, ta sẽ không còn thắc mắc ganh tị với những người ở vào một hoàn cảnh tốt lành và thuận tiện hơn hoàn cảnh của ta trong hiện tại. Sự ganh tị chỉ là một ảo tưởng vật chất. Trên phương diện tâm linh, ta không đua tranh với ai cả, nếu không là với chính linh hồn mình.

Dầu sao, một người đến lúc tuổi già không nên tự coi như một phế nhân, ở ngoài lề xã hội. Trái lại, trong sự tịch mịch âm thầm, y nên dành thời giờ còn lại để trau dồi một vài khả năng mới, và học hỏi thêm những gì mà trước kia vì

bận rộn công việc hoặc vì bốn phận gia đình, y không có thời giờ theo đuổi một cách tận tâm và trọn vẹn. Làm như vậy, y sẽ xây đắp nền tảng cho sự tiến bộ tâm linh của y trong những kiếp sau. Những cuộc soi kiếp của ông Cayce thường nói rằng chúng ta nên sống một cách xây dựng cho đến lúc cuối cùng trong đời tạ. Dưới đây là một vài đoạn có ý nghĩa:

"Anh hãy có điều độ trong tất cả mọi chuyện; không nên làm điều gì thái quá. Được như vậy, anh sẽ sống đến trăm tuổi, với điều kiện là anh sẽ sống cách nào để xứng đáng với tuổi thọ của anh. Anh có gì để ban rải cho kẻ khác? Nếu anh không có gì để cho ra, thì anh có quyền gì để sống cho chật đất?"

Hỏi: "Tôi phải làm sao để tự chuẩn bị cho lúc tuổi già?"

Đáp: "Cô hãy tự chuẩn bị cho lúc hiện tại. Tuổi già sẽ làm cho cô khôn ngoan già dặn thêm. Cô hãy dịu dàng, dễ thương và biết thương người, nếu cô muốn được trẻ trung mãi mãi..."

Hỏi: "Tôi phải làm gì để khỏi sự bị cô đơn khi tuổi già sắp đến?"

Đáp: "Anh hãy xắn tay áo lên và bắt tay vào làm một việc gì để giúp đỡ một người nào đó.

Anh hãy làm cho người khác vui vẻ hạnh phúc, và hãy tự quên mình để giúp đỡ người chung quanh. Như thế, anh sẽ không còn sợ sệt lo âu về những gì có thể xảy đến cho mình và sẽ không cảm thấy buồn chán, cô đơn."

Hỏi: "Tôi phải làm gì để được yên ổn trong lòng và tìm thấy sự an tịnh?"

Đáp: "Anh hãy giúp đỡ kẻ khác. Anh hãy quyết định mỗi ngày làm một điều thiện, hoặc giúp một tay nâng đỡ một việc gì cho một người nào đó cần sự giúp đỡ. Thí dụ: Anh có thể đến viếng thăm một người bệnh, và trò chuyện an ủi họ. Như thế anh sẽ thấy trong lòng yên ổn, không thắc mắc, nghĩ ngợi, lo âu."

Như vậy, tính cách liên tục của đời người trở nên một sự thật đầy ý nghĩa, xét về vấn đề phát triển khả năng và đức tánh trải qua nhiều kiếp luân hồi sinh tử. Hiểu được chân lý đó, người ta sẽ không còn có sự ganh tị đối với kẻ khác, vì sự ganh tị là một điều vô ích. Triết gia Emerson nói sẽ có lúc người ta nhận định rằng thói ganh tị là do sự vô minh mà ra. Điều ấy rất đúng, nhưng nó chỉ được hiểu rõ là khi nào người ta hiểu thuyết luân hồi. Những kẻ ganh tị là những người không biết rõ sự kiện này, là bất cứ điều gì người khác làm được, ta cũng có thể làm được; tất cả những gì người khác có, như

sắc đẹp, tài năng, danh vọng, giàu sang, đức hạnh... Ta cũng có thể có được, với điều kiện chúng ta chỉ cần thực hiện những cố gắng cần thiết mà thôi.

Một thái độ xử thế thích nghi về điểm này đã được diễn tả trong cuộc đời của nhạc sĩ trứ danh Paganini. Người ta thuật lại rằng nhạc sĩ này có lần bị hai năm tù vì mắc nợ không trả được. Trong khi bị giam, hằng ngày ông vẫn chơi một cây đàn vĩ cầm cũ, chỉ có ba dây. Sau khi được phóng thích, ông trình diễn đàn vĩ cầm trước công chúng với một ngón đàn sắc xảo tuyệt diệu hơn trước, làm cho cử tọa phải ngạc nhiên về tài nghệ xuất chúng của ông. Ngón đàn đặc biệt của ông là mỗi khi đến những đoạn nhạc khó khăn nhất, thì ông bèn cắn đứt sợi dây dưới của cây đàn vĩ cầm và tiếp tục kéo đàn chỉ có ba dây! Ngón đàn tuyệt luân này, ông đã học được trong thời gian hai năm ngồi tù.

Việc bị giam cầm trong khám là một điều chướng ngại khó khăn và là một nghịch cảnh, nhưng Paganini đã phản ứng một cách xây dựng, chứ không thối chí hay thất vọng. Ngày nay con người còn sống ở thế gian, thì ông còn phải bị những cảnh do quả báo đưa đến. Nhưng chúng ta không nên để ch nghịch cảnh đè bẹp hoặc làm cho ta bị điều đứng khở sở; mà trái lại,

giữa cơn nghịch cảnh, chúng ta cũng vẫn có thể vui sống với một niềm hy vọng.

Khi nghịch cảnh xảy đến không thể tránh khỏi, chúng ta có thể chấp nhận nó một cách kiên nhẫn, can đảm và vui vẻ; và như thế, chúng ta xây đắp nền tảng cho sự thành công vẻ vang trong tương lai.

Chương 22: Tiềm Năng Của Con Người

Từ những đoạn trên, chúng ta đã thấy rằng luật Nhân Quả gồm có hai khía cạnh: Khía cạnh liên tục và khía cạnh chấn chỉnh, hay sửa đổi. Nói về khía cạnh liên tục của luật Nhân Quả, thì có nhiều khuynh hướng trái ngược từ thuở quá khứ có thể xuất hiện cùng một lượt trong kiếp này, và tạo nên một sự xung đột bên trong tâm hồn của một người.

Trong những cuộc soi kiếp của ông Cayce, những khuynh hướng về khả năng hay tánh tình của một người có thể truy nguyên từ những kinh nghiệm của ông trong một kiếp trước. Thí dụ: Một người kia có những khuynh hướng về âm nhạc mà ông đã hấp thụ trong một kiếp trước, nhưng đồng thời ông cũng mang theo một khuynh hướng về ngành dạy học, từ một kiếp trước nữa. Thế là ông có cả hai khuynh hướng

về hai ngành học thuật khác nhau: Âm nhạc và giáo dục. Những khuynh hướng trái ngược này gây ra một sự xung đột âm thầm trong tâm hồn ông, khi ông phải chọn lấy một nghề nhứt định. Ông sẽ là một nhạc sĩ hay một giáo sư. Trong nhiều năm, ông bị dày vò bởi một sự lưỡng lự phân vân, không biết chọn lấy nghề nào. Sau khi sự xung đột ngấm ngầm này phải được giải quyết bằng cách dung hòa cả hai khuynh hướng, hay là bỏ một nghề mà chỉ chọn lấy một nghề, tùy theo lý tưởng của đương sự đối với cuộc đời, hay là do sự nhu cầu tài chánh.

Một sự xung đột còn khó khăn hơn nữa, là trường hợp mà đương sự chưa diệt trừ xong một tật xấu cũ. Thí dụ: Một người có thói khinh ngạo, di sản từ một kiếp trước, trong kiếp đó ông lạm dụng quyền thế một cách độc tài đối với một dân tộc bị áp chế. Trong một kiếp sau, ông đầu thai làm một đứa trẻ tàn tật sống trong một túp lều nghèo nàn. Thói khinh ngạo của ông đã bị chặn đứng vì luật quả báo, và ông đã bắt đầu tập lấy thái độ khoan dung, ôn hoà với mọi người. Nhưng thói khinh ngạo của ông vẫn chưa được diệt trừ tận gốc, và hãy còn biểu lộ một phần nào. Bởi đó trong kiếp này, ông có hai khuynh hướng trái ngược lẫn nhau trong tâm tính, khi thì ông có thái độ khinh ngạo, khi thì có lòng

khoan dung. Chính đấng sự cũng biết rõ điều này, và mỗi khi ông nghĩ đến tình bác ái đại hồng trong nhân loại, ông sẽ bắt đầu cố gắng diệt trừ thói kinh ngạo còn tiềm tàng trong người. Nhưng phần nhiều, người ta không ý thức được vấn đề này.

Các tập hồ sơ Cayce có chứa đựng rất nhiều trường hợp như trên, mà dưới đây là một trường hợp rõ rệt nhất:

Một người kia có hai khuynh hướng trái ngược: Khi thì khép chặt, cách biệt, lạnh lùng; khi thì lại hồn nhiên, cởi mở. Theo cuộc soi kiếp, điều này được truy nguyên từ hai loại kinh nghiệm khác hẳn nhau. Trong một kiếp trước, ông là một tu sĩ trong một nhà tu kín bên Anh, chính kiếp này đã tạo cho ông một tâm hồn khép chặt và lánh đời. Trong một kiếp trước nữa, ông là một người tình nguyện từng chinh trong cuộc Thánh Chiến hồi thời Trung Cổ; kiếp đó đã giúp cho ông có tâm hồn cởi mở và yêu đời. Sự trái ngược đó làm cho mọi người đều xa lánh, vì họ không dám chơi với một người tính khí bất thường, hôm qua vừa mới vui vẻ hồn nhiên, hôm nay đã lạnh lùng cách biệt!

Ông Aldous Huxley có thuật chuyện một tu sĩ Y Pha Nho hồi thế kỷ mười bảy tên là Pierre Claver, hy sinh tận tụy suốt một đời để phụng sự

những người da đen nhập cảnh từ Phi Châu thường bị ngược đãi và đối xử tàn nhẫn. Tu sĩ thường khuyên những mọi da đen này hãy ăn năn sám hối những tội lỗi của họ đã làm. Ông Huxley nói: "Lời khuyên đó có vẻ dường như không đúng chỗ, nhưng biết đâu tu sĩ có lý là vì dầu ở hoàn cảnh nào, con người cũng vẫn luôn luôn cần phải cứu chuộc lại những tội lỗi và sai lầm trong quá khứ mà họ phải chịu quả báo. Những sự ngược đãi, hung ác, bất công của người đời biết đâu chẳng là những cơ hội để nhắc nhở cho chúng ta nhớ lại những hành động hung dữ, độc ác bất công mà chính chúng ta đã làm trong những kiếp trước?"

Ông Huxley còn nêu ra một vấn đề quan trọng: đó là điều ảo tưởng nó làm cho ta nghĩ rằng mình là trong sạch và vô tội. Phần nhiều chúng ta khi lâm nghịch cảnh hay bị những nỗi đau khổ bất công, thường nghĩ rằng mình là oan ức, vô tội mà phải bị thiệt thòi, chớ không nghĩ rằng có lẽ mình đã từng gây ra những nỗi bất công đau khổ cho kẻ khác. Chúng ta luôn luôn tưởng rằng mình tốt lành và vô tội. Có lẽ là do thói kiêu căng vốn tự nhiên trong mọi người, nhưng còn một lý do khác, đó là sự lãng quên: Một định luật thiên nhiên đầy nhân từ và bác ái

khiến cho chúng ta quên đi một cái dĩ vãng sai lầm và tội lỗi trong những kiếp quá khứ.

Một người đàn bà nợ phàn nàn: "Tôi luôn luôn đối xử tốt lành với tất cả mọi người; nhưng người ta đối xử tệ bạc với tôi như vậy. Con người thật là bạc bẽo và vô ơn!"

Chúng ta có thể đáp lại như vậy: "Phải, bà đã tốt lành và lương thiện trong kiếp này bởi vì bà nhận thấy rằng về phần thể chất, bà không đẹp; và bà chỉ có thể thấu phục được lòng người bằng những hành động tốt lành và vị tha. Nhưng đó chỉ là một đức tánh mà bà mới tập. Bà hãy nhìn lại kiếp trước: Bà rất đẹp, với một nhan sắc đẹp duyên dáng, sắc xảo, mặn mà, nhưng lòng bà rất độc! Ngày nay, bà chỉ gặt hái lấy những gì bà đã gieo trong kiếp trước. Việc bà bị đối xử độc ác và bất công không phải là do bởi sự vô ơn tệ bạc của người đời; mà đó chỉ là những quả báo của những hành vi độc ác mà bà đã gây ra đối với kẻ khác. Bà đã trồng hoa thơm cỏ ngọt suốt đời, nhưng bà chỉ lấy gai nhọn và trái đắng là những thứ mà bà đã gieo trong kiếp trước. Mùa gặt sau, sẽ đem lại cho bà những hoa thơm trái ngọt mà bà đã gieo trong kiếp này. Trong khi chờ đợi, bà hãy vui lòng nhận lãnh những quả đắng và gai nhọn, nhưng bà đừng

thối chí và hãy tiếp tục vun trồng hoa thơm trái ngọt một cách can đảm và đầy tin tưởng... ""

Những sự đau khổ và nghịch cảnh trong đời đều có một mục đích giáo dục để đào tạo tánh tình, dầu cho đó là những tai nạn bên ngoài như chiến tranh, dịch lệ, động đất, bão lụt; hoặc đó là những mối xung đột ngấm ngầm trong tâm hồn. Khi nào khoa Tâm Lý Học nhìn nhận rằng tất cả mọi sự đau khổ cay đắng, tai ương và nghịch cảnh của người đời đều có một ý nghĩa sâu xa thâm trầm để diu dắt họ trên con đường tiến hóa, thì chừng đó ngành học thuật ấy đã tiến được một bước khác lớn.

Chương 23: Khía Cảnh Của Luật Nhân Quả

Trước đây, chúng ta đã thấy trường hợp của người nhạc sĩ mù, mà nguyên nhân là do bởi kiếp trước, trong một bộ lạc dã man ở Ba Tư, ông đã lấy dùi sắt nhọn nung đỏ chọc vào mắt những kẻ tù binh để hành tội những người này. Trong trường hợp này, người ta sẽ đặt câu hỏi: "Tại sao ông lại chịu trách nhiệm về những phong tục hỗn xú hồi đương thời? Tại sao một người phải bị quả báo trong khi ông chỉ thừa hành chức vụ mà xã hội giao phó cho ông?"

Thí dụ, hồi xưa nước Pháp dùng những đao phủ quân để hành tội những phạm nhân trên đoạn đầu đài. Người đao phủ ấy chỉ là một công chức của Nhà Nước và làm việc ăn lương của chính phủ. Có thể nào người ấy bị quả báo khi ông thừa hành chức vụ chém đầu tội nhân do luật pháp bắt buộc chăng? Nếu là không, thì tại sao người đao phủ của bộ lạc dã man nước Ba Tư hồi thời cổ, lấy dùi sắt nung đỏ chọc vào mắt tù binh của một bộ lạc cừu địch, lại phải chịu quả báo? Trước đây chúng ta đã thấy rằng không phải hành động gây nên nghiệp quả mà chính là cái nguyên nhân làm động lực bên trong cho hành động ấy, chính cái tinh thần bên trong làm chủ động cho mọi việc làm, mới là cái nguyên nhân tạo nên nghiệp quả. Ngoài ra, còn có vấn đề trách nhiệm chung, hay nghiệp quả công cộng, nghĩa là nếu một xã hội có những tập quán xấu xa, độc ác gây nên đau khổ cho nhiều người thuộc về xã hội đó đều phải chia xẻ một phần nào trách nhiệm và quả báo của xã hội ấy gây nên. Theo ý nghĩa của nền luân lý thông thường, nếu những hành vi tàn bạo như sát phạt, giết chóc, gây thương tích cho kẻ khác, tuyệt đối là những điều ác dữ, thì tất cả những người nào thuộc về thành phần của xã hội tàn bạo đó đều phạm tội, nếu không trực tiếp thì

cũng gián tiếp. Tội ác đó càng tăng nếu họ biết rằng phong tục tập quán đó là độc ác, mà họ vẫn tiếp tục tán thành và không làm gì để trừ bỏ những thói tàn bạo hung ác ấy. Và nếu họ trực tiếp nhúng tay vào những hành động hung dữ ấy, thì tội ác của họ càng tăng hơn nhiều.

Lấy dùi sắt nhọn chọc thủng mắt những người khác chỉ vì họ là tù binh của một bộ lạc cừu địch, dĩ nhiên là một hành động hung ác bạo tàn. Nếu người đao phủ tự trong lòng ông chống đối việc làm hung bạo này, và chỉ thừa hành chức vụ vì bắt buộc phải tuân lệnh thượng cấp, thì có lẽ ông không gây nên nghiệp ác. Nhưng nếu trong khi thừa hành chức vụ, tự trong lòng ông tán thành việc làm hung ác này, nghĩa là ông cũng nuôi trong lòng một sự hung ác tương đương với phong tục bỗ xứ của ông, thì chắc chắn là ông phải chịu quả báo.

Vấn đề này được giải đáp một cách mỹ mãn trong kinh Bhagavad Gita của Ấn Độ: "Làm mà như không làm, tuy hữu vi mà vô vi, nghĩa là làm một cách vô tư, với một tinh thần giải thoát, không bám víu, không vụ lợi; đó tức là cái bí quyết của sự hành động cao thượng, siêu thoát, và không gây nên nghiệp quả... "

Thậm chí đến tình thương cũng phải là một tình thương vô tư, không tha thiết, không chiếm

hữu, một tình thương siêu thoát, chứ nếu không, nó sẽ tạo nên những sợi dây trời buộc trong kiếp sau. Nếu người đao phủ xứ Ba Tư kể trên chỉ thừa hành chức vụ với một tinh thần hy sinh theo như việc làm của những nhà hiền triết thời xưa, không thỏa mãn dục vọng riêng, không có lòng hung dữ bạo tàn và đàn áp kẻ khác, thì ông sẽ không gây nên ác quả. Theo lý luận đó, vì lẽ người ấy đã bị quả báo mù mắt trong kiếp này, nên ta có thể kết luận rằng ông đã nuôi thói hung ác trong khi thừa hành chức vụ, theo phong tục bản xứ của y.

Trong chương mười một, chúng ta đã thấy rằng sự hiểu biết về Luật Nhân Quả không khỏi làm cho người ta băn khoăn lưỡng lự trước một vài vấn đề xã hội, và không biết sẽ hành động như thế nào cho hợp lý. Chúng ta đã thấy rằng trong nhiều trường hợp, sự lạm dụng quyền năng trong những kiếp quá khứ đã đưa đến cảnh nghèo khổ, khó khăn trắc trở trong kiếp hiện đại. Nếu phần nhiều sự đau khổ buồn rầu của con người đều do bởi những việc làm ác của họ gây nên trong quá khứ thì ta phải đối xử thế nào với những kẻ hoạn nạn khốn cùng? Ta phải có thái độ như thế nào đối với hoàn cảnh khó khăn đau khổ của kẻ khác? Ta có nên ngảnh mặt làm ngơ và nói như thế này chăng:

"Này ông bạn ơi, ông bạn đau khổ vì quả báo của ông bạn tự gây ra, chứ không phải oan uổng gì đâu. Tôi không còn quyền can thiệp vào sự hành động của Luật Nhân Quả."

Ta có nên nghĩ rằng sự thiện cảm là một thái độ trái mùa, và lòng nhân từ là một điều không phải chỗ của nó trước sự hành động vô tư của Luật Nhân Quả hay chẳng? Có lẽ ta không nên giải đáp những câu hỏi đó một cách hấp tấp vội vàng, và với một sự cảm tình bông bột. Chúng ta biết rằng một kẻ sát nhân nguy hiểm sẽ không học được bài học của y, nếu vì lòng nhân hậu quá đáng, người ta để cho ông được tự do có điều kiện sau một thời gian giam cầm ngắn ngủi. Chúng ta biết rằng một người học trò dốt không thể học hết chương trình lớp học của y, nếu ông giáo sư quá dễ dãi để cho y về sớm ba giờ mỗi ngày. Chúng ta biết rằng một đứa trẻ không thể biết vâng lời, nếu người mẹ luôn luôn bênh vực con, không để cho nó chịu hình phạt nghiêm khắc và roi vọt của người cha. Chúng ta biết rằng những khó khăn trắc trở và đau khổ của người đời, dưới hình thức những tật nguyên, tại nạn, nghèo khổ... Thật ra là sự biểu hiện ý muốn cải thiện và giáo dục của Thiên Liêng. Như vậy, làm sao ta dám can

thIỆP VÀO SỰ HÀNH ĐỘNG CỦA THIÊN Y, VÀ PHÁ LUẬT LỆ THIÊN NHIÊN?

Thí dụ, chúng ta thấy một người kia sống trong cảnh làm than khổn khổ, nghèo nàn cơ cực, với một thân hình tàn phế, tật nguyền, chúng ta không khỏi động lòng thương hại. Nhưng nếu chúng ta xét mọi sự theo khía cạnh Nhân Quả, chúng ta cũng có thể nhìn thấy con người bất hạnh ấy dưới một hình thức khác. Chúng ta có thể nhìn về dĩ vãng và tưởng tượng người ấy trong một vai trò khác, với một bộ y phục khác và sống trong một thời đại khác hơn bây giờ.

Chúng ta có thể tưởng tượng con người vô phước ấy dưới những nét của một vị lãnh chúa nước Nga hồi thời Nga Hoàng; một vị lãnh chúa có một thân hình cao lớn, lực lưỡng, khỏe mạnh, nhưng lại hung tợn, độc ác và vô nhân đạo. Với những tài sản khổng lồ, giàu sang không kể xiết, ông đã tỏ ra lạnh nhạt đứng trước sự đau khổ của những người nông dân đã làm việc cặm cụi suốt đời để làm giàu cho y. Với một thân hình tráng kiện, sức khỏe dồi dào, ông ra hiên ngang hống hách, khinh thường những kẻ yếu đuối, đối xử tàn nhẫn với đàn bà, trừng phạt thẳng tay không chút lòng thương xót đối với những kẻ đã làm mất lòng ông. Đó là hình

ảnh cho người của ông trong kiếp trước. Nhìn chung quanh ông, ta thấy những nạn nhân của ông đang sống vất vưởng, dở chết dở sống trên những vùng hoang vu lạnh lẽo ở xứ Tây Bá Lợi Á, do bởi ông đã dùng quyền lực áp chế để đày ải họ sang xứ này. Ta thấy những trẻ con xanh xao gầy còm, mặt mày ngơ ngác vì đói lạnh, bởi cha mẹ chúng là những nông dân nô lệ, suốt đời phục dịch vị lãnh chúa tàn bạo, nhưng vẫn không đủ cơm ăn áo mặc, vợ con phải chịu đói rách quanh năm.

Khi chúng ta nhìn thấy cảnh tượng kiếp trước của người ấy như thế, một cảnh tượng có thể diễn ra ở bất cứ nơi nào trên thế giới, trong những thời đại đã qua, thì chúng ta biết rằng ông sẽ có lúc phải trả quả báo về những tội ác của ông đã làm. Và ngày nay, chúng ta đã gặp lại ông trong bộ áo của một kẻ hành khất khốn khổ làm than, thân hình tàn phế, chúng ta có thể nào còn thương hại ông được chăng? Gặp cảnh này, chúng ta đã đứng trước một vấn đề tâm lý, luân lý và xã hội có một tầm quan trọng rất lớn, một vấn đề mà chúng ta cần phải hiểu rõ trong việc xử thế hằng ngày. Người ta đã tìm thấy một phương pháp giải quyết vấn đề này trong chế độ xã hội của một xứ trên thế giới là xứ Ấn Độ.

Vấn đề mà chúng ta nêu ra khi chúng ta vừa mới chấp nhận thuyết Luân Hồi, người Ấn Độ đã từng biết rõ từ bao nhiêu thế kỷ về trước. Người Ấn Độ đã giải quyết vấn đề này bằng cách không can thiệp vào sự hành động của luật nhân quả. Điều này giải thích một phần lớn thái độ thản nhiên của họ đối với những kẻ đau khổ, hoạn nạn, khốn cùng, và cách đối xử đặc biệt mà họ dành cho những người thuộc gia cấp cùng đinh (paria)

Chế độ giai cấp ở Ấn Độ vốn căn cứ trên pháp luật của đức Manou, một luật gia và triết gia danh tiếng của Ấn Độ thời cổ. Cũng như Platon, Ngài tuyên bố rằng theo luật tự nhiên, xã hội loài người chia ra từng thành phần, tùy theo công việc hay chức nghiệp của mỗi người. Điều huấn thị này về sau trở nên một tập quán xã hội, và tập quán đó dần dần kết tinh lại thành ra một trật tự về giai cấp. Truyền thống, phong tục và thói dè đoan của một dân tộc gồm đến chín mươi phần trăm những kẻ thất học, đã làm cho tập quán nói trên trở thành bất di dịch, không thể sửa đổi.

Giai cấp hạ tiện gồm thành phần những người làm những công việc ti tiện, thấp kém nhất trong xã hội. Giai cấp này về sau trở nên thành phần "Bất khả tiếp xúc" (intouchable), do

sự lý luận rằng nếu họ đầu thai làm những người thuộc giai cấp hạ tiện đó, là để trả quả báo về những việc làm xấu xa và tội ác của họ trong một kiếp trước. Bởi sử lý luận đó, người ta không can thiệp vào luật Trời khiến cho họ phải làm than khổ sở, mà cứ đứng dưng trước sự hành động tự nhiên của Luật Quả Báo.

Nếu chúng ta chấp nhận lý lẽ thứ nhất của người Ấn Độ, theo đó Luật Nhân Quả đặt để ta vào một hoàn cảnh hay thân phận thích nghi, tương xứng với nghiệp quả của mình, và nếu chúng ta cũng chấp nhận luôn lý lẽ thứ hai của họ về đẳng cấp trong xã hội, thì ta thấy rằng lập luận của họ rất vững chắc và rất có lý. Lập luận ấy dầu rằng có cái lý lẽ vững chắc, nhưng nếu nó đưa chúng ta đi đến kết luận là phải đứng dưng trước sự đau khổ của kẻ khác, thì đó thật là một điều đáng buồn! Tuy thế, ta cũng thấy có những người luôn luôn cố gắng hoạt động trong các công trình cứu tế để làm dịu bớt sự đau khổ của nhân loại. Đó là bởi vì họ có lòng nhân từ bác ái đến một mực độ rất cao.

Thấy vậy, lòng bác ái tức là tình thương bao la phủ nhận lý luận của những kẻ thần nhiên, bất can thiệp, mặc dầu lý luận này bề ngoài dường

như có lý. Chính đó là ý nghĩa lời răn dạy của đấng Christ, vì Ngài đã dành trọn cuộc đời để đi truyền giáo và chữa bệnh cho người thể gian mê lầm và đau khổ. Cuộc đời của đấng Christ đã chứng minh rằng dầu cho tội lỗi của con người nặng đến đâu, ta cũng phải luôn luôn đưa ra một cánh tay cứu giúp.

Cuộc đời của ông Edgar Cayce tuy không thể đem so sánh với đấng Christ, nhưng ông cũng là một người cái tinh thần cứu độ chúng sinh giống như đấng Christ, vì trong bốn mươi năm, ông đã hoạt động với một tấm lòng nhiệt thành và bác ái để cứu giúp những người đau khổ từ thể xác đến tinh thần. Những cuộc soi kiếp của ông Cayce đều xác nhận rõ ràng quan niệm này, là đời người bị chi phối và cai quản bởi một định luật rất khoa học, đó là Luật Nhân Quả mà phương Đông đã biết rõ từ lâu đời. Đồng thời, những cuộc soi kiếp đó cũng xác nhận định luật bác ái nhân từ và lý tưởng phụng sự, là những điểm cốt yếu trong giáo lý của mọi tôn giáo.

Không cần biết về tội lỗi của người khác ra sao trong những kiếp quá khứ, chúng ta nên cố gắng giúp đỡ họ, và đừng làm tưởng rằng làm như thế, chúng ta có thể can thiệp vào sự hành động của Luật Nhân Quả. Ngoài ra, chúng ta

nên hiểu rằng dừng dừng nguội lạnh trước sự đau khổ của kẻ khác cũng là một tội ác mà chúng ta phải chịu quả báo về sau này. Một khía cạnh khác của vấn đề tế nhị này là con người có quyền tự do ý chí trong mọi hành động, và không phải tất cả mọi việc lớn nhỏ trong đời đều đã được định sẵn từng chi tiết theo một cái định mệnh bất di dịch.

Bởi đó, sự cố gắng của chúng ta để giúp đỡ một người đau khổ hoạn nạn, không phải chỉ là một kinh nghiệm bản thân cần thiết cho ta để tự cải thiện lấy mình trong sự thực hành tình bác ái mà thôi, nó còn là một điều quý báu có thể làm thay đổi cả một thái độ tinh thần, và cả một cuộc đời của đương sự. Xét cho cùng, ta nên hiểu rằng nghiệp quả là do tư tưởng tạo nên. Sự sinh hoạt trái đạo, cách xử thế sai lầm, nguyên nhân là do sự lầm lạc trong tư tưởng. Bởi đó, người ta chỉ có thể hoàn toàn thay đổi thái độ đối với cuộc đời bằng ách hoàn toàn cải tạo tư tưởng. Những cuộc soi kiếp của ông Cayce đã tuyên bố một cách rất đúng rằng tư tưởng chính là sức mạnh sáng tạo, và trừ phi có sự thay đổi tư tưởng ở tự nơi mình, người ta không thể nào cứu chuộc và sửa đổi lại những nghiệp quả xấu đã gây từ trước.

Hiểu theo một ý nghĩa thần bí, các tôn giáo cho rằng Thượng đế sáng tạo ra con người; những theo ý nghĩa thiết thực thì con người tự sáng tạo lấy mình! Luật Nhân Quả là cái định luật theo đó con người tự tạo nên cái thân phận sang hèn, may rủi, tốt xấu, vui buồn của chính mình. Luật Nhân Quả đặt con người trong sự kiểm tỏa, trói buộc và đặt ông trong vòng kỷ luật để cho ông tự tu tiến lấy bản thân, nhưng đồng thời nó cũng là kẻ giải phóng và là một người bạn tốt. Biết rõ điều này, người Phật tử luôn luôn giữ thái độ hồn nhiên, thanh thoát trước mọi nghịch cảnh, mọi nổi thăng trầm chìm nổi của cuộc đời và nói: "Phật Pháp là chỗ trú ẩn của ta"

Đối với những người thông hiểu mục đích tốt lành của mọi định luật thiên nhiên trong Trời Đất, thì câu nói đó cũng có ý nghĩa đầy đủ với những tính cách an ủi và khích lệ như câu tương tự của người tín đồ Gia Tô Giáo: "Chúa Trời là niềm vui, là Ánh Sáng, và là đấng Che Chở của ta"

Chương 24: Một Phương Châm Xử Thế

Trong thời gian chữa bệnh giúp đời, ông Cayce đã nhận được nhiều thư tín từ khắp nơi

trên thế giới gửi đến. Đọc những bức thư đó, người ta không khỏi lầy lăm buồn tủi, ghen ngào và động lòng trắc ẩn trước bao nỗi đoạn trường, đau khổ, làm than của nhân loại. Ông Cayce đã không quản công lao khó nhọc, làm việc không tiếc thân, bất kể ngày đêm, để giúp đỡ tất cả mọi người bằng những cuộc soi tiền kiếp, giúp đỡ và bày vẽ phương pháp điều trị bệnh tật, cùng phương pháp giải quyết những nỗi khó khăn đau khổ trong cuộc đời của họ.

Có những bức thư trình bày những nỗi thắc mắc, băn khoăn của đương sự, chẳng hạn như của một thiếu phụ viết như sau: "Tôi tự hỏi không biết ông có thể dành cho tôi một cuộc soi kiếp để giúp ý kiến về đời sống tình cảm của tôi chẳng? Tôi thật không còn biết tính sao? Tôi muốn tái giá và hy vọng có một gia đình ấm cúng, hạnh phúc, nhưng tôi e ngại không biết có lầy được người chồng vừa ý hay không, hay là có lẽ tôi không nên nghĩ đến việc tái giá nữa? Và chắc có lẽ cũng không có ai thương yêu tôi?"

Một người đàn bà khác viết: "Làm sao cho chồng tôi thay đổi tính tình, để cho gia đình tôi được sống trong bầu không khí yên vui và hạnh phúc?"

Những người viết thư bày tỏ tâm sự, dầu là thông minh hay dốt nát, giàu hay nghèo, sang

hay hèn, tất cả đều tiết lộ cho ta thấy sự thối nát bản khoả của nhân loại. Dầu họ là những người nhút nhát, tánh tình khếp chặt, cô đơn, bệnh tật, thất bại trên đường đời hoặc gia đình rối rắm, họ đều có một nguyện vọng chung, là cải tiến tình trạng hiện tại để làm cho số phận của họ trở nên tốt đẹp hơn. Trong hầu hết mọi trường hợp, họ đều được cho biết rằng nguyên nhân tình trạng đau khổ của họ là do chính họ tự gây ra. Đó là điểm đầu tiên mà đương sự phải nhìn nhận. Xét cho cùng, mỗi người tự tạo lấy những khó khăn đau khổ cho mình, và bởi đó chính họ phải tự giải quyết những nỗi khó khăn đau khổ đó.

Bất luận sự khó khăn trắc trở đó như thế nào, như khổ về sự cô đơn; hoặc vì người chồng tánh tình xung khắc, không thể cùng nhau hòa hợp; vì một đức con hư hỏng; một hoàn cảnh chật hẹp tù túng chẳng hạn; chúng ta chỉ có thể vượt qua được sự khó khăn bằng cách tự sửa đổi lấy tâm tính của mình. Điều cần phải sửa đổi, chính là cái thái độ tinh thần và cách xử thế hằng ngày của chúng ta vậy. Hãy dẹp bỏ tánh hay chỉ trích, chê bai, saun sàng lên án những người chung quanh, tánh thù vật, kiêu căng, ngã mạn, dửng dưng, lạnh lùng. Hãy trừ bỏ thói ích kỷ, khinh mạn, đổ ky. Những khó

khăn chướng ngại của ta chỉ có thể giải quyết được bằng cách tu sửa tánh tình, tập lấy những đức tính tốt lành, nhân đức, thuộc về địa hạt tâm linh.

Sự giáo dục tâm linh và thay đổi thái độ trong cách xử thế hằng ngày phải được đặt trong khuôn khổ một sự hiểu biết sâu xa về Vũ Trụ, cùng những mối liên quan về Vũ trụ và Con Người. Quan niệm do biểu lộ rõ rệt trong các tập hồ sơ Cayce và những cuộc soi kiếp mà ông đã thực hiện cho hằng trăm người. Quan niệm ấy gồm có những đường lối đại cương như sau:

Có một Quyền Năng Sáng Tạo vô biên mà người ta gọi là Thượng Đế.

Mỗi linh hồn là một phần tử của Thượng Đế.

Đời người có một mục đích, và diễn ra một cách liên tục. Đời sống con người vẫn tiếp tục luôn luôn sau khi chết.

Đời người được cai quản bởi những định luật Luân Hồi và Nhân Quả:

"Thực hiện lòng bác ái tức là thuận theo Cơ Trời."

"Ý chí con người tạo nên định mệnh"

"Tư tưởng có một quyền năng sáng tạo."

"Sự giải đáp cho mọi vấn đề khó khăn là ở tự nơi linh hồn mỗi người... "

Căn cứ trên những điều ấy, là những điều răn dạy sau đây:

"Ta hãy bắt đầu tìm hiểu những mối tương quan giữa mình và những Sức Mạnh Sáng Tạo của Vũ Trụ, hay Thượng Đế."

"Ta hãy đặt mục đích và lý tưởng trong đời mình, và hãy cố gắng thực hiện những lý tưởng đó."

"Hãy hoạt động, kiên nhẫn, và vui vẻ luôn luôn."

"Đừng nghĩ đến kết quả của việc làm, hãy dâng mọi kết quả lên Thượng Đế."

"Đừng trốn tránh những khó khăn xảy đến cho ta"

"Hãy làm mọi việc lành để giúp đỡ kẻ khác."

Nhiều người phương Tây không chấp nhận quan niệm của những tôn giáo Phương Đông về Vũ trụ và nhân sinh, nhưng quan niệm này đã được những cuộc soi kiếp của ông Cayce xác nhận. Tuy nhiên, mặc dầu họ không thể chấp nhận quan niệm đó vì thiếu bằng chứng khoa học xác đáng, chặt chẽ hơn là những bằng chứng trong hồ sơ Cayce, họ cũng không thể phủ nhận một cách dễ dàng tánh cách đúng đắn, hợp lý và làm thỏa mãn lý trí của thuyết Luân Hồi, cùng lập luận vững chắc và thỏa đáng của thuyết ấy trên các phương diện tâm lý, luân

lý và khoa học. Đối với người nào có thể chấp nhận thuyết Luân Hồi, thì nó đem lại cho họ một lẽ sống mới, một kim cỉ nam để soi hướng và đi đúng đường trên đường đời, và một sự quả quyết chắc chắn rằng họ sẽ không bị lạc bước trong chốn mê mờ gồm những sức mạnh tối tăm, cuồng loạn, và không mục đích.

Chương 25: Kết luận

Trong những trang vừa qua, chúng ta đã đi hết một quãng đường dài, bắt đầu từ một câu chuyện nhỏ xảy ra trong một phòng khách sạn ở Dayton, Ohio, Hoa Kỳ, khi ông Edgar Cayce dùng Thần Nhãn trong lúc thôi miên, lần đầu tiên cho biết Luân Hồi là một điều có thật trong cõi Thiên Nhiên. Câu chuyện ấy và những chuyện tương tự khác nối tiếp theo sau về vấn đề Luân Hồi có vẻ dường như một nền tảng chưa đủ vững chắc để xây dựng trên đó cả một tòa lâu đài tâm lý và triết lý mà chúng ta đã thấy những nét đại cương trong quyển sách này. Tuy nhiên, xét về lịch sử khoa học, người ta thấy rằng những sự phát minh lớn lao làm đảo lộn cả một thế hệ, dường như chỉ bắt đầu bằng những câu chuyện nhỏ nhặt vô lý. Một cái đui ếch bị điện giật và một mẩu bánh mì mốc meo dường như

là những sự vật quá nhỏ mọn không đủ dùng để phát minh ra bình điện khí và thuốc trụ sinh (Penicilline) nhưng sự thật đó chính là những nguyên nhân đưa đến hai sự phát minh kỳ diệu trên. Một ngọn đèn lồng đưa lửng lảng trong một nhà thờ cổ ở một làng nhỏ bên Ý đã đưa ông Galilée đến việc phát minh ra một đồng hồ thiên văn. Một bồn nước tràn đã giúp cho ông Archimede tìm ra một định luật quan trọng về áp lực của chất nước.

Lịch sử đã đưa đến cho ta nhiều thí dụ tương tự. Chúng ta phải nhìn nhận sự thật có thể tìm ra được từ những chỗ rất giản dị tầm thường, và chúng ta cũng sẽ không ngạc nhiên mà thấy người học thức ít ỏi, không tài ba, thiếu văn hóa, nằm trong giấc ngủ thôi miên, lại có thể đưa ra những bằng chứng quan trọng để chứng minh cho một thuyết căn bản lạ lùng về đời sống con người.

Chúng ta hãy tóm tắt những gì đã chứng minh cho sự thật của những cuộc soi kiếp của ông Cayce, ngoài ra vô số những bằng chứng hiển nhiên khác về sự thật của hiện tượng Thần Nhãn. Có tất cả bảy điểm chính sau đây:

1.- Sự phân tách tâm lý và diễn tả hoàn cảnh bên ngoài của những người hoàn toàn xa

lạ Ở cách xa hàng trăm cây số; và trong hàng ngàn trường hợp, đã tỏ ra đúng ý như thật.

2.- Sự tiên đoán về những thiên tư, khả năng và những điểm khác của đương sự, đã được chứng thực trong nhiều năm sau, không những cho người lớn, mà cũng cho trẻ sơ sinh.

3.- Những đặc điểm về tánh tình của đương sự được truy nguyên một cách hợp lý từ những kinh nghiệm thâm nhập ở các kiếp trước.

4.- Những lời tiên đoán đều đúng và không hề trái ngược nhau, không những trên nguyên tắc đại cương mà thôi, mà cũng trong từng chi tiết nhỏ nhặt, trong hàng trăm các cuộc soi kiếp khác nhau, và ở những thời kỳ khác nhau.

5.- Những tài liệu lịch sử lu mờ đã được kiểm điểm lại bằng cách tra cứu các văn khố; những tên tuổi của các nhân vật vô danh đã được tìm thấy tại những địa điểm mà các cuộc soi kiếp đã nêu ra.

6.- Những cuộc soi kiếp cùng những lời khuyên mà đương sự đã chấp nhận và nghe theo, đã giúp cho nhiều người thay đổi cuộc đời của họ về các phương diện tâm lý, nghề nghiệp, và sức khỏe thể chất.

7.- Những lời khuyên nhủ và răn dạy có tính cách triết lý và tâm lý trong các cuộc soi kiếp đều hợp với lẽ Đạo, đúng như nền Đạo lý cổ

truyền đã từng đem giảng dạy ở Ấn Độ từ nhiều thế kỷ.

Nói tóm lại, đó là bảy điều quan trọng chứng minh cho những cuộc soi kiếp bằng Thần Nhãn của ông Cayce, và xác nhận sự thật về thuyết Luân Hồi. Người ta có thể cho rằng đó chưa phải là những bằng chứng cụ thể và mười phần xác đáng, nhưng nó vẫn có giá trị không kém. Dầu cho lập luận khoa học chứng minh rằng Trái Đất tròn, thì đó cũng chỉ là một sự phỏng đoán mà thôi, chứ chưa có ai đã thật sự thấy tận mắt hình tròn của Trái Đất. Sự thật về hạt nguyên tử cũng chỉ là một sự phỏng đoán, chứ chưa có người nào đã thấy tận mắt một hạt nguyên tử. Tuy vậy, căn cứ trên những sự ước đoán đó, người ta đã đi du lịch vòng quanh Trái Đất, và đã chế tạo quả bom nguyên tử, mà ảnh hưởng tàn phá mãnh liệt của nó, không ai có thể chối cãi là không có! Như vậy, thật không phải là một điều không tưởng quá đáng mà nói rằng người ta nên bắt đầu có những cuộc sưu tầm và thí nghiệm khoa học về thuyết Luân Hồi, căn cứ trên những cuộc soi kiếp bằng Thần Nhãn của ông Cayce.

Những người chủ trương thuyết Luân Hồi chỉ có thể hy vọng rằng những ai muốn tìm sự

giải đáp thỏa đáng cho những điều bí ẩn của đời người, hãy chấp nhận thuyết Luân Hồi như một nguyên tắc cốt yếu cho sự tìm tòi của họ. Họ hãy sống với thuyết ấy, hãy cư xử, hành động thuận chiều với nó trong một thời gian, họ hãy tự xét mình, xét người chung quanh, và nhìn xem cuộc đời thế gian theo những nguyên tắc giản dị nhưng rất có ý nghĩa của thuyết Luân Hồi, rồi họ sẽ nhận thấy rằng đâu là Chân Lý.

Nếu quả thật thuyết Luân Hồi là một định luật của nhân sinh, do đó con người tiến hóa và trở nên Toàn Thiện; nếu quả thật đó là Chân Lý giản dị của cuộc đời, và là cái bí quyết then chốt của sự sống và của vấn đề đau khổ, thì đây là một sự kiện mới, có thể làm đảo lộn trào lưu tư tưởng của thế hệ, và làm thay đổi được cuộc đời của một số rất đông người.

Sự hiểu biết về định luật Luân Hồi sẽ đem đến cho chúng ta một nguồn khích lệ và can đảm. Nó cũng đem đến cho ta một viễn ảnh mới mẻ, tốt đẹp và huy hoàng về Vũ Trụ Nhân Sinh; một sự hiểu biết sâu xa, tế nhị và thâm trầm về cuộc đời, để giúp chúng ta có thể chịu đựng một cách vui vẻ, bình tĩnh và hồn nhiên, tất cả mọi sự thử thách đắng cay và đau khổ của định mệnh.

Hết

*Trích bài kệ trong Kinh Chánh
Pháp Sanghata:*

“Được Quân, tương tự như vậy, Như lai là người đốt tan mọi phiền não, chữa lành mọi bệnh khổ. Như người kia nhà cháy thân cũng cháy, vì bình an phúc lạc của chúng sinh mà giải thoát tất cả ra khỏi vòng tù tội, Như lai cũng vậy, xả bỏ mọi ô nhiễm tham sân si, xuất hiện trong cõi thế như ngọn đèn soi sáng chúng sinh, giải thoát tất cả ra khỏi địa ngục, ra khỏi thân súc sinh, qui đỏi (ngựa quỉ) hay a tu la. Chúng sinh ít tuổi hay nhiều tuổi, Như lai đều giải thoát cả.”

Khi ấy trên không rải xuống âm thanh hát lời kệ,

“Ruộng phúc tuyệt hảo

Rộng phúc tối thắng

Đã khéo bày mở,

Hạt giống gieo vào

Không bị mất đi.

Ruộng phúc Phật đà,

Cõi Phật thanh tịnh,

Khai mở chính Pháp

Của đấng Đại Hùng.

Đạo sư vận dụng

Kho tàng trí tuệ,

Độ dẫn chúng sinh

Vào cõi niết bàn.

Xuất hiện cõi thế,

An lạc cõi trần,

Thanh tịnh cõi Phật,

Những người nhiều tuổi

Cũng người ít tuổi

Trong toàn ba cõi

Đều được cứu thoát

Ra khỏi luân hồi.

Phật đóng tất cả

Cửa vào địa ngục,

Cửa vào súc sinh,

Cửa vào ngựa quỉ,

Nhờ đó thế gian

Cũng cỡi xuất thế
Đều được thanh tịnh.”

- Đức Phật nói về công đức được đọc tụng, nghe Kinh Chánh Pháp Sanghata:

Bây giờ tất cả Bồ Tát có mặt trong Pháp hội cùng đứng dậy, vắt một vạt áo lên vai, gồi bên phải qui xuống đất, thưa rằng, “Thưa Thế tôn, công đức của một đấng Như lai nhiều bao nhiêu?”

Đức Thế tôn trả lời, “Này các thiện nam tử, các ông hãy lắng nghe, Như lai sẽ nói cho các ông biết lượng công đức của một đấng Phật đà. Lấy ví dụ đại dương có bao nhiêu giọt nước, cõi thế gian có bao nhiêu hạt cát, công đức của ngàn ấy Bồ Tát thập địa vẫn không thể sánh với công đức của một đấng Như lai. Và công đức của người nghe Chánh Pháp Sanghata lại còn nhiều hơn gấp bội, không thể dùng toán số đếm biết được. Phổ Dũng, vào thời mật pháp, người nào nghe pháp này mà sinh lòng hoan hỉ khát khao Phật Pháp thì công đức vô lượng vô biên.”

-(Trích phần quả báo khi từ bỏ Chánh Pháp): Đại Bồ Tát Phổ Dũng hỏi, “Thưa Thế tôn, từ bỏ khinh rẻ Chánh Pháp thì phải đoạ cõi nào? Phải sinh về đâu?”

- Đức Phật dạy, “Phổ Dũng, khinh rẻ chánh Pháp thì phải tái sinh triền miên không giới hạn, vô lượng kiếp về sau trầm luân trong luân hồi. Phổ Dũng, từ bỏ chánh Pháp thì chịu đờn đau một kiếp trong địa ngục Hào Khiêu; một kiếp trong địa ngục Đại Hào Khiêu; một kiếp trong địa ngục Chúng Hợp; một kiếp trong địa ngục Viêm Nhiệt; một kiếp trong địa ngục Đại Nhiệt; một kiếp trong địa ngục Hắc Thằng; một kiếp trong địa ngục A Tỳ, một kiếp trong địa ngục Đẳng Hoạt; và Phổ Dũng, họ phải chịu khổ đau trong tám đại địa ngục như vậy cho đến tám kiếp.”

- Lúc ấy, Đại Bồ Tát Phổ Dũng nói rằng, “Thưa Thế tôn, thật quá đau khổ. Thưa Thiện thế, thật quá đau khổ. Con không đành lòng nghe.”

Bây giờ, đức Thế tôn nói bài kệ:

“Như lai kể cảnh tượng
Chúng sinh trong địa ngục
Khổ đau như thế nào,

Ông không đành lòng nghe.”
“Nếu làm những điều lành
Sẽ được quả an lạc,
Còn làm những điều dữ
Sẽ gặp quả khổ đau.”
“Không biết tạo nhân vui
Thì sinh trong cõi đời
Bị dày vò nỗi chết,
Ràng buộc trong đốn đau.”
“Ai nhớ Phật tối thắng,
Cây trồng được nhân vui;
Tin tưởng nơi Đại thừa,
Sẽ không sa ác đạo.”
“Phổ Dũng, ông nên biết,
Nghệp cũ không mất đi.
Việc lành dù bé nhỏ,
Quả tốt vẫn vô lường.”
“Nơi ruộng phúc của Phật,
Là ruộng phúc tối thượng.
Dù chỉ gieo một hạt,
Thu hoạch cũng lớn lao.
Hái được bao hoa trái,
Do trồng vài hạt mầm.
Ai hoan hỉ chánh Pháp,
Sẽ luôn được yên vui,
Sẽ lia bỏ việc ác,
Làm hết những điều lành.
Dù cúng dường Phật Pháp
Vòn vẹn một mảy lông,
Đến tám mươi ngàn kiếp
Tài sản luôn dồi dào,
Dù sinh ra ở đâu
Cũng siêng năng bố thí.
Do cúng dường Phật Bảo,
Thiện nghiệp nhiều vô tận.”

1 Bài kệ trong kinh chánh pháp sanghata

Nếu ngu si vô trí
Lại được gặp bạn ác

Rộng tạo nhân ô nhiễm
Là các việc tham dục
Càng khởi thêm ngã kiến
Phá hòa hợp tăng già
Hủy hoại chùa và tháp
Chẳng tin sâu Tam Bảo
Chỉ tạo các ác nghiệp
Chẳng tạo nhân duyên lành
Trong tất cả mọi thời
Thường phạm các lỗi lầm
Làm nã loạn mẹ cha
Không sanh tâm hiếu kính
Nói ra lời vô pháp
Khinh chê bậc hiền thiện
Vì tạo nhân ác nầy
Phải đọa xuống Địa-ngục
Thân phải chịu khổ nã
Không ai cứu giúp được
Ngục hãi hùng, ép nát
Nóng cháy và vô gián
Trong các ngục như vậy
Lần lượt chịu các khổ
Vừa từ ngục lớn ra
Lại vào trong ngục nhỏ
Là hoa sen đao binh
Bị thọ khổ liên tục
Ngục lớn nhỏ như vậy
Có vô số chúng sanh
Tùy nhân duyên nghiệp mình
Mà thọ báo nặng nhẹ
Hoặc trăm kiếp ngàn kiếp
Hoặc thời gian lâu dài
Dây ác nghiệp trói buộc
Không thể nào thoát khỏi
Trong địa-ngục đao binh
Rộng đến trăm do-tuần
Không thấy cửa ra ngục
Chỉ thấy người khổ thọ khổ
Số trăm ngàn câu chi
Rừng gươm và núi đao

Xua đuôi tội nhân vào
Thân thể bị chặt đứt
Tạm thời tuy chết đi
Gió nghiệp lại thổi đến
Tức thì sống liền lại
Phải chịu các khổ não
Địa-ngục không ngăn mé
Chúng sanh cũng vô cùng
Do nhân duyên ác nghiệp
Liên tục không gián đoạn
Người tạo các ác nghiệp
Phải đọa vào địa ngục
Ngày nay thiện tri thức
Nghe nói nghiệp đã tạo
Ta từng khởi tâm tham
Tạo nhà cửa cao lớn
Tô vẽ và chạm trổ
Vàng ngọc dùng trang trí
Lại làm các vườn hoa
Kho tàng với sản nghiệp
Nuôi các loại trâu ngựa
Dùng phục vụ đời sống
Cha mẹ và quyến thuộc
Số nội ngoại rất nhiều
Tôi tớ và kỹ nữ
Số ấy nhiều vô cùng
Thường khiến suốt ngày đêm
Tấu các thứ âm nhạc
Chỉ để mình vui thích
Không nhớ người khác khổ
Coi thường kẻ nghèo khó
Tạo các thứ trang nghiêm
Những đồ vật sử dụng
Toàn vàng bạc châu báu
Dùng dầu thơm tắm rửa
Lại thoa các hương thơm
Long não và chiên đàn
Cùng các loại xạ hương
Dùng nước hoa tắm xong
Tiếp theo là trang điểm

Tay mang xuyên đeo nhẫn
Đều làm bằng châu ngọc
Dùng trân châu anh lạc
Đề trang nghiêm nơi cổ
Chơn kim đẹp tối thượng
Dùng làm đôi bông tai
Trang nghiêm thân thể xong
Đầu cài các hoa đẹp
Tô-ma-na , chiêm bà
Cùng các thứ hương lạ
Lại mặc y phục đẹp
Bằng dạ mềm tối thượng
Trắng tinh lại thanh khiết
Xông ướp bằng hương thơm
Ăn uống vị ngon bỏ
Ngọt ngào lại thơm tho
Người hầu dâng thức cần
Không hề thấy đói khát
Mặt đất trái chiếu đẹp
Đi trên đó dạo chơi
Hai bên có người hầu
Tự tại lại tôn quý
Trang sức rộng như vậy
Đề thân được yêu thích
Thường luyện tiếc gìn giữ
Không sanh tướng phá hoại
Đã đầy đủ giàu sang
Không còn nghĩ gì khác
Buông lung tâm nhiễm dục
Tạo lầm lỗi bất thiện
Mắt tham đắm cảnh sắc
Các căn khác cũng vậy
Họ vì nhân lỗi lầm
Tự chẳng thể hiểu rõ
Chỉ biết nơi thấy nghe
Các phiền não tùy sanh
Ở trong cảnh thuận nghịch
Khởi dậy tham giận si
Các xúc thật mềm dịu
Thân tâm xúc sanh ái

Tưởng ái ấy đã sanh
Đều tạo các nghiệp tội
Ta đã từng có lúc
Vô có hại hữu tình
Dùng tên bản thân nai
Khiến cho nó phải chết
Chỉ lấy thịt để ăn
Chẳng nghĩ trong đời sau
Quả báo phải tự thọ
Không ai thế ta được
Ta ngu si vô trí
Chỉ muốn nuôi thân mình
Ngày kia chết, khổ đến
Thức diệt thân hư nát
Chỉ nhóm các khổ não
Chẳng có gì khả ái
Cha mẹ cùng thân quyến
Nhìn nhau chẳng cứu được
Lương y và thuốc tốt
Cũng chỉ uổng công sức
Những tặng thêm phiền não
Không cách nào cứu được
Khi mạng ta chấm dứt
Bỏ nơi bãi tha ma
Bị các trùng chim thú
Ăn uống thật no nê
Tất cả vô sở hữu
Hiện tiền là không huyễn
Các cảnh đều là không
Duy quả báo chẳng mất
Bây giờ biết nương đâu
Chỉ nương tựa thiện pháp
Như ta tạo nhân ác
Sẽ đọa xuống địa ngục
Rộng tích chứa tội nghiệp
Sau tùy sanh khổ não
Ấy ở trong ba đời
Phá hoại giống thiện pháp
Thọ tướng hai pháp hành
Dùng các xúc làm nhân

Do xúc tâm ái sanh
Nên buồn khổ trôi buộc
Thiện pháp như thuốc hay
Hay trị tâm tham ái
Tham ái đã không sanh
Các ác mới không tạo
Ta thật không phước huệ
Dối thọ lấy thân người
Phật nói cửa phương tiện
Bồ thí và trì giới
Ta không thể tự làm
Không tùy hỉ thấy nghe
Không thể nghe chánh pháp
Ngu si ngày một tăng
Vô minh và phiền não
Chuyển hóa đến vô cùng
Ngăn nhân duyên thiện pháp
Làm sao được giải thoát
Tâm mê hoặc tán loạn
Không lúc nào yên tĩnh
Lửa phiền não đốt cháy
Bị các thứ trôi buộc
Vói thân chẳng an vui
Chẳng bao giờ thích pháp
Mạng sống sắp kết thúc
Tất cả đều hư nát
Chỉ thẳng pháp chư Phật
Năng cứu khổ chúng sanh
Giới pháp của chân thật
Ai vào được vui lớn
Nhu nghiệp ta đã tạo
Trong lòng rất hối hận
Nay gặp thiện tri thức
Vi vậy nói sự thật .

Sanh là khổ lớn, vì sanh khổ, tạo ra các sự sợ hãi, vì sanh mà lo sợ về bệnh, vì lo sợ về bệnh nên lo sợ về già, vì lo sợ về già nên lo sợ về chết. Sanh vì sao mà sợ? Vì nó bị các khổ bức bách do sanh làm nhân mà có các lo sợ. Nếu không sanh thì làm gì

có lo sợ! Do đó mà có lo sợ về nạn vua quan, về nạn cướp bóc, lo sợ nạn độc ác, lo sợ nạn hỏa tai, lo sợ nạn lụt, lo sợ nạn bão, cho đến lo sợ về nạn mưa đá, cũng lo sợ về nghiệp bất thiện đã tạo. Những lo sợ như vậy đều do sanh mà có. Nếu hiểu biết pháp sanh liền xa lìa các lo sợ.

- Các kinh sách Đại Thừa (như Kinh Chánh Pháp Sanghata, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Mi Đà...)
Quý Đạo hữu có thể tải trực tuyến trên trang <http://chuatantuan.com> trong mục Kinh sách.

MƯỜI CÔNG ĐỨC ẨN TỔNG KINH SÁCH

- Một là, những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.

- Hai là, thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù.

- Ba là, vĩnh viễn tránh được quả báo phiền khổ, oán thù oan trái đời trước cũng như đời này.

- Bốn là, các vị Hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loại dọa dọa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.

- Năm là, tâm được an vui, ngày không việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.

- Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.

- Bảy là, lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.

- Tám là, nguy chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khổ nghèo chuyển thành thịnh đạt.

Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.

- Chín là, vĩnh viễn lìa xa đường ác, sinh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phúc lộc tròn đầy.

- Mười là, hay vì tất cả chúng sinh trồng các căn lành, lấy tâm cầu của chúng sinh làm ruộng phước điền chi mình.

Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sinh ra nơi nào cũng được thấy Phật, nghe Pháp phước huệ rộng lớn, chứng được lục thông, sớm thành Phật quả.

ẤN QUANG TỔ SƯ DẠY

Ấn tống Kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên khi gặp khi mừng thọ, thành hôn, cầu phúc, thoát nạn, sám hối, cầu an, cầu siêu cho các hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ đề ấn tống Kinh sách, để trồng cội phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

Quy Y - Phát Tâm Bồ Đề

Con xin về nương tựa

Nơi Phật Pháp và Tăng

Cho đến khi giác ngộ.

Nhờ tu hành hạnh Thí

Cùng hạnh Toàn hảo khác

Con vì khắp chúng sinh

Nguyện trọn thành Phật đạo.

Kệ hồi hướng

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm cõi Phật tịnh

Trên báo bốn trọng ân

Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Đều phát tâm Bồ Đề
Lúc hết báo thân này
Cùng sinh cực lạc quốc

Quý vị nào muốn phát tâm ấn tống Kinh sách,
tượng Phật, băng đĩa, tranh ảnh, xin liên hệ:

Chùa Tản Viên - Tản Viên Sơn Quốc Tự

- Địa chỉ: Xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành
phố Hà Nội

© Đạo Tràng Tịnh Tông Học Hội Việt Nam -
Chùa Khai Nguyên

- Địa chỉ : Xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây - thành
phố Hà Nội

ĐT: 043 997 0309 – 0913 483 320 – 0167 285 5292
01677253363 - 01676707765

E-mail: chuatanvien@gmail.com -
chuakhainguyen@gmail.com

Website: <http://chuatanvien.com>

Sách ấn tống miễn phí

Thành kính ấn tống